

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4000001 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý hành chính

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAD301

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521020004L	Boualaphanh Chanthavil	.	15/12/1996	1				
2	1421060326	Trần Văn	An	10/03/1996	2				
3	1421030003	Lưu Ngọc	Anh	22/12/1996	3				
4	1524010106	Nguyễn Thị Phương	Anh	11/09/1997	4				
5	1421050265	Nguyễn Tuấn	Anh	25/08/1995	5				
6	1321050011	Trương Việt	Anh	13/03/1995	6				
7	1521080027	Nguyễn Đình	Bắc	25/12/1997	7				
8	1421050280	Dư Văn	Bằng	28/11/1996	8				
9	1631040001	Bùi Tân	Bình	26/08/1993	9				
10	1421030283	Đặng Kim	Chi	10/03/1996	10				
11	1421070187	Lê Sỹ	Công	30/10/1995	11				
12	1221050164	Nguyễn Thành	Công	18/09/1994	12				
13	1321060030	Nguyễn Thành	Công	13/06/1995	13				
14	1321020036	Nguyễn Ngọc	Cường	08/07/1993	14				
15	1321060436	Vũ Quốc	Cường	05/03/1994	15				
16	1321040040	Vũ Văn	Cường	25/09/1995	16				
17	1321060061	Ngô Văn	Đại	10/06/1994	17				
18	1421040398	Chu Phương	Đăng	13/12/1996	18				
19	1321020062	Nguyễn Huy	Đạt	19/12/1995	19				
20	1531040402	Lê Xuân	Độ	30/11/1993	20				
21	1121070006	Nguyễn Văn	Đồng	10/12/1993	21				
22	1421060078	Nguyễn Văn	Đồng	03/03/1995	22				
23	1321010069	Lê Xuân	Duẩn	16/11/1995	23				
24	1621030217	Trần Tiến	Đức	29/04/1998	24				
25	1321050459	Phùng Văn	Dung	31/01/1995	25				
26	1321050051	Vũ Bảo	Dương	15/09/1995	26				
27	1531070014	Vũ Xuân	Dương	27/0/197/	27				
28	1421030038	Nguyễn Đình	Dưỡng	13/05/1995	28				
29	1321040450	Hà Trọng	Duy	22/08/1995	29				
30	1321040452	Trần Ngọc	Duy	11/04/1995	30				
31	1424010283	Hoàng Thị	Giang	01/12/1996	31				
32	1321010135	Bùi Thái	Hải	04/05/1995	32				
33	1424010038	Nguyễn Thiện	Hải	18/05/1996	33				
34	1524010269	Vũ Ngọc	Hân	05/01/1996	34				
35	1321050533	Nguyễn Thị	Hậu	07/03/1994	35				
36	1221030054	Đào Phan	Hiền	28/09/1994	36				
37	1524010033	Nguyễn Trung	Hiếu	09/08/1997	37				
38	1421020359	Nguyễn Văn	Hiếu	16/12/1996	38				
39	1321020099	Trần Trung	Hiếu	27/07/1995	39				
40	1321040101	Nguyễn Duy	Hòa	09/08/1995	40				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4000001 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý hành chính

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAD301

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1421020072	Dương Mạnh	Hùng	12/05/1996	41				
42	1421010142	Nguyễn Việt	Hùng	02/10/1996	42				
43	1521030240	Nguyễn Thị	Huyền	18/01/1997	43				
44	1524010089	Nguyễn Thị Thu	Huyền	06/11/1997	44				
45	1121011031	Đinh Linh	Kha	27/02/1993	45				
46	1321050113	Phạm Văn	Lâm	04/01/1995	46				
47	1524010076	Ngô Ngọc	Lan	16/12/1997	47				
48	1524010248	Trần Thị	Lan	21/05/1997	48				
49	1521030255	Dương Thị Thùy	Linh	03/07/1997	49				
50	1221020090	Lê Ngọc	Linh	22/09/1994	50				
51	1524010006	Nguyễn Phú	Lợi	20/10/1997	51				
52	1321040517	Đỗ Trọng	Long	02/02/1995	52				
53	1321050123	Vũ Đức	Long	20/01/1995	53				
54	1321070117	Nguyễn Ngọc	Mai	28/06/1995	54				
55	1421020106	Vũ Đức	Mạnh	05/02/1996	55				
56	1624010417	Phạm Thị	Mên	19/08/1998	56				
57	1321060570	Vương Hải	Nam	05/02/1995	57				
58	1321040210	Nguyễn Việt	Phương	28/12/1995	58				
59	1524010583	Lương Quốc	Quyền	02/08/1994	59				
60	1421080336	Phạm Văn	Quyết	31/08/1995	60				
61	1524010584	Hoàng Thúy	Quỳnh	24/12/1997	61				
62	1421060322D	Lý Lão	San	03/07/1995	62				
63	1421030166	Nguyễn Thanh	Son	09/10/1996	63				
64	1421030188	Mai Quý	Thắng	18/08/1996	64				
65	1521050484	Vũ Đức	Thiện	30/08/1996	65				
66	1421070125	Giáp Lương	Thuận	29/07/1996	66				
67	1624010458	Nguyễn Minh	Thủy	21/02/1998	67				
68	1524010628	Dương Thị Thanh	Thúy	14/10/1996	68				
69	1521080263	Lưu Thị Thu	Thủy	30/10/1997	69				
70	1321070194	Trần Trung	Toàn	01/10/1992	70				
71	1321010371	Phạm Quỳnh	Trang	27/01/1995	71				
72	1321070679	Phạm Hải	Triều	06/02/1995	72				
73	1321040587	Nguyễn Đình	Trọng	23/01/1995	73				
74	1321010387	Nguyễn Anh	Tú	01/02/1995	74				
75	1631040005	Nguyễn Văn	Tuân	17/11/1976	75				
76	1531060032	Đoàn Anh	Tuấn	10/03/1994	76				
77	1421070133	Hoàng Mạnh	Tuấn	19/06/1995	77				
78	1521060195	Lê Văn	Tuấn	25/09/1997	78				
79	1631060007	Trần Minh	Tuấn	24/01/1992	79				
80	1421060301	Lưu Đức	Tùng	31/07/1995	80				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4000001 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý hành chính

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAD301

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1321070209	Nguyễn Đức	Tường	21/04/1995	81				
82	1524010557	Nguyễn Văn	Tuyến	13/08/1996	82				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4000002 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Tâm lý học đại cương

Ngày thi: 05/08/2017

Phòng thi: HNAA305

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421020211	Lê Duy	Anh	22/11/1995	83				
2	1424010227	Nguyễn Thị Kiều	Anh	07/04/1996	84				
3	1521050321	Nguyễn Thị Lan	Anh	17/06/1997	85				
4	1321020025	Hà Thiện	Cần	26/05/1995	86				
5	1421060025	Phạm Văn	Cánh	22/01/1996	87				
6	1421070187	Lê Sỹ	Công	30/10/1995	88				
7	1321040038	Trần Mạnh	Cường	05/01/1995	89				
8	1421040398	Chu Phương	Đăng	13/12/1996	90				
9	1321040441	Nguyễn Cảnh	Dinh	01/08/1995	91				
10	1421030049	Bùi Đình	Đức	18/01/1996	92				
11	1321070055	Nguyễn Quý	Đức	08/10/1994	93				
12	1421070038	Trần Anh	Đức	04/11/1996	94				
13	1321060442	Nguyễn Tiến	Dũng	22/08/1993	95				
14	1221060254	Trần Đình	Duy	11/02/1994	96				
15	1424010030	Trần Thị	Duyên	11/02/1996	97				
16	1421050056	Lê Thái	Hà	28/07/1996	98				
17	1421070045	Phạm Văn	Hào	05/02/1994	99				
18	1321070495	Trần Công	Hậu	07/04/1995	100				
19	1421010120	Đinh Mỹ	Hoa	16/02/1996	101				
20	1321040490	Cao Vũ Duy	Hoàng	29/10/1995	102				
21	1321060499	Hồ Văn	Hoàng	08/03/1995	103				
22	1321040110	Bùi Đắc	Hồng	31/01/1995	104				
23	1521030128	Vũ Thị Thanh Kim	Huệ	20/03/1997	105				
24	1421060144	Phạm Văn	Hưng	01/12/1996	106				
25	1521060105	Nguyễn Quốc	Huy	22/05/1997	107				
26	1321060512	Trịnh Quang	Huy	28/09/1994	108				
27	1621030161	Nguyễn Thanh	Huyền	06/08/1998	109				
28	1421040434	Mai Khắc	Khải	20/02/1996	110				
29	1421060461	Nguyễn Văn	Khánh	06/12/1995	111				
30	1221050262	Vũ Quốc	Khánh	02/09/1994	112				
31	1421030423	Nguyễn Tùng	Lân	24/07/1996	113				
32	1624010792	Trần Thị	Liên	27/06/1996	114				
33	1424010108	Vũ Thùy	Linh	03/02/1996	115				
34	1321040529	Hà Trọng	Mạnh	10/09/1994	116				
35	1321070587	Lương Văn	Mạnh	28/02/1995	117				
36	1421040181	Nguyễn Đức	Mạnh	20/11/1996	118				
37	1421040187	Mai Ngọc	Minh	02/08/1995	119				
38	1421070092	Vũ Quang	Nghĩa	02/08/1994	120				
39	1421010232	Đặng Hoàng	Nhật	21/04/1996	121				
40	1524010278	Lương Thị Nhâm	Oanh	26/09/1997	122				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4000002 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Tâm lý học đại cương

Ngày thi: **05/08/2017**Phòng thi: **HNAB305**

Tiết bắt đầu:

6Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321010500	Nguyễn Hoàng	Phi	31/07/1995	123				
2	1521050448	Trần Quốc	Phong	22/08/1997	124				
3	1524010109	Nguyễn Thị Hồng	Phước	17/06/1997	125				
4	1524010272	Nguyễn Thị	Phương	06/03/1997	126				
5	1421060213	Vũ Minh	Phương	28/07/1996	127				
6	1321010282	Đỗ Hoàng Hải	Quân	31/03/1994	128				
7	1321060222	Nguyễn Huy	Quang	04/11/1994	129				
8	1524010155	Trần Thị	Quỳnh	08/07/1997	130				
9	1521030032	Chang A	Sa	29/08/1996	131				
10	1421040255	Nguyễn Tiến	Thành	28/06/1996	132				
11	1321060292	Nguyễn Thuận	Thiên	05/04/1995	133				
12	1321050194	Hoàng Sỹ	Thông	03/02/1994	134				
13	1321080105	Nguyễn Thị Huyền	Trang	24/01/1995	135				
14	1421040542	Nguyễn Lê	Trung	23/10/1996	136				
15	1421030589	Phạm Quang	Trung	14/11/1996	137				
16	1631020008	Thịnh Hồng	Trung	18/08/1995	138				
17	1421045010	Nguyễn Doãn	Trường	10/01/1996	139				
18	1421020655	Hà Anh	Tuấn	02/09/1995	140				
19	1421030224	Nguyễn Mạnh	Tuấn	03/07/1995	141				
20	1421070137	Nguyễn Quốc	Tuấn	08/04/1996	142				
21	1421040323	Nguyễn Quý	Tuấn	30/07/1996	143				
22	1321060335	Phạm Công	Tuấn	03/08/1995	144				
23	1421040345	Bùi Tiến	Việt	19/02/1996	145				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4000004 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ sở văn hoá Việt Nam

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAA305

Tiết bắt đầu:

9

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621030052	Lý Minh	Anh	02/05/1998	146				
2	1321060008	Nguyễn Thế	Anh	08/10/1992	147				
3	1321030008	Phạm Việt	Anh	10/08/1995	148				
4	1321030420	Trần Tuấn	Anh	29/10/1995	149				
5	1321010020	Triệu Hoàng	Anh	27/11/1995	150				
6	1321070417	Lê Văn	Bình	13/08/1995	151				
7	1321070422	Hoàng Văn	Chi	09/12/1995	152				
8	1321020436	Lê Xuân	Chiến	03/02/1995	153				
9	1321070020	Ngô Minh	Công	22/10/1995	154				
10	1621060023	Trần Xuân	Cường	07/09/1998	155				
11	1321060061	Ngô Văn	Đại	10/06/1994	156				
12	1321040063	Phạm Quốc	Đạt	27/05/1995	157				
13	1321020494	Nguyễn Văn	Đồng	07/06/1994	158				
14	1421070241	Ninh Duy	Đồng	13/10/1995	159				
15	1321050457	Phạm Thị	Dung	21/02/1994	160				
16	1421060048	Hồ Bá	Dũng	01/07/1996	161				
17	1321060442	Nguyễn Tiến	Dũng	22/08/1993	162				
18	1421010056	Nguyễn Trọng	Dũng	21/04/1996	163				
19	1321030479	Vũ Văn	Dũng	21/02/1995	164				
20	1524010402	Phạm Thị	Hà	20/10/1997	165				
21	1521060080	Phạm Nam	Hiền	06/04/1995	166				
22	1521060011	Ngô Sách	Hiệp	16/01/1997	167				
23	1321040101	Nguyễn Duy	Hòa	09/08/1995	168				
24	1421040116	Nguyễn Văn	Hoàng	06/11/1996	169				
25	1321020108	Vũ Ngọc	Hoàng	14/06/1995	170				
26	1421060143	Nguyễn Văn	Hung	01/02/1996	171				
27	1524010608	Vũ Thị Thanh	Hương	07/09/1997	172				
28	1321010190	Phạm Công	Khải	30/10/1995	173				
29	1521040256	Nguyễn Văn	Khánh	19/03/1997	174				
30	1624010313	Hồ Thuỳ	Linh	17/11/1998	175				
31	1421010181	Trịnh Văn	Linh	03/07/1996	176				
32	1321030686	Vũ Văn	Linh	14/04/1995	177				
33	1321070126	Hoàng Nhật	Minh	22/10/1995	178				
34	1321060193	Lưu Hoàng	Nam	12/09/1995	179				
35	1221010257	Đặng Quý	Nhân	10/08/1994	180				
36	1421060524	Phạm Thanh	Phong	21/05/1996	181				
37	1521050448	Trần Quốc	Phong	22/08/1997	182				
38	1321060215	Nguyễn Văn	Phú	07/02/1995	183				
39	1441030012	Trương Thị Thu	Phương		184				
40	1421060213	Vũ Minh	Phương	28/07/1996	185				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4000004 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Cơ sở văn hoá Việt Nam

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAB305

Tiết bắt đầu:

9

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1221030124	Nguyễn Anh	Quân	24/11/1993	186				
2	1421040224	Nguyễn Đức	Quân	08/10/1995	187				
3	1221011060	Lê Nhân	Quý	07/11/1993	188				
4	1521010254	Phạm Bảo	Quý	21/08/1997	189				
5	1421040228	Phạm Văn	Quyết	09/10/1996	190				
6	1421060229	Ngô Văn	Sơn	12/10/1995	191				
7	1421070107	Nguyễn Duy	Sơn	13/06/1996	192				
8	1321060245	Nguyễn Tiến	Sơn	04/11/1995	193				
9	1421040242	Nguyễn Duy	Thái	12/06/1996	194				
10	1421070463	Nguyễn Văn	Thành	15/02/1996	195				
11	1321060292	Nguyễn Thuận	Thiên	05/04/1995	196				
12	1521050484	Vũ Đức	Thiện	30/08/1996	197				
13	1321020206	Nguyễn Văn	Thỏa	11/04/1995	198				
14	1424010548	Hà Thị	Thu	11/08/1995	199				
15	1421010329	Đoàn Thị ánh	Thương	26/08/1996	200				
16	1521080263	Lưu Thị Thu	Thủy	30/10/1997	201				
17	1521080075	Bùi Minh	Trang	29/07/1997	202				
18	1221020520	Bùi Đức	Trung	11/03/1994	203				
19	1421040542	Nguyễn Lê	Trung	23/10/1996	204				
20	1421060283	Trần Xuân	Trường	24/12/1996	205				
21	1321050779	Vũ Anh	Tuấn	21/08/1995	206				
22	1321060338	Nguyễn Duy	Tùng	01/05/1995	207				
23	1321060339	Nguyễn Thanh	Tùng	01/08/1993	208				
24	1321020252	Nguyễn Lương	Viên	09/12/1995	209				
25	1321040332	Phạm Công	Vinh	19/12/1994	210				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4000005 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm

Ngày thi: **02/08/2017**Phòng thi: **HNAD401**

Tiết bắt đầu:

6Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321070400	Lường Kế	An	06/12/1995	211				
2	1321060404	Lê Đức	Anh	13/09/1995	212				
3	1624010070	Lê Thị Ngọc	Anh	27/11/1998	213				
4	1524010360	Lê Thị Vân	Anh	20/07/1997	214				
5	1321060006	Lê Tuấn	Anh	08/03/1993	215				
6	1321020410	Ngô Văn	Anh	26/10/1995	216				
7	1624010219	Nguyễn Đức	Anh	08/12/1994	217				
8	1524010363	Nguyễn Thị Vân	Anh	23/10/1997	218				
9	1521040192	Phạm Tuấn	Anh	23/10/1997	219				
10	1421060013	Vũ Đức	Anh	29/04/1996	220				
11	1321060016	Chu Ngọc	ánh	28/06/1995	221				
12	1421060021	Phùng Văn	Bằng	13/08/1996	222				
13	1321050017	Nguyễn Ngọc	Bích	14/11/1994	223				
14	1321010036	Phạm Bá	Biên	15/04/1995	224				
15	1321050018	Lê Nguyễn Thanh	Bình	19/03/1994	225				
16	1321080408	Đỗ Văn	Cành	20/06/1994	226				
17	1321040022	Phùng Lê	Chi	09/05/1995	227				
18	1421070013	Mai Ngọc	Chiến	04/05/1995	228				
19	1521050335	Phan Văn	Chung	19/08/1997	229				
20	1321040029	Phạm Chí	Công	15/06/1995	230				
21	1321030462	Lê Đăng	Cường	11/12/1994	231				
22	1421040036	Lê Tuấn	Cường	08/12/1994	232				
23	1321020449	Nguyễn Văn	Cường	30/12/1994	233				
24	1521060190	Nguyễn Việt	Cường	10/11/1997	234				
25	1421010046	Thiều Việt	Cường	17/02/1996	235				
26	1321060061	Ngô Văn	Đại	10/06/1994	236				
27	1521020154	Đình Văn	Đạt	09/11/1997	237				
28	1524010236	Nguyễn Hữu	Đạt	16/12/1997	238				
29	1421040066	Nguyễn Trung	Đạt	11/06/1995	239				
30	1421060068	Nguyễn Văn	Đạt	11/09/1996	240				
31	1421070236	Triệu Tiến	Đạt	06/04/1996	241				
32	1421070034	Nguyễn Văn	Đoàn	06/09/1996	242				
33	1421030046	Vũ Đình	Đoàn	12/02/1996	243				
34	1524010599	Nguyễn Trung	Đức	24/05/1996	244				
35	1624010891	Đỗ Thị Thuý	Dung	20/04/1998	245				
36	1321010078	Vũ Duy	Dũng	02/09/1995	246				
37	1624010420	Vũ Tiến	Dũng	24/11/1997	247				
38	1524010230	Đỗ Việt	Dương	15/05/1997	248				
39	1421050327	Đình Văn	Duy	28/10/1996	249				
40	1421030303	Đỗ Thế	Duy	17/01/1996	250				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4000005 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm

Ngày thi: **02/08/2017**Phòng thi: **HNAD401**

Tiết bắt đầu:

6Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1321030486	Vũ Đình	Duy	28/11/1995	251				
42	1424010031	Đậu Trường	Giang	19/03/1996	252				
43	1521010363	Nguyễn Thị Trà	Giang	27/07/1997	253				
44	1621010342	Lý Ngọc	Hà	17/08/1997	254				
45	1524010233	Nguyễn Thị Thu	Hà	21/06/1997	255				
46	1321040086	Phạm Thanh	Hai	09/03/1996	256				
47	1421010094	Lê Đồng	Hải	20/04/1996	257				
48	1521050259	Đinh Quang	Hào	21/06/1997	258				
49	1321050533	Nguyễn Thị	Hậu	07/03/1994	259				
50	1321070495	Trần Công	Hậu	07/04/1995	260				
51	1421010107	Bùi Thị	Hiền	02/10/1996	261				
52	1321020092	Nguyễn Mạnh	Hiền	22/04/1994	262				
53	1321060115	Nguyễn Hữu	Hiệp	03/10/1995	263				
54	1521040130	Bế Văn	Hiếu	13/11/1997	264				
55	1524010033	Nguyễn Trung	Hiếu	09/08/1997	265				
56	1421030072	Vũ Quang	Hiếu	27/06/1995	266				
57	1421010120	Đinh Mỹ	Hoa	16/02/1996	267				
58	1524010421	Ninh Thị	Hoa	12/01/1997	268				
59	1421010125	Bùi Thị	Hoài	05/06/1996	269				
60	1424010350	Hoàng Hữu	Hoan	03/11/1996	270				
61	1321070075	Nguyễn Minh	Hoàn	08/10/1995	271				
62	1321020545	Nguyễn Văn	Hoàn	06/02/1995	272				
63	1321070515	Phạm Lê	Hoàng	22/09/1994	273				
64	1421010130	Trần Đức	Hoàng	21/12/1996	274				
65	1321070078	Trần Trọng Huy	Hoàng	29/01/1995	275				
66	1521050385	Nguyễn Thị	Huế	07/11/1995	276				
67	1421050424	Nguyễn Thị	Huệ	10/01/1996	277				
68	1321030605	Bùi Đình	Hùng	19/07/1995	278				
69	1621010358	Đỗ Mạnh	Hùng	17/09/1998	279				
70	1421050078	Nguyễn Ngọc	Hùng	01/11/1995	280				
71	1524010435	Trịnh Việt	Hùng	05/06/1991	281				
72	1521060087	Đặng Văn	Huy	26/04/1997	282				
73	1524010447	Phạm Quang	Huy	29/06/1997	283				
74	1424010074	Trần Thị Ngọc	Huyền	24/09/1996	284				
75	1624010109	Trần Thu	Huyền	20/04/1997	285				
76	1521010324	Hà Duy	Khánh	03/11/1997	286				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4000005 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm

Ngày thi: **02/08/2017**Phòng thi: **HNAD301**

Tiết bắt đầu:

6Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321070102	Nguyễn Đăng	Khoa	31/03/1994	287				
2	1521070055	Nguyễn Văn	Kiên	03/07/1997	288				
3	1624010792	Trần Thị	Liên	27/06/1996	289				
4	1421020434	Lưu Quang	Linh	02/09/1996	290				
5	1321050616	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	03/10/1995	291				
6	1524010465	Phạm Thị	Linh	03/10/1997	292				
7	1421060160	Vũ Trọng	Linh	20/06/1996	293				
8	1421060484	Bùi Văn	Luân	19/11/1995	294				
9	1424010436	Đỗ Thị	Mai	12/12/1996	295				
10	1421030448	Nguyễn Phương	Mai	13/11/1996	296				
11	1421060171	Nguyễn Văn	Mạnh	21/01/1996	297				
12	1321070128	Nguyễn Đình	Minh	07/12/1994	298				
13	1421060179	Nguyễn Đức	Minh	05/06/1993	299				
14	1521010368	Vũ Kim	Mỹ	15/04/1995	300				
15	1524010047	Phạm Hải	Nam	02/09/1997	301				
16	1521030272	Phùng Đức	Nam	03/01/1997	302				
17	1421060502	Phạm Văn	Năm	07/01/1995	303				
18	1524010479	Đinh Bảo	Ngọc	12/06/1997	304				
19	1421080306	Lê Thị	Nguyệt	10/06/1996	305				
20	1421010231	Đinh Văn	Nhân	27/09/1996	306				
21	1424010480	Hồ Thị	Nhung	10/07/1996	307				
22	1421050541	Ngô Đình	Phong	08/11/1995	308				
23	1421030489	Phạm Hồng	Phong	16/10/1995	309				
24	1321010270	Trịnh Văn	Phúc	26/10/1992	310				
25	1524010109	Nguyễn Thị Hồng	Phước	17/06/1997	311				
26	1521060165	Bùi Đức	Phương	23/06/1997	312				
27	1524010491	Lưu Minh	Phương	26/03/1997	313				
28	1524010065	Nguyễn Thị Lan	Phương	27/08/1996	314				
29	1321040211	Phạm Thị	Phương	12/08/1995	315				
30	1421080331	Hoàng Thị Kim	Phượng	05/03/1996	316				
31	1321040553	Nguyễn Thị	Phượng	10/04/1995	317				
32	1321050673	Vũ Văn	Quân	05/07/1995	318				
33	1421060215	Đỗ Văn	Quang	19/09/1996	319				
34	1521060198	Nguyễn Trọng	Quý	23/03/1997	320				
35	1421010272	Nguyễn Thị	Quyên	17/11/1995	321				
36	1524010497	Phạm Thị Tú	Quyên	10/05/1997	322				
37	1524010583	Lương Quốc	Quyên	02/08/1994	323				
38	1521080051	Lê Thị Ngọc	Quỳnh	15/12/1997	324				
39	1321020180	Nguyễn Xuân	Sinh	10/10/1995	325				
40	1621050079	Nguyễn Ngọc	Son	18/07/1998	326				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4000005 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm

Ngày thi: **02/08/2017**Phòng thi: **HNAD301**

Tiết bắt đầu:

6Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1321050688	Phạm Văn	Sử	03/02/1994	327				
42	1321040563	Trần Văn	Sử	12/04/1994	328				
43	1521010054	Trần Văn	Tam	08/08/1996	329				
44	1421070458	Đậu Viết	Thám	06/07/1995	330				
45	1421030175	Nguyễn Ngọc	Thanh	26/02/1995	331				
46	1524010175	Bùi Thị Phương	Thảo	25/10/1997	332				
47	1321060291	Phạm Văn	Thế	03/02/1995	333				
48	1421010313	Lê Đức	Thiện	20/10/1996	334				
49	1624010112	Phạm Thị Tích	Thiện	31/05/1998	335				
50	1521050484	Vũ Đức	Thiện	30/08/1996	336				
51	1321030864	Trần Xuân	Thiệu	15/09/1995	337				
52	1321020728	Nguyễn Quang	Thịnh	14/09/1995	338				
53	1321060295	Phan Tất	Thọ	14/08/1995	339				
54	1524010245	Nguyễn Thị Thanh	Thư	11/07/1997	340				
55	1524010283	Hoàng Thu	Thủy	16/10/1996	341				
56	1321060314	Đào Văn	Tĩnh	14/10/1994	342				
57	1321040293	Nguyễn Trọng	Toàn	14/08/1995	343				
58	1624010491	Lại Thùy	Trang	06/12/1998	344				
59	1524010536	Nguyễn Quỳnh	Trang	18/05/1997	345				
60	1524010121	Nguyễn Thị	Trang	17/10/1997	346				
61	1424010601	Đào Mạnh	Trí	29/09/1996	347				
62	1421030586	Nguyễn Văn	Trọng	05/09/1995	348				
63	1524010244	Nguyễn Hoàng	Trung	17/01/1997	349				
64	1321060320	Phùng Hữu	Trung	14/09/1995	350				
65	1321030246	Nguyễn Xuân	Trường	24/08/1994	351				
66	1524010546	Nguyễn Quang	Trường	18/09/1995	352				
67	1421060281	Nguyễn Đăng	Truyền	16/11/1996	353				
68	1421070133	Hoàng Mạnh	Tuấn	19/06/1995	354				
69	1324010329	Khuong Văn	Tuấn	29/03/1995	355				
70	1521070394	Lê Đăng	Tuấn	27/10/1996	356				
71	1421030225	Phạm Văn	Tuấn	25/06/1996	357				
72	1421050227	Trịnh Anh	Tuấn	22/02/1996	358				
73	1524010559	Đặng Thị ánh	Tuyết	17/03/1997	359				
74	1421010384	Trần Đình	Việt	09/05/1996	360				
75	1521050046	Tổng Xuân	Vinh	19/05/1997	361				
76	1421060320	Bùi Minh	Vương	09/02/1996	362				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010101 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Đại số

Ngày thi: **02/08/2017**Phòng thi: **HNAD201**

Tiết bắt đầu:

9Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421070001	Nguyễn Tiến	An	16/03/1996	363				
2	1621060293	Trần Tuấn	Anh	02/03/1998	364				
3	1321040013	Nguyễn Thị	ánh	20/04/1995	365				
4	1421070172	Trần Xuân	Bách	07/06/1994	366				
5	1321060022	Phùng Minh Chí	Bảo	05/08/1995	367				
6	1321010036	Phạm Bá	Biên	15/04/1995	368				
7	1631040001	Bùi Tân	Bình	26/08/1993	369				
8	1521040071	Trịnh Quốc	Chiến	03/10/1997	370				
9	1621030235	Nguyễn Danh	Chiêu	29/04/1998	371				
10	1321060422	Bùi Trọng	Chính	27/06/1995	372				
11	1531060016	Trần Thị Thương	Chọn	15//0/198/	373				
12	1521030010	Đặng Hữu	Chú	06/11/1997	374				
13	1321010044	Mai Đức	Công	24/08/1995	375				
14	1321060035	Nguyễn Đình	Cương	15/10/1995	376				
15	1321050035	Nguyễn Mạnh	Cường	01/03/1995	377				
16	1511060018	Trần Đức	Cường	25/01/1997	378				
17	1321080012	Phan Đức	Dân	29/08/1994	379				
18	1621060368	Hoàng Việt	Đăng	21/11/1998	380				
19	1521060097	Lê Hữu	Đạt	15/06/1997	381				
20	1421060888	Vũ Thành	Đạt	25/02/1996	382				
21	1321010104	Vũ Công	Định	17/05/1995	383				
22	1321060461	Ngô Thành	Đô	06/07/1995	384				
23	1421020040	Thân Văn	Đoàn	24/05/1996	385				
24	1521060275	Dương Văn	Đông	09/08/1996	386				
25	1321080018	Đậu Minh	Đức	18/04/1995	387				
26	1621050406	Đỗ Huỳnh	Đức	23/06/1998	388				
27	1521030108	Nguyễn Trung	Đức	23/04/1995	389				
28	1521020363	Trần Ngọc	Đức	10/02/1997	390				
29	1521020040	Trần Trung	Đức	07/10/1996	391				
30	1621060348	Hồ Nam	Dương	16/03/1998	392				
31	1321070039	Nguyễn Văn	Dương	27/10/1994	393				
32	1521070020	Cao Đức	Duy	12/05/1996	394				
33	1521020175	Đỗ Mạnh	Duy	03/10/1995	395				
34	1321040052	Nguyễn Ngọc	Duy	11/06/1995	396				
35	1321030051	Dương Thị	Giang	18/09/1994	397				
36	1521050300	Lê Hồng	Giang	17/02/1997	398				
37	1521020179	Lương Thành	Giang	01/11/1997	399				
38	1621060369	Trần Thiên	Giang	04/04/1998	400				
39	1521030006	Phạm Bá	Giáp	17/12/1995	401				
40	1424010036	Phạm Thu	Hà	30/11/1996	402				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010101 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Đại số

Ngày thi: **02/08/2017**Phòng thi: **HNAD201**

Tiết bắt đầu:

9Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1531060400	Đinh Xuân	Hải	29//1/190/	403				
42	1631020069	Trần Đình	Hải	06/11/1994	404				
43	1321020524	Trần Thị	Hạnh	10/04/1994	405				
44	1321060106	Nguyễn Bá	Hậu	02/08/1995	406				
45	1321050535	Trần Đức	Hậu	10/10/1995	407				
46	1321020092	Nguyễn Mạnh	Hiền	22/04/1994	408				
47	1321060114	Ngô Văn	Hiệp	12/05/1995	409				
48	1321020097	Vũ Đức	Hiệp	14/03/1995	410				
49	1321030573	Hà Trung	Hiếu	12/06/1995	411				
50	1211050173	Nguyễn Trung	Hiếu	17/12/1994	412				
51	1521010431	Nguyễn Hữu	Hòa	20/09/1996	413				
52	1321020544	Ngô Thanh	Hoàn	18/08/1995	414				
53	1421020377	Lê Vũ	Hội	09/05/1996	415				
54	1321020551	Nguyễn Viêt	Hội	06/04/1995	416				
55	1621050400	Nguyễn Huy	Hồng	29/12/1998	417				
56	1321040111	Nguyễn Đức	Huân	22/03/1994	418				
57	1321030607	Đồng Văn	Hùng	29/10/1995	419				
58	1321070524	Lê Quang	Hùng	12/10/1995	420				
59	1321030092	Nguyễn Văn	Hùng	24/10/1995	421				
60	1521030056	Trương Thanh	Hung	14/02/1997	422				
61	1321070097	Trần Văn	Hướng	16/03/1995	423				
62	1121060078	Quản Việt	Hữu	01/12/1993	424				
63	1421060132	Nguyễn Văn	Huy	01/04/1996	425				
64	1521060271	Nguyễn Trọng	Khang	09/05/1997	426				
65	1631040003	Vũ Chí	Khánh	30/06/1991	427				
66	1321030662	Đỗ Trung	Kiên	29/01/1995	428				
67	1521060372	Hồ Nam	Kiên	24/05/1997	429				
68	1321050604	Nguyễn Trung	Kiên	08/07/1995	430				
69	1221010188	Vũ Trung	Kiên	20/03/1994	431				
70	1321050113	Phạm Văn	Lâm	04/01/1995	432				
71	1421030115	Ngô Văn	Lân	16/11/1996	433				
72	1411070028	Nguyễn Tiên	Linh	09/03/1992	434				
73	1621060980	Trịnh Văn	Lợi	27/08/1998	435				
74	1621050745	Lê Minh	Long	23/04/1998	436				
75	1521030141	Nguyễn Gia	Long	13/03/1997	437				
76	1321020140	Nguyễn Thành	Long	30/05/1995	438				
77	1521070106	Vũ Thanh	Long	08/07/1997	439				
78	1521020368	Nguyễn Đức	Lương	04/01/1997	440				
79	1521020109	Vũ Liu	Ly	27/10/1997	441				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010101 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Đại số

Ngày thi: **02/08/2017**Phòng thi: **HNAD101**

Tiết bắt đầu:

9Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521030093	Đinh Tiến	Mạnh	16/09/1996	442				
2	1321030719	Ngô Đình	Minh	14/02/1995	443				
3	1421070088	Nguyễn Văn	Minh	16/10/1996	444				
4	1421070389	Dương Phương	Nam	29/09/1996	445				
5	1521060422	Nguyễn Anh	Nam	30/04/1996	446				
6	1521060357	Nguyễn Hoàng	Nam	08/11/1997	447				
7	1521050090	Nguyễn Phương	Nam	20/04/1997	448				
8	1521039003	Nông Văn	Nghĩa	28/11/1996	449				
9	1321060202	Cao Văn	Nghiên	22/10/1995	450				
10	1321070139	Nguyễn Thị	Nhung	10/10/1995	451				
11	1421060204	Nguyễn Thị Kim	Oanh	27/07/1996	452				
12	1621050280	Trần Dư	Phan	03/08/1998	453				
13	1321030775	Phan Thanh	Phong	19/12/1995	454				
14	1321010438	Tạ Xuân	Phong	08/06/1994	455				
15	1521070036	Trần Văn	Phú	31/03/1997	456				
16	1321030780	Nguyễn Hồng	Phúc	03/03/1995	457				
17	1521070130	Bùi Văn	Phương	30/07/1997	458				
18	1321010274	Lưu Văn	Phương	18/08/1995	459				
19	1421010262	Dương Đình	Quân	06/09/1996	460				
20	1421070431	Phạm Văn	Quân	24/04/1996	461				
21	1521070146	Vũ Hoàng	Quân	20/01/1997	462				
22	1321070623	Nguyễn Anh	Quang	23/09/1994	463				
23	1521050195	Nguyễn Ngọc	Quang	14/10/1997	464				
24	1421040220	Trịnh Minh	Quang	08/08/1996	465				
25	1321060232	Đoàn Văn	Quý	28/08/1995	466				
26	1421070102	Chào Láo	San	28/10/1995	467				
27	1511060001	Lê Công	Sinh	07/06/1997	468				
28	1421040231	Bùi Ngọc	Sơn	13/06/1996	469				
29	1321020182	Nguyễn Minh	Sơn	21/08/1995	470				
30	1321030816	Đinh Văn	Sỹ	02/03/1995	471				
31	1321070162	Nguyễn Gia	Tân	05/01/1995	472				
32	1321020189	Trương Văn	Tây	25/07/1995	473				
33	1321010305	Nguyễn Huy	Thạch	26/08/1995	474				
34	1421070455	Hoàng Quang	Thái	18/04/1996	475				
35	1321070643	Nguyễn Văn	Thái	14/12/1994	476				
36	1321050717	Hoàng Mạnh	Thắng	23/07/1994	477				
37	1321010333	Ngô Văn	Thắng	05/07/1994	478				
38	1521030308	Nguyễn Hữu	Thắng	11/09/1997	479				
39	1521050001	Đào Trung	Thành	16/08/1997	480				
40	1321010313	Lê Ngọc	Thành	05/07/1995	481				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010101 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Đại số

Ngày thi: **02/08/2017**Phòng thi: **HNAD101**

Tiết bắt đầu:

9Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1321030208	Lê Thị Ngọc	Thành	07/10/1995	482				
42	1631070057	Lê Văn	Thành	02/10/1991	483				
43	1521040031	Nguyễn Quang	Thành	25/10/1997	484				
44	1221010318	Nguyễn Tuấn	Thành	08/11/1993	485				
45	1521040066	Nguyễn Vũ	Thành	18/09/1997	486				
46	1321010323	Nguyễn Thu	Thảo	01/11/1995	487				
47	1511060006	Nguyễn Duy	Thiệu	06/03/1997	488				
48	1321030868	Nguyễn Duy	Thông	03/12/1995	489				
49	1321060299	Phan Văn	Thuận	29/12/1995	490				
50	1321070188	Đinh Văn	Thường	03/12/1995	491				
51	1421050629	Đỗ Văn	Thủy	14/02/1990	492				
52	1521050126	Trương Thị	Thủy	03/11/1997	493				
53	1521050049	Phạm Xuân	Thụy	31/03/1997	494				
54	1321030879	Nguyễn Văn	Thuyền	26/01/1995	495				
55	1321010358	Ngô Bá	Tiến	10/08/1995	496				
56	1321070194	Trần Trung	Toàn	01/10/1992	497				
57	1321070195	Nguyễn Hà	Toàn	16/02/1995	498				
58	1521060362	Bùi Xuân	Trà	19/05/1997	499				
59	1421060600	Đinh Văn	Trọng	13/01/1995	500				
60	1421060602	Dương Thành	Trung	07/08/1995	501				
61	1321030914	Nguyễn Bảo	Trung	22/04/1995	502				
62	1221020526	Vi Quang	Trung	05/03/1994	503				
63	1521020326	Nguyễn Xuân	Trường	26/11/1997	504				
64	1321080536	Đỗ Anh	Tú	21/12/1995	505				
65	1321030931	Đỗ Đức	Tú	17/02/1995	506				
66	1321070205	Phạm Văn	Tuấn	05/05/1995	507				
67	1621060677	Trần Anh	Tuấn	10/03/1998	508				
68	1421070532	Ngô Thanh	Tùng	19/05/1994	509				
69	1521020074	Nguyễn Hữu	Tùng	13/06/1997	510				
70	1521020346	Lê Đình	Tường	10/07/1997	511				
71	1321020249	Nguyễn Văn	Tuyển	15/08/1995	512				
72	1521050235	Tạ Thị	Tuyết	17/12/1997	513				
73	1321010414	Lê Vạn	Văn	19/09/1995	514				
74	1521060086	Dương Xuân	Việt	04/12/1997	515				
75	1521020072	Hà Đức	Việt	02/07/1997	516				
76	1321010420	Phạm Anh	Việt	15/08/1995	517				
77	1421040348	Lê	Vũ	07/09/1996	518				
78	1521020352	Nguyễn Anh	Vũ	27/10/1997	519				
79	1621030038	Phạm Công Lê	Vũ	07/04/1998	520				
80	1321010428	Nguyễn Văn	Vương	22/09/1995	521				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010102 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Giải tích 1

Ngày thi: **03/08/2017**Phòng thi: **HNAD201**

Tiết bắt đầu:

6Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621060299	Nguyễn Thanh	An	04/10/1996	522				
2	1521060408	Nguyễn Việt	An	02/04/1997	523				
3	1421060002	Bùi Hoàng	Anh	13/12/1996	524				
4	1411040001	Đặng Hoàng	Anh	20/04/1996	525				
5	1421070002	Hồ Công	Anh	16/07/1996	526				
6	1621060251	Nguyễn Hoàng	Anh	11/02/1998	527				
7	1321060009	Nguyễn Thế	Anh	09/01/1995	528				
8	1321070007	Phạm Thế	Anh	14/04/1995	529				
9	1421050267	Phạm Tuấn	Anh	20/02/1996	530				
10	1521040192	Phạm Tuấn	Anh	23/10/1997	531				
11	1321011004	Trần Đình	Anh	29/10/1994	532				
12	1321030418	Trần Đức	Anh	24/08/1995	533				
13	1221020007	Nguyễn Xuân	Bách	22/02/1994	534				
14	1421070172	Trần Xuân	Bách	07/06/1994	535				
15	1321030429	Nguyễn Văn	Bảy	15/07/1993	536				
16	1421020233	Lê Văn	Bền	03/04/1995	537				
17	1321050017	Nguyễn Ngọc	Bích	14/11/1994	538				
18	1421040372	Ngô Văn	Bính	22/03/1996	539				
19	1421020235	Đặng Quốc	Bình	22/01/1996	540				
20	1421070011	Dương Bá	Cánh	18/03/1996	541				
21	1421060025	Phạm Văn	Cánh	22/01/1996	542				
22	1421070182	Giáp Văn	Chinh	25/07/1996	543				
23	1521060433	Nguyễn Đức	Chính	28/06/1997	544				
24	1321020443	Nguyễn Ngọc	Công	09/06/1995	545				
25	1421060038	Nguyễn Văn	Công	29/01/1996	546				
26	1321060432	Phan Viết	Cương	24/11/1995	547				
27	1521060133	Hồ Mậu	Đại	13/06/1997	548				
28	1421011075	Hoàng Tiến	Đạt	03/03/1996	549				
29	1521060149	Hoàng Văn	Đạt	16/08/1996	550				
30	1611050020	Lê Thành	Đạt	29/08/1998	551				
31	1421060066	Lê Văn	Đạt	05/02/1995	552				
32	1421070030	Nguyễn Thành	Đạt	02/04/1996	553				
33	1411060036	Nguyễn Tiến	Đạt	16/06/1996	554				
34	1424010021	Nguyễn Thị	Diễm	01/05/1996	555				
35	1421070024	Phạm Văn	Diện	17/06/1996	556				
36	1321070050	Nguyễn Trí	Độ	27/07/1995	557				
37	1521060313	Nguyễn Đình	Duẩn	06/10/1997	558				
38	1521020363	Trần Ngọc	Đức	10/02/1997	559				
39	1511060008	Nguyễn Văn	Dương	01/11/1997	560				
40	1321070041	Trần Hải	Dương	27/05/1995	561				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010102 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Giải tích 1

Ngày thi: **03/08/2017**Phòng thi: **HNAD201**

Tiết bắt đầu:

6Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521070020	Cao Đức	Duy	12/05/1996	562				
42	1521060327	Nguyễn Đức	Duy	23/03/1997	563				
43	1411060029	Nguyễn Ngọc	Duy	11/02/1996	564				
44	1521060131	Nguyễn Văn	Duy	06/03/1997	565				
45	1321050471	Phạm Hồng	Duy	11/01/1994	566				
46	1521070009	Phạm Thế	Duyệt	29/05/1997	567				
47	1321060093	Lương Ngọc	Giang	22/03/1995	568				
48	1521040139	Trần Huy	Giang	19/03/1997	569				
49	1521030006	Phạm Bá	Giáp	17/12/1995	570				
50	1521060363	Nguyễn Thanh	Hà	01/01/1997	571				
51	1421050376	Nguyễn Thu	Hà	11/07/1996	572				
52	1521060309	Bùi Việt	Hải	11/11/1997	573				
53	1421070041	Đào Thanh	Hải	08/08/1996	574				
54	1511020002	Nguyễn Thế	Hải	16/10/1997	575				
55	1421050060	Vũ Thanh	Hải	08/06/1996	576				
56	1521030105	Lương Thị Hồng	Hạnh	13/02/1997	577				
57	1521050259	Đinh Quang	Hào	21/06/1997	578				
58	1521010074	Bùi Thành	Hiếu	25/01/1996	579				
59	1521060172	Đinh Quý	Hiếu	28/11/1997	580				
60	1321060119	Đỗ Hữu Mạnh	Hiếu	26/04/1995	581				
61	1421070047	Nguyễn Minh	Hiếu	03/12/1996	582				
62	1521060186	Vũ Đình	Hiếu	18/01/1997	583				
63	1521020048	Nguyễn Văn	Hiếu	03/08/1997	584				
64	1521060261	Trần Ngọc	Hòa	23/02/1997	585				
65	1321020544	Ngô Thanh	Hoàn	18/08/1995	586				
66	1424010058	Lý Tuyên	Hoàng	01/07/1996	587				
67	1321070515	Phạm Lê	Hoàng	22/09/1994	588				
68	1421020373	Trương Văn	Hoàng	02/06/1995	589				
69	1321050079	Hà Thị	Hồng	13/02/1995	590				
70	1621050400	Nguyễn Huy	Hồng	29/12/1998	591				
71	1321070524	Lê Quang	Hùng	12/10/1995	592				
72	1321070530	Vũ Huy	Hùng	04/09/1995	593				
73	1321060519	Nguyễn Văn Hoàng	Hưng	30/10/1995	594				
74	1321060523	Vũ Quang	Hưng	08/07/1995	595				
75	1321070095	Trần Văn	Hương	02/08/1995	596				
76	1321080449	Trần Quang	Huy	02/08/1994	597				
77	1321060150	Ngô Huy	Huynh	21/08/1995	598				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010102 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Giải tích 1

Ngày thi: **03/08/2017**Phòng thi: **HNAD101**

Tiết bắt đầu:

6Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421011169	Vũ Thị	Hương	24/03/1996	599				
2	1421040152	Nguyễn Nam	Khánh	30/07/1995	600				
3	1411060092	Bùi Bách	Khoa	27/06/1996	601				
4	1321060536	Nguyễn Trung	Kiên	31/12/1995	602				
5	1621050175	Đào Tương	Lai	01/03/1998	603				
6	1321050113	Phạm Văn	Lâm	04/01/1995	604				
7	1421050107	Ngô Thị	Linh	15/04/1996	605				
8	1524010090	Vũ Thùy	Linh	05/06/1997	606				
9	1621060980	Trịnh Văn	Lợi	27/08/1998	607				
10	1321020140	Nguyễn Thành	Long	30/05/1995	608				
11	1121060242	Trần Hoàng	Long	11/05/1993	609				
12	1321060181	Đỗ Đăng	Mạnh	08/03/1995	610				
13	1621020039	Lường Quang	Mạnh	11/11/1998	611				
14	1321040176	Trần Văn	Minh	15/04/1995	612				
15	1521060380	Đặng Văn	Mười	14/11/1996	613				
16	1421060186	Hoàng Văn	Nam	25/10/1996	614				
17	1521080208	Lê Hoài	Nam	21/07/1997	615				
18	1321060567	Nguyễn Hoài	Nam	28/04/1995	616				
19	1421080075	Nguyễn Tiến	Nam	27/01/1996	617				
20	1621050823	Nguyễn Thị Hoa	Ngọc	10/01/1998	618				
21	1421060197	Bùi Hữu	Nguyễn	19/01/1996	619				
22	1321070612	Trần Văn	Nhật	14/03/1995	620				
23	1321070139	Nguyễn Thị	Nhung	10/10/1995	621				
24	1521041001	Nguyễn Văn	Phong	03/02/1997	622				
25	1421030490	Trọng Hồng	Phong	14/07/1996	623				
26	1321050156	Đặng Bá	Phú	06/03/1995	624				
27	1521010047	Dương Hữu	Phước	24/10/1997	625				
28	1421080095	Nông Quốc	Phương	27/12/1996	626				
29	1521070146	Vũ Hoàng	Quân	20/01/1997	627				
30	1621070015	Hoàng Văn	Quý	01/01/1998	628				
31	1321060596	Nguyễn Thanh	Sơn	22/02/1994	629				
32	1321050173	Phạm Hùng	Sơn	03/09/1995	630				
33	1521060457	Trịnh Công	Sơn	23/10/1997	631				
34	1321020702	Vũ Thái	Sơn	21/09/1995	632				
35	1521040010	Vương Văn	Sơn	06/10/1997	633				
36	1621070800	Anousone	SORMIXA	12/11/1995	634				
37	1321070162	Nguyễn Gia	Tấn	05/01/1995	635				
38	1421030539	Nguyễn Duyên	Thái	16/05/1996	636				
39	1621050838	Nguyễn Thành	Thái	21/10/1995	637				
40	1221010309	Trần Tiến	Thái	23/08/1994	638				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010102 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Giải tích 1

Ngày thi: **03/08/2017**Phòng thi: **HNAD101**

Tiết bắt đầu:

6Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1321070653	Bùi Đức	Thắng	02/01/1995	639				
42	1621070138	Nguyễn Đức	Thắng	25/11/1998	640				
43	1521060317	Trần Chiến	Thắng	29/04/1997	641				
44	1521080242	Trần Quyết	Thắng	09/11/1997	642				
45	1521060376	Vũ Xuân	Thắng	02/08/1997	643				
46	1421060246	Nguyễn Chí	Thanh	05/10/1996	644				
47	1631070057	Lê Văn	Thành	02/10/1991	645				
48	1321070182	Lương Hưng	Thịnh	28/10/1995	646				
49	1421020585	Nguyễn Văn	Thịnh	07/06/1996	647				
50	1421020587	Nguyễn Đăng	Thọ	17/10/1996	648				
51	1321030868	Nguyễn Duy	Thông	03/12/1995	649				
52	1421070476	Nguyễn Đức	Thuận	11/12/1995	650				
53	1321020738	Lê Đình	Thuật	21/02/1994	651				
54	1321060626	Phạm Như	Thùy	15/10/1995	652				
55	1321070668	Hà Văn	Tiến	16/08/1994	653				
56	1521060362	Bùi Xuân	Trà	19/05/1997	654				
57	1521060257	Đoàn Thế	Trung	18/01/1997	655				
58	1421060602	Dương Thành	Trung	07/08/1995	656				
59	1421040306	Hoàng Văn	Trung	10/03/1996	657				
60	1321030914	Nguyễn Bảo	Trung	22/04/1995	658				
61	1321050759	Nguyễn Nam	Trung	23/04/1995	659				
62	1521040086	Nguyễn Thành	Trung	22/02/1997	660				
63	1321010381	Trần Đức	Trung	26/07/1995	661				
64	1521040074	Lê Đắc	Trường	11/04/1997	662				
65	1321050766	Lưu Văn	Trường	24/11/1995	663				
66	1421060612	Phạm Quang	Trường	28/11/1996	664				
67	1521010285	Phạm Quang	Trường	25/07/1997	665				
68	1421080118	Nguyễn Đức	Tuấn	27/05/1996	666				
69	1621050144	Nguyễn Trọng	Tuấn	20/02/1997	667				
70	1421020664	Trần Anh	Tuấn	24/02/1996	668				
71	1421020679	Vũ Thanh	Tùng	02/10/1996	669				
72	1521060359	Trần Văn	Tuyên	11/06/1997	670				
73	1521060250	Hoàng Tuấn	Việt	07/12/1997	671				
74	1421030233	Lục Quang	Vinh	28/12/1994	672				
75	1521040015	Nguyễn Hồng	Vinh	13/07/1997	673				
76	1421080429	Nguyễn Tuấn	Vũ	31/10/1994	674				
77	1521060361	Nguyễn Việt	Xuân	22/04/1997	675				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010103 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Giải tích 2

Ngày thi: **04/08/2017**Phòng thi: **HNAD201**

Tiết bắt đầu:

9Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321060401	Nguyễn Văn	An	10/08/1994	676				
2	1521060408	Nguyễn Việt	An	02/04/1997	677				
3	1411040001	Đặng Hoàng	Anh	20/04/1996	678				
4	1521070143	Đỗ Hoàng	Anh	20/07/1997	679				
5	1421010010	Lê Minh	Anh	13/09/1996	680				
6	1421020218	Nguyễn Thị Vân	Anh	01/01/1995	681				
7	1321040410	Nguyễn Tuấn	Anh	06/10/1995	682				
8	1321060409	Phùng Đặng Tùng	Anh	19/04/1995	683				
9	1321060015	Trịnh Hoàng	Anh	13/03/1995	684				
10	1521030003	Bùi Ngọc	Bảo	20/08/1996	685				
11	1321030432	Đoàn Hải	Biên	10/08/1994	686				
12	1521030054	Đồng Xuân	Bình	26/06/1997	687				
13	1621060937	Nguyễn Quý	Bộ	26/07/1998	688				
14	1321060432	Phan Việt	Cương	24/11/1995	689				
15	1321060040	Đỗ Quang	Cường	19/12/1995	690				
16	1511040001	Lê Quốc	Cường	23/11/1997	691				
17	1521050086	Bùi Hồng	Đặng	11/12/1997	692				
18	1421060071	Nguyễn Văn	Đặng	06/04/1996	693				
19	1321010103	Tạ Văn	Diệp	21/11/1995	694				
20	1321010104	Vũ Công	Định	17/05/1995	695				
21	1321010107	Lê Thành	Đô	08/02/1995	696				
22	1321060461	Ngô Thành	Đô	06/07/1995	697				
23	1521030059	Đoàn Văn	Đồng	20/09/1996	698				
24	1421070241	Ninh Duy	Đồng	13/10/1995	699				
25	1321080018	Đậu Minh	Đức	18/04/1995	700				
26	1421050047	Đinh Văn	Đức	12/12/1995	701				
27	1321020043	Nguyễn Bá	Dũng	08/10/1995	702				
28	1321020045	Nguyễn Tiến	Dũng	04/12/1995	703				
29	1521070076	Nguyễn Tiến	Dũng	31/03/1997	704				
30	1521060276	Nguyễn Xuân	Dũng	05/07/1997	705				
31	1621040128	Phan Văn	Dũng	01/04/1998	706				
32	1621020062	Vũ Việt	Dũng	14/10/1998	707				
33	1421080019	Hoàng Tuấn	Dương	04/06/1996	708				
34	1621060773	Nguyễn Tử Thành	Dương	01/05/1998	709				
35	1521060113	Đoàn Công	Duy	07/12/1996	710				
36	1521060383	Lỗ Văn	Duy	08/08/1997	711				
37	1621060006	Tạ Đức	Duy	13/12/1998	712				
38	1621060712	Đào Ngọc	Hải	26/09/1998	713				
39	1511020002	Nguyễn Thế	Hải	16/10/1997	714				
40	1421050060	Vũ Thanh	Hải	08/06/1996	715				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010103 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Giải tích 2

Ngày thi: **04/08/2017**Phòng thi: **HNAD201**

Tiết bắt đầu:

9Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1321050070	Phan Thị	Hằng	12/10/1995	716				
42	1321011032	Hoàng Văn	Hiền	18/02/1995	717				
43	1631070012	Nguyễn Tiến	Hiệp	25/08/1994	718				
44	1421010113	Phạm Hoàng	Hiệp	10/04/1996	719				
45	1421020353	Mai Đình	Hiếu	05/01/1996	720				
46	1321050544	Nguyễn Hữu	Hiếu	29/08/1995	721				
47	1421030076	Bùi Minh	Hoàn	22/04/1996	722				
48	1421030367	Vũ Việt	Hoàng	14/09/1996	723				
49	1321020551	Nguyễn Việt	Hội	06/04/1995	724				
50	1221020334	Phạm Bá	Huân	17/10/1993	725				
51	1521070262	Nguyễn Duy	Huân	10/01/1997	726				
52	1321030607	Đồng Văn	Hùng	29/10/1995	727				
53	1321080039	Vũ Văn	Hùng	22/04/1995	728				
54	1421050443	Nguyễn Duy	Hương	15/03/1995	729				
55	1311070021	Võ Sông	Hương	05/04/1992	730				
56	1321040501	Đinh Quang	Huy	04/03/1995	731				
57	1521010063	Nguyễn Văn	Huy	06/11/1997	732				
58	1421070056	Phạm Quốc	Huy	12/11/1996	733				
59	1421070057	Vũ Quốc	Huy	11/09/1995	734				
60	1421030390	Lê Thị	Huyền	09/02/1995	735				
61	1631070053	Đoàn Văn	Khánh	07/09/1994	736				
62	1521060372	Hồ Nam	Kiên	24/05/1997	737				
63	1421011185	Ngô Văn	Kiệt	19/01/1994	738				
64	1521060404	Lê Văn	Lập	19/10/1997	739				
65	1321030123	Nguyễn Thị Thùy	Linh	04/01/1994	740				
66	1524010090	Vũ Thùy	Linh	05/06/1997	741				
67	1321010219	Nguyễn Đức	Lợi	01/01/1995	742				
68	1621060980	Trịnh Văn	Lợi	27/08/1998	743				
69	1411040039	Đỗ Văn	Long	10/08/1996	744				
70	1521040174	Nguyễn Phi	Long	13/11/1996	745				
71	1321080474	Phạm Công	Long	21/12/1995	746				
72	1421010195	Bùi Văn	Mạnh	04/12/1996	747				
73	1321040529	Hà Trọng	Mạnh	10/09/1994	748				
74	1421070383	Nguyễn Tuấn	Mạnh	15/04/1996	749				
75	1521050257	Vũ Văn	Mạnh	06/09/1997	750				
76	1421070385	Bùi Huy	Minh	07/07/1996	751				
77	1421080289	Lục Văn	Minh	01/05/1996	752				
78	1421020475	Nguyễn Đỗ	Muội	02/06/1996	753				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010103 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Giải tích 2

Ngày thi: **04/08/2017**Phòng thi: **HNAD101**

Tiết bắt đầu:

9Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521080207	Đỗ Văn	Nam	08/10/1997	754				
2	1321060566	Lê Xuân	Nam	08/02/1995	755				
3	1411060120	Nguyễn Đình	Nam	11/03/1996	756				
4	1321010245	Triệu Đức	Nam	11/11/1995	757				
5	1421070397	Vũ Văn	Nam	10/08/1996	758				
6	1521010173	Đặng Văn	Nghĩa	10/01/1996	759				
7	1321050643	Đinh Trung	Nghĩa	17/02/1995	760				
8	1321060202	Cao Văn	Nghiên	22/10/1995	761				
9	1321010251	Đỗ Huỳnh	Ngọc	20/12/1995	762				
10	1521010085	Đỗ Văn	Nguyên	27/06/1996	763				
11	1521060061	Lê Văn	Nhân	22/08/1997	764				
12	1521010007	Bùi Văn	Nhanh	10/04/1997	765				
13	1321020668	Nguyễn Văn	Phóng	02/06/1995	766				
14	1421030500	Vũ Minh	Phương	01/10/1996	767				
15	1421010265	Lê Duy	Quân	25/06/1996	768				
16	1421070100	Phí Hồng	Quân	23/11/1996	769				
17	1521070146	Vũ Hoàng	Quân	20/01/1997	770				
18	1321030185	Trần Văn	Quang	10/12/1995	771				
19	1321040222	Đỗ Bảo	Quyết	09/07/1995	772				
20	1321060239	Đào Đức	Sơn	08/01/1995	773				
21	1321020182	Nguyễn Minh	Sơn	21/08/1995	774				
22	1521060153	Đỗ Đức	Tài	25/08/1997	775				
23	1521010054	Trần Văn	Tam	08/08/1996	776				
24	1621060710	Hà Văn	Tân	25/08/1997	777				
25	1421060254	Đào Văn	Thắng	30/09/1996	778				
26	1521060077	Đỗ Văn	Thắng	18/10/1997	779				
27	1521060140	Phạm Hữu	Thắng	03/02/1997	780				
28	1421070118	Phùng Quang	Thắng	01/12/1996	781				
29	1321080085	Đàm Duy	Thanh	14/10/1995	782				
30	1321030833	Nguyễn Văn	Thanh	07/01/1995	783				
31	1421060248	Vũ Hồng	Thanh	13/12/1996	784				
32	1521050001	Đào Trung	Thành	16/08/1997	785				
33	1631070057	Lê Văn	Thành	02/10/1991	786				
34	1421040253	Nguyễn Doãn	Thành	10/11/1996	787				
35	1521060352	Nguyễn Tiến	Thành	06/09/1997	788				
36	1411060161	Nguyễn Tuấn	Thành	29/08/1996	789				
37	1421060252	Trương Đức	Thành	03/06/1996	790				
38	1321020724	Dương Văn	Thế	01/10/1995	791				
39	1321050191	Nguyễn Phi	Thiên	23/05/1995	792				
40	1521070070	Bùi Đức	Thiện	15/11/1997	793				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010103 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Giải tích 2

Ngày thi: **04/08/2017**Phòng thi: **HNAD101**

Tiết bắt đầu:

9Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1321050193	Đình Trịnh	Thịnh	19/02/1995	794				
42	1321020729	Nguyễn Văn	Thịnh	01/01/1995	795				
43	1421020586	Vũ Văn	Thịnh	24/05/1995	796				
44	1421080392	Nguyễn Vũ Yến	Thy	24/07/1996	797				
45	1321010357	Lê Ngọc	Tiến	12/02/1995	798				
46	1321020754	Lê Xuân	Tinh	16/01/1994	799				
47	1621060142	Bùi Đồng Đình	Tôn	14/01/1997	800				
48	1321020263	Phùng Tài	Trần	10/09/1994	801				
49	1521040141	Chu Thị Thu	Trang	19/02/1997	802				
50	1321020768	Lê Thành	Trung	02/09/1995	803				
51	1321030914	Nguyễn Bảo	Trung	22/04/1995	804				
52	1321020769	Nguyễn Đức	Trung	12/02/1995	805				
53	1321060320	Phùng Hữu	Trung	14/09/1995	806				
54	1631020008	Thịnh Hồng	Trung	18/08/1995	807				
55	1421070129	Trần Hoàng	Trung	31/12/1996	808				
56	1521070123	Vũ Văn	Trung	30/07/1997	809				
57	1411040062	Bùi Văn	Trường	01/03/1996	810				
58	1321080535	Nguyễn Kim	Trường	21/01/1993	811				
59	1521060345	Vũ Quang	Trường	11/11/1997	812				
60	1521070386	Bùi Văn	Tú	21/02/1996	813				
61	1421070516	Trần Anh	Tú	12/09/1996	814				
62	1521030342	Phùng Ngọc	Tuân	30/05/1997	815				
63	1421040325	Nguyễn Văn	Tuấn	26/01/1996	816				
64	1631070024	Phạm Minh	Tuấn	01/10/1995	817				
65	1321040601	Lê Văn	Tùng	05/09/1995	818				
66	1521030118	Mai Xuân	Tùng	13/10/1997	819				
67	1321020244	Nguyễn Duy	Tùng	20/06/1993	820				
68	1321060338	Nguyễn Duy	Tùng	01/05/1995	821				
69	1321060339	Nguyễn Thanh	Tùng	01/08/1993	822				
70	1621010076	Nguyễn Xuân	Tùng	25/01/1998	823				
71	1321010409	Phạm Văn	Tùng	31/07/1993	824				
72	1631070058	Nguyễn Hữu	Túy	29/07/1994	825				
73	1521040062	Nguyễn Đình	Tuyên	18/04/1997	826				
74	1321020249	Nguyễn Văn	Tuyển	15/08/1995	827				
75	1521050063	Nguyễn Công	Tuyên	27/02/1997	828				
76	1621060180	Ngô Quốc	Việt	25/11/1997	829				
77	1321060677	Trịnh Quang	Vinh	17/02/1994	830				
78	1521030109	Lê Quang	Vũ	01/02/1996	831				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010104 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Xác xuất thống kê

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAB505

Tiết bắt đầu:

9

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1524010308	Đỗ Thị Ngọc	Anh	06/09/1997	832				
2	1424010001	Dương Nhật	Anh	29/08/1996	833				
3	1421020211	Lê Duy	Anh	22/11/1995	834				
4	1524010169	Lê Thị Minh	Anh	16/10/1996	835				
5	1624010219	Nguyễn Đức	Anh	08/12/1994	836				
6	1624010659	Vũ Tuấn	Anh	03/04/1998	837				
7	1621030238	Lê Thị Thanh	Bình	26/09/1998	838				
8	1324010031	Nguyễn Ngọc	Chinh	07/04/1995	839				
9	1521020151	Phan Thế	Của	09/10/1997	840				
10	1521060236	Nguyễn Đức	Cường	27/05/1997	841				
11	1221050029	Phạm Tiến	Đạt	20/10/1993	842				
12	1624011004	Trần Duy	Đạt	20/09/1998	843				
13	1624010074	Vũ Minh	Đức	28/06/1998	844				
14	1624010266	Nguyễn Thị	Dung	04/04/1998	845				
15	1521020037	Trương Thị	Dung	19/06/1994	846				
16	1521060383	Lỗ Văn	Duy	08/08/1997	847				
17	1624010633	Bùi Thị	Hà	06/08/1998	848				
18	1421050056	Lê Thái	Hà	28/07/1996	849				
19	1221050038	Nguyễn Việt	Hà	13/11/1994	850				
20	1521030067	Nguyễn Thanh	Hải	04/11/1997	851				
21	1624010844	Nguyễn Thị	Hải	28/01/1998	852				
22	1634010095	Trần Đức	Hiệp	01/05/1991	853				
23	1521060207	Nguyễn Văn	Huy	11/02/1996	854				
24	1624010249	Đàm Hoàng	Khải	20/02/1998	855				
25	1221040409	Nguyễn Hoài	Lam	18/05/1994	856				
26	1421030423	Nguyễn Tùng	Lân	24/07/1996	857				
27	1634010099	Đinh Thị Hồng	Linh	03/09/1991	858				
28	1421040164	Mai Nguyễn Nhật	Linh	23/02/1996	859				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010104 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Xác xuất thống kê

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAB504

Tiết bắt đầu:

9

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1624010493	Phạm Văn	Mạnh	01/12/1997	860				
2	1521030268	Nguyễn Đức	Minh	27/08/1997	861				
3	1324010595	Đỗ Thị	Ngân	05/01/1995	862				
4	1624010291	Hà Thị Bích	Nhàn	12/04/1998	863				
5	1624010630	Lộ Thị	Nhàn	06/08/1998	864				
6	1624010663	Trần Thị Hồng	Nhung	22/08/1998	865				
7	1634010101	Nguyễn Kiều	Oanh	09/06/1992	866				
8	1424010151	Lê Hoài	Phương	19/09/1994	867				
9	1421010261	Voòng Duy	Quang	11/11/1996	868				
10	1624010797	Đỗ Văn	Quyền	24/12/1998	869				
11	1634010103	Đỗ Phúc	Quyết	01/07/1994	870				
12	1321050168	Nguyễn Mai Diệu	Quỳnh	17/06/1995	871				
13	1524010145	Nguyễn Thanh	Tâm	18/07/1997	872				
14	1624010077	Nguyễn Văn	Thắng	19/06/1997	873				
15	1321060288	Phạm Đức	Thắng	01/05/1995	874				
16	1524010252	Vũ Trung	Thông	06/03/1997	875				
17	1634010040	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	01/08/1992	876				
18	1421050203	Bùi Quang	Tiến	27/12/1996	877				
19	1524010301	Bùi Thị Thu	Trang	09/05/1997	878				
20	1424010205	Đặng Đình	Trung	09/04/1996	879				
21	1624010930	Lê Quang	Trung	27/10/1998	880				
22	1424010604	Nguyễn Thành	Trung	01/10/1996	881				
23	1521030336	Lại Đức	Trường	24/05/1997	882				
24	1421030214	Ninh Văn	Trường	09/04/1996	883				
25	1624010561	Lương Minh	Tú	07/06/1998	884				
26	1524010149	Nguyễn Thị Hồng	Uyên	17/03/1996	885				
27	1624010302	Hoàng Quốc	Việt	09/01/1998	886				
28	1524010025	Lương Xuân	Vĩnh	10/01/1997	887				
29	1624010551	Vương Thị	Xuân	26/05/1998	888				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010105 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Xác suất thống kê

Ngày thi: **01/08/2017**Phòng thi: **HNAD201**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521030117	Nguyễn Mai Trường	An	16/06/1997	889				
2	1521070143	Đỗ Hoàng	Anh	20/07/1997	890				
3	1521070087	Đoàn Tuấn	Anh	07/10/1997	891				
4	1521030138	Hồ Phạm Hải	Anh	24/09/1996	892				
5	1521060369	Lê Đức	Anh	22/11/1997	893				
6	1521030152	Lê Thị Huệ	Anh	04/03/1997	894				
7	1521050158	Lê Tuấn	Anh	25/05/1997	895				
8	1521050321	Nguyễn Thị Lan	Anh	17/06/1997	896				
9	1521010179	Nguyễn Việt	Anh	10/02/1997	897				
10	1521060228	Phương Tuấn	Anh	21/10/1995	898				
11	1521070423	Trần Hoàng	Anh	03/04/1997	899				
12	1521040182	Vũ Thị Ngọc	Anh	07/05/1997	900				
13	1521060143	Nguyễn Văn	Bách	04/12/1997	901				
14	1521060078	Lưu Xuân	Bách	08/10/1997	902				
15	1321010034	Cao Văn	Bảo	07/11/1994	903				
16	1521010187	Nguyễn Việt	Chiến	23/10/1997	904				
17	1521060374	Trịnh Khắc	Chiến	02/12/1997	905				
18	1521040071	Trịnh Quốc	Chiến	03/10/1997	906				
19	1531060016	Trần Thị Thương	Chơn	15/0/198/	907				
20	1321050027	Đỗ Văn	Chuyên	31/10/1995	908				
21	1521050336	Nguyễn Kiều Thành	Công	10/03/1996	909				
22	1321060040	Đỗ Quang	Cường	19/12/1995	910				
23	1521050154	Đỗ Tất	Cường	01/04/1997	911				
24	1521070201	Nguyễn Kiên	Cường	16/10/1997	912				
25	1521060190	Nguyễn Việt	Cường	10/11/1997	913				
26	1521040126	Tổng Văn	Cường	12/02/1997	914				
27	1521050014	Đỗ Văn	Đà	10/11/1997	915				
28	1521030191	Lê Tiến	Đạt	04/03/1997	916				
29	1521060036	Nguyễn Tiến	Đạt	08/12/1997	917				
30	1521070210	Trần Tiến	Đạt	21/09/1997	918				
31	1521040131	Phạm Đức	Diệp	28/08/1997	919				
32	1521040006	Trần Duy	Duân	16/08/1996	920				
33	1321030519	Lê Anh	Đức	14/11/1995	921				
34	1521010164	Trần Mạnh	Đức	19/02/1997	922				
35	1621060133	Vũ Mạnh	Đức	12/02/1996	923				
36	1521030354	Lê Thùy	Dung	11/08/1997	924				
37	1521060411	Lại Duy	Dũng	21/06/1996	925				
38	1321050044	Nguyễn Văn	Dũng	15/11/1995	926				
39	1521070230	Vũ Văn	Dũng	01/10/1997	927				
40	1621060348	Hồ Nam	Dương	16/03/1998	928				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010105 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Xác suất thống kê

Ngày thi: **01/08/2017**Phòng thi: **HNAD201**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621040020	Nguyễn Hoàng	Dương	18/05/1998	929				
42	1521070437	Đinh Quang	Duy	24/01/1997	930				
43	1521010030	Trần Thành	Giang	12/11/1996	931				
44	1521060094	Nguyễn Hoàng	Hà	20/12/1997	932				
45	1521040011	Doãn Hồng	Hải	26/11/1997	933				
46	1521060024	Ngô Tuệ	Hải	03/10/1997	934				
47	1521040184	Nguyễn Ngọc	Hải	05/01/1997	935				
48	1521030103	Lô Văn	Hằng	20/03/1997	936				
49	1521050056	Cồ Thị	Hạnh	04/08/1997	937				
50	1521050153	Phạm Thị	Hiền	10/04/1997	938				
51	1621060482	Bùi Đắc	Hiệp	20/01/1996	939				
52	1521070100	Đàm Xuân	Hiếu	13/08/1997	940				
53	1521050057	Đoàn Văn	Hiếu	22/05/1997	941				
54	1521070254	Hoàng Văn	Hiệu	14/12/1997	942				
55	1521040240	Lý Như	Hoa	13/11/1996	943				
56	1421040113	Ngô Quang	Hòa	17/06/1996	944				
57	1521030128	Vũ Thị Thanh Kim	Huệ	20/03/1997	945				
58	1521070265	Nguyễn Mạnh	Hùng	08/08/1997	946				
59	1321060508	Nguyễn Văn	Hùng	21/11/1994	947				
60	1521060321	Phạm Công	Hùng	09/02/1997	948				
61	1521060104	Trần Việt	Hùng	27/09/1997	949				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010105 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Xác suất thống kê

Ngày thi: **01/08/2017**Phòng thi: **HNAD101**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421040135	Hoàng Văn	Hung	20/06/1996	950				
2	1521060429	Lê Văn	Hung	29/10/1997	951				
3	1521050179	Nguyễn Văn	Hung	20/11/1997	952				
4	1521070272	Trịnh Minh	Hung	18/08/1997	953				
5	1521040176	Bùi Thế	Huy	28/09/1997	954				
6	1521010163	Lê Quang	Huy	28/08/1997	955				
7	1521060105	Nguyễn Quốc	Huy	22/05/1997	956				
8	1621060653	Nguyễn Tiến	Huy	28/11/1998	957				
9	1521010063	Nguyễn Văn	Huy	06/11/1997	958				
10	1521060458	Trần Quang	Huy	07/06/1997	959				
11	1621010018	Nguyễn Trọng	Huỳnh	24/10/1997	960				
12	1221040126	Phạm Văn	Khánh	12/06/1994	961				
13	1521070286	Vũ Văn	Khánh	25/04/1997	962				
14	1521070148	Nguyễn Ngọc	Kiên	22/09/1997	963				
15	1521070293	Nguyễn Văn	Kiên	31/10/1997	964				
16	1521070041	Vũ Văn	Kiệt	04/12/1997	965				
17	1421010172	Nguyễn Sơn	Lâm	07/01/1996	966				
18	1621010106	Lê Hữu	Linh	03/02/1998	967				
19	1521060156	Nguyễn Hoài	Linh	28/08/1996	968				
20	1521010259	Nguyễn Thùy	Linh	19/01/1997	969				
21	1521020073	Phạm Nguyễn	Linh	11/02/1997	970				
22	1521070297	Vũ Thị	Loan	12/11/1997	971				
23	1521060453	Hoàng Nhật	Long	20/09/1997	972				
24	1521060110	Mạc Văn	Long	16/06/1995	973				
25	1521060400	Nguyễn Đăng	Long	20/03/1997	974				
26	1521030141	Nguyễn Gia	Long	13/03/1997	975				
27	1521060175	Bùi Văn	Luân	11/04/1997	976				
28	1621060483	Trần Tiến	Lực	07/08/1996	977				
29	1521030367	Nguyễn Thị	Mai	13/01/1997	978				
30	1614010705	Phạm Thị	Mai	14/03/1998	979				
31	1321070118	Đinh Thế	Mạnh	13/10/1995	980				
32	1521010369	Lê Văn	Mạnh	18/12/1997	981				
33	1321040172	Nguyễn Đức	Mạnh	16/04/1995	982				
34	1421060171	Nguyễn Văn	Mạnh	21/01/1996	983				
35	1521060021	Bùi Tuấn	Minh	10/12/1997	984				
36	1521070304	Đỗ Văn	Minh	22/07/1997	985				
37	1621060461	Nguyễn Quang	Minh	12/02/1998	986				
38	1621060296	Nguyễn Thế	Nam	12/09/1998	987				
39	1621030252	Nguyễn Thị Thu	Ngân	06/01/1998	988				
40	1521039003	Nông Văn	Nghĩa	28/11/1996	989				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010105 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Xác suất thống kê

Ngày thi: **01/08/2017**Phòng thi: **HNAD101**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521070318	Vũ Hoàng	Nghĩa	18/09/1997	990				
42	1521070319	Ngô Minh	Ngọc	10/01/1997	991				
43	1521060329	Nguyễn Đình	Ninh	19/01/1997	992				
44	1521040060	Trần Đăng	Phong	07/11/1997	993				
45	1521070324	Nguyễn Thị	Phú	20/05/1997	994				
46	1321070621	Nguyễn Tiến	Phúc	19/10/1995	995				
47	1621060090	Hoàng Xuân	Phương	07/02/1998	996				
48	1414010063	Nguyễn Thị	Phương	28/01/1995	997				
49	1521050455	Lê Đức	Quân	21/03/1996	998				
50	1421070100	Phí Hồng	Quân	23/11/1996	999				
51	1321040220	Trần Văn	Quân	20/05/1995	1000				
52	1521030295	Lê Duy	Quý	16/05/1997	1001				
53	1421060218	Trần Minh	Quý	20/11/1996	1002				
54	1521070460	Lê Nguyệt	Quỳnh	31/01/1997	1003				
55	1521040003	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	14/12/1997	1004				
56	1521010087	Lê Văn	Sang	16/10/1997	1005				
57	1521010429	Nguyễn Tiến	Sáng	21/06/1997	1006				
58	1521070337	Bùi Xuân	Sơn	05/06/1997	1007				
59	1521060330	Đặng Đình	Sơn	10/01/1997	1008				
60	1421040233	Đỗ Hoàng	Sơn	12/05/1996	1009				
61	1521050076	Nguyễn An	Sơn	04/10/1997	1010				
62	1521060170	Nguyễn Bảo	Sơn	11/11/1996	1011				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010105 Nhóm: N01 Tổ thi: T003 Tên HP: Xác suất thống kê

Ngày thi: **01/08/2017**Phòng thi: **HNAD401**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321050172	Phạm Anh	Son	04/05/1995	1012				
2	1521010135	Nguyễn Viết	Tân	11/12/1997	1013				
3	1521040301	Trần Văn	Thái	21/02/1997	1014				
4	1521070111	Bùi Hữu	Thắng	14/03/1997	1015				
5	1321050185	Chu Văn	Thắng	13/09/1995	1016				
6	1521060077	Đỗ Văn	Thắng	18/10/1997	1017				
7	1521060125	Hoàng Hữu	Thắng	23/10/1997	1018				
8	1521060140	Phạm Hữu	Thắng	03/02/1997	1019				
9	1521070088	Hoàng Chí	Thảo	14/11/1997	1020				
10	1521010121	Lại Văn	Thiểm	17/01/1997	1021				
11	1521070371	Phan Quang	Thuận	16/12/1996	1022				
12	1321060300	Vũ Văn	Thuận	23/10/1994	1023				
13	1521040117	Nguyễn Tri	Thức	05/08/1997	1024				
14	1221050100	Vũ Xuân	Thủy	07/10/1994	1025				
15	1321050202	Hà Văn	Tiến	20/03/1995	1026				
16	1521060023	Hoàng Hữu	Tiến	24/03/1997	1027				
17	1521050087	Lê Quý	Tiến	12/12/1997	1028				
18	1521050138	Nguyễn Hữu	Trang	04/10/1997	1029				
19	1521030392	Nguyễn Thị Huyền	Trang	08/03/1997	1030				
20	1521060183	Vương Cảnh	Trí	19/12/1997	1031				
21	1621060209	Nguyễn Văn	Triều	20/02/1998	1032				
22	1521060438	Phạm Vũ	Trọng	06/10/1997	1033				
23	1521030014	Bùi Thành	Trung	28/09/1997	1034				
24	1521040112	Nguyễn Đức	Trung	29/08/1997	1035				
25	1521030337	Nguyễn Văn	Trường	05/07/1996	1036				
26	1521060345	Vũ Quang	Trường	11/11/1997	1037				
27	1521060121	Nguyễn Văn	Tú	16/06/1997	1038				
28	1321020791	Trương Sinh	Tuấn	13/09/1995	1039				
29	1421080420	Khuất Việt	Tùng	03/09/1995	1040				
30	1521060051	Tô Thanh	Tùng	20/10/1997	1041				
31	1521050510	Trần Công	Tường	24/10/1997	1042				
32	1521040062	Nguyễn Đình	Tuyên	18/04/1997	1043				
33	1321020805	Bùi Quốc	Văn	12/04/1993	1044				
34	1521060177	Nguyễn Văn	Vĩ	04/04/1997	1045				
35	1521070028	Nguyễn Duy	Việt	05/12/1997	1046				
36	1321030979	Phạm Hoàng	Việt	31/10/1995	1047				
37	1521060316	Vũ Quốc	Việt	26/12/1997	1048				
38	1521070415	Nguyễn Cảnh	Vinh	28/03/1997	1049				
39	1521070469	Nguyễn Quang	Vĩnh	11/03/1997	1050				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010105 Nhóm: N02 Tổ thi: T001 Tên HP: Xác suất thống kê

Ngày thi: **01/08/2017**Phòng thi: **HNAD201**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321060401	Nguyễn Văn	An	10/08/1994	1051				
2	1521010157	Vũ Văn	An	04/02/1997	1052				
3	1521010129	Đình Hải	Anh	20/08/1996	1053				
4	1521010435	Lê Thị	Anh	25/06/1997	1054				
5	1521060136	Mai Đức	Anh	10/12/1997	1055				
6	1321040004	Nguyễn Hoàng	Anh	15/03/1995	1056				
7	1421030255	Nguyễn Thị Phương	Anh	28/11/1996	1057				
8	1521030142	Trần Thị Huyền	Anh	30/06/1997	1058				
9	1421010015	Trịnh Tuấn	Anh	10/11/1996	1059				
10	1521010386	Mã Văn	Chiến	28/07/1997	1060				
11	1621050281	Trần Minh	Chiến	02/03/1998	1061				
12	1521010103	Lê Văn	Công	28/09/1997	1062				
13	1521010193	Đỗ Đức	Cường	04/03/1997	1063				
14	1521060441	Nguyễn Danh	Cường	07/05/1997	1064				
15	1321050034	Nguyễn Mạnh	Cường	16/02/1995	1065				
16	1521060237	Lê Quý	Đại	14/04/1997	1066				
17	1321050054	Hoàng Thành	Đạt	27/06/1994	1067				
18	1521060007	Nguyễn Thành	Đạt	07/01/1997	1068				
19	1521040136	Nguyễn Tiến	Đạt	08/11/1997	1069				
20	1421030316	Nguyễn Văn	Đoàn	25/12/1996	1070				
21	1521060275	Dương Văn	Đông	09/08/1996	1071				
22	1521040028	Trương Lập	Đông	17/11/1996	1072				
23	1421070220	Nguyễn Ngọc	Dự	26/12/1996	1073				
24	1621050291	Dương Hữu	Đức	16/06/1998	1074				
25	1521050295	Hoàng Anh	Đức	09/01/1997	1075				
26	1421030318	Hoàng Trọng	Đức	26/02/1996	1076				
27	1521060216	Lê Minh	Đức	19/03/1997	1077				
28	1321040075	Nguyễn Văn	Đức	19/05/1995	1078				
29	1521010048	Nguyễn Xuân	Đức	29/09/1997	1079				
30	1521010384	Hoàng Kim	Dung	26/01/1997	1080				
31	1321050463	Nguyễn Anh	Dũng	18/08/1995	1081				
32	1521010326	Trần Thái	Dương	05/01/1997	1082				
33	1621060324	Ngô Văn	Duy	18/09/1998	1083				
34	1521060290	Nguyễn Ngọc	Duy	16/06/1997	1084				
35	1521070141	Vũ Thái Ngọc	Giàu	22/10/1997	1085				
36	1521060309	Bùi Việt	Hải	11/11/1997	1086				
37	1521010072	Nguyễn Khắc	Hải	16/06/1997	1087				
38	1521010060	Nguyễn Ngọc	Hải	15/07/1997	1088				
39	1521010021	Nguyễn Thanh	Hải	02/09/1993	1089				
40	1521060247	Nguyễn Xuân	Hải	09/08/1997	1090				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010105 Nhóm: N02 Tổ thi: T001 Tên HP: Xác suất thống kê

Ngày thi: **01/08/2017**Phòng thi: **HNAD201**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521040079	Trần Minh	Hân	13/02/1997	1091				
42	1521030143	Trần Thị	Hào	22/06/1997	1092				
43	1521060310	Nguyễn Đức	Hiệp	08/10/1997	1093				
44	1321060115	Nguyễn Hữu	Hiệp	03/10/1995	1094				
45	1521060006	Phạm Hoàng	Hiệp	14/05/1997	1095				
46	1521040130	Bế Văn	Hiếu	13/11/1997	1096				
47	1521010146	Trần Minh	Hiếu	22/09/1997	1097				
48	1421060109	Vũ Thanh	Hiếu	01/03/1996	1098				
49	1521010098	Dương Văn	Hòa	23/03/1997	1099				
50	1521010180	Phạm Nguyễn Văn	Hoàn	07/12/1997	1100				
51	1421020362	Trương Văn	Hoàn	13/12/1996	1101				
52	1421010130	Trần Đức	Hoàng	21/12/1996	1102				
53	1421060116	Trần Xuân	Hoàng	28/12/1995	1103				
54	1621010358	Đỗ Mạnh	Hùng	17/09/1998	1104				
55	1421030087	Lưu Doãn	Hùng	18/08/1996	1105				
56	1421070307	Nguyễn Mạnh	Hùng	05/09/1996	1106				
57	1421010140	Nguyễn Trương Việt	Hùng	22/12/1996	1107				
58	1321060138	Nguyễn Văn	Hùng	22/04/1995	1108				
59	1521060358	Trần Văn	Hùng	24/02/1997	1109				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010105 Nhóm: N02 Tổ thi: T002 Tên HP: Xác suất thống kê

Ngày thi: **01/08/2017**Phòng thi: **HNAD101**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521010015	Nguyễn Thành	Hưng	14/08/1996	1110				
2	1321010186	Trần Thanh	Hưng	07/02/1992	1111				
3	1521010117	Vũ Mạnh	Hưng	01/03/1994	1112				
4	1621030153	Đinh Thị Thu	Hương	16/09/1998	1113				
5	1421040143	Nguyễn Mai	Hương	31/12/1996	1114				
6	1521040249	Phạm Thị	Hường	06/08/1996	1115				
7	1621050248	Mai Quốc	Huy	12/10/1996	1116				
8	1521060428	Ngô Quang	Huy	29/04/1995	1117				
9	1421030105	Đào Đình	Khang	15/03/1995	1118				
10	1521060200	Trần Văn	Khang	12/04/1997	1119				
11	1621050314	Lê Duy	Khánh	18/08/1998	1120				
12	1421050452	Nguyễn Duy	Khánh	28/03/1995	1121				
13	1521010049	Trần Trung	Kiên	12/11/1997	1122				
14	1421060152	Đặng Xuân	Lai	16/12/1996	1123				
15	1521070157	Cung Đức	Lâm	02/06/1997	1124				
16	1521010335	Đỗ Văn	Lâm	29/08/1997	1125				
17	1421070353	Phạm Văn	Lâm	05/07/1996	1126				
18	1521040059	Đào Thị	Lệ	15/12/1997	1127				
19	1521050536	Đặng Thị Mai	Linh	29/08/1997	1128				
20	1521010416	Đinh Thị	Linh	09/11/1997	1129				
21	1421070070	Dương Lê	Linh	30/04/1996	1130				
22	1421060158	Hoàng Văn	Linh	09/03/1996	1131				
23	1521030366	Vũ Thị Mỹ	Linh	21/02/1997	1132				
24	1321030686	Vũ Văn	Linh	14/04/1995	1133				
25	1521030422	Đào Thị Mỹ	Loan	06/11/1997	1134				
26	1521010298	Nguyễn Hữu	Lộc	10/05/1995	1135				
27	1521070075	Phạm Bảo	Lộc	07/03/1997	1136				
28	1324010572	Nguyễn Bảo	Long	06/04/1994	1137				
29	1521060214	Nguyễn Danh	Long	01/05/1997	1138				
30	1521070001	Nguyễn Hữu	Long	23/09/1997	1139				
31	1321030700	Đỗ Văn	Luân	04/09/1995	1140				
32	1521010404	Nguyễn Thành	Luân	01/06/1996	1141				
33	1521010024	Đỗ Gia	Lượng	07/07/1997	1142				
34	1521040177	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	25/07/1997	1143				
35	1521020089	Đỗ Quang	Mạnh	14/06/1996	1144				
36	1521070152	Vũ Hoàng	Mạnh	25/12/1997	1145				
37	1321010238	Hoàng Huy	Nam	11/12/1995	1146				
38	1521060357	Nguyễn Hoàng	Nam	08/11/1997	1147				
39	1321040194	Phạm Văn	Ngọc	17/03/1995	1148				
40	1221060096	Bùi Sĩ	Nguyễn	18/01/1994	1149				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010105 Nhóm: N02 Tổ thi: T002 Tên HP: Xác suất thống kê

Ngày thi: **01/08/2017**Phòng thi: **HNAD101**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521010085	Đỗ Văn	Nguyên	27/06/1996	1150				
42	1521060155	Bùi Đức	Nguyên	06/08/1997	1151				
43	1421060512	Nguyễn Đức	Nhân	31/05/1996	1152				
44	1421010232	Đặng Hoàng	Nhật	21/04/1996	1153				
45	1521010330	Đinh Thị Tú	Oanh	06/12/1997	1154				
46	1321060213	Nguyễn Anh	Phong	22/10/1995	1155				
47	1521010253	Đỗ Duy	Phúc	22/01/1997	1156				
48	1521040025	Từ Bá	Phúc	08/02/1997	1157				
49	1421020125	Mai Lan	Phương	13/04/1996	1158				
50	1421040217	Trần Thu	Phương	03/10/1996	1159				
51	1421070431	Phạm Văn	Quân	24/04/1996	1160				
52	1521060198	Nguyễn Trọng	Quý	23/03/1997	1161				
53	1521030298	Bùi Ngọc	Quyền	20/07/1997	1162				
54	1321070154	Nguyễn Văn	Quyền	22/02/1995	1163				
55	1621050789	Vũ Văn	Quyết	18/03/1998	1164				
56	1521030032	Chang A	Sa	29/08/1996	1165				
57	1521060324	Trần Y Quốc	Sang	21/09/1997	1166				
58	1521070024	Nguyễn Đức	Son	12/08/1997	1167				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010105 Nhóm: N02 Tổ thi: T003 Tên HP: Xác suất thống kê

Ngày thi: **01/08/2017**Phòng thi: **HNAD401**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521080235	Nguyễn Hoàng	Son	02/01/1997	1168				
2	1521060457	Trịnh Công	Son	23/10/1997	1169				
3	1521010216	Trịnh Hồng	Son	04/01/1997	1170				
4	1521010073	Vũ Công	Tài	05/03/1997	1171				
5	1621060410	Hà Thị Linh	Tâm	15/11/1997	1172				
6	1321070643	Nguyễn Văn	Thái	14/12/1994	1173				
7	1521070032	Bùi Đức	Thắng	30/12/1997	1174				
8	1521040036	Nguyễn Đức	Thắng	28/11/1996	1175				
9	1521010303	Trần Toàn	Thắng	27/07/1997	1176				
10	1321080085	Đàm Duy	Thanh	14/10/1995	1177				
11	1521040066	Nguyễn Vũ	Thành	18/09/1997	1178				
12	1521030131	Đỗ Danh	Thế	01/12/1997	1179				
13	1521010315	Nguyễn Văn	Thi	16/06/1997	1180				
14	1521010009	Nguyễn Tiến	Thiên	23/09/1997	1181				
15	1621060970	Nguyễn Văn	Thường	26/08/1998	1182				
16	1521010394	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	20/02/1997	1183				
17	1521010051	Phạm Văn	Tiến	08/01/1997	1184				
18	1521040175	Bùi Duy	Tĩnh	19/11/1996	1185				
19	1421010342	Nguyễn Huyền	Trang	05/01/1996	1186				
20	1621060342	Nguyễn Phương	Trang	16/10/1998	1187				
21	1521040081	Nguyễn Thị Thùy	Trang	09/09/1997	1188				
22	1521030393	Nguyễn Văn	Trọng	30/09/1997	1189				
23	1521040319	Đặng Quang	Trung	01/09/1997	1190				
24	1421045009	Trần Bảo	Trung	20/12/1996	1191				
25	1521070123	Vũ Văn	Trung	30/07/1997	1192				
26	1521010351	Nguyễn Văn	Tuân	19/09/1997	1193				
27	1521060340	Đỗ Anh	Tuấn	18/04/1997	1194				
28	1521010294	Mạnh Trọng	Tuấn	19/02/1997	1195				
29	1521060259	Nguyễn Minh	Tuấn	10/02/1997	1196				
30	1521010281	Nguyễn Văn Quốc	Tuấn	14/08/1997	1197				
31	1421060296	Phạm Công	Tuấn	23/01/1996	1198				
32	1421040331	Hoàng Việt	Tùng	19/09/1996	1199				
33	1321050218	Trần Xuân	Tùng	18/05/1995	1200				
34	1521010026	Đoàn Văn	Viện	07/10/1997	1201				
35	1521060152	Đỗ Doãn	Việt	28/09/1997	1202				
36	1321040327	Dương Quốc	Việt	30/10/1991	1203				
37	1521060086	Dương Xuân	Việt	04/12/1997	1204				
38	1521060250	Hoàng Tuấn	Việt	07/12/1997	1205				
39	1521040016	Trần Hoàng	Việt	28/02/1997	1206				
40	1521040168	Phạm Hoàng	Vinh	27/02/1995	1207				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010105 Nhóm: N02 Tổ thi: T003 Tên HP: Xác suất thống kê

Ngày thi: **01/08/2017**Phòng thi: **HNAD401**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521040185	Trần Quang	Vinh	01/09/1997	1208				
42	1521010332	Phạm Văn Long	Vũ	19/01/1997	1209				
43	1621060024	Bì Quốc	Vương	23/08/1997	1210				
44	1521060171	Phạm Quốc	Vương	27/09/1997	1211				
45	1521070421	Bùi Công	Vượng	26/10/1997	1212				
46	1521060194	Đỗ Ngọc	Xuân	01/04/1997	1213				
47	1521050116	Nguyễn Thị	Yến	19/07/1997	1214				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010106 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Phương pháp tính

Ngày thi: **04/08/2017**Phòng thi: **HNAD201**

Tiết bắt đầu:

6Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521070087	Đoàn Tuấn	Anh	07/10/1997	1215				
2	1521060369	Lê Đức	Anh	22/11/1997	1216				
3	1521010435	Lê Thị	Anh	25/06/1997	1217				
4	1521040336	Lê Tuấn	Anh	26/12/1997	1218				
5	1621030052	Lý Minh	Anh	02/05/1998	1219				
6	1621030007	Nguy Thị Quỳnh	Anh	11/10/1998	1220				
7	1521010263	Nguyễn Quyền	Anh	09/07/1996	1221				
8	1421030260	Nguyễn Vũ Việt	Anh	01/06/1995	1222				
9	1521040182	Vũ Thị Ngọc	Anh	07/05/1997	1223				
10	1521030016	Đào Thị	ánh	27/01/1997	1224				
11	1321040338	Nguyễn Thành	Biên	09/05/1994	1225				
12	1321040022	Phùng Lệ	Chi	09/05/1995	1226				
13	1421030015	Nguyễn Thị	Chinh	29/07/1995	1227				
14	1531060016	Trần Thị Thương	Chon	15//0/198/	1228				
15	1321020028	Trần Hồng	Chuyên	07/04/1995	1229				
16	1521010103	Lê Văn	Công	28/09/1997	1230				
17	1321040028	Mai Chiến	Công	18/01/1991	1231				
18	1521030180	Phạm Văn	Công	02/11/1997	1232				
19	1421070020	Đào Quốc	Cường	12/05/1996	1233				
20	1521030191	Lê Tiến	Đạt	04/03/1997	1234				
21	1521060007	Nguyễn Thành	Đạt	07/01/1997	1235				
22	1621060210	Trần Đỗ	Đạt	29/04/1998	1236				
23	1521070210	Trần Tiến	Đạt	21/09/1997	1237				
24	1421060888	Vũ Thành	Đạt	25/02/1996	1238				
25	1421030316	Nguyễn Văn	Đoàn	25/12/1996	1239				
26	1521010076	Ngô Văn	Đôn	15/08/1997	1240				
27	1321030519	Lê Anh	Đức	14/11/1995	1241				
28	1521030470	Nguyễn Đình	Đức	25/10/1997	1242				
29	1321040075	Nguyễn Văn	Đức	19/05/1995	1243				
30	1521010048	Nguyễn Xuân	Đức	29/09/1997	1244				
31	1521030009	Phạm Minh	Đức	13/08/1997	1245				
32	1521019021	Đặng Quốc	Dũng	15/11/1997	1246				
33	1521010028	Hoàng Anh	Dũng	20/08/1997	1247				
34	1421060362	Nguyễn Xuân	Dũng	07/01/1996	1248				
35	1621060348	Hồ Nam	Dương	16/03/1998	1249				
36	1521030206	Phạm Thị Thùy	Dương	20/10/1997	1250				
37	1421030037	Vũ Văn	Dương	09/02/1996	1251				
38	1521070437	Đinh Quang	Duy	24/01/1997	1252				
39	1621060239	Nguyễn Khương	Duy	23/10/1998	1253				
40	1521070141	Vũ Thái Ngọc	Giàu	22/10/1997	1254				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010106 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Phương pháp tính

Ngày thi: **04/08/2017**Phòng thi: **HNAD201**

Tiết bắt đầu:

6Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521060094	Nguyễn Hoàng	Hà	20/12/1997	1255				
42	1521010072	Nguyễn Khắc	Hải	16/06/1997	1256				
43	1521010060	Nguyễn Ngọc	Hải	15/07/1997	1257				
44	1521010021	Nguyễn Thanh	Hải	02/09/1993	1258				
45	1621060244	Nguyễn Văn	Hải	10/10/1998	1259				
46	1521040079	Trần Minh	Hân	13/02/1997	1260				
47	1621060482	Bùi Đắc	Hiệp	20/01/1996	1261				
48	1521040130	Bế Văn	Hiếu	13/11/1997	1262				
49	1521010146	Trần Minh	Hiếu	22/09/1997	1263				
50	1521010378	Trần Minh	Hiếu	11/08/1996	1264				
51	1621060130	Trương Minh	Hiếu	22/04/1998	1265				
52	1421020064	Đỗ Văn	Hiệu	25/07/1996	1266				
53	1521070254	Hoàng Văn	Hiệu	14/12/1997	1267				
54	1521010098	Dương Văn	Hòa	23/03/1997	1268				
55	1521010301	Nguyễn Huy	Hoàn	29/08/1997	1269				
56	1521010180	Phạm Nguyễn Văn	Hoàn	07/12/1997	1270				
57	1421020362	Trương Văn	Hoàn	13/12/1996	1271				
58	1521010395	Lê Ngọc	Hoàng	17/12/1997	1272				
59	1521060220	Trần Minh	Hoàng	02/02/1997	1273				
60	1521010186	Hồ Sỹ	Hùng	04/02/1997	1274				
61	1421030087	Lưu Doãn	Hùng	18/08/1996	1275				
62	1421030374	Nguyễn Hữu	Hùng	08/02/1995	1276				
63	1521070265	Nguyễn Mạnh	Hùng	08/08/1997	1277				
64	1321060138	Nguyễn Văn	Hùng	22/04/1995	1278				
65	1521010015	Nguyễn Thành	Hưng	14/08/1996	1279				
66	1521010117	Vũ Mạnh	Hưng	01/03/1994	1280				
67	1621010349	Nguyễn Thị Mai	Hương	01/12/1998	1281				
68	1521040176	Bùi Thế	Huy	28/09/1997	1282				
69	1521010313	Hồ Việt	Huy	11/11/1997	1283				
70	1521010223	Hoàng Quốc	Huy	03/01/1997	1284				
71	1521010248	Lê Văn	Huy	30/09/1997	1285				
72	1521060428	Ngô Quang	Huy	29/04/1995	1286				
73	1521060105	Nguyễn Quốc	Huy	22/05/1997	1287				
74	1521060207	Nguyễn Văn	Huy	11/02/1996	1288				
75	1521040166	Vũ Nguyễn Gia	Huy	19/08/1997	1289				
76	1521030240	Nguyễn Thị	Huyền	18/01/1997	1290				
77	1621010018	Nguyễn Trọng	Huỳnh	24/10/1997	1291				
78	1521040254	Nguyễn Xuân	Khải	06/12/1997	1292				
79	1321030647	Nguyễn Thế	Khang	22/02/1995	1293				
80	1521060019	Cao Thị Hồng	Khuyên	02/11/1997	1294				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010106 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Phương pháp tính

Ngày thi: **04/08/2017**Phòng thi: **HNAD201**

Tiết bắt đầu:

6Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1521060040	Nguyễn Trung	Kiên	23/09/1997	1295				
82	1521070293	Nguyễn Văn	Kiên	31/10/1997	1296				
83	1521010335	Đỗ Văn	Lâm	29/08/1997	1297				
84	1621010707	Trần Tùng	Lâm	31/07/1997	1298				
85	1521040059	Đào Thị	Lệ	15/12/1997	1299				
86	1521010416	Đinh Thị	Linh	09/11/1997	1300				
87	1521060156	Nguyễn Hoài	Linh	28/08/1996	1301				
88	1521030366	Vũ Thị Mỹ	Linh	21/02/1997	1302				
89	1321030686	Vũ Văn	Linh	14/04/1995	1303				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010106 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Phương pháp tính

Ngày thi: **04/08/2017**Phòng thi: **HNAD101**

Tiết bắt đầu:

6Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521010298	Nguyễn Hữu	Lộc	10/05/1995	1304				
2	1521070075	Phạm Bảo	Lộc	07/03/1997	1305				
3	1521010150	Đặng Văn	Lợi	17/08/1997	1306				
4	1521030261	Nguyễn Bá	Long	16/05/1997	1307				
5	1324010572	Nguyễn Bảo	Long	06/04/1994	1308				
6	1521070001	Nguyễn Hữu	Long	23/09/1997	1309				
7	1521010404	Nguyễn Thành	Luân	01/06/1996	1310				
8	1631070054	Trịnh Công	Luân	28/07/1990	1311				
9	1521030076	Nguyễn Mạnh	Lực	07/02/1997	1312				
10	1521040070	Trần Khánh	Ly	11/09/1997	1313				
11	1521010267	Trịnh Thị Thảo	Ly	20/04/1997	1314				
12	1521040177	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	25/07/1997	1315				
13	1321040529	Hà Trọng	Mạnh	10/09/1994	1316				
14	1521010194	Trần Văn	Mạnh	16/11/1996	1317				
15	1521070304	Đỗ Văn	Minh	22/07/1997	1318				
16	1421030137	Nguyễn Phương	Nam	05/12/1996	1319				
17	1521010136	Nguyễn Văn	Nam	15/08/1997	1320				
18	1421070090	Vũ Văn	Nam	10/10/1996	1321				
19	1521070318	Vũ Hoàng	Nghĩa	18/09/1997	1322				
20	1521010085	Đỗ Văn	Nguyên	27/06/1996	1323				
21	1421060512	Nguyễn Đức	Nhân	31/05/1996	1324				
22	1521060329	Nguyễn Đình	Ninh	19/01/1997	1325				
23	1621010281	Phạm Thị	Ninh	25/10/1998	1326				
24	1521010330	Đinh Thị Tú	Oanh	06/12/1997	1327				
25	1621070803	Olontumen	Olonbayar	13/02/1998	1328				
26	1521010253	Đỗ Duy	Phúc	22/01/1997	1329				
27	1521070325	Trần Hồng	Phúc	25/02/1997	1330				
28	1521070457	Bùi Thị	Phương	01/09/1997	1331				
29	1621060090	Hoàng Xuân	Phương	07/02/1998	1332				
30	1521060300	Trần Minh	Phương	24/10/1997	1333				
31	1221060104	Lê Hồng	Quân	24/01/1993	1334				
32	1321060222	Nguyễn Huy	Quang	04/11/1994	1335				
33	1521060281	Phạm Thế	Quý	29/09/1997	1336				
34	1421010273	Hoàng Văn	Quyền	06/08/1996	1337				
35	1321070154	Nguyễn Văn	Quyền	22/02/1995	1338				
36	1621010339	Nguyễn Đỗ	Quyết	04/06/1998	1339				
37	1521070460	Lê Nguyệt	Quỳnh	31/01/1997	1340				
38	1521010087	Lê Văn	Sang	16/10/1997	1341				
39	1521010429	Nguyễn Tiến	Sáng	21/06/1997	1342				
40	1621010251	Lê Cao	Sơn	05/12/1998	1343				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010106 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Phương pháp tính

Ngày thi: **04/08/2017**Phòng thi: **HNAD101**

Tiết bắt đầu:

6Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521010216	Trịnh Hồng	Son	04/01/1997	1344				
42	1421060234	Lê Thế	Sự	23/08/1996	1345				
43	1521010198	Tô Thanh	Tài	15/08/1997	1346				
44	1521010073	Vũ Công	Tài	05/03/1997	1347				
45	1521010135	Nguyễn Việt	Tân	11/12/1997	1348				
46	1521010012	Hoàng Văn	Thanh	05/12/1997	1349				
47	1621010040	Trần Thị Phương	Thảo	08/02/1998	1350				
48	1521010315	Nguyễn Văn	Thi	16/06/1997	1351				
49	1521010121	Lại Văn	Thiểm	17/01/1997	1352				
50	1521010009	Nguyễn Tiến	Thiên	23/09/1997	1353				
51	1521060020	Phạm Đăng	Thiện	16/04/1997	1354				
52	1421020586	Vũ Văn	Thịnh	24/05/1995	1355				
53	1521010102	Phạm Quang	Thuận	08/08/1997	1356				
54	1521070371	Phan Quang	Thuận	16/12/1996	1357				
55	1521010394	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	20/02/1997	1358				
56	1521060296	Đỗ Minh	Tiến	19/11/1997	1359				
57	1521070043	Đỗ Thế	Tiến	24/08/1997	1360				
58	1521010051	Phạm Văn	Tiến	08/01/1997	1361				
59	1521010211	Mai Văn	Toàn	15/04/1997	1362				
60	1621030215	Đinh Xuân	Tôn	30/04/1998	1363				
61	1221070294	Đỗ Quý	Tòng	20/07/1994	1364				
62	1521040081	Nguyễn Thị Thùy	Trang	09/09/1997	1365				
63	1521030393	Nguyễn Văn	Trọng	30/09/1997	1366				
64	1521040319	Đặng Quang	Trung	01/09/1997	1367				
65	1421060280	Nguyễn Đức	Trung	26/07/1996	1368				
66	1421045009	Trần Bảo	Trung	20/12/1996	1369				
67	1521030338	Nguyễn Xuân	Trường	28/07/1996	1370				
68	1321010385	Trần Văn	Trường	09/01/1995	1371				
69	1521070385	Vì Hồng	Trường	18/09/1997	1372				
70	1521060340	Đỗ Anh	Tuấn	18/04/1997	1373				
71	1521070394	Lê Đăng	Tuấn	27/10/1996	1374				
72	1521010104	Lê Danh	Tuấn	25/02/1997	1375				
73	1521010294	Mạnh Trọng	Tuấn	19/02/1997	1376				
74	1421030224	Nguyễn Mạnh	Tuấn	03/07/1995	1377				
75	1521010050	Phạm Văn	Tuấn	23/08/1997	1378				
76	1521060051	Tô Thanh	Tùng	20/10/1997	1379				
77	1421060304	Trần Kế Thanh	Tùng	30/06/1995	1380				
78	1521020346	Lê Đình	Tường	10/07/1997	1381				
79	1521060177	Nguyễn Văn	Vĩ	04/04/1997	1382				
80	1521010026	Đoàn Văn	Viện	07/10/1997	1383				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010106 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Phương pháp tính

Ngày thi: **04/08/2017**Phòng thi: **HNAD101**

Tiết bắt đầu:

6Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1521010112	Hoàng Quốc	Việt	27/04/1997	1384				
82	1421030232	Nguyễn Doãn	Việt	27/09/1995	1385				
83	1521060382	Nguyễn Văn	Việt	02/04/1997	1386				
84	1521010405	Phạm Hoàng	Việt	21/09/1996	1387				
85	1521060385	Phùng Duy	Việt	17/09/1996	1388				
86	1521040016	Trần Hoàng	Việt	28/02/1997	1389				
87	1521070415	Nguyễn Cảnh	Vinh	28/03/1997	1390				
88	1521070469	Nguyễn Quang	Vĩnh	11/03/1997	1391				
89	1521010332	Phạm Văn Long	Vũ	19/01/1997	1392				
90	1521070421	Bùi Công	Vượng	26/10/1997	1393				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010109 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Logic đại cương

Ngày thi: **03/08/2017**Phòng thi: **HNAA305**

Tiết bắt đầu:

6Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421060001	Lê Hữu	An	15/01/1996	1394				
2	1621060222	Đỗ Hữu	Anh	09/03/1998	1395				
3	1621030052	Lý Minh	Anh	02/05/1998	1396				
4	1621030007	Nguy Thị Quỳnh	Anh	11/10/1998	1397				
5	1521010263	Nguyễn Quyền	Anh	09/07/1996	1398				
6	1521010179	Nguyễn Việt	Anh	10/02/1997	1399				
7	1321020028	Trần Hồng	Chuyên	07/04/1995	1400				
8	1321060030	Nguyễn Thành	Công	13/06/1995	1401				
9	1421030316	Nguyễn Văn	Đoàn	25/12/1996	1402				
10	1421030045	Trương Công	Đoàn	14/01/1996	1403				
11	1521010076	Ngô Văn	Đôn	15/08/1997	1404				
12	1521030108	Nguyễn Trung	Đức	23/04/1995	1405				
13	1521019021	Đặng Quốc	Dũng	15/11/1997	1406				
14	1421030329	Nguyễn Hoàng	Giang	13/02/1994	1407				
15	1421030064	Nguyễn Đức	Hân	05/11/1996	1408				
16	1221030314	Đào Văn	Hoàn	04/08/1993	1409				
17	1321030085	Ngô Huy	Hoàng	07/08/1995	1410				
18	1521010100	Nguyễn Đăng	Hoàng	09/11/1997	1411				
19	1421030373	Lê Thanh	Hùng	05/10/1996	1412				
20	1421030374	Nguyễn Hữu	Hùng	08/02/1995	1413				
21	1521010313	Hồ Việt	Huy	11/11/1997	1414				
22	1421030105	Đào Đình	Khang	15/03/1995	1415				
23	1321030647	Nguyễn Thế	Khang	22/02/1995	1416				
24	1421030417	Phạm Trung	Kiên	05/07/1996	1417				
25	1421060156	Vũ Ngọc	Lâm	11/09/1996	1418				
26	1421030114	Nguyễn Đăng	Lâm	17/07/1996	1419				
27	1621030006	Phạm Đăng	Lâm	31/10/1996	1420				
28	1521030261	Nguyễn Bá	Long	16/05/1997	1421				
29	1521060439	Đinh Văn	Lực	17/12/1997	1422				
30	1521010267	Trịnh Thị Thảo	Ly	20/04/1997	1423				
31	1421010197	Nguyễn Xuân	Mạnh	27/02/1996	1424				
32	1321060193	Lưu Hoàng	Nam	12/09/1995	1425				
33	1321060197	Nguyễn Ngọc	Nam	26/01/1995	1426				
34	1521010136	Nguyễn Văn	Nam	15/08/1997	1427				
35	1521010173	Đặng Văn	Nghĩa	10/01/1996	1428				
36	1421010231	Đinh Văn	Nhân	27/09/1996	1429				
37	1421060512	Nguyễn Đức	Nhân	31/05/1996	1430				
38	1321030773	Nguyễn Trọng	Pháp	17/07/1995	1431				
39	1421060524	Phạm Thanh	Phong	21/05/1996	1432				
40	1321060235	Nguyễn Văn	Quyết	20/11/1995	1433				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010109 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Logic đại cương

Ngày thi: **03/08/2017**Phòng thi: **HNAB305**

Tiết bắt đầu:

6Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421060225	Trần Danh	Sang	16/10/1995	1434				
2	1521010198	Tô Thanh	Tài	15/08/1997	1435				
3	1521010123	Lê Quang	Tâm	14/10/1997	1436				
4	1421030541	Phuong	Thái	04/02/1996	1437				
5	1521060461	Nguyễn Văn	Thắng	06/07/1995	1438				
6	1421050190	Phan Lê Duy	Thắng	15/11/1996	1439				
7	1521010012	Hoàng Văn	Thanh	05/12/1997	1440				
8	1321030864	Trần Xuân	Thiệu	15/09/1995	1441				
9	1421060264	Lê Đức	Thịnh	09/05/1996	1442				
10	1521060351	Trịnh Văn	Thông	11/01/1997	1443				
11	1321060631	Lê Văn	Tiến	22/02/1994	1444				
12	1321030234	Nguyễn Văn	Tiến	25/12/1993	1445				
13	1631060006	Phạm Đình	Tiến	25/10/1993	1446				
14	1321060310	Nguyễn Văn	Tiếp	04/09/1995	1447				
15	1521010089	Nguyễn Hoàng	Tín	18/02/1997	1448				
16	1521010211	Mai Văn	Toàn	15/04/1997	1449				
17	1521030328	Hoàng Thị Quỳnh	Trang	12/03/1997	1450				
18	1421010402D	Hứa Văn	Trung	25/10/1995	1451				
19	1621030036	Lê Quang	Trung	13/07/1998	1452				
20	1521030338	Nguyễn Xuân	Trường	28/07/1996	1453				
21	1531060032	Đoàn Anh	Tuấn	10/03/1994	1454				
22	1521010104	Lê Danh	Tuấn	25/02/1997	1455				
23	1421030224	Nguyễn Mạnh	Tuấn	03/07/1995	1456				
24	1521010050	Phạm Văn	Tuấn	23/08/1997	1457				
25	1321060342	Trần Thanh	Tùng	29/08/1995	1458				
26	1521060177	Nguyễn Văn	Vĩ	04/04/1997	1459				
27	1521010112	Hoàng Quốc	Việt	27/04/1997	1460				
28	1321030989	Đặng Thế	Vương	01/10/1995	1461				
29	1421011428	Trần Minh	Vương	10/06/1996	1462				
30	1321030997	Nguyễn Hải	Yến	18/11/1994	1463				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010110 Nhóm: N02 Tổ thi: T001 Tên HP: Toán tối ưu

Ngày thi: **01/08/2017**Phòng thi: **HNAD201**

Tiết bắt đầu:

9Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421070002	Hồ Công	Anh	16/07/1996	1464				
2	1521040336	Lê Tuấn	Anh	26/12/1997	1465				
3	1621030007	Nguy Thị Quỳnh	Anh	11/10/1998	1466				
4	1521010179	Nguyễn Việt	Anh	10/02/1997	1467				
5	1421030260	Nguyễn Vũ Việt	Anh	01/06/1995	1468				
6	1521030016	Đào Thị	ánh	27/01/1997	1469				
7	1521030170	Phạm Ngọc	ánh	19/09/1997	1470				
8	1321060021	Nguyễn Thái	Bảo	06/06/1994	1471				
9	1521010213	Trịnh Quốc	Bảo	05/01/1998	1472				
10	1321030446	Nguyễn Văn	Chí	02/02/1995	1473				
11	1421040380	Nguyễn Minh	Chiến	07/04/1996	1474				
12	1421070014	Nguyễn Đức	Chinh	05/02/1996	1475				
13	1421080156	Bùi Đức	Chính	31/10/1996	1476				
14	1421030018	Tổng Văn	Chung	10/11/1996	1477				
15	1421070020	Đào Quốc	Cường	12/05/1996	1478				
16	1421060353	Trần Mạnh	Cường	04/12/1995	1479				
17	1221080015	Nguyễn Phan	Đại	18/10/1994	1480				
18	1321070457	Giáp Duy	Đạt	01/04/1995	1481				
19	1421070030	Nguyễn Thành	Đạt	02/04/1996	1482				
20	1521030031	Nguyễn Tiến	Đạt	01/11/1997	1483				
21	1421030313	Vũ Hữu	Đạt	28/01/1995	1484				
22	1321040068	Tạ Trung	Định	17/10/1995	1485				
23	1621070212	Nguyễn Thành	Đô	20/06/1987	1486				
24	1421030316	Nguyễn Văn	Đoàn	25/12/1996	1487				
25	1521010076	Ngô Văn	Đôn	15/08/1997	1488				
26	1421070241	Ninh Duy	Đồng	13/10/1995	1489				
27	1521070217	Lê Đình	Đức	15/09/1997	1490				
28	1221040068	Lê Trung	Đức	26/03/1994	1491				
29	1521019021	Đặng Quốc	Dũng	15/11/1997	1492				
30	1421080172	Phạm Tiến	Dũng	16/01/1996	1493				
31	1421080173	Phan Tiến	Dũng	14/11/1996	1494				
32	1321010090	Hồ Xuân Hoàng	Dương	04/03/1994	1495				
33	1621040020	Nguyễn Hoàng	Dương	18/05/1998	1496				
34	1521030206	Phạm Thị Thùy	Dương	20/10/1997	1497				
35	1321040457	Phạm Văn	Dương	24/01/1994	1498				
36	1421030037	Vũ Văn	Dương	09/02/1996	1499				
37	1421040391	Mai Văn	Duy	02/05/1996	1500				
38	1421040055	Nguyễn Lê	Duy	01/05/1993	1501				
39	1521070009	Phạm Thế	Duyệt	29/05/1997	1502				
40	1521010030	Trần Thành	Giang	12/11/1996	1503				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010110 Nhóm: N02 Tổ thi: T001 Tên HP: Toán tối ưu

Ngày thi: **01/08/2017**Phòng thi: **HNAD201**

Tiết bắt đầu:

9Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521070141	Vũ Thái Ngọc	Giàu	22/10/1997	1504				
42	1321020514	Đặng Hoàng	Hải	21/07/1995	1505				
43	1521010021	Nguyễn Thanh	Hải	02/09/1993	1506				
44	1421030349	Nguyễn Hoàng	Hiệp	05/12/1996	1507				
45	1621070081	Trần Gia	Hiệp	20/11/1998	1508				
46	1321060117	Bùi Thanh	Hiếu	07/09/1994	1509				
47	1321070073	Lê Đức	Hòa	02/09/1994	1510				
48	1421070292	Hoàng Công	Hoan	18/12/1996	1511				
49	1321030592	Phạm Hữu	Hoàn	20/01/1991	1512				
50	1321070512	Đào Huy	Hoàng	31/01/1995	1513				
51	1621030004	Nguyễn Huy	Hoàng	18/09/1998	1514				
52	1521010186	Hồ Sỹ	Hùng	04/02/1997	1515				
53	1421030373	Lê Thanh	Hùng	05/10/1996	1516				
54	1421030374	Nguyễn Hữu	Hùng	08/02/1995	1517				
55	1521030092	Nguyễn Văn	Hùng	20/02/1997	1518				
56	1421070325	Lê Văn	Hung	15/01/1995	1519				
57	1521010015	Nguyễn Thành	Hung	14/08/1996	1520				
58	1421060144	Phạm Văn	Hung	01/12/1996	1521				
59	1521070272	Trịnh Minh	Hung	18/08/1997	1522				
60	1621010349	Nguyễn Thị Mai	Hương	01/12/1998	1523				
61	1521010313	Hồ Việt	Huy	11/11/1997	1524				
62	1521010248	Lê Văn	Huy	30/09/1997	1525				
63	1521060428	Ngô Quang	Huy	29/04/1995	1526				
64	1521010126	Nguyễn Trần Đức	Huy	25/07/1997	1527				
65	1521030240	Nguyễn Thị	Huyền	18/01/1997	1528				
66	1321070099	Nguyễn Quang	Khánh	06/06/1994	1529				
67	1321020132	Nguyễn Ngọc	Kiên	26/04/1994	1530				
68	1521070293	Nguyễn Văn	Kiên	31/10/1997	1531				
69	1421030417	Phạm Trung	Kiên	05/07/1996	1532				
70	1521030039	Nguyễn Xuân	Lâm	19/04/1997	1533				
71	1521030255	Dương Thị Thùy	Linh	03/07/1997	1534				
72	1521020073	Phạm Nguyễn	Linh	11/02/1997	1535				
73	1521030366	Vũ Thị Mỹ	Linh	21/02/1997	1536				
74	1521070075	Phạm Bảo	Lộc	07/03/1997	1537				
75	1521070001	Nguyễn Hữu	Long	23/09/1997	1538				
76	1421030124	Phạm Văn	Long	22/11/1995	1539				
77	1631070054	Trịnh Công	Luân	28/07/1990	1540				
78	1521040261	Trần Hữu	Lực	12/08/1997	1541				
79	1421040176	Trịnh Văn	Lực	10/01/1996	1542				
80	1521010024	Đỗ Gia	Lượng	07/07/1997	1543				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010110 Nhóm: N02 Tổ thi: T001 Tên HP: Toán tối ưu

Ngày thi: **01/08/2017**Phòng thi: **HNAD201**

Tiết bắt đầu:

9Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1421070383	Nguyễn Tuấn	Mạnh	15/04/1996	1544				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010110 Nhóm: N02 Tổ thi: T002 Tên HP: Toán tối ưu

Ngày thi: **01/08/2017**Phòng thi: **HNAD101**

Tiết bắt đầu:

9Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321060182	Phạm Văn	Mạnh	03/02/1995	1545				
2	1521010194	Trần Văn	Mạnh	16/11/1996	1546				
3	1521070152	Vũ Hoàng	Mạnh	25/12/1997	1547				
4	1521060422	Nguyễn Anh	Nam	30/04/1996	1548				
5	1321060197	Nguyễn Ngọc	Nam	26/01/1995	1549				
6	1421030467	Nguyễn Sơn	Nam	02/11/1995	1550				
7	1521010136	Nguyễn Văn	Nam	15/08/1997	1551				
8	1521010199	Phạm Văn	Nam	02/07/1997	1552				
9	1621020056	Lê Thị Thúy	Nga	02/07/1998	1553				
10	1521010239	Tô Thanh	Ngọc	17/09/1997	1554				
11	1521030280	Trần Thị Thúy	Nhi	28/06/1997	1555				
12	1621010281	Phạm Thị	Ninh	25/10/1998	1556				
13	1321060211	Phạm Thị Kiều	Oanh	09/05/1995	1557				
14	1421040209	Phạm Ngọc	Phôn	30/07/1996	1558				
15	1421030151	Lê Minh	Phong	30/10/1996	1559				
16	1421030152	Nguyễn Xuân	Phú	25/11/1996	1560				
17	1521070036	Trần Văn	Phú	31/03/1997	1561				
18	1421030153	Ngô Xuân	Phúc	20/04/1996	1562				
19	1321070621	Nguyễn Tiến	Phúc	19/10/1995	1563				
20	1421010261	Voòng Duy	Quang	11/11/1996	1564				
21	1621070015	Hoàng Văn	Quý	01/01/1998	1565				
22	1521030298	Bùi Ngọc	Quyền	20/07/1997	1566				
23	1421040228	Phạm Văn	Quyết	09/10/1996	1567				
24	1521040104	Đỗ Mạnh	Quỳnh	12/10/1996	1568				
25	1521070460	Lê Nguyệt	Quỳnh	31/01/1997	1569				
26	1421070102	Chào Láo	San	28/10/1995	1570				
27	1521010087	Lê Văn	Sang	16/10/1997	1571				
28	1421080100	Nghiêm Minh	Sang	28/11/1996	1572				
29	1421040233	Đỗ Hoàng	Sơn	12/05/1996	1573				
30	1421070107	Nguyễn Duy	Sơn	13/06/1996	1574				
31	1321020182	Nguyễn Minh	Sơn	21/08/1995	1575				
32	1521010216	Trịnh Hồng	Sơn	04/01/1997	1576				
33	1421070446	Bùi Văn	Sự	20/08/1995	1577				
34	1421040234	Nguyễn Văn	Sỹ	21/01/1995	1578				
35	1121070037	Nguyễn Văn	Tài	02/01/1993	1579				
36	1621060710	Hà Văn	Tân	25/08/1997	1580				
37	1521010135	Nguyễn Việt	Tân	11/12/1997	1581				
38	1421040241	Lương Trọng	Tấn	24/03/1996	1582				
39	1421030541	Phương	Thái	04/02/1996	1583				
40	1321040261	Đặng Vũ	Thắng	07/04/1994	1584				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010110 Nhóm: N02 Tổ thi: T002 Tên HP: Toán tối ưu

Ngày thi: **01/08/2017**Phòng thi: **HNAD101**

Tiết bắt đầu:

9Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521010012	Hoàng Văn	Thanh	05/12/1997	1585				
42	1421040250	Đoàn Tiến	Thành	07/01/1996	1586				
43	1521010315	Nguyễn Văn	Thi	16/06/1997	1587				
44	1521010121	Lại Văn	Thiểm	17/01/1997	1588				
45	1521010009	Nguyễn Tiến	Thiên	23/09/1997	1589				
46	1521040165	Đỗ Văn	Thiện	30/06/1997	1590				
47	1421020586	Vũ Văn	Thịnh	24/05/1995	1591				
48	1521030317	Lê Đình	Thông	10/11/1997	1592				
49	1521010102	Phạm Quang	Thuận	08/08/1997	1593				
50	1521070371	Phan Quang	Thuận	16/12/1996	1594				
51	1521010051	Phạm Văn	Tiến	08/01/1997	1595				
52	1521010089	Nguyễn Hoàng	Tín	18/02/1997	1596				
53	1421030207	Lê Văn	Toàn	15/11/1996	1597				
54	1521010211	Mai Văn	Toàn	15/04/1997	1598				
55	1521030328	Hoàng Thị Quỳnh	Trang	12/03/1997	1599				
56	1421080402	Phạm Huy	Trịnh	16/02/1995	1600				
57	1521030393	Nguyễn Văn	Trọng	30/09/1997	1601				
58	1321030912	Vũ Bá	Trọng	26/07/1995	1602				
59	1621030044	Lê Công	Trực	05/08/1998	1603				
60	1621030036	Lê Quang	Trung	13/07/1998	1604				
61	1521010143	Phan Thế	Trung	18/03/1997	1605				
62	1521070123	Vũ Văn	Trung	30/07/1997	1606				
63	1521030337	Nguyễn Văn	Trường	05/07/1996	1607				
64	1621030003	Phạm Quang	Trường	21/07/1998	1608				
65	1421030214	Ninh Văn	Trường	09/04/1996	1609				
66	1421040312	Nguyễn Ngọc	Tú	17/10/1996	1610				
67	1521070391	Đặng Danh	Tuấn	10/08/1997	1611				
68	1521010104	Lê Danh	Tuấn	25/02/1997	1612				
69	1521010050	Phạm Văn	Tuấn	23/08/1997	1613				
70	1321040320	Trịnh Văn	Tuấn	15/07/1995	1614				
71	1421060299	Vũ Minh	Tuấn	02/11/1995	1615				
72	1321070704	Đào Mạnh	Tùng	15/10/1994	1616				
73	1421070139	Đỗ Mạnh	Tùng	20/06/1996	1617				
74	1321030261	Hoàng Mạnh	Tùng	19/10/1994	1618				
75	1421040568	Đặng Đình	Văn	11/03/1996	1619				
76	1521010112	Hoàng Quốc	Việt	27/04/1997	1620				
77	1321040332	Phạm Công	Vinh	19/12/1994	1621				
78	1521070469	Nguyễn Quang	Vĩnh	11/03/1997	1622				
79	1521070421	Bùi Công	Vượng	26/10/1997	1623				
80	1521030004	Nguyễn Thị Hải	Yến	12/01/1997	1624				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010201 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Vật lý đại cương A1 + TN

Ngày thi: **02/08/2017**Phòng thi: **HNAD201**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421040355	Nguyễn Trường	An	04/03/1996	1625				
2	1521010011	Đào Hoàng	Anh	11/12/1997	1626				
3	1321030003	Lã Đức	Anh	25/06/1995	1627				
4	1221050149	Nguyễn Đức Tuấn	Anh	20/11/1994	1628				
5	1321030013	Trần Tuấn	Anh	29/07/1995	1629				
6	1421020226	Trần Xuân	Bách	23/09/1994	1630				
7	1421010025	Vũ Văn	Bảo	08/09/1994	1631				
8	1521050036	Nguyễn Huy	Bình	18/05/1996	1632				
9	1421040377	Nguyễn Văn	Cần	14/07/1996	1633				
10	1521050003	Vũ Trần	Châu	08/03/1997	1634				
11	1521060092	Nguyễn Quyết	Chiến	02/07/1995	1635				
12	1421010034	Lê Thành	Chinh	08/06/1996	1636				
13	1521050134	Ngô Quang	Chính	14/06/1997	1637				
14	1321050436	Đỗ Quốc	Chung	18/08/1995	1638				
15	1421070017	Nguyễn Văn	Chương	24/02/1996	1639				
16	1321050227	Nguyễn Chí	Công	04/01/1995	1640				
17	1421030019	Nguyễn Đình	Công	09/01/1996	1641				
18	1521050182	Hoàng Danh	Cường	05/09/1997	1642				
19	1521050072	Nguyễn Đức	Cường	09/10/1997	1643				
20	1521040211	Mai Văn	Đại	01/03/1996	1644				
21	1421010075	Nguyễn Minh	Đại	02/12/1996	1645				
22	1321060437	Hoàng Trọng	Danh	06/10/1995	1646				
23	1521010245	Dương Hoàng	Diệp	06/05/1997	1647				
24	1421070032	Mai Văn	Đình	10/10/1995	1648				
25	1421020038	Phạm Văn	Đình	06/05/1996	1649				
26	1521040028	Trương Lập	Đông	17/11/1996	1650				
27	1321030517	Đoàn Văn	Đồng	14/02/1995	1651				
28	1321040468	Phạm Văn	Đồng	21/02/1995	1652				
29	1321050040	Đình Văn	Duân	15/11/1995	1653				
30	1521050176	Hà Thọ	Đức	09/12/1996	1654				
31	1421040080	Hoàng Anh	Đức	13/09/1996	1655				
32	1521060066	Ngô Xuân	Đức	03/04/1997	1656				
33	1511060004	Nguyễn Việt	Đức	08/01/1997	1657				
34	1421040045	Lý Văn	Dũng	01/02/1995	1658				
35	1321050463	Nguyễn Anh	Dũng	18/08/1995	1659				
36	1521060305	Nguyễn Kim	Dũng	20/08/1997	1660				
37	1421070026	Nguyễn Việt	Dũng	06/10/1996	1661				
38	1421060053	Trần Xuân	Dũng	17/07/1995	1662				
39	1421060054	Vũ Đức	Dũng	08/11/1996	1663				
40	1621020062	Vũ Việt	Dũng	14/10/1998	1664				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010201 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Vật lý đại cương A1 + TN

Ngày thi: **02/08/2017**Phòng thi: **HNAD201**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1321020503	Hoàng Văn	Được	11/06/1995	1665				
42	1421080019	Hoàng Tuấn	Dương	04/06/1996	1666				
43	1421030034	Lê Hồng	Dương	05/01/1996	1667				
44	1421060060	Lê Thị Thùy	Dương	25/07/1996	1668				
45	1321050049	Nguyễn Triều	Dương	21/08/1995	1669				
46	1421060062	Trần Văn	Dương	18/09/1996	1670				
47	1321020504	Trần Đại	Đường	07/10/1995	1671				
48	1421060085	Nguyễn Trường	Giang	01/04/1996	1672				
49	1521060251	Đinh Sơn	Hà	12/10/1997	1673				
50	1321050499	Lê Thái	Hà	25/12/1991	1674				
51	1321020083	Trần Mạnh	Hà	15/01/1995	1675				
52	1621080046	Nguyễn Hoàng	Hải	18/03/1998	1676				
53	1421030064	Nguyễn Đức	Hân	05/11/1996	1677				
54	1321020523	Nguyễn Đình	Hạnh	08/10/1995	1678				
55	1321040089	Nguyễn Minh	Hào	05/04/1995	1679				
56	1321060106	Nguyễn Bá	Hậu	02/08/1995	1680				
57	1421020345	Nguyễn Công	Hậu	01/05/1996	1681				
58	1624010436	Đỗ Thị	Hiền	01/12/1998	1682				
59	1321030564	Hà Duy	Hiền	15/05/1995	1683				
60	1321020093	Phạm Duy	Hiền	04/03/1995	1684				
61	1521060006	Phạm Hoàng	Hiệp	14/05/1997	1685				
62	1421060106	Nguyễn Văn	Hiếu	04/05/1996	1686				
63	1421020362	Trương Văn	Hoàn	13/12/1996	1687				
64	1321020550	Nguyễn Văn	Hội	05/06/1995	1688				
65	1421030083	Lê Hữu	Huệ	13/09/1996	1689				
66	1521010036	Lê Mạnh	Hùng	28/02/1997	1690				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010201 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Vật lý đại cương A1 + TN

Ngày thi: **02/08/2017**Phòng thi: **HNAD101**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421020388	Cao Văn	Huy	03/11/1996	1691				
2	1521050297	Đồng Tuấn	Huy	18/01/1997	1692				
3	1421030091	Hà Trọng	Huy	30/05/1996	1693				
4	1421040132	Nguyễn Quốc	Huy	29/07/1996	1694				
5	1421070057	Vũ Quốc	Huy	11/09/1995	1695				
6	1421030390	Lê Thị	Huyền	09/02/1995	1696				
7	1321010194	Nguyễn Duy	Khánh	11/04/1995	1697				
8	1511060017	Nguyễn Hữu	Kiên	23/12/1996	1698				
9	1321050604	Nguyễn Trung	Kiên	08/07/1995	1699				
10	1411060099	Phạm Trung	Kiên	24/03/1996	1700				
11	1621060137	Nguyễn Bảo	Lâm	05/11/1998	1701				
12	1321040151	Vũ Duy	Lâm	04/12/1995	1702				
13	1421030120	Nguyễn Duy	Linh	24/09/1996	1703				
14	1421060475	Nguyễn Hữu	Linh	06/05/1995	1704				
15	1321040155	Tạ Tùng	Linh	21/09/1995	1705				
16	1421030441	Ngô Xuân	Lộc	21/12/1995	1706				
17	1321030133	Nguyễn Doãn	Lộc	12/09/1995	1707				
18	1321010219	Nguyễn Đức	Lợi	01/01/1995	1708				
19	1321040165	Vũ Đức	Lợi	01/01/1994	1709				
20	1421010186	Nguyễn Hữu	Long	30/09/1996	1710				
21	1421040454	Bùi Duy	Mạnh	09/07/1996	1711				
22	1321070589	Phạm Đức	Mạnh	20/01/1995	1712				
23	1621040096	Phan Tiến	Mạnh	07/05/1998	1713				
24	1421040184	Võ Hồng	Mạnh	28/10/1996	1714				
25	1421030456	Nguyễn Văn	Mến	20/09/1996	1715				
26	1421070385	Bùi Huy	Minh	07/07/1996	1716				
27	1421080289	Lục Văn	Minh	01/05/1996	1717				
28	1521050427	Nguyễn Văn	Minh	06/08/1997	1718				
29	1421020475	Nguyễn Đỗ	Muội	02/06/1996	1719				
30	1421050516	Chu Văn	Nam	26/01/1995	1720				
31	1411060120	Nguyễn Đình	Nam	11/03/1996	1721				
32	1321060203	Đoàn Văn	Nghiep	26/10/1995	1722				
33	1321040194	Phạm Văn	Ngọc	17/03/1995	1723				
34	1521010007	Bùi Văn	Nhanh	10/04/1997	1724				
35	1521060045	Nguyễn Đức	Nhật	15/08/1997	1725				
36	1421070413	Nguyễn Lê	Phi	03/11/1996	1726				
37	1421020121	Nguyễn Đức	Phong	28/01/1996	1727				
38	1521010264	Phạm Văn	Phong	30/06/1997	1728				
39	1521070038	Bùi Hoàng	Phúc	22/05/1997	1729				
40	1421030491	Cao Xuân	Phúc	14/09/1996	1730				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010201 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Vật lý đại cương A1 + TN

Ngày thi: **02/08/2017**Phòng thi: **HNAD101**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1321030780	Nguyễn Hồng	Phúc	03/03/1995	1731				
42	1521070150	Vũ Văn	Phúc	25/02/1997	1732				
43	1421030500	Vũ Minh	Phượng	01/10/1996	1733				
44	1521030289	Nguyễn Hồng	Phượng	20/02/1997	1734				
45	1321020173	Nguyễn Hùng	Quân	06/03/1995	1735				
46	1421050160	Nguyễn Xuân	Quân	25/10/1995	1736				
47	1321080080	Vũ Anh	Quân	09/08/1995	1737				
48	1321070623	Nguyễn Anh	Quang	23/09/1994	1738				
49	1621060982	Trần Anh	Quang	13/08/1998	1739				
50	1521010016	Phan Trọng	Quý	27/09/1996	1740				
51	1321030800	Trần Xuân	Quý	27/02/1991	1741				
52	1521080048	Nguyễn Thế	Quyền	24/08/1997	1742				
53	1411050060	Lưu Văn	Son	17/05/1996	1743				
54	1611030006	Hồ Bá	Sỹ	08/08/1997	1744				
55	1521011037	Trương Bảo	Sỹ	09/09/1997	1745				
56	1521010198	Tô Thanh	Tài	15/08/1997	1746				
57	1521070131	Bùi Văn	Thanh	03/01/1996	1747				
58	1421040509	Nguyễn Hải	Thanh	27/12/1995	1748				
59	1421020146	Khiếu Trung	Thành	17/04/1996	1749				
60	1221010318	Nguyễn Tuấn	Thành	08/11/1993	1750				
61	1521040066	Nguyễn Vũ	Thành	18/09/1997	1751				
62	1421010300	Phí Trung	Thành	03/03/1996	1752				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010201 Nhóm: N01 Tổ thi: T003 Tên HP: Vật lý đại cương A1 + TN

Ngày thi: **02/08/2017**Phòng thi: **HNAD401**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521070032	Bùi Đức	Thắng	30/12/1997	1753				
2	1521030040	Đỗ Chiến	Thắng	19/02/1997	1754				
3	1521010110	Phạm Đức	Thắng	15/05/1997	1755				
4	1321040266	Vũ Đức	Thắng	12/12/1994	1756				
5	1321010319	Lê Phương	Thảo	20/02/1995	1757				
6	1421080361	Lương Thiên	Thảo	17/10/1996	1758				
7	1321010323	Nguyễn Thu	Thảo	01/11/1995	1759				
8	1421040263	Phạm Thị Thanh	Thảo	05/04/1996	1760				
9	1521040132	Hoàng Văn	Thiện	02/04/1997	1761				
10	1321030227	Mạc Văn	Thuần	13/01/1995	1762				
11	1321070188	Đinh Văn	Thường	03/12/1995	1763				
12	1421050630	Hồ Huy	Thùy	24/04/1995	1764				
13	1421040280	Lê Thu	Thùy	27/02/1996	1765				
14	1321040291	Đỗ Văn	Tiến	08/05/1995	1766				
15	1321020219	Hoàng Anh	Tiến	25/02/1994	1767				
16	1521070137	Vũ Đình	Tiến	07/12/1997	1768				
17	1321070674	Nguyễn Văn	Toàn	15/01/1995	1769				
18	1321060642	Dương Văn	Ton	05/05/1994	1770				
19	1321040295	Đoàn Thị	Trang	08/11/1995	1771				
20	1421030581	Ngô Thị Hà	Trang	17/06/1996	1772				
21	1321010372	Trịnh Sơn	Trang	10/11/1995	1773				
22	1321030244	Bùi Đức	Trung	04/11/1995	1774				
23	1421060605	Nguyễn Ngọc	Trung	18/01/1995	1775				
24	1521050301	Phùng Quốc	Trung	04/07/1996	1776				
25	1521030338	Nguyễn Xuân	Trường	28/07/1996	1777				
26	1421070516	Trần Anh	Tú	12/09/1996	1778				
27	1221030179	Đinh Quang	Tuấn	13/01/1994	1779				
28	1321020240	Hoàng Anh	Tuấn	15/12/1995	1780				
29	1521060043	Lê Minh	Tuấn	14/09/1997	1781				
30	1521070039	Nguyễn Quang	Tuấn	18/07/1996	1782				
31	1621060706	Phương Anh	Tuấn	27/12/1997	1783				
32	1321010407	Nguyễn Ngọc	Tùng	20/02/1995	1784				
33	1421040333	Nguyễn Phan Sơn	Tùng	05/10/1996	1785				
34	1421060306	Hoàng Văn	Tuyên	09/12/1993	1786				
35	1321060347	Phạm Thọ	Văn	13/10/1994	1787				
36	1321030985	Nguyễn Văn	Vinh	11/03/1995	1788				
37	1624010756	Nguyễn Thị	Yến	06/01/1998	1789				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010201 Nhóm: N02 Tổ thi: T001 Tên HP: Vật lý đại cương A1 + TN

Ngày thi: **02/08/2017**Phòng thi: **HNAD201**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521050158	Lê Tuấn	Anh	25/05/1997	1790				
2	1521060136	Mai Đắc	Anh	10/12/1997	1791				
3	1421060006	Nguyễn Đức	Anh	10/10/1996	1792				
4	1321020411	Nguyễn Hoàng	Anh	18/03/1995	1793				
5	1521050183	Nguyễn Thị Lan	Anh	12/04/1997	1794				
6	1421060331	Vũ Tuấn	Anh	18/12/1996	1795				
7	1521010311	Nguyễn Văn	Bách	07/11/1996	1796				
8	1521030351	Trần Xuân	Bách	07/08/1997	1797				
9	1521050103	Đào Văn	Báu	17/09/1997	1798				
10	1521050313	Bùi Sĩ	Biên	18/03/1997	1799				
11	1321020429	Nguyễn Văn	Biên	20/05/1992	1800				
12	1421070008	Lê Khắc	Bình	20/03/1996	1801				
13	1521030057	Lê Thanh	Bình	20/12/1997	1802				
14	1521060076	Phạm Văn	Cánh	06/03/1997	1803				
15	1521040001L	Bunthahut	Chanthp	30/01/1994	1804				
16	1521050334	Cao Văn	Chung	15/06/1997	1805				
17	1321040030	Phạm Văn	Công	16/01/1994	1806				
18	1521020151	Phan Thế	Của	09/10/1997	1807				
19	1321020445	Đỗ Mạnh	Cường	01/05/1995	1808				
20	1511040001	Lê Quốc	Cường	23/11/1997	1809				
21	1621030043	Trần Văn	Danh	02/10/1998	1810				
22	1521060354	Đỗ Quốc	Đạt	07/10/1997	1811				
23	1521060157	Lê Đức	Đạt	04/09/1997	1812				
24	1521070113	Nguyễn Xuân	Đạt	19/10/1997	1813				
25	1321010104	Vũ Công	Định	17/05/1995	1814				
26	1621060893	Nguyễn Sỹ	Đoàn	20/04/1998	1815				
27	1521060213	Lê Đình	Đồng	24/10/1997	1816				
28	1521070031	Lương Huy	Du	31/07/1997	1817				
29	1421040078	Đoàn Lộc	Đức	27/01/1996	1818				
30	1421040403	Nguyễn Văn	Đức	07/03/1996	1819				
31	1521020036	Lê Trung	Dũng	21/12/1995	1820				
32	1321060052	Nguyễn Thọ	Dũng	13/10/1995	1821				
33	1521060276	Nguyễn Xuân	Dũng	05/07/1997	1822				
34	1621040128	Phan Văn	Dũng	01/04/1998	1823				
35	1621061046	Lại Bá	Dương	23/12/1998	1824				
36	1321030037	Nguyễn Văn	Dương	17/06/1995	1825				
37	1521050269	Nguyễn Văn	Dương	11/05/1997	1826				
38	1521010412	Bùi Đức	Duy	10/05/1997	1827				
39	1421020045	Lê Hữu	Giang	29/07/1996	1828				
40	1521070135	Bùi Việt	Hà	06/03/1997	1829				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010201 Nhóm: N02 Tổ thi: T001 Tên HP: Vật lý đại cương A1 + TN

Ngày thi: **02/08/2017**Phòng thi: **HNAD201**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621060712	Đào Ngọc	Hải	26/09/1998	1830				
42	1421040096	Vũ Đức	Hạnh	17/08/1996	1831				
43	1621070714	Hà Đình	Hào	22/04/1998	1832				
44	1521070035	Nguyễn Tiến	Hiệp	25/03/1997	1833				
45	1421080037	Lại Trung	Hiếu	22/01/1996	1834				
46	1321050075	Nguyễn Trung	Hiếu	24/10/1994	1835				
47	1521010208	Nguyễn Trung	Hiếu	21/10/1996	1836				
48	1521030223	Phạm Minh	Hiếu	23/06/1997	1837				
49	1421080222	Vũ Văn	Hòa	01/07/1996	1838				
50	1521040108	Trần Văn	Hoàn	04/01/1997	1839				
51	1521060117	Nguyễn Mạnh	Hùng	13/05/1997	1840				
52	1521070265	Nguyễn Mạnh	Hùng	08/08/1997	1841				
53	1521050092	Nguyễn Văn	Hùng	03/09/1997	1842				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010201 Nhóm: N02 Tổ thi: T002 Tên HP: Vật lý đại cương A1 + TN

Ngày thi: **02/08/2017**Phòng thi: **HNAD101**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1641020001	Đào Quang	Hưng	07/09/1978	1843				
2	1521050179	Nguyễn Văn	Hưng	20/11/1997	1844				
3	1521060106	Nguyễn Văn	Hưng	06/02/1997	1845				
4	1321060520	Trần Phúc	Hưng	19/09/1995	1846				
5	1521050263	Trịnh Quang	Hưng	23/07/1997	1847				
6	1521060161	Vũ Minh	Hưng	03/05/1997	1848				
7	1524010207	Dương Thu	Hương	06/08/1997	1849				
8	1521080064	Nguyễn Thị Thu	Hương	07/01/1996	1850				
9	1421060132	Nguyễn Văn	Huy	01/04/1996	1851				
10	1521060370	Lê Văn	Huỳnh	12/05/1997	1852				
11	1521060200	Trần Văn	Khang	12/04/1997	1853				
12	1521050243	Nguyễn Văn	Khanh	29/12/1997	1854				
13	1421020410	Bùi Quốc	Khánh	30/09/1996	1855				
14	1321030107	Lê Quốc	Khánh	02/09/1995	1856				
15	1521040256	Nguyễn Văn	Khánh	19/03/1997	1857				
16	1321030666	Nguyễn Duy	Kiên	16/05/1995	1858				
17	1521010056	Vũ Hồng	Kông	30/09/1997	1859				
18	1511060011	Nguyễn Tùng	Lâm	18/02/1997	1860				
19	1421070353	Phạm Văn	Lâm	05/07/1996	1861				
20	1421030115	Ngô Văn	Lân	16/11/1996	1862				
21	1521060091	Vũ Văn	Liêu	12/10/1997	1863				
22	1521050206	Hà Văn	Linh	11/11/1996	1864				
23	1621060652	Nguyễn Văn	Linh	22/09/1998	1865				
24	1421040448	Trần Đức	Lợi	09/05/1996	1866				
25	1521040174	Nguyễn Phi	Long	13/11/1996	1867				
26	1321040162	Trần Phi	Long	04/02/1995	1868				
27	1521020368	Nguyễn Đức	Lương	04/01/1997	1869				
28	1421070078	Ngô Văn	Lý	12/09/1996	1870				
29	1624010417	Phạm Thị	Mên	19/08/1998	1871				
30	1521070304	Đỗ Văn	Minh	22/07/1997	1872				
31	1521080207	Đỗ Văn	Nam	08/10/1997	1873				
32	1621060603	Lê Ngọc	Nam	04/08/1998	1874				
33	1521040270	Ngô Trí	Nam	20/10/1996	1875				
34	1521070318	Vũ Hoàng	Nghĩa	18/09/1997	1876				
35	1521080072	Hoàng Bảo	Ngọc	25/10/1997	1877				
36	1521060061	Lê Văn	Nhân	22/08/1997	1878				
37	1421040203	Trần Viết	Nhất	26/02/1996	1879				
38	1521080044	Phương Thị	Như	01/11/1997	1880				
39	1621050280	Trần Dư	Phan	03/08/1998	1881				
40	1321040203	Đinh Văn	Phi	18/05/1995	1882				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010201 Nhóm: N02 Tổ thi: T002 Tên HP: Vật lý đại cương A1 + TN

Ngày thi: **02/08/2017**Phòng thi: **HNAD101**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1321070615	Lương Tuấn	Phi	29/05/1995	1883				
42	1521060101	Lê Hữu	Phong	02/12/1997	1884				
43	1521050448	Trần Quốc	Phong	22/08/1997	1885				
44	1521060432	Cao Đại	Quang	26/03/1996	1886				
45	1521060330	Đặng Đình	Sơn	10/01/1997	1887				
46	1521070024	Nguyễn Đức	Sơn	12/08/1997	1888				
47	1421020136	Nguyễn Hoàng	Sơn	30/07/1996	1889				
48	1521011003	Nguyễn Hữu	Sơn	30/09/1997	1890				
49	1321050172	Phạm Anh	Sơn	04/05/1995	1891				
50	1621050273	Trần Bá	Sơn	21/01/1998	1892				
51	1521010418	Phạm Văn	Sự	06/08/1997	1893				
52	1521060153	Đỗ Đức	Tài	25/08/1997	1894				
53	1521060279	Nguyễn Hữu	Tài	21/11/1997	1895				
54	1321030200	Đỗ Duy	Tân	19/08/1995	1896				
55	1321070166	Phạm Văn	Thạch	29/06/1995	1897				
56	1321010313	Lê Ngọc	Thành	05/07/1995	1898				
57	1521010038	Nguyễn Hữu	Thành	30/08/1997	1899				
58	1521060352	Nguyễn Tiến	Thành	06/09/1997	1900				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010201 Nhóm: N02 Tổ thi: T003 Tên HP: Vật lý đại cương A1 + TN

Ngày thi: **02/08/2017**Phòng thi: **HNAD401**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521050226	Nguyễn Đăng	Thăng	27/09/1997	1901				
2	1624010174	Trần Văn	Thăng	30/06/1998	1902				
3	1521060077	Đỗ Văn	Thăng	18/10/1997	1903				
4	1321010318	Đoàn Thị	Thảo	04/02/1995	1904				
5	1521070070	Bùi Đức	Thiện	15/11/1997	1905				
6	1521040105	Nguyễn Quang	Thiện	09/08/1996	1906				
7	1521070033	Nghiêm Đình	Thuần	20/12/1996	1907				
8	1521060201	Phạm Văn	Thuận	03/02/1997	1908				
9	1521010371	Trần Văn	Thuận	13/07/1997	1909				
10	1631020006	Trần Quốc	Thức	06/03/1994	1910				
11	1524010146	Đào Thị	Thùy	26/04/1997	1911				
12	1521050305	Nguyễn Thị	Thùy	15/03/1997	1912				
13	1521050049	Phạm Xuân	Thụy	31/03/1997	1913				
14	1421040282	Vũ Đình	Thuyết	07/10/1996	1914				
15	1321030231	Phạm Đình	Tiêm	14/10/1995	1915				
16	1321060313	Phạm Văn	Tĩnh	19/07/1995	1916				
17	1321030895	Nguyễn Ngọc Thanh	Toàn	24/11/1993	1917				
18	1511020005	Nguyễn Trọng	Toàn	07/10/1997	1918				
19	1321070195	Nguyễn Hà	Toàn	16/02/1995	1919				
20	1521040142	Đỗ Thị Huyền	Trang	02/03/1997	1920				
21	1521010391	Nguyễn Thu	Trang	24/12/1996	1921				
22	1521039001	Đàm Quang	Trung	21/10/1996	1922				
23	1521020008	Nguyễn Đình	Trung	06/09/1997	1923				
24	1621010160	Vũ Thành	Trung	27/10/1994	1924				
25	1521050127	Đỗ Hữu	Trường	16/11/1997	1925				
26	1521020328	Trần Xuân	Trường	27/09/1997	1926				
27	1221040284	Bùi Văn	Trường	16/05/1994	1927				
28	1521050200	Mai Viết	Trường	06/05/1997	1928				
29	1521020076	Phạm Văn	Tú	09/05/1997	1929				
30	1521020011	Bùi Văn	Tuấn	13/01/1997	1930				
31	1421030219	Hoàng Văn	Tuấn	23/06/1996	1931				
32	1521050113	Huỳnh Anh	Tuấn	19/12/1997	1932				
33	1521060002	Lê Thanh	Tuấn	20/11/1997	1933				
34	1321080110	Nguyễn Hoàng	Tuấn	15/08/1994	1934				
35	1321080111	Nguyễn Quốc	Tuấn	05/01/1995	1935				
36	1421020665	Trịnh Anh	Tuấn	06/07/1995	1936				
37	1521070405	Đoàn Thanh	Tùng	11/09/1997	1937				
38	1521060181	Lê Thanh	Tùng	25/10/1997	1938				
39	1321060346	Đoàn Văn	Tường	10/04/1995	1939				
40	1621061050	Bùi Đặng	Tuyên	16/05/1998	1940				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010201 Nhóm: N02 Tổ thi: T003 Tên HP: Vật lý đại cương A1 + TN

Ngày thi: **02/08/2017**Phòng thi: **HNAD401**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521080287	Phùng Đình	Văn	02/12/1997	1941				
42	1521010405	Phạm Hoàng	Việt	21/09/1996	1942				
43	1521040002	Đặng Hưng	Yên	30/08/1997	1943				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010202 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN

Ngày thi: **03/08/2017**Phòng thi: **HNAD201**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321040400	Nguyễn Đức	An	16/02/1995	1944				
2	1621060204	Lê Hồng	Anh	07/07/1998	1945				
3	1421020218	Nguyễn Thị Vân	Anh	01/01/1995	1946				
4	1311040006	Phạm Tuấn	Anh	16/03/1994	1947				
5	1421050010	Quách Nguyễn Tuấn	Anh	27/01/1996	1948				
6	1421030263	Tạ Thị Hà	Anh	09/12/1995	1949				
7	1421060331	Vũ Tuấn	Anh	18/12/1996	1950				
8	1521060252	Đặng Văn	Bằng	09/02/1994	1951				
9	1321060022	Phùng Minh Chí	Bảo	05/08/1995	1952				
10	1521050328	Lê Danh	Biên	15/09/1996	1953				
11	1321040338	Nguyễn Thành	Biên	09/05/1994	1954				
12	1621060645	Vũ Quang	Chiến	26/03/1998	1955				
13	1321020028	Trần Hồng	Chuyên	07/04/1995	1956				
14	1321060428	Phạm Văn	Công	24/04/1992	1957				
15	1521040115	Nguyễn Duy	Cương	18/05/1996	1958				
16	1321060431	Phạm Ngọc	Cương	08/09/1994	1959				
17	1421070195	Mai Văn	Cường	11/05/1996	1960				
18	1321020035	Ngô Minh	Cường	05/09/1995	1961				
19	1521050178	Nguyễn Xuân	Cường	10/12/1997	1962				
20	1321070465	Nguyễn Hải	Đảng	12/10/1995	1963				
21	1621010228	Vũ Thạch Công	Danh	14/08/1998	1964				
22	1421010078	Đỗ Thành	Đạt	21/01/1994	1965				
23	1421020282	Dương Thành	Đạt	11/09/1992	1966				
24	1321030499	Khuất Tiến	Đạt	16/10/1995	1967				
25	1521050058	Ngô Văn	Đạt	16/07/1997	1968				
26	1531040402	Lê Xuân	Độ	30/11/1993	1969				
27	1521060275	Dương Văn	Đông	09/08/1996	1970				
28	1321030517	Đoàn Văn	Đồng	14/02/1995	1971				
29	1321080018	Đậu Minh	Đức	18/04/1995	1972				
30	1321010118	Trần Văn	Đức	06/09/1995	1973				
31	1421010052	Hoàng Anh	Dũng	01/11/1996	1974				
32	1621060324	Ngô Văn	Duy	18/09/1998	1975				
33	1321030483	Nguyễn Đức	Duy	27/05/1995	1976				
34	1521060290	Nguyễn Ngọc	Duy	16/06/1997	1977				
35	1421040086	Vũ Thế	Giang	17/10/1996	1978				
36	1321030058	Dương Thanh	Hà	04/08/1995	1979				
37	1631060008	Nguyễn Trọng	Hà	24/08/1995	1980				
38	1621060195	Ngô Quang	Hải	12/02/1998	1981				
39	1631020069	Trần Đình	Hải	06/11/1994	1982				
40	1621060112	Trần Đức	Hải	30/06/1998	1983				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010202 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN

Ngày thi: 03/08/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1321050070	Phan Thị	Hằng	12/10/1995	1984				
42	1321060109	Phan Thanh	Hậu	22/12/1995	1985				
43	1421060099	Nguyễn Hoàng	Hiệp	09/12/1996	1986				
44	1521040125	Nguyễn Văn	Hiệp	20/02/1997	1987				
45	1421020352	Đỗ Văn	Hiếu	29/05/1996	1988				
46	1421040108	Dương Minh	Hiếu	01/03/1996	1989				
47	1321010152	Nguyễn Quang	Hiếu	24/08/1995	1990				
48	1321050075	Nguyễn Trung	Hiếu	24/10/1994	1991				
49	1521060375	Phạm Thị Kim	Hòa	17/03/1997	1992				
50	1631060010	Bùi Ngọc	Hoàn	23/02/1994	1993				
51	1321020106	Đinh Ngọc	Hoàn	13/10/1995	1994				
52	1421020362	Trương Văn	Hoàn	13/12/1996	1995				
53	1621060143	Đỗ Đức	Hoàng	21/12/1998	1996				
54	1321010161	Nguyễn Văn	Hoàng	12/09/1995	1997				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010202 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN

Ngày thi: **03/08/2017**Phòng thi: **HNAD101**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321070522	Đinh Văn	Hùng	26/09/1995	1998				
2	1321010171	Đỗ Đình	Hùng	17/05/1995	1999				
3	1321060138	Nguyễn Văn	Hùng	22/04/1995	2000				
4	1321040116	Nguyễn Việt	Hùng	25/04/1995	2001				
5	1321080039	Vũ Văn	Hùng	22/04/1995	2002				
6	1521010005	Vũ Xuân	Hùng	01/08/1994	2003				
7	1421010148	Cảnh Chi	Hưng	18/04/1996	2004				
8	1421011161	Hà Thanh	Hưng	22/08/1996	2005				
9	1221050190	Bùi Thị	Hương	05/08/1994	2006				
10	1621080021	Nguyễn Thị Mai	Hương	02/02/1998	2007				
11	1321040501	Đinh Quang	Huy	04/03/1995	2008				
12	1421070054	Đỗ Quang	Huy	22/11/1996	2009				
13	1321020117	Lê Minh	Huy	31/03/1995	2010				
14	1321070534	Nguyễn Đắc	Huy	11/02/1995	2011				
15	1621050720	Nguyễn Duy	Huy	25/07/1998	2012				
16	1321060148	Vũ Văn	Huy	01/07/1995	2013				
17	1521060370	Lê Văn	Huỳnh	12/05/1997	2014				
18	1621050900	Biasavanh	INTHICHA	25/08/1997	2015				
19	1321060155	Nguyễn Việt	Khang	06/12/1994	2016				
20	1621050446	Đinh Duy	Khánh	15/10/1998	2017				
21	1521060372	Hồ Nam	Kiên	24/05/1997	2018				
22	1321060164	Lê Tiến	Lâm	17/08/1995	2019				
23	1321070560	Phan Tùng	Lâm	12/04/1995	2020				
24	1421030115	Ngô Văn	Lân	16/11/1996	2021				
25	1321070108	Bùi Văn	Lịch	27/02/1995	2022				
26	1521060034	Nguyễn Bá	Linh	09/02/1997	2023				
27	1411070028	Nguyễn Tiên	Linh	09/03/1992	2024				
28	1321050120	Vũ Thủy	Linh	01/11/1995	2025				
29	1321010219	Nguyễn Đức	Lợi	01/01/1995	2026				
30	1421020448	Nguyễn Thế	Long	05/01/1994	2027				
31	1321070581	Phan Tuấn	Lực	22/06/1995	2028				
32	1321010224	Nguyễn Bá	Lương	13/03/1995	2029				
33	1321070588	Nguyễn Đức	Mạnh	21/01/1994	2030				
34	1421070081	Nguyễn Thế	Mạnh	09/01/1996	2031				
35	1521050044	Phạm Tiến	Mạnh	11/12/1997	2032				
36	1321060186	Lê Trần Quang	Minh	05/07/1995	2033				
37	1421080289	Lục Văn	Minh	01/05/1996	2034				
38	1521050043	Bùi Văn	Nam	10/12/1997	2035				
39	1421010212	Lã Văn	Nam	05/10/1996	2036				
40	1411060120	Nguyễn Đình	Nam	11/03/1996	2037				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010202 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN

Ngày thi: **03/08/2017**Phòng thi: **HNAD101**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1421030138	Nguyễn Phương	Nam	09/09/1996	2038				
42	1321030155	Nguyễn Văn	Nam	15/05/1994	2039				
43	1421070090	Vũ Văn	Nam	10/10/1996	2040				
44	1621050121	Trần Thị	Nga	23/08/1998	2041				
45	1321080065	Phạm Trọng	Nghĩa	15/02/1995	2042				
46	1421030475	Nguyễn Hữu	Ngọc	09/09/1996	2043				
47	1321060207	Nguyễn Trọng	Nguyên	05/10/1994	2044				
48	1621080003	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	06/10/1998	2045				
49	1321040203	Đình Văn	Phi	18/05/1995	2046				
50	1421020121	Nguyễn Đức	Phong	28/01/1996	2047				
51	1621060387	Nguyễn Tuấn	Phong	09/09/1998	2048				
52	1321040548	Phạm Hồng	Phong	01/11/1995	2049				
53	1321030775	Phan Thanh	Phong	19/12/1995	2050				
54	1621060782	Phan Thanh	Phong	20/07/1998	2051				
55	1321030780	Nguyễn Hồng	Phúc	03/03/1995	2052				
56	1321020670	Phạm Văn	Phúc	07/09/1995	2053				
57	1521070130	Bùi Văn	Phương	30/07/1997	2054				
58	1521060401	Hoàng Văn	Quang	10/05/1997	2055				
59	1631050005	Nguyễn Mạnh	Quang	30/11/1994	2056				
60	1421050157	Nguyễn Thế	Quang	06/12/1996	2057				
61	1321070150	Vũ Ngọc	Quang	21/05/1995	2058				
62	1321060230	Lê Chấn	Quốc	20/05/1995	2059				
63	1421011287	Ngô Quang	Quý	08/02/1996	2060				
64	1521010016	Phan Trọng	Quý	27/09/1996	2061				
65	1221040203	Vũ Văn	Quý	03/05/1994	2062				
66	1021020542	Nguyễn Xuân	Quỳnh	08/01/1991	2063				
67	1521060328	Vũ Xuân	Sắc	07/08/1997	2064				
68	1321020695	Bùi Hoàng	Sơn	13/05/1995	2065				
69	1421070104	Trần Đình	Sông	10/04/1996	2066				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010202 Nhóm: N01 Tổ thi: T003 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN

Ngày thi: **03/08/2017**Phòng thi: **HNAD401**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321040563	Trần Văn	Sử	12/04/1994	2067				
2	1321020709	Ngô Văn	Thái	04/08/1995	2068				
3	1421060566	Nguyễn Hữu	Thái	07/09/1988	2069				
4	1221080146	Nông Quốc	Thắng	23/10/1994	2070				
5	1521060424	Trần Quang	Thắng	25/10/1997	2071				
6	1421020144	Đinh Văn	Thanh	24/05/1995	2072				
7	1421040252	Ngô Đức	Thành	03/03/1996	2073				
8	1521010038	Nguyễn Hữu	Thành	30/08/1997	2074				
9	1411060161	Nguyễn Tuấn	Thành	29/08/1996	2075				
10	1621010732	Trương Văn	Thành	17/03/1996	2076				
11	1521080249	Chu Thị	Thảo	16/09/1997	2077				
12	1321020200	Hoàng Phương	Thảo	24/10/1995	2078				
13	1321020728	Nguyễn Quang	Thịnh	14/09/1995	2079				
14	1521030319	Phạm Hồng	Thu	26/08/1997	2080				
15	1321030227	Mạc Văn	Thuần	13/01/1995	2081				
16	1621050705	Nguyễn Đình	Tiến	15/05/1998	2082				
17	1321070191	Vũ Nam	Tiến	13/10/1994	2083				
18	1221010353	Trần Văn	Tĩnh	14/06/1993	2084				
19	1321030236	Đỗ Mạnh	Toàn	16/04/1994	2085				
20	1621060342	Nguyễn Phương	Trang	16/10/1998	2086				
21	1521030332	Nguyễn Bảo	Trung	09/05/1997	2087				
22	1521020008	Nguyễn Đình	Trung	06/09/1997	2088				
23	1621060824	Nguyễn Quang	Trung	19/09/1998	2089				
24	1321060650	Nguyễn Xuân	Trung	20/07/1995	2090				
25	1421030602	Phùng Anh	Tú	29/07/1994	2091				
26	1421030605	Phạm Văn	Tuân	14/05/1995	2092				
27	1421030224	Nguyễn Mạnh	Tuấn	03/07/1995	2093				
28	1421040325	Nguyễn Văn	Tuấn	26/01/1996	2094				
29	1631070024	Phạm Minh	Tuấn	01/10/1995	2095				
30	1321070216	Trương Văn	Tuấn	20/10/1995	2096				
31	1321020797	Nguyễn Văn	Tùng	17/06/1994	2097				
32	1321060677	Trịnh Quang	Vinh	17/02/1994	2098				
33	1321070721	Vũ Quang	Vinh	15/12/1995	2099				
34	1421040348	Lê	Vũ	07/09/1996	2100				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010202 Nhóm: N02 Tổ thi: T001 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN

Ngày thi: **03/08/2017**Phòng thi: **HNAD201**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521020004L	Boualaphanh Chanthavi	.	15/12/1996	2101				
2	1521040002L	Khounserk Sirisombath	.	28/03/1992	2102				
3	1521060189	Nguyễn Quốc	Anh	25/06/1996	2103				
4	1521040191	Nguyễn Trọng Việt	Anh	06/02/1997	2104				
5	1321040410	Nguyễn Tuấn	Anh	06/10/1995	2105				
6	1321050008	Nguyễn Việt	Anh	13/08/1995	2106				
7	1631060050	Nguyễn Xuân	Anh	23/09/1994	2107				
8	1521050231	Phạm Thế	Anh	06/06/1997	2108				
9	1321060013	Phạm Tuấn	Anh	22/07/1994	2109				
10	1321030016	Lê Việt	Bách	22/10/1994	2110				
11	1521010311	Nguyễn Văn	Bách	07/11/1996	2111				
12	1421020017	Đặng Văn	Bằng	05/12/1996	2112				
13	1421060016	Bùi Văn	Bảo	27/09/1995	2113				
14	1631040001	Bùi Tân	Bình	26/08/1993	2114				
15	1321010040	Hoàng Thị Thảo	Chi	07/05/1995	2115				
16	1521040072	Nguyễn Hữu	Chiến	16/05/1997	2116				
17	1621070085	Ngô Văn	Chinh	19/05/1998	2117				
18	1221010041	Đặng Văn	Chung	15/02/1994	2118				
19	1321040431	Đậu Huy	Chương	03/10/1994	2119				
20	1321060031	Nguyễn Văn	Công	12/03/1995	2120				
21	1521060373	Trần Đức	Công	21/06/1997	2121				
22	1321040434	Nguyễn Quốc	Cương	30/11/1995	2122				
23	1421070191	Đỗ Mạnh	Cường	01/01/1996	2123				
24	1321030462	Lê Đăng	Cường	11/12/1994	2124				
25	1521080335	Phạm Ngọc	Cường	24/04/1997	2125				
26	1521020154	Đinh Văn	Đạt	09/11/1997	2126				
27	1521070208	Đỗ Duy	Đạt	27/08/1997	2127				
28	1321040068	Tạ Trung	Định	17/10/1995	2128				
29	1321010104	Vũ Công	Định	17/05/1995	2129				
30	1321030047	Nguyễn Ngọc	Đông	14/06/1995	2130				
31	1321050490	Nguyễn Quy	Đức	22/07/1995	2131				
32	1521020029	Nguyễn Văn	Đức	08/01/1997	2132				
33	1321080414	Đào Thị Thùy	Dung	21/10/1995	2133				
34	1521020036	Lê Trung	Dũng	21/12/1995	2134				
35	1621010299	Lê Văn	Dũng	10/09/1998	2135				
36	1421040045	Lý Văn	Dũng	01/02/1995	2136				
37	1621060761	Nguyễn Bá	Dũng	12/05/1998	2137				
38	1521030083	Nguyễn Quốc	Dũng	17/10/1997	2138				
39	1321020044	Nguyễn Tiên	Dũng	01/04/1995	2139				
40	1421050038	Nguyễn Trung	Dũng	11/12/1996	2140				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010202 Nhóm: N02 Tổ thi: T001 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN

Ngày thi: **03/08/2017**Phòng thi: **HNAD201**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1421010067	Đặng Thị Thùy	Dương	22/12/1996	2141				
42	1421030034	Lê Hồng	Dương	05/01/1996	2142				
43	1321040056	Phạm Thị Thùy	Dương	02/05/1995	2143				
44	1421060062	Trần Văn	Dương	18/09/1996	2144				
45	1621020053	Vũ Hoàng	Dương	08/04/1997	2145				
46	1521059001	Dương Tuấn	Duy	/ /19 3	2146				
47	1421020272	Lê Nhật	Duy	15/09/1996	2147				
48	1521060383	Lỗ Văn	Duy	08/08/1997	2148				
49	1521040053	Nguyễn Cảnh	Duy	29/09/1997	2149				
50	1321050472	Phạm Khương	Duy	08/08/1994	2150				
51	1621060016	Phạm Văn	Duy	12/08/1998	2151				
52	1421080177	Trịnh Việt	Duy	07/10/1995	2152				
53	1621010162	Hà Kim	Giăng	03/01/1997	2153				
54	1531060400	Đinh Xuân	Hải	29//1/190/	2154				
55	1521030002	Phạm Văn	Hải	27/06/1997	2155				
56	1421080208	Nguyễn Song	Hào	04/08/1996	2156				
57	1521060080	Phạm Nam	Hiền	06/04/1995	2157				
58	1521030219	Mai Công	Hiệp	22/05/1997	2158				
59	1321060484	Hà Minh	Hiếu	22/04/1995	2159				
60	1321070500	Lê Minh	Hiếu	14/01/1995	2160				
61	1521060142	Nguyễn Hữu	Hiếu	29/08/1997	2161				
62	1521040108	Trần Văn	Hoàn	04/01/1997	2162				
63	1321050555	Bùi Huy	Hoàng	09/05/1995	2163				
64	1321060124	Bùi Minh	Hoàng	20/04/1995	2164				
65	1521040161	Đỗ Danh	Hoàng	10/01/1997	2165				
66	1521010432	Đỗ Tiến	Hoàng	01/10/1994	2166				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010202 Nhóm: N02 Tổ thi: T002 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN

Ngày thi: **03/08/2017**Phòng thi: **HNAD101**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521010410	Vũ Đình	Hoàng	12/07/1996	2167				
2	1521060199	Vũ Ngọc	Hoàng	16/10/1997	2168				
3	1621070083	Đặng Đình	Hùng	22/09/1998	2169				
4	1621020041	Nguyễn Thế	Hùng	19/11/1998	2170				
5	1521060349	Tạ Việt	Hùng	26/11/1997	2171				
6	1421060141	Nguyễn Ngọc	Hưng	24/01/1993	2172				
7	1121060076	Nguyễn Xuân	Hưng	12/09/1993	2173				
8	1521060087	Đặng Văn	Huy	26/04/1997	2174				
9	1421030091	Hà Trọng	Huy	30/05/1996	2175				
10	1521010178	Nguyễn Đình	Huy	09/11/1997	2176				
11	1631050003	Trần Đức	Huy	20/08/1993	2177				
12	1421070062	Trần Quang	Khải	10/07/1996	2178				
13	1631070053	Đoàn Văn	Khánh	07/09/1994	2179				
14	1621060175	Phạm Trung	Khánh	27/12/1998	2180				
15	1521050242	Trần Hoàng	Khánh	11/10/1996	2181				
16	1521070287	Nguyễn Văn	Khoa	10/11/1997	2182				
17	1621070062	Trần Trung	Kiên	10/10/1998	2183				
18	1521050409	Vì Quang	Kiên	20/08/1996	2184				
19	1421070069	Trần Tùng	Lâm	09/09/1996	2185				
20	1621080713	Đinh Thị Thùy	Linh	21/03/1998	2186				
21	1521050206	Hà Văn	Linh	11/11/1996	2187				
22	1521030256	Nguyễn Bá	Linh	20/04/1997	2188				
23	1521050111	Nguyễn Việt	Linh	13/12/1997	2189				
24	1521070030	Tô Tùng	Linh	23/02/1997	2190				
25	1521080353	Hồ Công	Lộc	01/10/1997	2191				
26	1421030441	Ngô Xuân	Lộc	21/12/1995	2192				
27	1521010339	Nguyễn Như	Long	21/04/1997	2193				
28	1321040340	Nguyễn Hoàng	Lương	11/03/1995	2194				
29	1521010369	Lê Văn	Mạnh	18/12/1997	2195				
30	1321030148	Vũ Đức	Mạnh	09/12/1995	2196				
31	1621080136	Đỗ Thị Như	Mây	01/08/1998	2197				
32	1221030106	Dương Công	Minh	13/11/1993	2198				
33	1321011079	Nguyễn Thị Kim	Ngân	13/03/1994	2199				
34	1621060322	Nguyễn Bình Minh	Nghĩa	26/03/1998	2200				
35	1421050149	Đỗ Đình	Nhượng	12/09/1996	2201				
36	1521060101	Lê Hữu	Phong	02/12/1997	2202				
37	1521070079	Đỗ Đức	Phú	05/03/1997	2203				
38	1521070324	Nguyễn Thị	Phú	20/05/1997	2204				
39	1631050004	Nguyễn Thị Minh	Phương	01/11/1994	2205				
40	1321030787	Phạm Văn	Phương	04/01/1994	2206				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010202 Nhóm: N02 Tổ thi: T002 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN

Ngày thi: **03/08/2017**Phòng thi: **HNAD101**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621050362	Nguyễn Thị	Phượng	15/10/1998	2207				
42	1321050662	Nguyễn Văn	Phượng	21/11/1994	2208				
43	1321020173	Nguyễn Hùng	Quân	06/03/1995	2209				
44	1321010284	Nguyễn Văn	Quân	09/11/1995	2210				
45	1421060215	Đỗ Văn	Quang	19/09/1996	2211				
46	1421070097	Nguyễn Hồng	Quang	02/02/1995	2212				
47	1521060350	Nguyễn Văn	Quang	04/11/1997	2213				
48	1521040046	Nhữ Ngọc	Quý	30/05/1994	2214				
49	1421060218	Trần Minh	Quý	20/11/1996	2215				
50	1521080048	Nguyễn Thế	Quyền	24/08/1997	2216				
51	1321020181	Bùi Ngọc	Sơn	28/01/1995	2217				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010202 Nhóm: N02 Tổ thi: T003 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN

Ngày thi: **03/08/2017**Phòng thi: **HNAD401**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621070181	Nguyễn Văn	Tâm	17/08/1998	2218				
2	1421050178	Phạm Minh	Tâm	20/11/1996	2219				
3	1621050310	Nguyễn Tất	Tạo	16/07/1998	2220				
4	1521010333	Nguyễn Đức	Thạch	28/10/1997	2221				
5	1321070165	Phạm Ngọc	Thạch	23/07/1995	2222				
6	1521030308	Nguyễn Hữu	Thắng	11/09/1997	2223				
7	1321010318	Đoàn Thị	Thảo	04/02/1995	2224				
8	1621050109	Phạm Phương	Thảo	30/10/1998	2225				
9	1521030313	Phan Thị Phương	Thảo	06/06/1996	2226				
10	1321030222	Nguyễn Thị	Thu	02/08/1994	2227				
11	1631020006	Trần Quốc	Thức	06/03/1994	2228				
12	1621080062	Phí Thu	Thùy	10/07/1998	2229				
13	1321030879	Nguyễn Văn	Thuyền	26/01/1995	2230				
14	1521070129	Trần Mạnh	Tiến	13/07/1994	2231				
15	1321030895	Nguyễn Ngọc Thanh	Toàn	24/11/1993	2232				
16	1621060142	Bùi Đồng Đình	Tôn	14/01/1997	2233				
17	1621020016	Đỗ Thu	Trang	19/08/1998	2234				
18	1521040318	Nguyễn Thùy	Trang	16/03/1997	2235				
19	1621080117	Trần Thị Quỳnh	Trang	10/07/1998	2236				
20	1421060600	Đinh Văn	Trọng	13/01/1995	2237				
21	1321030917	Trần Trọng	Trung	16/08/1995	2238				
22	1621030003	Phạm Quang	Trường	21/07/1998	2239				
23	1521020076	Phạm Văn	Tú	09/05/1997	2240				
24	1631040005	Nguyễn Văn	Tuân	17/11/1976	2241				
25	1521020011	Bùi Văn	Tuấn	13/01/1997	2242				
26	1521070391	Đặng Danh	Tuấn	10/08/1997	2243				
27	1621050457	Hoàng Anh	Tuấn	14/01/1998	2244				
28	1421070134	Lê Anh	Tuấn	07/09/1996	2245				
29	1521070393	Lê Công Anh	Tuấn	05/06/1997	2246				
30	1521070039	Nguyễn Quang	Tuấn	18/07/1996	2247				
31	1321010398	Nguyễn Văn	Tuấn	08/07/1995	2248				
32	1321030256	Trần Quang	Tuấn	13/11/1995	2249				
33	1421020665	Trịnh Anh	Tuấn	06/07/1995	2250				
34	1321040322	Đỗ Xuân	Tùng	17/10/1994	2251				
35	1521070405	Đoàn Thanh	Tùng	11/09/1997	2252				
36	1621080065	Lê Ngọc	Tùng	07/06/1998	2253				
37	1321020244	Nguyễn Duy	Tùng	20/06/1993	2254				
38	1521020080	Nguyễn Văn	Tùng	10/01/1997	2255				
39	1631070058	Nguyễn Hữu	Túy	29/07/1994	2256				
40	1621060661	Nguyễn Đình	Văn	19/05/1998	2257				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010202 Nhóm: N02 Tổ thi: T003 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN

Ngày thi: **03/08/2017**Phòng thi: **HNAD401**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521010212	Kiều Văn	Vệ	12/09/1997	2258				
42	1621070131	Phạm Đăng	Vĩnh	06/09/1998	2259				
43	1521040078	Đăng Long	Vũ	04/11/1997	2260				
44	1421010800	Trần Anh	Vũ	25/07/1993	2261				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010301 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Hóa học đại cương phần 1 + TN

Ngày thi: **04/08/2017**Phòng thi: **HNAD201**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421060002	Bùi Hoàng	Anh	13/12/1996	2262				
2	1521060240	Chu Đức	Anh	10/09/1997	2263				
3	1521041005	Đỗ Tuấn	Anh	25/09/1997	2264				
4	1421010009	Hồ Việt	Anh	15/08/1996	2265				
5	1624010070	Lê Thị Ngọc	Anh	27/11/1998	2266				
6	1321050004	Nguyễn Bảo	Anh	21/05/1995	2267				
7	1621050205	Nguyễn Nhật	Anh	09/11/1998	2268				
8	1421020008	Nguyễn Tuấn	Anh	09/09/1996	2269				
9	1631060050	Nguyễn Xuân	Anh	23/09/1994	2270				
10	1321030416	Phương Tuấn	Anh	30/10/1995	2271				
11	1321030418	Trần Đức	Anh	24/08/1995	2272				
12	1524010147	Trần Thị Vân	Anh	25/04/1996	2273				
13	1221060009	Ninh Văn	Bắc	01/07/1994	2274				
14	1521030003	Bùi Ngọc	Bảo	20/08/1996	2275				
15	1521050313	Bùi Sĩ	Biên	18/03/1997	2276				
16	1421070008	Lê Khắc	Bình	20/03/1996	2277				
17	1521030057	Lê Thanh	Bình	20/12/1997	2278				
18	1624010104	Lương Thị Quỳnh	Châu	13/07/1998	2279				
19	1521010256	Mai Anh	Công	11/07/1997	2280				
20	1421050303	Nguyễn Duy	Cường	25/07/1996	2281				
21	1521080335	Phạm Ngọc	Cường	24/04/1997	2282				
22	1421060375	Vũ Ngọc	Đam	04/05/1996	2283				
23	1621070156	Nguyễn Chí	Đan	08/07/1998	2284				
24	1321020477	Kiều Ngọc	Đạt	01/11/1994	2285				
25	1611050020	Lê Thành	Đạt	29/08/1998	2286				
26	1621010139	Trần Quốc	Đạt	02/05/1998	2287				
27	1621060665	Nguyễn Thế	Dinh	14/06/1998	2288				
28	1521040080	Phạm Văn	Đồng	16/01/1996	2289				
29	1621050406	Đỗ Huỳnh	Đức	23/06/1998	2290				
30	1521060130	Nguyễn Đình	Đức	20/01/1996	2291				
31	1321020456	Đỗ Mạnh	Dũng	17/10/1995	2292				
32	1621040128	Phan Văn	Dũng	01/04/1998	2293				
33	1321020459	Trần Tiến	Dũng	14/05/1995	2294				
34	1421060053	Trần Xuân	Dũng	17/07/1995	2295				
35	1421080019	Hoàng Tuấn	Dương	04/06/1996	2296				
36	1521010412	Bùi Đức	Duy	10/05/1997	2297				
37	1521020175	Đỗ Mạnh	Duy	03/10/1995	2298				
38	1621030096	Trần Nhật	Duy	16/02/1998	2299				
39	1521070236	Đặng Quang	Giang	03/01/1997	2300				
40	1321040078	Nguyễn Văn	Giang	03/09/1995	2301				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010301 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Hóa học đại cương phần 1 + TN

Ngày thi: **04/08/2017**Phòng thi: **HNAD201**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521030006	Phạm Bá	Giáp	17/12/1995	2302				
42	1621060712	Đào Ngọc	Hải	26/09/1998	2303				
43	1521010069	Đình Văn	Hải	27/06/1997	2304				
44	1521020001	Nguyễn Thanh	Hải	04/01/1996	2305				
45	1521030223	Phạm Minh	Hiếu	23/06/1997	2306				
46	1521040161	Đỗ Danh	Hoàng	10/01/1997	2307				
47	1321060125	Doãn	Hoàng	21/07/1995	2308				
48	1521070259	Nguyễn Hữu	Hoàng	15/10/1997	2309				
49	1521010119	Nguyễn Lương	Hoàng	19/09/1997	2310				
50	1521040039	Phạm Đình	Hoàng	21/11/1996	2311				
51	1421020373	Trương Văn	Hoàng	02/06/1995	2312				
52	1521060160	Trương Việt	Hoàng	05/11/1997	2313				
53	1621050400	Nguyễn Huy	Hồng	29/12/1998	2314				
54	1521040067	Nguyễn Thị	Hồng	02/03/1997	2315				
55	1621070083	Đặng Đình	Hùng	22/09/1998	2316				
56	1521010036	Lê Mạnh	Hùng	28/02/1997	2317				
57	1521040164	Nguyễn Mạnh	Hùng	18/02/1996	2318				
58	1321030095	Trần Việt	Hùng	05/09/1995	2319				
59	1521070139	Trương Mạnh	Hùng	14/12/1996	2320				
60	1521080020	Vũ Thanh	Hùng	03/07/1995	2321				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010301 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Hóa học đại cương phần 1 + TN

Ngày thi: **04/08/2017**Phòng thi: **HNAD101**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1424010083	Nguyễn Thị Thu	Hương	12/12/1996	2322				
2	1421010395D	Quách Thị	Hương	15/06/1994	2323				
3	1521040154	Nguyễn Trung	Huy	22/10/1997	2324				
4	1621030084	Vũ Đức	Huy	14/09/1998	2325				
5	1621060107	Hồ Diên	Kế	20/07/1998	2326				
6	1421020413	Nguyễn Quang	Khánh	05/01/1996	2327				
7	1321060158	Phạm Đức	Khôi	17/11/1995	2328				
8	1421011185	Ngô Văn	Kiệt	19/01/1994	2329				
9	1521010056	Vũ Hồng	Kông	30/09/1997	2330				
10	1521030249	Lý Văn	Lâm	08/03/1997	2331				
11	1621080713	Đinh Thị Thùy	Linh	21/03/1998	2332				
12	1521010195	Nguyễn Tuấn	Linh	06/06/1997	2333				
13	1421060481	Hoàng Đức	Lộc	01/03/1996	2334				
14	1521070083	Lê Văn	Long	03/02/1997	2335				
15	1321010217	Trần	Long	23/11/1995	2336				
16	1521010376	Phạm Văn	Lực	14/12/1997	2337				
17	1521020368	Nguyễn Đức	Lương	04/01/1997	2338				
18	1621040096	Phan Tiến	Mạnh	07/05/1998	2339				
19	1321030148	Vũ Đức	Mạnh	09/12/1995	2340				
20	1321060185	Chu Công	Minh	19/12/1995	2341				
21	1321060187	Nguyễn Văn	Minh	20/02/1995	2342				
22	1521040106	Nguyễn Văn	Minh	03/10/1997	2343				
23	1521010039	Đỗ Đình	Nam	09/07/1997	2344				
24	1521080207	Đỗ Văn	Nam	08/10/1997	2345				
25	1421060186	Hoàng Văn	Nam	25/10/1996	2346				
26	1621060603	Lê Ngọc	Nam	04/08/1998	2347				
27	1321060201	Trịnh Hồng	Nghĩa	26/09/1995	2348				
28	1521030111	Lương Khánh	Nhật	08/11/1996	2349				
29	1624010348	Lê Thị Yến	Oanh	20/06/1998	2350				
30	1521050448	Trần Quốc	Phong	22/08/1997	2351				
31	1521010047	Dương Hữu	Phước	24/10/1997	2352				
32	1521020087	Đặng Văn	Quân	17/10/1997	2353				
33	1521050195	Nguyễn Ngọc	Quang	14/10/1997	2354				
34	1621010313	Vương Đình	Quang	14/09/1998	2355				
35	1421040221	Phạm Đình	Quảng	18/11/1996	2356				
36	1421030512	Nguyễn Thị	Quế	22/05/1996	2357				
37	1611080002	Bùi Thị	Quỳnh	27/06/1998	2358				
38	1421020541	Hoàng Hồng	Sơn	27/06/1995	2359				
39	1121011053	Nguyễn Ngọc	Sơn	03/12/1993	2360				
40	1621070011	Phạm Hồng	Sơn	29/06/1998	2361				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010301 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Hóa học đại cương phần 1 + TN

Ngày thi: **04/08/2017**Phòng thi: **HNAD101**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521011037	Trương Bảo	Sỹ	09/09/1997	2362				
42	1321060250	Nguyễn Đình	Tài	10/09/1995	2363				
43	1621060410	Hà Thị Linh	Tâm	15/11/1997	2364				
44	1521010333	Nguyễn Đức	Thạch	28/10/1997	2365				
45	1521030040	Đỗ Chiến	Thắng	19/02/1997	2366				
46	1321080092	Lê Duy	Thắng	15/06/1995	2367				
47	1321060285	Nguyễn Đức	Thắng	13/11/1995	2368				
48	1321060288	Phạm Đức	Thắng	01/05/1995	2369				
49	1421080107	Trịnh Xuân	Thành	17/05/1996	2370				
50	1321060275	Trịnh Văn	Thao	10/03/1995	2371				
51	1321010318	Đoàn Thị	Thảo	04/02/1995	2372				
52	1521070088	Hoàng Chí	Thảo	14/11/1997	2373				
53	1521070070	Bùi Đức	Thiện	15/11/1997	2374				
54	1421010313	Lê Đức	Thiện	20/10/1996	2375				
55	1624010112	Phạm Thị Tích	Thiện	31/05/1998	2376				
56	1521080017	Chu Tiến	Thịnh	11/09/1997	2377				
57	1631020006	Trần Quốc	Thức	06/03/1994	2378				
58	1531020412	Phạm Minh	Thương	15//0/192/	2379				
59	1221050100	Vũ Xuân	Thủy	07/10/1994	2380				
60	1321030879	Nguyễn Văn	Thuyền	26/01/1995	2381				
61	1421080392	Nguyễn Vũ Yến	Thy	24/07/1996	2382				
62	1321070668	Hà Văn	Tiến	16/08/1994	2383				
63	1621050155	Nguyễn Ngọc	Tiến	26/03/1998	2384				
64	1321060309	Nguyễn Quyết	Tiến	22/08/1995	2385				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010301 Nhóm: N01 Tổ thi: T003 Tên HP: Hóa học đại cương phần 1 + TN

Ngày thi: **04/08/2017**Phòng thi: **HNAD401**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521060362	Bùi Xuân	Trà	19/05/1997	2386				
2	1524010121	Nguyễn Thị	Trang	17/10/1997	2387				
3	1521040077	Bùi Đức	Trọng	13/04/1997	2388				
4	1421060600	Đinh Văn	Trọng	13/01/1995	2389				
5	1521039001	Đàm Quang	Trung	21/10/1996	2390				
6	1321020768	Lê Thành	Trung	02/09/1995	2391				
7	1521070047	Nhữ Quang	Trung	08/06/1997	2392				
8	1521030012	Trịnh Quốc	Trung	16/12/1996	2393				
9	1621010160	Vũ Thành	Trung	27/10/1994	2394				
10	1221030176	Hoàng Xuân	Trường	29/05/1994	2395				
11	1521020076	Phạm Văn	Tú	09/05/1997	2396				
12	1521010341	Nguyễn Anh	Tuấn	09/10/1997	2397				
13	1421080118	Nguyễn Đức	Tuấn	27/05/1996	2398				
14	1521040033	Nguyễn Minh	Tuấn	08/09/1997	2399				
15	1621050144	Nguyễn Trọng	Tuấn	20/02/1997	2400				
16	1321010398	Nguyễn Văn	Tuấn	08/07/1995	2401				
17	1521060044	Đào Duy	Tùng	05/12/1996	2402				
18	1321070707	Nguyễn Thanh	Tùng	09/07/1995	2403				
19	1521020080	Nguyễn Văn	Tùng	10/01/1997	2404				
20	1624010656	Vàng Thị	Tươi	02/06/1998	2405				
21	1421060636	Phạm Đức	Tuy	01/10/1996	2406				
22	1531020416	Đào Mai Thanh	Việt	30/0/199/	2407				
23	1521060152	Đỗ Doãn	Việt	28/09/1997	2408				
24	1321040327	Dương Quốc	Việt	30/10/1991	2409				
25	1621050623	Trần Ngọc	Việt	10/05/1998	2410				
26	1321020254	Bùi Đức	Vũ	20/12/1994	2411				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010301 Nhóm: N02 Tổ thi: T001 Tên HP: Hóa học đại cương phần 1 + TN

Ngày thi: **04/08/2017**Phòng thi: **HNAD201**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1624010544	Dương Văn	Anh	04/05/1998	2412				
2	1421020007	Lưu Thế	Anh	22/11/1995	2413				
3	1421050257	Nguyễn Duy	Anh	25/06/1996	2414				
4	1321040007	Nguyễn Tuấn	Anh	19/06/1995	2415				
5	1421030006	Nguyễn Việt	Anh	12/09/1996	2416				
6	1321030013	Trần Tuấn	Anh	29/07/1995	2417				
7	1421020226	Trần Xuân	Bách	23/09/1994	2418				
8	1321010034	Cao Văn	Bảo	07/11/1994	2419				
9	1421070173	Nguyễn Hiếu	Bình	21/04/1996	2420				
10	1521070090	Nguyễn Ngọc	Bình	20/12/1997	2421				
11	1421020251	Nguyễn Duy	Cương	04/09/1995	2422				
12	1421040036	Lê Tuấn	Cường	08/12/1994	2423				
13	1421070195	Mai Văn	Cường	11/05/1996	2424				
14	1321020035	Ngô Minh	Cường	05/09/1995	2425				
15	1421010046	Thiều Viết	Cường	17/02/1996	2426				
16	1421040062	Lê Tất	Đạt	13/01/1995	2427				
17	1421070144	Lê Tiến	Đạt	16/05/1996	2428				
18	1521070209	Mạnh Lộc	Đạt	30/06/1997	2429				
19	1421070235	Phạm Thành	Đạt	26/09/1996	2430				
20	1521040214	Phạm Tiến	Đạt	10/05/1995	2431				
21	1421020038	Phạm Văn	Đình	06/05/1996	2432				
22	1621060893	Nguyễn Sỹ	Đoàn	20/04/1998	2433				
23	1421050047	Đình Văn	Đức	12/12/1995	2434				
24	1421020308	Nguyễn Tuấn	Đức	28/09/1996	2435				
25	1521010164	Trần Mạnh	Đức	19/02/1997	2436				
26	1521020040	Trần Trung	Đức	07/10/1996	2437				
27	1421060045	Đình Trung	Dũng	16/04/1996	2438				
28	1321020045	Nguyễn Tiến	Dũng	04/12/1995	2439				
29	1321060442	Nguyễn Tiến	Dũng	22/08/1993	2440				
30	1521070076	Nguyễn Tiến	Dũng	31/03/1997	2441				
31	1321070035	Trần Anh	Dũng	25/10/1995	2442				
32	1621020062	Vũ Việt	Dũng	14/10/1998	2443				
33	1621061046	Lại Bá	Dương	23/12/1998	2444				
34	1421060370	Nguyễn Xuân	Dương	02/10/1996	2445				
35	1321030483	Nguyễn Đức	Duy	27/05/1995	2446				
36	1521080025	Nguyễn Phương	Duy	06/05/1997	2447				
37	1421060085	Nguyễn Trường	Giang	01/04/1996	2448				
38	1421020319	Phan Minh	Giang	19/12/1996	2449				
39	1221040078	Ngô Hồng	Hải	26/11/1994	2450				
40	1621060195	Ngô Quang	Hải	12/02/1998	2451				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010301 Nhóm: N02 Tổ thi: T001 Tên HP: Hóa học đại cương phần 1 + TN

Ngày thi: **04/08/2017**Phòng thi: **HNAD201**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521040184	Nguyễn Ngọc	Hải	05/01/1997	2452				
42	1321070064	Đỗ Bá	Hạnh	05/05/1995	2453				
43	1621030014	Hoàng Minh	Hiệp	27/06/1998	2454				
44	1421060099	Nguyễn Hoàng	Hiệp	09/12/1996	2455				
45	1631070012	Nguyễn Tiến	Hiệp	25/08/1994	2456				
46	1421020353	Mai Đình	Hiếu	05/01/1996	2457				
47	1421020357	Nguyễn Minh	Hiếu	26/07/1996	2458				
48	1421060107	Trịnh Trung	Hiếu	24/11/1996	2459				
49	1521010189	Bùi Khắc	Hình	10/05/1997	2460				
50	1321070073	Lê Đức	Hòa	02/09/1994	2461				
51	1421020371	Trần Đình	Hoàng	20/04/1996	2462				
52	1421020376	Trịnh Đình	Học	23/08/1996	2463				
53	1421040125	Nguyễn Hữu	Hùng	05/10/1995	2464				
54	1321040116	Nguyễn Việt	Hùng	25/04/1995	2465				
55	1421070053	Phan Thanh	Hùng	14/06/1996	2466				
56	1621060303	Trần Xuân	Hùng	05/11/1998	2467				
57	1421020388	Cao Văn	Huy	03/11/1996	2468				
58	1321040501	Đình Quang	Huy	04/03/1995	2469				
59	1321040124	Nguyễn Quang	Huy	30/01/1995	2470				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010301 Nhóm: N02 Tổ thi: T002 Tên HP: Hóa học đại cương phần 1 + TN

Ngày thi: **04/08/2017**Phòng thi: **HNAD101**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321080458	Nguyễn Hải	Hưng	08/09/1995	2471				
2	1421020394	Nguyễn Tuấn	Huy	09/09/1994	2472				
3	1321060148	Vũ Văn	Huy	01/07/1995	2473				
4	1624010355	Trần Thị	Huyền	08/07/1998	2474				
5	1321020127	Lê Văn	Khang	27/11/1995	2475				
6	1321010194	Nguyễn Duy	Khánh	11/04/1995	2476				
7	1521040256	Nguyễn Văn	Khánh	19/03/1997	2477				
8	1421070064	Trần Văn	Khánh	09/08/1995	2478				
9	1321040146	Nguyễn Quang	Khoát	10/06/1995	2479				
10	1321030666	Nguyễn Duy	Kiên	16/05/1995	2480				
11	1321070108	Bùi Văn	Lịch	27/02/1995	2481				
12	1421050105	Nguyễn Đức	Liêm	20/08/1996	2482				
13	1321050616	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	03/10/1995	2483				
14	1521010259	Nguyễn Thùy	Linh	19/01/1997	2484				
15	1321010219	Nguyễn Đức	Lợi	01/01/1995	2485				
16	1321060174	Bùi Văn	Luân	15/12/1995	2486				
17	1521010023	Nguyễn Văn	Lượng	17/05/1997	2487				
18	1421070078	Ngô Văn	Lý	12/09/1996	2488				
19	1321040172	Nguyễn Đức	Mạnh	16/04/1995	2489				
20	1421010197	Nguyễn Xuân	Mạnh	27/02/1996	2490				
21	1421050132	Lương Thị	Mừng	28/10/1996	2491				
22	1421050516	Chu Văn	Nam	26/01/1995	2492				
23	1421070392	Lê Hoài	Nam	04/06/1996	2493				
24	1321060193	Lưu Hoàng	Nam	12/09/1995	2494				
25	1321040185	Trần Hoài	Nam	14/08/1995	2495				
26	1321030170	Hoàng Thị	Nhi	28/11/1995	2496				
27	1521020104	Lâm Duy	Phan	30/11/1997	2497				
28	1321030778	Phạm Gia	Phú	04/11/1995	2498				
29	1321020670	Phạm Văn	Phúc	07/09/1995	2499				
30	1421060208	Vũ Hồng	Phúc	30/12/1995	2500				
31	1521010227	Phạm Hữu	Phước	02/07/1996	2501				
32	1521030068	Đỗ Hữu	Quân	27/12/1997	2502				
33	1421020520	Trần Hữu	Quân	05/06/1996	2503				
34	1321020169	Nguyễn Văn	Quang	22/08/1994	2504				
35	1221040203	Vũ Văn	Quý	03/05/1994	2505				
36	1321020690	Vũ Tiến	Quyền	01/02/1995	2506				
37	1421070102	Chào Láo	San	28/10/1995	2507				
38	1421060224	Nguyễn Thanh	Sang	25/07/1995	2508				
39	1521040292	Bùi Hoàng	Sơn	05/04/1997	2509				
40	1521040102	Lê Hoài	Sơn	07/01/1997	2510				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010301 Nhóm: N02 Tổ thi: T002 Tên HP: Hóa học đại cương phần 1 + TN

Ngày thi: **04/08/2017**Phòng thi: **HNAD101**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621060005	Nguyễn Thái	Son	06/04/1998	2511				
42	1321070166	Phạm Văn	Thạch	29/06/1995	2512				
43	1421030555	Đoàn Xuân	Thắng	08/12/1996	2513				
44	1421070118	Phùng Quang	Thắng	01/12/1996	2514				
45	1321020722	Vũ Ngọc	Thắng	01/09/1995	2515				
46	1621050740	Vương Mạnh	Thắng	24/01/1998	2516				
47	1421040252	Ngô Đức	Thành	03/03/1996	2517				
48	1421080361	Lương Thiên	Thảo	17/10/1996	2518				
49	1524010181	Vũ Thị Anh	Thi	05/11/1997	2519				
50	1421040523	Đỗ Đức	Thiện	30/04/1996	2520				
51	1421070121	Nguyễn Đức	Thiện	25/08/1996	2521				
52	1521040105	Nguyễn Quang	Thiện	09/08/1996	2522				
53	1321020728	Nguyễn Quang	Thịnh	14/09/1995	2523				
54	1521070033	Nghiêm Đình	Thuần	20/12/1996	2524				
55	1321060298	Đỗ Văn	Thuận	26/11/1995	2525				
56	1321030231	Phạm Đình	Tiêm	14/10/1995	2526				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010301 Nhóm: N02 Tổ thi: T003 Tên HP: Hóa học đại cương phần 1 + TN

Ngày thi: **04/08/2017**Phòng thi: **HNAD401**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421070490	Nguyễn Thành	Tông	07/06/1996	2527				
2	1521040142	Đỗ Thị Huyền	Trang	02/03/1997	2528				
3	1421050216	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	10/06/1996	2529				
4	1521010391	Nguyễn Thu	Trang	24/12/1996	2530				
5	1524010541	Nguyễn Văn	Trí	10/07/1997	2531				
6	1321020231	Nguyễn Ngọc	Triều	19/12/1993	2532				
7	1421030586	Nguyễn Văn	Trọng	05/09/1995	2533				
8	1521030332	Nguyễn Bảo	Trung	09/05/1997	2534				
9	1421030600	Nguyễn Văn	Tú	16/09/1995	2535				
10	1421060289	Nguyễn Minh	Tuân	16/09/1996	2536				
11	1021010387	Bùi Văn	Tuấn	17/06/1992	2537				
12	1421010364	Đồng Văn	Tuấn	01/09/1996	2538				
13	1421020655	Hà Anh	Tuấn	02/09/1995	2539				
14	1321030949	Nguyễn Văn	Tuấn	07/07/1995	2540				
15	1321030255	Phạm Nhật	Tuấn	22/01/1995	2541				
16	1421040562	Nguyễn Văn	Tùng	30/07/1996	2542				
17	1421060312	Trần Mạnh	Tường	14/06/1996	2543				
18	1421070141	Vũ Đình	Tuy	10/04/1996	2544				
19	1421060306	Hoàng Văn	Tuyên	09/12/1993	2545				
20	1421060643	Đặng Tuấn	Việt	10/09/1996	2546				
21	1521020072	Hà Đức	Việt	02/07/1997	2547				
22	1321060677	Trịnh Quang	Vinh	17/02/1994	2548				
23	1424010635	Phạm Thị Thanh	Xuân	07/10/1996	2549				
24	1321060354	Đỗ Thị	Yến	14/11/1994	2550				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010302 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Hóa học đại cương phần 2

Ngày thi: **01/08/2017**Phòng thi: **HNAA303**

Tiết bắt đầu:

9Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521010441	Đặng Tiến	Anh	24/10/1997	2551				
2	1521010409	Ngô Hoàng	Anh	09/09/1997	2552				
3	1321010047	Đoàn Văn	Cương	10/06/1995	2553				
4	1321010053	Nguyễn Danh	Cường	06/11/1995	2554				
5	1621010228	Vũ Thạch Công	Danh	14/08/1998	2555				
6	1521010336	Nguyễn Thành	Đạt	19/06/1997	2556				
7	1221040043	Nguyễn Văn	Dự	07/03/1989	2557				
8	1421010054	Nguyễn Đắc	Dũng	22/06/1996	2558				
9	1421010070	Lê Đại	Dương	24/05/1996	2559				
10	1621060016	Phạm Văn	Duy	12/08/1998	2560				
11	1221010112	Nguyễn Minh	Giang	08/09/1994	2561				
12	1321020527	Đào Thị	Hằng	26/05/1994	2562				
13	1321040485	Nguyễn Đức	Hậu	03/02/1994	2563				
14	1321050076	Bùi Việt	Hòa	27/08/1995	2564				
15	1521010431	Nguyễn Hữu	Hòa	20/09/1996	2565				
16	1521010395	Lê Ngọc	Hoàng	17/12/1997	2566				
17	1521010410	Vũ Đình	Hoàng	12/07/1996	2567				
18	1521010415	Đỗ Văn	Hùng	10/10/1997	2568				
19	1321070568	Trần Quý	Linh	09/08/1993	2569				
20	1521010374	Nguyễn Hoàng	Long	06/08/1997	2570				
21	1421010201	Hoàng	Minh	28/02/1995	2571				
22	1121010418	Trương Công	Nam	29/07/1992	2572				
23	1421010397D	Ngân Văn	Nhã	27/08/1994	2573				
24	1521010330	Đinh Thị Tú	Oanh	06/12/1997	2574				
25	1521010387	Hoàng Nhật	Phương	10/09/1997	2575				
26	0921050063	Nguyễn Thái	Thành	09/12/1991	2576				
27	1621010732	Trương Văn	Thành	17/03/1996	2577				
28	1621010738	Phạm Thị Phương	Thảo	16/07/1998	2578				
29	1221010800	Đỗ Vũ	Thư	07/03/1991	2579				
30	1421010400D	Nguyễn Văn	Tiếp	02/01/1994	2580				
31	1521010393	Đinh Trọng	Tấn	05/05/1997	2581				
32	1521010362	Đoàn Thị Hà	Trang	28/10/1997	2582				
33	1321020228	Lê Thị Thu	Trang	07/09/1994	2583				
34	1521010342	Vũ Thị	Trang	12/09/1997	2584				
35	1521010385	Nguyễn Văn	Trí	06/08/1996	2585				
36	1621010058	Lê Thị Kiều	Trình	27/04/1998	2586				
37	1321010385	Trần Văn	Trường	09/01/1995	2587				
38	0921010178	Nguyễn Hữu	Tùng	19/12/1991	2588				
39	1521020346	Lê Đình	Tường	10/07/1997	2589				
40	1621060661	Nguyễn Đình	Văn	19/05/1998	2590				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010302 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Hóa học đại cương phần 2

Ngày thi: **01/08/2017**Phòng thi: **HNAA303**

Tiết bắt đầu:

9Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1421010800	Trần Anh	Vũ	25/07/1993	2591				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010303 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Hoá vô cơ phần 1 + TN

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAA305

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421020001	Phạm Xuân	An	08/08/1996	2592				
2	1421010009	Hồ Việt	Anh	15/08/1996	2593				
3	1521010409	Ngô Hoàng	Anh	09/09/1997	2594				
4	1321020411	Nguyễn Hoàng	Anh	18/03/1995	2595				
5	1321020430	Nguyễn Khương	Bình	07/06/1993	2596				
6	1221010041	Đặng Văn	Chung	15/02/1994	2597				
7	1321020445	Đỗ Mạnh	Cường	01/05/1995	2598				
8	1421020028	Tạ Mạnh	Cường	20/07/1996	2599				
9	1321020478	Nguyễn Bá	Đạt	14/08/1994	2600				
10	1321020069	Ngô Hải	Đoàn	12/10/1995	2601				
11	1421010070	Lê Đại	Dương	24/05/1996	2602				
12	1521020023	Phạm Công	Dương	30/11/1997	2603				
13	1631020001	Triệu Hồng	Duy	10/03/1994	2604				
14	1521010357	Đỗ Ngọc	Giang	28/11/1997	2605				
15	1321020084	Bùi Thanh	Hải	23/11/1993	2606				
16	1521020001	Nguyễn Thanh	Hải	04/01/1996	2607				
17	1531020406	Nguyễn Thị Thu	Hằng	08//1/190/	2608				
18	1421020338	Đinh Đức	Hạnh	10/07/1995	2609				
19	1521010440	Trần Tuấn	Hiển	13/10/1997	2610				
20	1521010358	Bùi Trung	Hiếu	10/10/1997	2611				
21	1321050076	Bùi Việt	Hòa	27/08/1995	2612				
22	1521020049	Trần Ngọc	Huân	29/08/1997	2613				
23	1521010372	Nguyễn Vũ	Hung	23/02/1997	2614				
24	1521020035	Nguyễn Mai	Hương	29/09/1997	2615				
25	1521040251	Nguyễn Đình	Huy	15/05/1997	2616				
26	1521020226	Nguyễn Thị Thu	Huyền	18/09/1997	2617				
27	1521020097	Lê Gia	Khánh	13/08/1997	2618				
28	1321020590	Trần Quang	Khánh	26/03/1995	2619				
29	1521010407	Hoàng Tuấn	Kiệt	26/06/1997	2620				
30	1421020429	Nguyễn Quỳnh	Liên	20/08/1996	2621				
31	1521010416	Đinh Thị	Linh	09/11/1997	2622				
32	1421040448	Trần Đức	Lợi	09/05/1996	2623				
33	1521010374	Nguyễn Hoàng	Long	06/08/1997	2624				
34	1521010339	Nguyễn Như	Long	21/04/1997	2625				
35	1521020085	Trần Duy	Long	03/06/1997	2626				
36	1421020453	Trương Tam	Long	25/04/1996	2627				
37	1521010376	Phạm Văn	Lực	14/12/1997	2628				
38	1521020254	Nguyễn Thị	Ly	06/01/1997	2629				
39	1421020472	Nguyễn Văn	Minh	20/09/1995	2630				
40	1321020150	Phạm Văn	Minh	20/10/1995	2631				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010303 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Hoá vô cơ phần 1 + TN

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAB305

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621020703	Nguyễn Ngọc	Nam	25/10/1998	2632				
2	1421020521	Vũ Hồng	Quân	08/11/1995	2633				
3	1631020073	Phạm Ngọc	Quyên	29/06/1995	2634				
4	1421060547	Nguyễn Xuân	Sang	18/11/1996	2635				
5	1631020074	Nguyễn Đức	Thái	20/02/1995	2636				
6	1321020722	Vũ Ngọc	Thắng	01/09/1995	2637				
7	1421020144	Đình Văn	Thanh	24/05/1995	2638				
8	1521020047	Nguyễn Thị Thu	Thảo	30/03/1997	2639				
9	1621010738	Phạm Thị Phương	Thảo	16/07/1998	2640				
10	1631020006	Trần Quốc	Thức	06/03/1994	2641				
11	1531020412	Phạm Minh	Thương	15/0/192/	2642				
12	1421020604	Trần Thị Minh	Thúy	31/03/1996	2643				
13	1631020005	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	28/11/1994	2644				
14	1521010394	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	20/02/1997	2645				
15	1621020016	Đỗ Thu	Trang	19/08/1998	2646				
16	1521020098	Dương Quốc	Trung	11/01/1997	2647				
17	1521020088	Nguyễn Mạnh	Trường	07/09/1997	2648				
18	1521010351	Nguyễn Văn	Tuân	19/09/1997	2649				
19	1521010341	Nguyễn Anh	Tuấn	09/10/1997	2650				
20	1421020665	Trịnh Anh	Tuấn	06/07/1995	2651				
21	0921010178	Nguyễn Hữu	Tùng	19/12/1991	2652				
22	1531020416	Đào Mai Thanh	Việt	30/0/199/	2653				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010304 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Hoá vô cơ phần 2

Ngày thi: **01/08/2017**Phòng thi: **HNAB505**

Tiết bắt đầu:

6Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1221010019	Phan Tuấn	Anh	02/08/1993	2654				
2	1321011004	Trần Đình	Anh	29/10/1994	2655				
3	1321010037	Đặng Thanh	Bình	22/02/1995	2656				
4	1421010054	Nguyễn Đắc	Dũng	22/06/1996	2657				
5	1421040094	Phạm Xuân	Hải	26/09/1996	2658				
6	1421010107	Bùi Thị	Hiền	02/10/1996	2659				
7	1521010395	Lê Ngọc	Hoàng	17/12/1997	2660				
8	1421010150	Nguyễn Thành	Hung	31/10/1996	2661				
9	1521040154	Nguyễn Trung	Huy	22/10/1997	2662				
10	1421010163	Đào Văn	Khánh	27/03/1996	2663				
11	1321010235	Võ Anh	Mười	17/02/1995	2664				
12	1521010368	Vũ Kim	Mỹ	15/04/1995	2665				
13	1121010418	Trương Công	Nam	29/07/1992	2666				
14	1121020157	Dương Văn	Quý	29/03/1992	2667				
15	1321020690	Vũ Tiến	Quyền	01/02/1995	2668				
16	1321010372	Trịnh Sơn	Trang	10/11/1995	2669				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010305 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Hóa phân tích phần 1+ TN

Ngày thi: **01/08/2017**Phòng thi: **HNAA305**

Tiết bắt đầu:

6Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421010007	Đỗ Thị Ngọc	Anh	13/09/1996	2670				
2	1321080002	Lê Tuấn	Anh	24/06/1995	2671				
3	1521080027	Nguyễn Đình	Bắc	25/12/1997	2672				
4	1421020226	Trần Xuân	Bách	23/09/1994	2673				
5	1421040377	Nguyễn Văn	Cần	14/07/1996	2674				
6	1321080408	Đỗ Văn	Cảnh	20/06/1994	2675				
7	1421080158	Nguyễn Thị	Cúc	16/08/1996	2676				
8	1621080111	Trương Thị	Cúc	16/04/1998	2677				
9	1521010382	Phạm Viết	Cường	06/11/1991	2678				
10	1321020062	Nguyễn Huy	Đạt	19/12/1995	2679				
11	1321010106	Lâm Quý	Đoàn	12/11/1995	2680				
12	1421020308	Nguyễn Tuấn	Đức	28/09/1996	2681				
13	1421080024	Phạm Minh	Đức	11/07/1996	2682				
14	1421080014	Đỗ Thành	Dũng	23/07/1996	2683				
15	1421080013	Doãn Văn	Dũng	01/08/1996	2684				
16	1421080171	Lê Gia	Dũng	18/10/1996	2685				
17	1421080016	Nguyễn Huy Anh	Dũng	22/08/1996	2686				
18	1521080123	Phạm Văn	Dương	18/10/1996	2687				
19	1421020272	Lê Nhật	Duy	15/09/1996	2688				
20	1421010110	Nguyễn Quang	Hiền	06/10/1996	2689				
21	1521080005	Chu Minh	Hiếu	05/07/1997	2690				
22	1521080147	Hoàng Văn	Hiếu	19/02/1997	2691				
23	1521080003	Nguyễn Minh	Hiếu	15/02/1997	2692				
24	1521010432	Đỗ Tiến	Hoàng	01/10/1994	2693				
25	1421020390	Ngô Văn	Huy	26/07/1995	2694				
26	1421040131	Nguyễn Quang	Huy	11/09/1996	2695				
27	1521080067	Đỗ Bảo	Khánh	02/09/1997	2696				
28	1521020097	Lê Gia	Khánh	13/08/1997	2697				
29	1421080055	Bùi Hoàng Mỹ	Linh	29/07/1996	2698				
30	1321020138	Nguyễn Thùy	Linh	25/10/1995	2699				
31	1421080062	Nguyễn Thị Thanh	Loan	03/02/1996	2700				
32	1421080064	Nguyễn Văn	Long	02/05/1996	2701				
33	1521020085	Trần Duy	Long	03/06/1997	2702				
34	1521020109	Vũ Liu	Ly	27/10/1997	2703				
35	1521020089	Đỗ Quang	Mạnh	14/06/1996	2704				
36	1421080069	Đồng Duy	Mạnh	10/12/1996	2705				
37	1421020463	Lý Tiến	Mạnh	09/10/1996	2706				
38	1521080041	Phạm Đình	Mạnh	31/12/1997	2707				
39	1421010200	Đặng Công	Minh	15/10/1996	2708				
40	1421080286	Đào Văn	Minh	30/04/1996	2709				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010305 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Hóa phân tích phần 1+ TN

Ngày thi: **01/08/2017**Phòng thi: **HNAB305**

Tiết bắt đầu:

6Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521080203	Phùng Quang	Minh	27/06/1997	2710				
2	1421020475	Nguyễn Đỗ	Mười	02/06/1996	2711				
3	1421080433	Dương Hoàng	Nam	31/08/1996	2712				
4	1521080209	Nguyễn Hoài	Nam	24/11/1997	2713				
5	1521080010	Hoàng Thị Thu	Phương	28/06/1996	2714				
6	1421080094	Nguyễn Thị Thu	Phương	13/06/1996	2715				
7	1421080344	Nguyễn Trảng	Son	08/10/1994	2716				
8	1521080237	Đặng Thị	Tâm	30/05/1997	2717				
9	1421040245	Nguyễn Hữu	Thanh	02/02/1996	2718				
10	1521080070	Hoàng Phương	Thảo	08/09/1997	2719				
11	1421080361	Lương Thiên	Thảo	17/10/1996	2720				
12	1621010738	Phạm Thị Phương	Thảo	16/07/1998	2721				
13	1421040263	Phạm Thị Thanh	Thảo	05/04/1996	2722				
14	1421080372	Nguyễn Quang	Thịnh	04/12/1995	2723				
15	1521080266	Trần Viết	Tiến	15/09/1997	2724				
16	1421010338	Nguyễn Ngọc	Tính	18/10/1996	2725				
17	1421020623	Trần Thị Huyền	Trang	14/01/1996	2726				
18	1521080272	Nguyễn Tiên	Triển	15/06/1996	2727				
19	1521080078	Nguyễn Thị	Trình	01/08/1997	2728				
20	1521080011	Phạm Thị Việt	Trình	14/11/1997	2729				
21	1221020520	Bùi Đức	Trung	11/03/1994	2730				
22	1321040307	Lưu Quang	Trung	30/06/1995	2731				
23	1521080034	Nguyễn Đăng	Trung	12/11/1997	2732				
24	1521080002	Nguyễn Khắc	Trung	04/02/1997	2733				
25	1421040551	Lương Thị Cẩm	Tú	01/07/1995	2734				
26	1421010364	Đồng Văn	Tuấn	01/09/1996	2735				
27	1421020657	Lê Anh	Tuấn	08/12/1996	2736				
28	1321080540	Nguyễn Văn	Tuấn	12/11/1995	2737				
29	1521080283	Vũ Thanh	Tùng	20/07/1996	2738				
30	1521080284	Bùi Hữu	Tuyên	20/10/1997	2739				
31	1421020198	Tạ Anh	Vũ	26/09/1996	2740				
32	1421010800	Trần Anh	Vũ	25/07/1993	2741				
33	1321040334	Nguyễn Tất	Vương	25/12/1994	2742				
34	1521080055	Lê Trường	Vỹ	10/11/1997	2743				
35	1521080290	Vũ Thị	Yên	14/01/1997	2744				
36	1521080330	Nguyễn Thị	Yến	03/10/1996	2745				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010307 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Cân bằng pha và hóa keo + TN

Ngày thi: **03/08/2017**Phòng thi: **HNAD401**

Tiết bắt đầu:

6Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421040002	Vũ Thanh	An	07/07/1996	2746				
2	1521020077	Nguyễn Tuấn	Anh	14/02/1997	2747				
3	1421020010	Nguyễn Việt Tuấn	Anh	12/10/1993	2748				
4	1421020020	Nguyễn Văn	Bính	07/04/1996	2749				
5	1321080408	Đỗ Văn	Cảnh	20/06/1994	2750				
6	1321080409	Đinh Thị	Châm	30/03/1995	2751				
7	1421080155	Nguyễn Thảo	Chinh	24/09/1996	2752				
8	1321010062	Phạm Văn	Dân	23/06/1995	2753				
9	1321020474	Đinh Quốc	Đạt	04/04/1995	2754				
10	1421080187	Phùng Văn	Đô	24/11/1996	2755				
11	1321020073	Nguyễn Văn	Đồng	20/02/1995	2756				
12	1421040080	Hoàng Anh	Đức	13/09/1996	2757				
13	1421020308	Nguyễn Tuấn	Đức	28/09/1996	2758				
14	1421080024	Phạm Minh	Đức	11/07/1996	2759				
15	1421080014	Đỗ Thành	Dũng	23/07/1996	2760				
16	1421080171	Lê Gia	Dũng	18/10/1996	2761				
17	1421080015	Nguyễn Đức	Dũng	24/09/1996	2762				
18	1421080016	Nguyễn Huy Anh	Dũng	22/08/1996	2763				
19	1421010073	Nguyễn Tùng	Dương	15/12/1996	2764				
20	1421080030	Phạm Thị Thanh	Hà	13/12/1996	2765				
21	1421080214	Lương Đức	Hậu	29/02/1996	2766				
22	1421080037	Lại Trung	Hiếu	22/01/1996	2767				
23	1321010152	Nguyễn Quang	Hiếu	24/08/1995	2768				
24	1521080068	Trương Thị Phương	Hoa	19/12/1997	2769				
25	1421080038	Hoàng Thị Thu	Hòa	26/02/1996	2770				
26	1321040135	Nguyễn Thị Thanh	Hương	12/09/1995	2771				
27	1221020342	Đỗ Văn	Khoan	13/09/1993	2772				
28	1221020083	Nguyễn Duy	Kiên	04/11/1994	2773				
29	1421040439	Cao Ngọc	Lê	16/08/1996	2774				
30	1421080055	Bùi Hoàng Mỹ	Linh	29/07/1996	2775				
31	1421080061	Trần Thủy Đàm	Linh	18/12/1996	2776				
32	1421080274	Nguyễn Hồng	Lĩnh	05/10/1996	2777				
33	1321040157	Hà Thị	Loan	30/04/1995	2778				
34	1421080277	Đinh Phi	Long	26/09/1996	2779				
35	1421010191	Phạm Văn	Lực	02/11/1996	2780				
36	1421080069	Đồng Duy	Mạnh	10/12/1996	2781				
37	1321020146	Nguyễn Văn	Mạnh	15/10/1995	2782				
38	1321080060	Lê Thị Anh	Minh	07/11/1995	2783				
39	1421020487	Đinh Thị	Ngà	28/07/1996	2784				
40	1421080306	Lê Thị	Nguyệt	10/06/1996	2785				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010307 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Cân bằng pha và hóa keo + TN

Ngày thi: **03/08/2017**Phòng thi: **HNAD401**

Tiết bắt đầu:

6Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1421010263	Đào Tiến	Quân	14/09/1996	2786				
42	1421030521	Lê Văn	Sao	30/10/1995	2787				
43	1321020695	Bùi Hoàng	Son	13/05/1995	2788				
44	1421080343	Lâm Phước	Son	14/05/1996	2789				
45	1321020185	Vũ Văn	Tài	20/02/1994	2790				
46	1421020557	Hoàng Minh	Thái	02/06/1996	2791				
47	1221080146	Nông Quốc	Thắng	23/10/1994	2792				
48	1521080069	Đặng Phương	Thảo	21/08/1996	2793				
49	1321020200	Hoàng Phương	Thảo	24/10/1995	2794				
50	1421080109	Nguyễn Đức	Thiện	17/06/1995	2795				
51	1421080371	Nguyễn Hữu	Thịnh	09/04/1996	2796				
52	1421080372	Nguyễn Quang	Thịnh	04/12/1995	2797				
53	1421080110	Phạm Thị	Thu	29/10/1995	2798				
54	1221010353	Trần Văn	Tình	14/06/1993	2799				
55	1521080011	Phạm Thị Việt	Trình	14/11/1997	2800				
56	1521080002	Nguyễn Khắc	Trung	04/02/1997	2801				
57	1421045009	Trần Bảo	Trung	20/12/1996	2802				
58	1321080109	Bế Anh	Tuấn	01/06/1995	2803				
59	1321020240	Hoàng Anh	Tuấn	15/12/1995	2804				
60	1421010368	Nguyễn Ngọc	Tuấn	06/12/1995	2805				
61	1421080119	Nguyễn Như	Tuấn	07/05/1996	2806				
62	1421020665	Trịnh Anh	Tuấn	06/07/1995	2807				
63	1321020248	Ngô Thị	Tuyến	06/02/1995	2808				
64	1521080055	Lê Trường	Vỹ	10/11/1997	2809				
65	1321040617	Bùi Hải	Yến	12/06/1995	2810				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010307 Nhóm: N02 Tổ thi: T001 Tên HP: Cân bằng pha và hóa keo + TN

Ngày thi: **03/08/2017**Phòng thi: **HNAD401**

Tiết bắt đầu:

6Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421080003	Lê Tuấn	Anh	08/01/1995	2811				
2	1521010130	Nguyễn Hoàng	Anh	13/03/1997	2812				
3	1521080027	Nguyễn Đình	Bắc	25/12/1997	2813				
4	1521010142	Nguyễn Duy	Đại	09/05/1997	2814				
5	1631020002	Phan Xuân	Đăng	02/04/1991	2815				
6	1321020069	Ngô Hải	Đoàn	12/10/1995	2816				
7	1321080019	Nguyễn Văn	Đức	18/08/1995	2817				
8	1521020023	Phạm Công	Dương	30/11/1997	2818				
9	1521080123	Phạm Văn	Dương	18/10/1996	2819				
10	1521020009	Trần Đức	Dương	12/04/1997	2820				
11	1321010083	Nguyễn Quang	Duy	24/02/1995	2821				
12	1631020001	Triệu Hồng	Duy	10/03/1994	2822				
13	1521030038	Trần Thị	Duyên	08/11/1997	2823				
14	1511080004	Nguyễn Trịnh Bá	Hải	04/10/1996	2824				
15	1631020003	Nguyễn Thế	Hào	19/02/1992	2825				
16	1521080005	Chu Minh	Hiếu	05/07/1997	2826				
17	1521080147	Hoàng Văn	Hiếu	19/02/1997	2827				
18	1521080003	Nguyễn Minh	Hiếu	15/02/1997	2828				
19	1521080008	Nguyễn Minh	Hiếu	14/10/1997	2829				
20	1321030080	Tạ Quang	Hiếu	10/09/1995	2830				
21	1421030076	Bùi Minh	Hoàn	22/04/1996	2831				
22	1421040417	Đào Quang	Hoàng	13/09/1996	2832				
23	1521020049	Trần Ngọc	Huân	29/08/1997	2833				
24	1521020383	Dương Xuân	Hùng	03/02/1995	2834				
25	1421020400	Cao Sỹ	Hưng	28/08/1994	2835				
26	1321080461	Bùi Thị	Hường	27/04/1995	2836				
27	1421020709	Đỗ Quang	Huy	25/01/1996	2837				
28	1221020332	Vũ Xong	Hý	22/04/1994	2838				
29	1421011185	Ngô Văn	Kiệt	19/01/1994	2839				
30	1421080257	Phạm Thu	Liên	27/07/1995	2840				
31	1421020432	Hoàng Thủy	Linh	20/12/1996	2841				
32	1421080260	Ma Thị	Linh	30/08/1996	2842				
33	1421080268	Phương Diệu	Linh	27/12/1996	2843				
34	1421010204	Nguyễn Văn	Minh	22/08/1996	2844				
35	1521080203	Phùng Quang	Minh	27/06/1997	2845				
36	1521080211	Nguyễn Phú Thị	Nga	01/02/1996	2846				
37	1421080309	Nguyễn Lan	Nhi	27/12/1995	2847				
38	1321010438	Tạ Xuân	Phong	08/06/1994	2848				
39	1421020127	Lưu Thị	Phượng	20/06/1995	2849				
40	1321020685	Nguyễn Trọng	Quân	28/04/1995	2850				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010307 Nhóm: N02 Tổ thi: T001 Tên HP: Cân bằng pha và hóa keo + TN

Ngày thi: **03/08/2017**Phòng thi: **HNAD401**

Tiết bắt đầu:

6Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1321020170	Nguyễn Xuân	Quang	22/04/1995	2851				
42	1521080235	Nguyễn Hoàng	Sơn	02/01/1997	2852				
43	1421080344	Nguyễn Trạng	Sơn	08/10/1994	2853				
44	1321010294	Nguyễn Văn	Sơn	08/08/1995	2854				
45	1421080345	Trần Ngọc	Sơn	26/12/1996	2855				
46	1631020074	Nguyễn Đức	Thái	20/02/1995	2856				
47	1521080239	Nguyễn Hưng	Thái	01/06/1997	2857				
48	1521080070	Hoàng Phương	Thảo	08/09/1997	2858				
49	1421080363	Nguyễn Thị	Thảo	02/02/1996	2859				
50	1631020005	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	28/11/1994	2860				
51	1631020007	Vũ Minh	Toàn	19/06/1991	2861				
52	1521080272	Nguyễn Tiên	Triển	15/06/1996	2862				
53	1521080078	Nguyễn Thị	Trình	01/08/1997	2863				
54	1521020098	Dương Quốc	Trung	11/01/1997	2864				
55	1521080034	Nguyễn Đăng	Trung	12/11/1997	2865				
56	1521010143	Phan Thế	Trung	18/03/1997	2866				
57	1631020008	Thịnh Hồng	Trung	18/08/1995	2867				
58	1221020526	Vì Quang	Trung	05/03/1994	2868				
59	1521020088	Nguyễn Mạnh	Trường	07/09/1997	2869				
60	1511080001	Nguyễn Tuấn	Tú	04/06/1997	2870				
61	1421020179	Phan Văn	Tú	22/10/1996	2871				
62	1221020529	Trần Minh	Tuân	02/07/1994	2872				
63	1421020181	Bùi Minh	Tuấn	23/09/1996	2873				
64	1521080284	Bùi Hữu	Tuyên	20/10/1997	2874				
65	1421020690	Đặng Thúy	Vân	16/04/1996	2875				
66	1421020192	Lê Thanh	Vân	12/08/1996	2876				
67	1421080124	Dương Thế	Vương	10/02/1996	2877				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010309 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Hoá hữu cơ phần 1

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAB505

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321040001	Đỗ Tuấn	Anh	10/10/1995	2878				
2	1521040214	Phạm Tiến	Đạt	10/05/1995	2879				
3	1521040055	Nguyễn Văn	Điệp	11/06/1995	2880				
4	1321040056	Phạm Thị Thùy	Dương	02/05/1995	2881				
5	1521040184	Nguyễn Ngọc	Hải	05/01/1997	2882				
6	1321030073	Nhữ Thị	Hiền	10/11/1995	2883				
7	1521040067	Nguyễn Thị	Hồng	02/03/1997	2884				
8	1521040154	Nguyễn Trung	Huy	22/10/1997	2885				
9	1521040254	Nguyễn Xuân	Khải	06/12/1997	2886				
10	1521010407	Hoàng Tuấn	Kiệt	26/06/1997	2887				
11	1321020133	Ngô Ngọc	Lam	09/10/1995	2888				
12	1521040070	Trần Khánh	Ly	11/09/1997	2889				
13	1321020147	Lê Văn	Minh	20/01/1995	2890				
14	1421040189	Nguyễn Ngọc	Minh	26/11/1995	2891				
15	1321010235	Võ Anh	Mười	17/02/1995	2892				
16	1621020703	Nguyễn Ngọc	Nam	25/10/1998	2893				
17	1421020125	Mai Lan	Phương	13/04/1996	2894				
18	1521040046	Nhữ Ngọc	Quý	30/05/1994	2895				
19	1521040003	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	14/12/1997	2896				
20	1521040292	Bùi Hoàng	Sơn	05/04/1997	2897				
21	1521040102	Lê Hoài	Sơn	07/01/1997	2898				
22	1321040263	Lê Đức	Thắng	22/06/1994	2899				
23	1321020193	Nguyễn Chí	Thanh	08/09/1995	2900				
24	1521040305	Cao Văn	Thành	07/01/1997	2901				
25	1421040259	Đoàn Văn	Thảo	09/11/1995	2902				
26	1521040312	Vũ Đình	Thọ	04/03/1997	2903				
27	1521040117	Nguyễn Tri	Thức	05/08/1997	2904				
28	1421040529	Đoàn Mạnh	Tiếp	27/09/1996	2905				
29	1521040064	Hoàng Thị Thùy	Trang	03/08/1997	2906				
30	1521040077	Bùi Đức	Trọng	13/04/1997	2907				
31	1421045010	Nguyễn Doãn	Trường	10/01/1996	2908				
32	1521040033	Nguyễn Minh	Tuấn	08/09/1997	2909				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010401 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Hình học họa hình

Ngày thi: **02/08/2017**Phòng thi: **HNAA303**

Tiết bắt đầu:

9Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421070004	Lê Tiến	Anh	07/01/1996	2910				
2	1521060374	Trịnh Khắc	Chiến	02/12/1997	2911				
3	1321070429	Đỗ	Chung	05/08/1994	2912				
4	1521010256	Mai Anh	Công	11/07/1997	2913				
5	1521060390	Nguyễn Tiến	Công	14/01/1996	2914				
6	1321040030	Phạm Văn	Công	16/01/1994	2915				
7	1421010041	Cù Quốc	Cường	07/11/1996	2916				
8	1521070201	Nguyễn Kiên	Cường	16/10/1997	2917				
9	1521040097	Nguyễn Mạnh	Cường	15/08/1996	2918				
10	1521060412	Nguyễn Văn	Cường	31/07/1997	2919				
11	1521070203	Trịnh Đức	Cường	08/05/1997	2920				
12	1321020477	Kiều Ngọc	Đạt	01/11/1994	2921				
13	1521070209	Mạnh Lộc	Đạt	30/06/1997	2922				
14	1421040385	Phạm Công	Doanh	18/02/1996	2923				
15	1421040047	Nghiêm Xuân	Dũng	10/05/1996	2924				
16	1421070262	Cam Văn	Hà	25/04/1996	2925				
17	1421040093	Phạm Ngọc	Hải	16/06/1996	2926				
18	1521010306	Nguyễn Danh	Hiếu	23/10/1997	2927				
19	1521010025	Nguyễn Việt	Hiếu	09/09/1997	2928				
20	1321010154	Vũ Trung	Hiếu	23/12/1994	2929				
21	1521070099	Bùi Công	Hòa	08/01/1996	2930				
22	1321040101	Nguyễn Duy	Hòa	09/08/1995	2931				
23	1521019001	Bùi Đức	Hoàng	/ /19 3	2932				
24	1521040161	Đỗ Danh	Hoàng	10/01/1997	2933				
25	1321020111	Vũ Văn	Huân	20/02/1995	2934				
26	1621020041	Nguyễn Thế	Hùng	19/11/1998	2935				
27	1521070139	Trương Mạnh	Hùng	14/12/1996	2936				
28	1521040166	Vũ Nguyễn Gia	Huy	19/08/1997	2937				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010401 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Hình học họa hình

Ngày thi: **02/08/2017**Phòng thi: **HNAA308**

Tiết bắt đầu:

9Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521040254	Nguyễn Xuân	Khải	06/12/1997	2938				
2	1521010324	Hà Duy	Khánh	03/11/1997	2939				
3	1521040059	Đào Thị	Lệ	15/12/1997	2940				
4	1521010195	Nguyễn Tuấn	Linh	06/06/1997	2941				
5	1521060453	Hoàng Nhật	Long	20/09/1997	2942				
6	1521070083	Lê Văn	Long	03/02/1997	2943				
7	1521060402	Nguyễn Phú	Long	26/02/1997	2944				
8	1521040261	Trần Hữu	Lực	12/08/1997	2945				
9	1521040177	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	25/07/1997	2946				
10	1421070085	Phùng Văn	Miễn	07/01/1996	2947				
11	1521040343	Đinh Dũng	Minh	01/12/1997	2948				
12	1321060192	Lương Thành	Nam	13/05/1995	2949				
13	1521020104	Lâm Duy	Phan	30/11/1997	2950				
14	1521041001	Nguyễn Văn	Phong	03/02/1997	2951				
15	1521060457	Trịnh Công	Sơn	23/10/1997	2952				
16	1521010073	Vũ Công	Tài	05/03/1997	2953				
17	1321040246	Bùi Hồng	Thái	24/11/1995	2954				
18	1321060261	Nguyễn Hữu	Thái	21/09/1994	2955				
19	1521040301	Trần Văn	Thái	21/02/1997	2956				
20	1521070376	Vũ Văn	Tiến	05/12/1996	2957				
21	1621020035	Phạm Văn	Trà	16/11/1998	2958				
22	1521040081	Nguyễn Thị Thùy	Trang	09/09/1997	2959				
23	1421045009	Trần Bảo	Trung	20/12/1996	2960				
24	1521010285	Phạm Quang	Trường	25/07/1997	2961				
25	1321020790	Trần Quốc	Tuấn	16/02/1995	2962				
26	1321070216	Trương Văn	Tuấn	20/10/1995	2963				
27	1421070139	Đỗ Mạnh	Tùng	20/06/1996	2964				
28	1521070469	Nguyễn Quang	Vinh	11/03/1997	2965				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010402 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Vẽ kỹ thuật

Ngày thi: **02/08/2017**Phòng thi: **HNAB501**

Tiết bắt đầu:

9Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521040156	Lê Việt	Anh	04/09/1997	2966				
2	1511070004	Nguyễn Tuấn	Anh	15/11/1997	2967				
3	1521010321	Đỗ Văn	Bách	30/01/1997	2968				
4	1421040384	Bùi Quốc	Cường	21/07/1995	2969				
5	1521040153	Trịnh Tiến	Cường	21/04/1995	2970				
6	1521070208	Đỗ Duy	Đạt	27/08/1997	2971				
7	1421040062	Lê Tất	Đạt	13/01/1995	2972				
8	1421070235	Phạm Thành	Đạt	26/09/1996	2973				
9	1421040068	Phạm Xuân	Đạt	13/12/1996	2974				
10	1421040073	Nguyễn Văn	Đô	30/09/1996	2975				
11	1421070241	Ninh Duy	Đồng	13/10/1995	2976				
12	1521040080	Phạm Văn	Đồng	16/01/1996	2977				
13	1511040011	Ninh Quang	Dự	15/10/1997	2978				
14	1521040006	Trần Duy	Duân	16/08/1996	2979				
15	1421070036	Nguyễn Anh	Đức	01/02/1996	2980				
16	1311050067	Đoàn Thùy	Dương	10/02/1995	2981				
17	1221010075	Vũ Đức	Dương	12/08/1994	2982				
18	1511040010	Vũ Mạnh	Hà	22/05/1997	2983				
19	1321040485	Nguyễn Đức	Hậu	03/02/1994	2984				
20	1521060447	Mai Xuân	Hiếu	01/12/1997	2985				
21	1521010119	Nguyễn Lương	Hoàng	19/09/1997	2986				
22	1221011105	Nguyễn Tiến	Hùng	13/07/1994	2987				
23	1421011161	Hà Thanh	Hung	22/08/1996	2988				
24	1321040132	Ngô Quang	Hung	24/07/1994	2989				
25	1421040147	Đoàn Văn	Hữu	10/03/1996	2990				
26	1421070054	Đỗ Quang	Huy	22/11/1996	2991				
27	1421040128	Hoàng Quốc	Huy	27/08/1996	2992				
28	1521020057	Vũ Đức	Huy	07/11/1997	2993				
29	1421060148	Đàm Dương	Khánh	15/12/1996	2994				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010402 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Vẽ kỹ thuật

Ngày thi: **02/08/2017**Phòng thi: **HNAA405**

Tiết bắt đầu:

9Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421040150	Nguyễn Duy	Khánh	25/08/1996	2995				
2	1321070102	Nguyễn Đăng	Khoa	31/03/1994	2996				
3	1521010172	Phạm Văn	Linh	29/09/1997	2997				
4	1321040162	Trần Phi	Long	04/02/1995	2998				
5	1421040454	Bùi Duy	Mạnh	09/07/1996	2999				
6	1421070382	Nguyễn Tiến	Mạnh	23/03/1996	3000				
7	1521040262	Nguyễn Văn	Mạnh	22/01/1997	3001				
8	1421040189	Nguyễn Ngọc	Minh	26/11/1995	3002				
9	1421040203	Trần Viết	Nhất	26/02/1996	3003				
10	1521060410	Nguyễn Phúc	Núi	16/08/1996	3004				
11	1421070413	Nguyễn Lê	Phi	03/11/1996	3005				
12	1211040147	Nguyễn Như	Phúc	25/07/1994	3006				
13	1421040479	Mai Văn	Phùng	10/10/1995	3007				
14	1421040223	Nguyễn Đình	Quân	12/08/1996	3008				
15	1521010088	Nguyễn Thành	Sang	24/05/1997	3009				
16	1321010295	Phan Thái	Son	23/11/1995	3010				
17	1321040245	Trịnh Minh	Tấn	29/11/1995	3011				
18	1321060275	Trịnh Văn	Thao	10/03/1995	3012				
19	1521060426	Lê Thế	Trung	09/09/1997	3013				
20	1621060824	Nguyễn Quang	Trung	19/09/1998	3014				
21	1521040086	Nguyễn Thành	Trung	22/02/1997	3015				
22	1321010387	Nguyễn Anh	Tú	01/02/1995	3016				
23	1421011400	Nguyễn Anh	Tuấn	11/10/1994	3017				
24	1421040328	Phạm Minh	Tuấn	22/04/1996	3018				
25	1321040323	Hoàng Thanh	Tùng	08/05/1993	3019				
26	1421040568	Đặng Đình	Văn	11/03/1996	3020				
27	1621060578	Lò Sênh	Văng	08/06/1997	3021				
28	1321040327	Dương Quốc	Việt	30/10/1991	3022				
29	1521070468	Phạm Quốc	Việt	25/03/1997	3023				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010403 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Autocad + TH

Ngày thi: **03/08/2017**Phòng thi: **HNAA305**

Tiết bắt đầu:

9Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421030241	Vũ Sơn	An	16/06/1996	3024				
2	1421050264	Nguyễn Tuấn	Anh	28/11/1996	3025				
3	1421030006	Nguyễn Việt	Anh	12/09/1996	3026				
4	1521080027	Nguyễn Đình	Bắc	25/12/1997	3027				
5	1321070417	Lê Văn	Bình	13/08/1995	3028				
6	1421070013	Mai Ngọc	Chiến	04/05/1995	3029				
7	1521040019	Trần Minh	Chiến	21/06/1997	3030				
8	1421010038	Dương Tiến	Công	23/08/1996	3031				
9	1321080412	Nguyễn Đình	Cường	25/09/1995	3032				
10	1421060353	Trần Mạnh	Cường	04/12/1995	3033				
11	1321040040	Vũ Văn	Cường	25/09/1995	3034				
12	1421080014	Đỗ Thành	Dũng	23/07/1996	3035				
13	1421080016	Nguyễn Huy Anh	Dũng	22/08/1996	3036				
14	1321040053	Nguyễn Hữu	Dương	02/03/1994	3037				
15	1421040055	Nguyễn Lê	Duy	01/05/1993	3038				
16	1521060290	Nguyễn Ngọc	Duy	16/06/1997	3039				
17	1321040452	Trần Ngọc	Duy	11/04/1995	3040				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010403 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Autocad + TH

Ngày thi: **03/08/2017**Phòng thi: **HNAB305**

Tiết bắt đầu:

9Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321040069	Lưu Văn	Đoàn	11/09/1995	3041				
2	1221060209	Vũ Xuân	Đức	02/09/1994	3042				
3	1531040010	Nguyễn Văn	Hà	20/03/1993	3043				
4	1321040104	Cao Xuân	Hoàng	23/05/1995	3044				
5	1421020369	Nguyễn Văn	Hoàng	30/05/1996	3045				
6	1421040116	Nguyễn Văn	Hoàng	06/11/1996	3046				
7	1421070053	Phan Thanh	Hùng	14/06/1996	3047				
8	1421070313	Trương Phi	Hùng	24/11/1994	3048				
9	1521070269	Vũ Đức	Hùng	07/06/1997	3049				
10	1421060141	Nguyễn Ngọc	Hưng	24/01/1993	3050				
11	1321070534	Nguyễn Đắc	Huy	11/02/1995	3051				
12	1421040434	Mai Khắc	Khải	20/02/1996	3052				
13	1631040003	Vũ Chí	Khánh	30/06/1991	3053				
14	1521010049	Trần Trung	Kiên	12/11/1997	3054				
15	1321020133	Ngô Ngọc	Lam	09/10/1995	3055				
16	1321080055	Vũ Hoa	Linh	15/01/1995	3056				
17	1421040800	Nguyễn Ngọc	Lĩnh	12/03/1996	3057				
18	1321060174	Bùi Văn	Luân	15/12/1995	3058				
19	1321070587	Lương Văn	Mạnh	28/02/1995	3059				
20	1421060172	Phạm Đức	Mạnh	29/07/1995	3060				
21	1321020147	Lê Văn	Minh	20/01/1995	3061				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010403 Nhóm: N01 Tổ thi: T003 Tên HP: Autocad + TH

Ngày thi: **03/08/2017**Phòng thi: **HNAB501**

Tiết bắt đầu:

9Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421030134	Đào Hồng	Nam	22/01/1996	3062				
2	1321080063	Đỗ Thị	Nga	21/08/1994	3063				
3	1321060214	Nguyễn Văn	Phú	16/01/1995	3064				
4	1321060216	Đặng Đình	Phúc	28/03/1995	3065				
5	1321050159	Hà Văn	Phương	16/11/1995	3066				
6	1421040224	Nguyễn Đức	Quân	08/10/1995	3067				
7	1421010277	Trần Phong	Quyền	25/06/1996	3068				
8	1421040228	Phạm Văn	Quyết	09/10/1996	3069				
9	1421070102	Chào Láo	San	28/10/1995	3070				
10	1421060225	Trần Danh	Sang	16/10/1995	3071				
11	1521040291	Đỗ Minh	Sáng	04/04/1996	3072				
12	1421040252	Ngô Đức	Thành	03/03/1996	3073				
13	1531040029	Phạm Văn	Thành	02/08/1993	3074				
14	1421070114	Phan Ngọc	Thành	29/08/1992	3075				
15	1321060685	Nguyễn Trọng	Thê	01/08/1994	3076				
16	1421010313	Lê Đức	Thiện	20/10/1996	3077				
17	1421030201	Đặng Văn	Thực	26/11/1995	3078				
18	1321060631	Lê Văn	Tiến	22/02/1994	3079				
19	1321080106	Nguyễn Thị Thu	Trang	02/08/1995	3080				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010403 Nhóm: N01 Tổ thi: T004 Tên HP: Autocad + TH

Ngày thi: **03/08/2017**Phòng thi: **HNAA405**

Tiết bắt đầu:

9Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321040587	Nguyễn Đình	Trọng	23/01/1995	3081				
2	1321080532	Đinh Đức	Trung	24/04/1995	3082				
3	1221020529	Trần Minh	Tuân	02/07/1994	3083				
4	1521070394	Lê Đăng	Tuấn	27/10/1996	3084				
5	1321060332	Nguyễn Anh	Tuấn	26/08/1995	3085				
6	1421060296	Phạm Công	Tuấn	23/01/1996	3086				
7	1631060007	Trần Minh	Tuấn	24/01/1992	3087				
8	1321020797	Nguyễn Văn	Tùng	17/06/1994	3088				
9	1421040338	Vũ Thanh	Tùng	04/02/1996	3089				
10	1321070720	Phùng Việt	Vinh	30/01/1996	3090				
11	1221060182	Lê Quang	Vũ	19/07/1994	3091				
12	1521060194	Đỗ Ngọc	Xuân	01/04/1997	3092				
13	1521040002	Đặng Hưng	Yên	30/08/1997	3093				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010403 Nhóm: N02 Tổ thi: T001 Tên HP: Autocad + TH

Ngày thi: **03/08/2017**Phòng thi: **HNAA305**

Tiết bắt đầu:

9Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321060001	Bùi Long	An	18/05/1995	3094				
2	1421070001	Nguyễn Tiến	An	16/03/1996	3095				
3	1321060002	Trần Văn	An	27/02/1995	3096				
4	1321060008	Nguyễn Thế	Anh	08/10/1992	3097				
5	1321010019	Phạm Việt	Anh	29/06/1995	3098				
6	1321010026	Trần Ngọc	ánh	29/12/1995	3099				
7	1421060019	Nguyễn Quốc	Bảo	11/11/1996	3100				
8	1421070011	Dương Bá	Cánh	18/03/1996	3101				
9	1321020436	Lê Xuân	Chiến	03/02/1995	3102				
10	1321040028	Mai Chiến	Công	18/01/1991	3103				
11	1321010044	Mai Đức	Công	24/08/1995	3104				
12	1321070026	Nguyễn Văn	Cương	19/09/1995	3105				
13	1221070204	Nguyễn Hữu	Cường	05/06/1994	3106				
14	1321010059	Trương Văn	Cường	21/08/1995	3107				
15	1321020062	Nguyễn Huy	Đạt	19/12/1995	3108				
16	1321030043	Nguyễn Văn	Đạt	10/04/1995	3109				
17	1421060069	Phạm Quốc	Đạt	15/02/1996	3110				
18	1421060888	Vũ Thành	Đạt	25/02/1996	3111				
19	1321020046	Phạm Văn	Dũng	13/08/1995	3112				
20	1321040049	Phùng Văn	Dũng	25/09/1995	3113				
21	1321040450	Hà Trọng	Duy	22/08/1995	3114				
22	1321020053	Phạm Ngọc	Duy	21/11/1995	3115				
23	1321010087	Đỗ Văn	Duyên	02/11/1995	3116				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010403 Nhóm: N02 Tổ thi: T002 Tên HP: Autocad + TH

Ngày thi: **03/08/2017**Phòng thi: **HNAB305**

Tiết bắt đầu:

9Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421030048	Lê Văn	Đông	19/09/1996	3117				
2	1321020494	Nguyễn Văn	Đông	07/06/1994	3118				
3	1421060096	Nguyễn Văn	Hậu	16/12/1996	3119				
4	1321060499	Hồ Văn	Hoàng	08/03/1995	3120				
5	1321010163	Trần Huy	Hoàng	25/09/1995	3121				
6	1321060504	Nguyễn Văn	Hợp	12/11/1995	3122				
7	1321040499	Ninh Văn	Hùng	14/10/1995	3123				
8	1321080039	Vũ Văn	Hùng	22/04/1995	3124				
9	1321010185	Nguyễn Quang	Hưng	20/12/1995	3125				
10	1321070097	Trần Văn	Hướng	16/03/1995	3126				
11	1321010190	Phạm Công	Khải	30/10/1995	3127				
12	1321060155	Nguyễn Việt	Khang	06/12/1994	3128				
13	1421040150	Nguyễn Duy	Khánh	25/08/1996	3129				
14	1221070082	Âu Dương	Kiên	02/08/1994	3130				
15	1321060548	Hoàng Văn	Lĩnh	12/01/1995	3131				
16	1321040517	Đỗ Trọng	Long	02/02/1995	3132				
17	1321040518	Khuất Văn	Long	31/01/1995	3133				
18	1321050123	Vũ Đức	Long	20/01/1995	3134				
19	1321030723	Phạm Xuân	Minh	09/05/1994	3135				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010403 Nhóm: N02 Tổ thi: T003 Tên HP: Autocad + TH

Ngày thi: **03/08/2017**Phòng thi: **HNAB501**

Tiết bắt đầu:

9Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321070602	Nguyễn Đoàn	Nam	19/04/1994	3136				
2	1321020155	Nguyễn Giang	Nam	12/05/1995	3137				
3	1321040544	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	03/06/1995	3138				
4	1321070145	Vũ Hồng	Phong	28/11/1995	3139				
5	1321060217	Đinh Xuân	Phúc	02/01/1995	3140				
6	1321050158	Mai Đức	Phúc	01/06/1995	3141				
7	1321040210	Nguyễn Việt	Phương	28/12/1995	3142				
8	1421010269	Nguyễn Ngọc	Quân	11/08/1996	3143				
9	1321060233	Đoàn Ngọc	Quyền	04/01/1994	3144				
10	1421030521	Lê Văn	Sao	30/10/1995	3145				
11	1321060594	Nguyễn Bá	Sơn	03/01/1995	3146				
12	1321060248	Vũ Tiến	Sỹ	15/08/1994	3147				
13	1321060249	Hoàng Văn	Tá	04/04/1995	3148				
14	1321060255	Nguyễn Bá	Tân	24/11/1995	3149				
15	1321080092	Lê Duy	Thắng	15/06/1995	3150				
16	1321060271	Phạm Xuân	Thành	23/05/1994	3151				
17	1321020206	Nguyễn Văn	Thỏa	11/04/1995	3152				
18	1321060300	Vũ Văn	Thuận	23/10/1994	3153				
19	1321010357	Lê Ngọc	Tiến	12/02/1995	3154				
20	1321060310	Nguyễn Văn	Tiếp	04/09/1995	3155				
21	1621060188	Vũ Văn	Toàn	04/06/1997	3156				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010403 Nhóm: N02 Tổ thi: T004 Tên HP: Autocad + TH

Ngày thi: **03/08/2017**Phòng thi: **HNAA405**

Tiết bắt đầu:

9Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321060650	Nguyễn Xuân	Trung	20/07/1995	3157				
2	1321040592	Phạm Tiến	Trung	16/08/1995	3158				
3	1321060656	Nguyễn Kim	Trưởng	17/09/1994	3159				
4	1321040314	Nguyễn Văn	Tú	18/01/1995	3160				
5	1421030218	Đào Văn	Tuân	14/02/1995	3161				
6	1321030939	Đỗ Thanh	Tuấn	02/06/1995	3162				
7	1321030942	Mai Anh	Tuấn	25/10/1995	3163				
8	1321070205	Phạm Văn	Tuấn	05/05/1995	3164				
9	1321030960	Lê Giáp	Tùng	29/09/1994	3165				
10	1421060304	Trần Kế Thanh	Tùng	30/06/1995	3166				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010406 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL

Ngày thi: **01/08/2017**Phòng thi: **HNAA305**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421060326	Trần Văn	An	10/03/1996	3167				
2	1424010001	Dương Nhật	Anh	29/08/1996	3168				
3	1321011002	Nguyễn Đức	Anh	25/03/1995	3169				
4	1321011004	Trần Đình	Anh	29/10/1994	3170				
5	1321030418	Trần Đức	Anh	24/08/1995	3171				
6	1531020400	Trần Trung	Anh	30//1/190/	3172				
7	1521060252	Đặng Văn	Bằng	09/02/1994	3173				
8	1521060100	Hoàng Tiến	Bảo	29/11/1997	3174				
9	1321020429	Nguyễn Văn	Biên	20/05/1992	3175				
10	1321050018	Lê Nguyễn Thanh	Bình	19/03/1994	3176				
11	1521080079	Hoàng Minh	Chính	01/11/1996	3177				
12	1321020030	Trần Văn	Chương	18/11/1995	3178				
13	1521030180	Phạm Văn	Công	02/11/1997	3179				
14	1521080045	Nguyễn Duy	Cường	12/05/1997	3180				
15	1321030467	Vũ Mạnh	Cường	14/09/1995	3181				
16	1521060157	Lê Đức	Đạt	04/09/1997	3182				
17	1321060453	Nguyễn Tiến	Đạt	11/11/1995	3183				
18	1221020046	Dương Phạm	Độ	01/03/1994	3184				
19	0821020147	Nguyễn Văn	Dũng	13/04/1991	3185				
20	1524010225	Quách Thùy	Dương	09/07/1997	3186				
21	1421030036	Trần Tùng	Dương	17/10/1996	3187				
22	1421030037	Vũ Văn	Dương	09/02/1996	3188				
23	1421020331	Phạm Đình	Hải	15/11/1995	3189				
24	1421020334	Phạm Sơn	Hải	17/12/1996	3190				
25	1221030054	Đào Phan	Hiển	28/09/1994	3191				
26	1421020060	Bùi Trung	Hiếu	25/03/1996	3192				
27	1621060130	Trương Minh	Hiếu	22/04/1998	3193				
28	1421010122	Nguyễn Dụng	Hòa	21/07/1996	3194				
29	1421010153	Trần Văn	Hung	01/10/1996	3195				
30	1521060280	Nguyễn Bá	Hường	02/06/1996	3196				
31	1421080235	Lê Quốc	Huy	26/04/1996	3197				
32	1521080067	Đỗ Bảo	Khánh	02/09/1997	3198				
33	1321060157	Nguyễn Thành	Khôi	31/08/1993	3199				
34	1421020434	Lưu Quang	Linh	02/09/1996	3200				
35	1321070568	Trần Quý	Linh	09/08/1993	3201				
36	1521080352	Trịnh Thị	Loan	08/08/1997	3202				
37	1421020092	Nguyễn Nhật	Long	08/08/1996	3203				
38	1321020144	Lưu Thị	Lý	09/08/1995	3204				
39	1421020101	Nguyễn Võ	Mai	04/11/1996	3205				
40	1321060185	Chu Công	Minh	19/12/1995	3206				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010406 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL

Ngày thi: **01/08/2017**Phòng thi: **HNAB305**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421080286	Đào Văn	Minh	30/04/1996	3207				
2	1521080072	Hoàng Bảo	Ngọc	25/10/1997	3208				
3	1421080304	Trần Minh	Ngọc	18/08/1996	3209				
4	1321060207	Nguyễn Trọng	Nguyễn	05/10/1994	3210				
5	1321030773	Nguyễn Trọng	Pháp	17/07/1995	3211				
6	1421080316	Kiều Văn	Phong	10/03/1996	3212				
7	1321010265	Hồ Trọng	Phú	28/12/1995	3213				
8	1421030153	Ngô Xuân	Phúc	20/04/1996	3214				
9	1421080095	Nông Quốc	Phương	27/12/1996	3215				
10	1421030503	Bùi An	Quang	09/09/1995	3216				
11	1321080120	Chang A	Sơ	01/09/1992	3217				
12	1121020172	Trần Ngọc	Sơn	29/04/1993	3218				
13	1321060285	Nguyễn Đức	Thắng	13/11/1995	3219				
14	1624010077	Nguyễn Văn	Thắng	19/06/1997	3220				
15	1521060317	Trần Chiền	Thắng	29/04/1997	3221				
16	1421080107	Trịnh Xuân	Thành	17/05/1996	3222				
17	1421020587	Nguyễn Đăng	Thọ	17/10/1996	3223				
18	1531020412	Phạm Minh	Thương	15//0/192/	3224				
19	1421020162	Nguyễn Bá	Thụy	15/12/1996	3225				
20	1421010400D	Nguyễn Văn	Tiếp	02/01/1994	3226				
21	1421060285	Tạ Xuân	Trưởng	24/08/1996	3227				
22	1421060311	Nguyễn Duy	Tư	15/01/1995	3228				
23	1421030605	Phạm Văn	Tuân	14/05/1995	3229				
24	1521020003	Bùi Minh	Tuấn	03/06/1997	3230				
25	1421080118	Nguyễn Đức	Tuấn	27/05/1996	3231				
26	1521060044	Đào Duy	Tùng	05/12/1996	3232				
27	1521080365	Phạm Thanh	Tùng	04/02/1997	3233				
28	1521080283	Vũ Thanh	Tùng	20/07/1996	3234				
29	1531020416	Đào Mai Thanh	Việt	30//0/199/	3235				
30	1421060317	Đình Quang	Vinh	10/01/1995	3236				
31	1421060318	Đỗ Quang	Vinh	19/09/1996	3237				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010501 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ học lý thuyết 1

Ngày thi: **04/08/2017**Phòng thi: **HNAD401**

Tiết bắt đầu:

6Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521020122	Lê Đồng	An	15/10/1997	3238				
2	1421020001	Phạm Xuân	An	08/08/1996	3239				
3	1421020004	Đặng Đức	Anh	15/09/1996	3240				
4	1521040101	Đặng Phương	Anh	18/10/1997	3241				
5	1521070143	Đỗ Hoàng	Anh	20/07/1997	3242				
6	1521040035	Đỗ Quang	Anh	16/08/1997	3243				
7	1321060011	Nguyễn Tuấn	Anh	24/08/1995	3244				
8	1521010305	Nguyễn Tuấn	Anh	12/01/1997	3245				
9	1321060409	Phùng Đặng Tùng	Anh	19/04/1995	3246				
10	1321060015	Trịnh Hoàng	Anh	13/03/1995	3247				
11	1421020014	Vũ Thế	Anh	30/05/1996	3248				
12	1521060076	Phạm Văn	Cảnh	06/03/1997	3249				
13	1521060098	Lê Minh	Châu	18/12/1997	3250				
14	1421010033	Nguyễn Ngọc	Chiến	01/02/1996	3251				
15	1521060390	Nguyễn Tiến	Công	14/01/1996	3252				
16	1521060004	Vũ Chí	Công	06/01/1997	3253				
17	1421040035	Hà Văn	Cường	26/02/1996	3254				
18	1521080040	Nguyễn Mạnh	Cường	15/07/1996	3255				
19	1321040040	Vũ Văn	Cường	25/09/1995	3256				
20	1421011075	Hoàng Tiến	Đạt	03/03/1996	3257				
21	1421040068	Phạm Xuân	Đạt	13/12/1996	3258				
22	1321060072	Nguyễn Đình	Điện	26/12/1994	3259				
23	1321020484	Lê Văn	Định	14/11/1995	3260				
24	1321060074	Hoàng Trung	Đô	01/01/1995	3261				
25	1321020489	Nguyễn Văn	Đô	25/09/1993	3262				
26	1421040385	Phạm Công	Doanh	18/02/1996	3263				
27	1521070031	Lương Huy	Du	31/07/1997	3264				
28	1421020033	Vũ Minh	Dự	25/02/1996	3265				
29	1321060084	Nguyễn Văn	Đức	08/04/1995	3266				
30	1421040403	Nguyễn Văn	Đức	07/03/1996	3267				
31	1521070221	Nguyễn Văn	Đức	08/07/1997	3268				
32	1531020008	Bùi Việt	Dũng	11/04/1993	3269				
33	1421010054	Nguyễn Đắc	Dũng	22/06/1996	3270				
34	1321060058	Nguyễn Đình	Dương	16/07/1995	3271				
35	1521070153	Trần Văn	Dương	07/07/1997	3272				
36	1521060381	Đinh Hữu	Duy	21/03/1997	3273				
37	1411070006	Đường Gia	Duy	24/06/1995	3274				
38	1221020561	Trần Đoàn	Duy	25/08/1994	3275				
39	1321010087	Đỗ Văn	Duyên	02/11/1995	3276				
40	1421020032	Nguyễn Đức	Duyệt	29/10/1996	3277				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010501 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ học lý thuyết 1

Ngày thi: **04/08/2017**Phòng thi: **HNAD401**

Tiết bắt đầu:

6Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521040139	Trần Huy	Giang	19/03/1997	3278				
42	1521060363	Nguyễn Thanh	Hà	01/01/1997	3279				
43	1321020082	Nông Văn	Hà	16/07/1995	3280				
44	1521070239	Lại Ngọc	Hải	29/03/1997	3281				
45	1421020345	Nguyễn Công	Hậu	01/05/1996	3282				
46	1321020091	Trương Đình	Hậu	19/08/1995	3283				
47	1321060118	Đình Văn	Hiếu	10/11/1994	3284				
48	1321060484	Hà Minh	Hiếu	22/04/1995	3285				
49	1521060142	Nguyễn Hữu	Hiếu	29/08/1997	3286				
50	1621060440	Nguyễn Văn	Hiếu	20/06/1998	3287				
51	1521060185	Vì Mạnh	Hiếu	11/10/1997	3288				
52	1521019001	Bùi Đức	Hoàng	/ /19 3	3289				
53	1421030078	Bùi Việt	Hoàng	31/12/1996	3290				
54	1421040117	Nguyễn Văn	Hoàng	07/03/1996	3291				
55	1321070515	Phạm Lê	Hoàng	22/09/1994	3292				
56	1521060199	Vũ Ngọc	Hoàng	16/10/1997	3293				
57	1321020550	Nguyễn Văn	Hội	05/06/1995	3294				
58	1321040110	Bùi Đức	Hồng	31/01/1995	3295				
59	1521020049	Trần Ngọc	Huân	29/08/1997	3296				
60	1421030086	Lê Xuân	Hùng	11/10/1993	3297				
61	1521060349	Tạ Việt	Hùng	26/11/1997	3298				
62	1521060429	Lê Văn	Hưng	29/10/1997	3299				
63	1221070072	Nguyễn Văn	Hưng	27/07/1994	3300				
64	1521010372	Nguyễn Vũ	Hưng	23/02/1997	3301				
65	1421011169	Vũ Thị	Hương	24/03/1996	3302				
66	1421070315	Đào Minh	Huy	19/10/1996	3303				
67	1521020057	Vũ Đức	Huy	07/11/1997	3304				
68	1521020226	Nguyễn Thị Thu	Huyền	18/09/1997	3305				
69	1321040131	Nguyễn Văn	Huyền	01/02/1995	3306				
70	1521060333	Nguyễn An	Khang	11/12/1997	3307				
71	1421060148	Đàm Dương	Khánh	15/12/1996	3308				
72	1321020128	Nguyễn Văn	Khánh	17/02/1995	3309				
73	1321010198	Phùng Duy	Khuong	28/03/1995	3310				
74	1521060336	Phạm Nguyễn Trung	Kiên	23/07/1997	3311				
75	1421030114	Nguyễn Đăng	Lâm	17/07/1996	3312				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010501 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Cơ học lý thuyết 1

Ngày thi: **04/08/2017**Phòng thi: **HNAD301**

Tiết bắt đầu:

6Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421070068	Nông Hoàng	Lâm	26/08/1996	3313				
2	1321040151	Vũ Duy	Lâm	04/12/1995	3314				
3	1521060404	Lê Văn	Lập	19/10/1997	3315				
4	1321070568	Trần Quý	Linh	09/08/1993	3316				
5	1521010339	Nguyễn Như	Long	21/04/1997	3317				
6	1421011213	Vũ Thành	Long	29/10/1996	3318				
7	1521060439	Đình Văn	Lực	17/12/1997	3319				
8	1521020254	Nguyễn Thị	Ly	06/01/1997	3320				
9	1521010369	Lê Văn	Mạnh	18/12/1997	3321				
10	1411060112	Đoàn Văn	Minh	28/02/1996	3322				
11	1321010232	Nguyễn Duy	Minh	10/10/1995	3323				
12	1521010366	Đình Thị	My	10/03/1996	3324				
13	1321030153	Hoàng Hải	Nam	02/08/1995	3325				
14	1421020485	Trần Văn	Nam	04/01/1996	3326				
15	1321010245	Triệu Đức	Nam	11/11/1995	3327				
16	1421070397	Vũ Văn	Nam	10/08/1996	3328				
17	1321040190	Bùi Danh	Nghĩa	02/01/1995	3329				
18	1521010173	Đặng Văn	Nghĩa	10/01/1996	3330				
19	1521060338	Hà Văn	Nghĩa	16/06/1997	3331				
20	1521010200	Nguyễn Hữu	Nghĩa	30/11/1997	3332				
21	1421060205	Lê Ngọc Đình	Phan	13/10/1996	3333				
22	1321010268	Nguyễn Văn	Phúc	09/10/1995	3334				
23	1421010244	Trần Minh	Phúc	19/11/1996	3335				
24	1521060396	Hoàng Đức	Phuong	09/07/1997	3336				
25	1321040211	Phạm Thị	Phuong	12/08/1995	3337				
26	1321060583	Trịnh Xuân	Phuong	09/07/1995	3338				
27	1421060214	Vũ Việt	Phuong	22/10/1996	3339				
28	1321010282	Đỗ Hoàng Hải	Quân	31/03/1994	3340				
29	1321060233	Đoàn Ngọc	Quyền	04/01/1994	3341				
30	1321040229	Lê Ngọc	Son	15/12/1995	3342				
31	1421020136	Nguyễn Hoàng	Son	30/07/1996	3343				
32	1321060596	Nguyễn Thanh	Son	22/02/1994	3344				
33	1421060235	Lê Trọng	Tài	15/02/1996	3345				
34	1321060259	Đỗ Văn	Thạch	12/04/1995	3346				
35	1631020074	Nguyễn Đức	Thái	20/02/1995	3347				
36	1521010299	Phạm Văn	Thái	14/01/1997	3348				
37	1421070468	Lê Hữu	Thắng	09/08/1995	3349				
38	1321060284	Lê Xuân	Thắng	20/06/1995	3350				
39	1321040266	Vũ Đức	Thắng	12/12/1994	3351				
40	1321080085	Đàm Duy	Thanh	14/10/1995	3352				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010501 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Cơ học lý thuyết 1

Ngày thi: **04/08/2017**Phòng thi: **HNAD301**

Tiết bắt đầu:

6Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1421040509	Nguyễn Hải	Thanh	27/12/1995	3353				
42	1521060434	Phạm Tiến	Thành	02/03/1997	3354				
43	1521060388	Trần Quang	Thành	03/08/1997	3355				
44	1421050193	Hoàng Trọng	Thiện	15/03/1996	3356				
45	1521020308	Nguyễn Thị	Tho	28/05/1996	3357				
46	1421040278	Chu Xuân	Thoại	08/11/1995	3358				
47	1321040291	Đỗ Văn	Tiến	08/05/1995	3359				
48	1521070129	Trần Mạnh	Tiến	13/07/1994	3360				
49	1421040288	Hà Long	Tin	21/05/1996	3361				
50	1321040293	Nguyễn Trọng	Toàn	14/08/1995	3362				
51	1321070674	Nguyễn Văn	Toàn	15/01/1995	3363				
52	1621020035	Phạm Văn	Trà	16/11/1998	3364				
53	1421010344	Nguyễn Thị	Trang	21/01/1996	3365				
54	1521060391	Vũ Văn	Triển	17/11/1996	3366				
55	1621010058	Lê Thị Kiều	Trinh	27/04/1998	3367				
56	1421060605	Nguyễn Ngọc	Trung	18/01/1995	3368				
57	1521060068	Vũ Văn	Trung	01/08/1997	3369				
58	1521040103	Nguyễn Văn	Trường	28/10/1997	3370				
59	1521010285	Phạm Quang	Trường	25/07/1997	3371				
60	1521010013	Lại Đình	Tú	18/07/1997	3372				
61	1521040085	Nguyễn Anh	Tú	03/03/1997	3373				
62	1321020239	Hòa Quý	Tuấn	10/05/1994	3374				
63	1521080278	Nguyễn Anh	Tuấn	02/11/1997	3375				
64	1521060232	Nguyễn Minh	Tuấn	03/03/1997	3376				
65	1521070039	Nguyễn Quang	Tuấn	18/07/1996	3377				
66	1421020664	Trần Anh	Tuấn	24/02/1996	3378				
67	1321040623	Cao Sơn	Tùng	24/09/1995	3379				
68	1421060301	Lưu Đức	Tùng	31/07/1995	3380				
69	1321020244	Nguyễn Duy	Tùng	20/06/1993	3381				
70	1421070534	Phạm Văn	Tùng	06/10/1994	3382				
71	1621060578	Lò Sênh	Vàng	08/06/1997	3383				
72	1421060314	Mai Tiến	Việt	14/11/1996	3384				
73	1621070131	Phạm Đăng	Vĩnh	06/09/1998	3385				
74	1421040349	Phạm Khắc	Vững	07/05/1996	3386				
75	1521040002	Đặng Hưng	Yên	30/08/1997	3387				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010502 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ học lý thuyết 2

Ngày thi: **01/08/2017**Phòng thi: **HNAB501**

Tiết bắt đầu:

6Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521070121	Lê Duy	Bình	06/05/1997	3388				
2	1421070010	Trần Thanh	Bình	02/05/1996	3389				
3	1321070431	Cao Văn	Công	15/04/1995	3390				
4	1321060036	Nguyễn Văn	Cương	03/05/1994	3391				
5	1321060431	Phạm Ngọc	Cương	08/09/1994	3392				
6	1421070195	Mai Văn	Cường	11/05/1996	3393				
7	1521070133	Hoàng Hải	Đăng	03/01/1997	3394				
8	1421070236	Triệu Tiến	Đạt	06/04/1996	3395				
9	1421070204	Đỗ Văn	Dũng	03/12/1996	3396				
10	1421070026	Nguyễn Việt	Dũng	06/10/1996	3397				
11	1321070035	Trần Anh	Dũng	25/10/1995	3398				
12	1421070046	Hoàng Trọng	Hiệp	23/07/1996	3399				
13	1421070049	Lại Minh	Hiệu	17/10/1996	3400				
14	1321060123	Phạm Công	Hoàn	01/03/1995	3401				
15	1321070512	Đào Huy	Hoàng	31/01/1995	3402				
16	1321070095	Trần Văn	Hương	02/08/1995	3403				
17	1421070056	Phạm Quốc	Huy	12/11/1996	3404				
18	1421070057	Vũ Quốc	Huy	11/09/1995	3405				
19	1421060154	Phạm Tùng	Lâm	13/02/1996	3406				
20	1321070560	Phan Tùng	Lâm	12/04/1995	3407				
21	1521070297	Vũ Thị	Loan	12/11/1997	3408				
22	1421070073	Hà Đức	Long	23/11/1996	3409				
23	1521070083	Lê Văn	Long	03/02/1997	3410				
24	1321070581	Phan Tuấn	Lực	22/06/1995	3411				
25	1421070078	Ngô Văn	Lý	12/09/1996	3412				
26	1321070118	Đinh Thế	Mạnh	13/10/1995	3413				
27	1421070081	Nguyễn Thế	Mạnh	09/01/1996	3414				
28	1421070085	Phùng Văn	Miên	07/01/1996	3415				
29	1421070394	Nguyễn Văn	Nam	05/07/1996	3416				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010502 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Cơ học lý thuyết 2

Ngày thi: **01/08/2017**Phòng thi: **HNAA405**

Tiết bắt đầu:

6Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421070090	Vũ Văn	Nam	10/10/1996	3417				
2	1321070611	Đặng Tiến	Nhất	23/03/1994	3418				
3	1321070141	Nguyễn Hoàng	Phi	21/09/1995	3419				
4	1321070616	Trần Hùng	Phi	07/05/1993	3420				
5	1421070420	Nguyễn Bá	Phúc	17/02/1996	3421				
6	1421070099	Bùi Hải	Quân	17/02/1996	3422				
7	1421070100	Phí Hồng	Quân	23/11/1996	3423				
8	1321070150	Vũ Ngọc	Quang	21/05/1995	3424				
9	1421060230	Nguyễn Văn	Son	06/01/1996	3425				
10	1421070104	Trần Đình	Sông	10/04/1996	3426				
11	1321060250	Nguyễn Đình	Tài	10/09/1995	3427				
12	1421070110	Đặng Quốc	Thạch	27/01/1996	3428				
13	1321070168	Đỗ Duy	Thái	29/09/1995	3429				
14	1421070458	Đậu Viết	Thám	06/07/1995	3430				
15	1321070177	Cao Xuân	Thắng	12/02/1995	3431				
16	1321070656	Lê Sỹ	Thắng	10/08/1995	3432				
17	1321070172	Bùi Tiến	Thành	07/09/1995	3433				
18	1421020586	Vũ Văn	Thịnh	24/05/1995	3434				
19	1421060267	Dương Hồng	Thứ	10/02/1996	3435				
20	1421070124	Đỗ Minh	Thuận	14/12/1996	3436				
21	1421070490	Nguyễn Thành	Tông	07/06/1996	3437				
22	1421070495	Lâm Văn	Trình	19/02/1996	3438				
23	1421040306	Hoàng Văn	Trung	10/03/1996	3439				
24	1421070500	Lê Minh	Trung	10/06/1996	3440				
25	1321070689	Nguyễn Văn	Trung	01/08/1995	3441				
26	1421070131	Nguyễn Văn	Trường	13/07/1996	3442				
27	1521070060	Lương Anh	Tuấn	21/01/1997	3443				
28	1321070203	Nguyễn Anh	Tuấn	20/08/1995	3444				
29	1521070408	Nguyễn Đình	Tùng	21/02/1997	3445				
30	1531070067	Phan Thanh	Tùng	16/0/198/	3446				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010504 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ học ứng dụng

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAB501

Tiết bắt đầu:

9

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421060001	Lê Hữu	An	15/01/1996	3447				
2	1521060240	Chu Đức	Anh	10/09/1997	3448				
3	1321060404	Lê Đức	Anh	13/09/1995	3449				
4	1521040192	Phạm Tuấn	Anh	23/10/1997	3450				
5	1521060143	Nguyễn Văn	Bắc	04/12/1997	3451				
6	1421060021	Phùng Văn	Bằng	13/08/1996	3452				
7	1421060034	Vũ Đức	Chính	21/08/1995	3453				
8	1321060030	Nguyễn Thành	Công	13/06/1995	3454				
9	1321060428	Phạm Văn	Công	24/04/1992	3455				
10	1421060039	Trần Văn	Công	13/01/1996	3456				
11	1321060037	Bùi Cao	Cường	06/09/1995	3457				
12	1321060068	Nguyễn Thành	Đạt	23/08/1995	3458				
13	1421060074	Trần Phúc	Đoan	22/06/1995	3459				
14	1321060079	Đàm Trung	Đức	07/04/1995	3460				
15	1421060082	Phạm Việt	Đức	26/11/1996	3461				
16	1321060051	Nguyễn Anh	Dũng	01/01/1995	3462				
17	1421060050	Nguyễn Tiến	Dũng	01/04/1996	3463				
18	1421060054	Vũ Đức	Dũng	08/11/1996	3464				
19	1521060326	Trần Quốc	Dược	13/08/1997	3465				
20	1631060008	Nguyễn Trọng	Hà	24/08/1995	3466				
21	1321070495	Trần Công	Hậu	07/04/1995	3467				
22	1221060278	Vũ Văn	Hiển	08/09/1992	3468				
23	1421060104	Nguyễn Trọng	Hiếu	15/01/1996	3469				
24	1421060106	Nguyễn Văn	Hiếu	04/05/1996	3470				
25	1521060003	Nguyễn Văn	Hiếu	20/07/1997	3471				
26	1631060010	Bùi Ngọc	Hoàn	23/02/1994	3472				
27	1321070075	Nguyễn Minh	Hoàn	08/10/1995	3473				
28	1321060125	Doãn	Hoàng	21/07/1995	3474				
29	1521060269	Nguyễn Đình	Hoàng	06/12/1997	3475				
30	1521060220	Trần Minh	Hoàng	02/02/1997	3476				
31	1521060160	Trương Việt	Hoàng	05/11/1997	3477				
32	1321060137	Nguyễn Văn	Hùng	22/06/1995	3478				
33	1521060307	Nguyễn Quốc	Hưng	05/11/1997	3479				
34	1321060153	Trần Văn	Hữu	05/10/1995	3480				
35	1421060137	Lê Thạc	Huỳnh	20/04/1996	3481				
36	1321060529	Vũ Duy	Khánh	16/11/1995	3482				
37	1521060040	Nguyễn Trung	Kiên	23/09/1997	3483				
38	1421060156	Vũ Ngọc	Lâm	11/09/1996	3484				
39	1521060091	Vũ Văn	Liêu	12/10/1997	3485				
40	1521060156	Nguyễn Hoài	Linh	28/08/1996	3486				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010504 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Cơ học ứng dụng

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAA405

Tiết bắt đầu:

9

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521070091	Trần Thắng	Long	17/02/1997	3487				
2	1421060173	Phạm Hồng	Mạnh	27/06/1996	3488				
3	1521040264	Vũ Đặng Đức	Mạnh	10/06/1997	3489				
4	1621060950	Nguyễn Văn	Minh	27/07/1994	3490				
5	1321060575	Lê Thị Mỹ	Ngọc	04/09/1995	3491				
6	1521060329	Nguyễn Đình	Ninh	19/01/1997	3492				
7	1421060212	Phùng Thế	Phương	13/10/1996	3493				
8	1421060566	Nguyễn Hữu	Thái	07/09/1988	3494				
9	1321060262	Phạm Quang	Thái	06/08/1995	3495				
10	1421060247	Nguyễn Đăng	Thanh	07/12/1996	3496				
11	1321060265	Trịnh Thế	Thanh	12/08/1995	3497				
12	1321060267	Lại Tiến	Thành	05/02/1995	3498				
13	1621061006	Nguyễn Văn	Thế	29/09/1998	3499				
14	1321060291	Phạm Văn	Thế	03/02/1995	3500				
15	1521060201	Phạm Văn	Thuận	03/02/1997	3501				
16	1521060121	Nguyễn Văn	Tú	16/06/1997	3502				
17	1321060336	Phạm Minh	Tuấn	21/09/1995	3503				
18	1321060341	Phạm Đức	Tùng	11/05/1995	3504				
19	1521060145	Tôn Thế	Tùng	07/03/1997	3505				
20	1321060343	Trịnh Quang	Tùng	21/05/1995	3506				
21	1521060316	Vũ Quốc	Việt	26/12/1997	3507				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010613 Nhóm: N08 Tổ thi: T001 Tên HP: Tiếng Anh 1

Ngày thi: **05/08/2017**Phòng thi: **HNAD201**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421020001	Phạm Xuân	An	08/08/1996	3508				
2	1421030241	Vũ Sơn	An	16/06/1996	3509				
3	1524010169	Lê Thị Minh	Anh	16/10/1996	3510				
4	1521070201	Nguyễn Kiên	Cường	16/10/1997	3511				
5	1511060018	Trần Đức	Cường	25/01/1997	3512				
6	1321070046	Hàn Viết	Đạt	09/10/1995	3513				
7	1321010103	Tạ Văn	Điệp	21/11/1995	3514				
8	1421070220	Nguyễn Ngọc	Dự	26/12/1996	3515				
9	1621010719	Đinh Văn	Đức	08/11/1998	3516				
10	1421060088	Lê Mạnh	Hà	07/06/1995	3517				
11	1321030550	Phạm Văn	Hải	07/01/1995	3518				
12	1321020527	Đào Thị	Hằng	26/05/1994	3519				
13	1424010041	Lã Thu	Hằng	12/11/1996	3520				
14	1421070045	Phạm Văn	Hào	05/02/1994	3521				
15	1524010011	Phạm Thị Thu	Hiền	24/09/1997	3522				
16	1421080038	Hoàng Thị Thu	Hòa	26/02/1996	3523				
17	1421040116	Nguyễn Văn	Hoàng	06/11/1996	3524				
18	1421020072	Dương Mạnh	Hùng	12/05/1996	3525				
19	1521060104	Trần Việt	Hùng	27/09/1997	3526				
20	1421010153	Trần Văn	Hung	01/10/1996	3527				
21	1524010575	Lê Thị Mai	Hương	16/04/1997	3528				
22	1421010165	Nguyễn Văn	Khánh	21/06/1996	3529				
23	1421070064	Trần Văn	Khánh	09/08/1995	3530				
24	1321020129	Nguyễn Đức	Khiêm	16/04/1994	3531				
25	1221010187	Vũ Đình	Kiên	15/05/1994	3532				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010613 Nhóm: N08 Tổ thi: T002 Tên HP: Tiếng Anh 1

Ngày thi: **05/08/2017**Phòng thi: **HNAD101**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621050745	Lê Minh	Long	23/04/1998	3533				
2	1521060402	Nguyễn Phú	Long	26/02/1997	3534				
3	1421010188	Tăng Văn	Luyện	18/08/1996	3535				
4	1424010437	Nguyễn Ngọc	Mai	02/10/1996	3536				
5	1421030483	Đào Tiến	Phong	13/05/1995	3537				
6	1521010387	Hoàng Nhật	Phương	10/09/1997	3538				
7	1421040224	Nguyễn Đức	Quân	08/10/1995	3539				
8	1321020169	Nguyễn Văn	Quang	22/08/1994	3540				
9	1621050440	Đoàn Đức	Thắng	06/04/1998	3541				
10	1421060249	Dương Văn	Thành	13/01/1996	3542				
11	1524010303	Lương Thu	Thảo	07/10/1997	3543				
12	1521030313	Phan Thị Phương	Thảo	06/06/1996	3544				
13	1421030193	Bùi Đức	Thịnh	05/06/1996	3545				
14	1421030205	Phạm Vũ	Tiến	07/10/1994	3546				
15	1421040530	Nguyễn Trung	Tín	05/09/1995	3547				
16	1321020757	Phạm Công	Toàn	02/05/1995	3548				
17	1421030581	Ngô Thị Hà	Trang	17/06/1996	3549				
18	1521040085	Nguyễn Anh	Tú	03/03/1997	3550				
19	1321040623	Cao Sơn	Tùng	24/09/1995	3551				
20	1421040343	Hồ Xuân	Văn	18/01/1996	3552				
21	1521040168	Phạm Hoàng	Vinh	27/02/1995	3553				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010613 Nhóm: N09 Tổ thi: T001 Tên HP: Tiếng Anh 1

Ngày thi: **05/08/2017**Phòng thi: **HNAD201**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421070148	Trịnh Huy	An	15/12/1996	3554				
2	1421030243	Đỗ Tuấn	Anh	10/08/1996	3555				
3	1421030255	Nguyễn Thị Phương	Anh	28/11/1996	3556				
4	1421030269	Trần Thị Ngọc	ánh	20/10/1996	3557				
5	1521040197	Ngô Đình	Ban	06/12/1993	3558				
6	1321020436	Lê Xuân	Chiến	03/02/1995	3559				
7	1421070013	Mai Ngọc	Chiến	04/05/1995	3560				
8	1524010350	Phạm Thị Tuyết	Chinh	12/10/1997	3561				
9	1421070187	Lê Sỹ	Công	30/10/1995	3562				
10	1321060036	Nguyễn Văn	Cương	03/05/1994	3563				
11	1421040070	Đào Vũ	Đăng	26/03/1996	3564				
12	1621020005	Bùi Nguyễn Công	Danh	28/08/1998	3565				
13	1624010296	Hà Minh	Đức	07/12/1998	3566				
14	1521020160	Lê Huỳnh	Đức	27/12/1997	3567				
15	1421070249	Nguyễn Anh	Đức	10/08/1996	3568				
16	1421060082	Phạm Việt	Đức	26/11/1996	3569				
17	1421060049	Nguyễn Hồ Anh	Dũng	14/02/1996	3570				
18	1621030265	Tạ Thùy	Dương	28/03/1998	3571				
19	1321030529	Đào Đức	Hà	03/01/1994	3572				
20	1421080030	Phạm Thị Thanh	Hà	13/12/1996	3573				
21	1421080214	Lương Đức	Hậu	29/02/1996	3574				
22	1521010440	Trần Tuấn	Hiển	13/10/1997	3575				
23	1621061090	Vũ Trọng	Hoàn	23/11/1998	3576				
24	1421060112	Đỗ Lê	Hoàng	26/01/1996	3577				
25	1521010014	Phạm Việt	Hoàng	17/12/1997	3578				
26	1421030083	Lê Hữu	Huệ	13/09/1996	3579				
27	1424010065	Đỗ Quang	Huy	30/10/1996	3580				
28	1421060133	Nguyễn Văn	Huy	10/03/1996	3581				
29	1621030700	Đặng Duy	Huỳnh	13/06/1998	3582				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010613 Nhóm: N09 Tổ thi: T002 Tên HP: Tiếng Anh 1

Ngày thi: **05/08/2017**Phòng thi: **HNAD101**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521030366	Vũ Thị Mỹ	Linh	21/02/1997	3583				
2	1421020115	Nguyễn Thị	Nga	23/11/1996	3584				
3	1421010221	Lê Minh	Ngọc	14/05/1996	3585				
4	1424010470	Nguyễn Thị Hồng	Nguyễn	25/11/1996	3586				
5	1521060329	Nguyễn Đình	Ninh	19/01/1997	3587				
6	1421060200	Nguyễn Hiền	Ninh	21/11/1996	3588				
7	1421030497	Nguyễn Thị Mai	Phương	23/10/1996	3589				
8	1621060970	Nguyễn Văn	Thường	26/08/1998	3590				
9	1521030393	Nguyễn Văn	Trọng	30/09/1997	3591				
10	1624010547	Nguyễn Thanh	Tú	22/03/1998	3592				
11	1421020180	Vũ Duy	Tú	04/03/1996	3593				
12	1421010363	Đoàn Anh	Tuấn	11/11/1996	3594				
13	1321070209	Nguyễn Đức	Tường	21/04/1995	3595				
14	1421040345	Bùi Tiến	Việt	19/02/1996	3596				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010613 Nhóm: N10 Tổ thi: T001 Tên HP: Tiếng Anh 1

Ngày thi: 05/08/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421040002	Vũ Thanh	An	07/07/1996	3597				
2	1424010011	Triệu Thị Kim	Anh	03/10/1996	3598				
3	1621010045	Lưu Đức	Ba	06/06/1998	3599				
4	1421030014	Trần Văn	Chiến	21/05/1992	3600				
5	1521070203	Trịnh Đức	Cường	08/05/1997	3601				
6	1421060075	Đỗ Văn	Đông	30/01/1996	3602				
7	1421010056	Nguyễn Trọng	Dũng	21/04/1996	3603				
8	1621020062	Vũ Việt	Dũng	14/10/1998	3604				
9	1421020319	Phan Minh	Giang	19/12/1996	3605				
10	1421070262	Cam Văn	Hà	25/04/1996	3606				
11	1421050057	Phạm Bảo	Hà	28/02/1996	3607				
12	1421010105	Nguyễn Văn	Hậu	28/11/1996	3608				
13	1421030349	Nguyễn Hoàng	Hiệp	05/12/1996	3609				
14	1521010431	Nguyễn Hữu	Hòa	20/09/1996	3610				
15	1521050130	Phạm Tiến	Hùng	13/10/1996	3611				
16	1421070313	Trương Phi	Hùng	24/11/1994	3612				
17	1424010068	Nguyễn Khánh	Huyền	17/11/1996	3613				
18	1421010164	Lưu Quốc	Khánh	14/01/1996	3614				
19	1621070098	Nguyễn Văn	Khỏe	23/09/1998	3615				
20	1621070161	Trần Vũ Minh	Khôi	10/08/1998	3616				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010613 Nhóm: N10 Tổ thi: T002 Tên HP: Tiếng Anh 1

Ngày thi: 05/08/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1524010279	Bùi Thị	Linh	05/04/1997	3617				
2	1421050483	Vũ Diệu	Linh	27/08/1996	3618				
3	1421080066	Tổng Thị	Lợi	14/08/1996	3619				
4	1421010199	Vũ Tiến	Mạnh	15/03/1995	3620				
5	1621040089	Nguyễn Tất	Minh	02/09/1998	3621				
6	1121030345	Phạm Bình	Minh	12/06/1993	3622				
7	1421070389	Dương Phương	Nam	29/09/1996	3623				
8	1621060221	Nghiêm Hải	Nam	15/01/1998	3624				
9	1221070108	Đỗ Quốc	Nghĩa	28/12/1994	3625				
10	1421020488	Nguyễn Trung	Nghĩa	25/09/1996	3626				
11	1521010388	Nguyễn Thị	Quyên	05/06/1997	3627				
12	1521060331	Nguyễn Minh	Tân	02/10/1997	3628				
13	1524010249	Nguyễn Thị	Tân	28/01/1997	3629				
14	1421070110	Đặng Quốc	Thạch	27/01/1996	3630				
15	1421010296	Nguyễn Tài	Thành	26/02/1995	3631				
16	1424010542	Phạm Văn	Thoại	21/08/1996	3632				
17	1521070378	Đoàn Bá	Tráng	08/08/1996	3633				
18	1421010354	Nguyễn Khánh	Trung	21/08/1996	3634				
19	1321010387	Nguyễn Anh	Tú	01/02/1995	3635				
20	1421020179	Phan Văn	Tú	22/10/1996	3636				
21	1524010026	Nguyễn Anh	Tuấn	28/10/1996	3637				
22	1421010375	Nghiêm Vũ	Tùng	25/08/1996	3638				
23	1421080426	Nguyễn Thị Thanh	Vân	25/04/1995	3639				
24	1421030232	Nguyễn Doãn	Việt	27/09/1995	3640				
25	1421010383	Phạm Viết	Việt	07/10/1996	3641				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010613 Nhóm: N11 Tổ thi: T001 Tên HP: Tiếng Anh 1

Ngày thi: **05/08/2017**Phòng thi: **HNAD201**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421060326	Trần Văn	An	10/03/1996	3642				
2	1424010227	Nguyễn Thị Kiều	Anh	07/04/1996	3643				
3	1521030142	Trần Thị Huyền	Anh	30/06/1997	3644				
4	1421050279	Phạm Hà	Bắc	12/02/1996	3645				
5	1421060332	Đinh Văn	Ban	12/08/1996	3646				
6	1521040179	Nguyễn Hải	Bằng	12/10/1997	3647				
7	1421030019	Nguyễn Đình	Công	09/01/1996	3648				
8	1521060412	Nguyễn Văn	Cường	31/07/1997	3649				
9	1421060567	Nguyễn Quý	Đạt	02/07/1994	3650				
10	1421030048	Lê Văn	Đồng	19/09/1996	3651				
11	1421030036	Trần Tùng	Dương	17/10/1996	3652				
12	1421030037	Vũ Văn	Dương	09/02/1996	3653				
13	1421060086	Phạm Minh	Giang	13/01/1996	3654				
14	1521060247	Nguyễn Xuân	Hải	09/08/1997	3655				
15	1521030143	Trần Thị	Hào	22/06/1997	3656				
16	1421070292	Hoàng Công	Hoan	18/12/1996	3657				
17	1421030076	Bùi Minh	Hoàn	22/04/1996	3658				
18	1511040004	Lê	Hoàn	17/07/1996	3659				
19	1524010114	Vũ Quý	Hoàn	09/03/1997	3660				
20	1421030367	Vũ Việt	Hoàng	14/09/1996	3661				
21	1321020550	Nguyễn Văn	Hội	05/06/1995	3662				
22	1421020416	Nguyễn Văn	Khiết	06/10/1995	3663				
23	1421030415	Mai Trung	Kiên	28/11/1996	3664				
24	1321020132	Nguyễn Ngọc	Kiên	26/04/1994	3665				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010613 Nhóm: N11 Tổ thi: T002 Tên HP: Tiếng Anh 1

Ngày thi: **05/08/2017**Phòng thi: **HNAD101**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421080060	Trần Thị Thùy	Linh	17/05/1996	3666				
2	1221050069	Phạm Văn	Lợi	12/02/1994	3667				
3	1421060484	Bùi Văn	Luân	19/11/1995	3668				
4	1421080077	Nguyễn Thị Thu	Nga	08/02/1996	3669				
5	1421040200	Hoàng Thị Bảo	Ngọc	28/09/1996	3670				
6	1421080304	Trần Minh	Ngọc	18/08/1996	3671				
7	1421030488	Phạm Hải	Phong	21/10/1996	3672				
8	1421070418	Nguyễn Văn	Phú	04/09/1995	3673				
9	1621010137	Phạm Tiến	Quang	04/06/1998	3674				
10	1321040233	Nguyễn Hữu	Son	18/11/1995	3675				
11	1421080345	Trần Ngọc	Son	26/12/1996	3676				
12	1521040152	Lương Duy	Tân	28/01/1997	3677				
13	1421060238	Phạm Văn	Tàu	04/06/1996	3678				
14	1621060029	Nguyễn Việt	Thắng	25/10/1998	3679				
15	1321020726	Trần Văn	Thiệu	01/10/1994	3680				
16	1421040279	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	25/07/1996	3681				
17	1421070485	Trương Đình	Tiếp	10/09/1996	3682				
18	1421080394	Bùi Minh	Trang	22/07/1996	3683				
19	1421040296	Hà Thu	Trang	28/04/1996	3684				
20	1424010586	Lê Thu	Trang	11/03/1996	3685				
21	1421030584	Phan Thị Huyền	Trang	24/11/1996	3686				
22	1321060673	Lê Hữu	Tư	04/08/1995	3687				
23	1421030604	Nguyễn Văn	Tuân	02/11/1996	3688				
24	1321010409	Phạm Văn	Tùng	31/07/1993	3689				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010613 Nhóm: N12 Tổ thi: T001 Tên HP: Tiếng Anh 1

Ngày thi: **05/08/2017**Phòng thi: **HNAD201**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1524010108	Phạm Việt	An	20/04/1997	3690				
2	1424010014	Ngô Hoàng	Ân	14/08/1996	3691				
3	1424010009	Trần Thị Lan	Anh	07/11/1996	3692				
4	1424010015	Cao Trọng	Báu	18/10/1996	3693				
5	1521040028	Trương Lập	Đông	17/11/1996	3694				
6	1421030038	Nguyễn Đình	Dương	13/05/1995	3695				
7	1421010059	Cao Đức	Duy	13/05/1996	3696				
8	1421080027	Hoàng Thị	Giang	01/11/1996	3697				
9	1511060019	Cao Hoàng	Hà	12/05/1997	3698				
10	1424010307	Nguyễn Thị Minh	Hằng	23/06/1995	3699				
11	1521010358	Bùi Trung	Hiếu	10/10/1997	3700				
12	1421010116	Đoàn Ngọc	Hiếu	25/03/1996	3701				
13	1421020359	Nguyễn Văn	Hiếu	16/12/1996	3702				
14	1521080052	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	17/11/1997	3703				
15	1421060426	Phạm Văn	Hoàng	11/05/1995	3704				
16	1221020067	Trần Huy	Hoàng	09/04/1994	3705				
17	1521060299	Bùi Văn	Hội	20/03/1997	3706				
18	1421010158	Trần Thị	Hường	23/07/1996	3707				
19	1421030383	Nguyễn Ngọc	Huy	30/01/1996	3708				
20	1421030110	Nguyễn Ngọc	Khánh	12/05/1992	3709				
21	1624010282	Phạm Ngọc	Khánh	27/08/1998	3710				
22	1421050453	Nguyễn Văn	Khiêm	10/09/1995	3711				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010613 Nhóm: N12 Tổ thi: T002 Tên HP: Tiếng Anh 1

Ngày thi: **05/08/2017**Phòng thi: **HNAD101**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421040441	Nguyễn Thị Kim	Liên	20/01/1996	3712				
2	1421070361	Nguyễn Tùng	Linh	18/11/1996	3713				
3	1321060548	Hoàng Văn	Lĩnh	12/01/1995	3714				
4	1421080274	Nguyễn Hồng	Lĩnh	05/10/1996	3715				
5	1521060400	Nguyễn Đăng	Long	20/03/1997	3716				
6	1421010186	Nguyễn Hữu	Long	30/09/1996	3717				
7	1421020094	Trần	Long	14/08/1995	3718				
8	1421060204	Nguyễn Thị Kim	Oanh	27/07/1996	3719				
9	1421030151	Lê Minh	Phong	30/10/1996	3720				
10	1221020424	Lê Văn	Phúc	28/03/1994	3721				
11	1421010244	Trần Minh	Phúc	19/11/1996	3722				
12	1511060001	Lê Công	Sinh	07/06/1997	3723				
13	1421070105	Bùi Văn	Son	15/05/1996	3724				
14	1121060123	Ngô Văn	Son	09/10/1993	3725				
15	1521080238	Nguyễn Mạnh	Tân	17/07/1997	3726				
16	1524010505	Nguyễn Văn	Thái	05/08/1995	3727				
17	1421010300	Phí Trung	Thành	03/03/1996	3728				
18	1421010339	Vũ Đức	Tính	17/10/1996	3729				
19	1424010589	Mã Thu	Trang	16/10/1996	3730				
20	1321060656	Nguyễn Kim	Trường	17/09/1994	3731				
21	1421060281	Nguyễn Đăng	Truyền	16/11/1996	3732				
22	1421070534	Phạm Văn	Tùng	06/10/1994	3733				
23	1421040337	Trần Anh	Tùng	01/11/1996	3734				
24	1524010134	Hoàng Thị Ngọc	Tuyết	03/08/1997	3735				
25	1421030231	Ngô Khánh	Việt	11/10/1996	3736				
26	1421060320	Bùi Minh	Vương	09/02/1996	3737				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010614 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Tiếng Anh 2

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

9

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421050010	Quách Nguyễn Tuấn	Anh	27/01/1996	3738				
2	1321050419	Trần Việt	Anh	20/04/1995	3739				
3	1321030454	Lã Thành	Công	11/04/1993	3740				
4	1421070187	Lê Sỹ	Công	30/10/1995	3741				
5	1321060431	Phạm Ngọc	Cương	08/09/1994	3742				
6	1521060066	Ngô Xuân	Đức	03/04/1997	3743				
7	1424010034	Đinh Thị	Hà	26/09/1996	3744				
8	1421050057	Phạm Bảo	Hà	28/02/1996	3745				
9	1424010041	Lã Thu	Hằng	12/11/1996	3746				
10	1424010048	Phạm Thị	Hiền	08/12/1996	3747				
11	1424010049	Trịnh Thu	Hiền	17/09/1995	3748				
12	1424010050	Trương Thu	Hiền	20/02/1996	3749				
13	1421010111	Nguyễn Văn	Hiển	05/03/1996	3750				
14	1321020097	Vũ Đức	Hiệp	14/03/1995	3751				
15	1514010009	Nguyễn Huy	Hoàng	11/08/1997	3752				
16	1424010059	Đỗ Thị	Hồng	19/11/1996	3753				
17	1321060132	Hoàng Thế	Hùng	05/03/1994	3754				
18	1424010082	Nguyễn Thị Liên	Hương	02/02/1996	3755				
19	1421030383	Nguyễn Ngọc	Huy	30/01/1996	3756				
20	1621030098	Trần Trung	Kiên	30/04/1998	3757				
21	1621030006	Phạm Đăng	Lâm	31/10/1996	3758				
22	1424010219	Mai Thị	Liên	13/06/1995	3759				
23	1421030120	Nguyễn Duy	Linh	24/09/1996	3760				
24	1424010110	Hồ Mai	Loan	08/10/1995	3761				
25	1424010111	Lê Thị	Loan	03/12/1996	3762				
26	1321020630	Hoàng Văn	Mậu	28/04/1994	3763				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010614 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Tiếng Anh 2

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

9

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421020487	Đinh Thị	Ngà	28/07/1996	3764				
2	1424010141	Đoàn Thị	Nhiều	17/09/1996	3765				
3	1421010277	Trần Phong	Quyền	25/06/1996	3766				
4	1521010064	Phạm Thị Như	Quỳnh	30/05/1997	3767				
5	1421050577	Nguyễn Hồng	Sơn	23/11/1996	3768				
6	1521040152	Lương Duy	Tân	28/01/1997	3769				
7	1321020709	Ngô Văn	Thái	04/08/1995	3770				
8	1424010181	Trần Thị Thu	Thảo	01/07/1996	3771				
9	1321020209	Trương Thị Tuyết	Thu	02/11/1994	3772				
10	1321020219	Hoàng Anh	Tiến	25/02/1994	3773				
11	1321020757	Phạm Công	Toàn	02/05/1995	3774				
12	1421030581	Ngô Thị Hà	Trang	17/06/1996	3775				
13	1521030392	Nguyễn Thị Huyền	Trang	08/03/1997	3776				
14	1424010204	Phạm Thị Ngọc	Trình	30/10/1996	3777				
15	1321030919	Viên Văn	Trung	22/01/1995	3778				
16	1321010384	Phan Huy	Trường	25/07/1995	3779				
17	1421030602	Phùng Anh	Tú	29/07/1994	3780				
18	1421040557	Nguyễn Anh	Tuấn	03/11/1994	3781				
19	1321060347	Phạm Thọ	Văn	13/10/1994	3782				
20	1624010756	Nguyễn Thị	Yến	06/01/1998	3783				
21	1624010518	Trần Thị Hoàng	Yến	26/12/1997	3784				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010614 Nhóm: N02 Tổ thi: T001 Tên HP: Tiếng Anh 2

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

9

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621060251	Nguyễn Hoàng	Anh	11/02/1998	3785				
2	1421060332	Đinh Văn	Ban	12/08/1996	3786				
3	1521040179	Nguyễn Hải	Bằng	12/10/1997	3787				
4	1421050030	Nguyễn Văn	Cường	25/10/1996	3788				
5	1421030047	Mai Văn	Đông	03/12/1996	3789				
6	1321010113	Vũ Quang	Đông	08/01/1995	3790				
7	1421010052	Hoàng Anh	Dũng	01/11/1996	3791				
8	1321040051	Lê Ba	Duy	05/05/1995	3792				
9	1421040417	Đào Quang	Hoàng	13/09/1996	3793				
10	1521050237	Bùi Duy	Hưng	27/06/1997	3794				
11	1421010156	Lê Thị	Hường	27/09/1996	3795				
12	1321070087	Nguyễn Văn	Huy	28/05/1995	3796				
13	1421030390	Lê Thị	Huyền	09/02/1995	3797				
14	1424010090	Nguyễn Thị Hồng	Khánh	28/10/1996	3798				
15	1411040034	Đinh Thế	Kỷ	16/05/1996	3799				
16	1424010412	Đinh Thị Thùy	Linh	17/02/1996	3800				
17	1424010104	Phạm Thị Thùy	Linh	04/08/1995	3801				
18	1321020611	Phạm Duy	Long	24/04/1994	3802				
19	1121030345	Phạm Bình	Minh	12/06/1993	3803				
20	1321020150	Phạm Văn	Minh	20/10/1995	3804				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010614 Nhóm: N02 Tổ thi: T002 Tên HP: Tiếng Anh 2

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

9

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421030145	Đoàn Đắc	Nhất	30/12/1996	3805				
2	1424010148	Lê Thị	Ninh	03/02/1996	3806				
3	1424010487	Nguyễn Thị	Nụ	29/07/1996	3807				
4	1424010155	Trịnh Hà	Phượng	06/08/1996	3808				
5	1421040483	Hoàng Thị Minh	Phượng	09/11/1996	3809				
6	1321030800	Trần Xuân	Quý	27/02/1991	3810				
7	1424010520	Bùi Thị	Tám	01/09/1996	3811				
8	1421060238	Phạm Văn	Tàu	04/06/1996	3812				
9	1421030192	Nguyễn Thị ái	Thi	29/11/1996	3813				
10	1421060263	Hòa Đức	Thịnh	16/01/1995	3814				
11	1321020738	Lê Đình	Thuật	21/02/1994	3815				
12	1421060592	Nguyễn Văn	Thụy	18/05/1996	3816				
13	1421050209	Nguyễn Đức	Tiếp	16/10/1996	3817				
14	1421070485	Trương Đình	Tiếp	10/09/1996	3818				
15	1424010599	Trần Ngọc	Trâm	18/01/1996	3819				
16	1424010585	Lê Thị Thu	Trang	19/08/1996	3820				
17	1421040301	Vũ Thị	Trang	13/09/1996	3821				
18	1321040587	Nguyễn Đình	Trọng	23/01/1995	3822				
19	1621030044	Lê Công	Trực	05/08/1998	3823				
20	1321070199	Phạm Văn	Trường	01/09/1995	3824				
21	1421020180	Vũ Duy	Tú	04/03/1996	3825				
22	1321060335	Phạm Công	Tuấn	03/08/1995	3826				
23	1321030259	Đỗ Thanh	Tùng	17/06/1995	3827				
24	1424010209	Vũ Thị	Tuyết	13/12/1996	3828				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010614 Nhóm: N03 Tổ thi: T001 Tên HP: Tiếng Anh 2

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

9

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521030117	Nguyễn Mai Trường	An	16/06/1997	3829				
2	1421070005	Nguyễn Dũng	Anh	16/12/1996	3830				
3	1424010006	Nguyễn Văn	Anh	30/07/1996	3831				
4	1421030269	Trần Thị Ngọc	ánh	20/10/1996	3832				
5	1421070011	Dương Bá	Cánh	18/03/1996	3833				
6	1521060092	Nguyễn Quyết	Chiến	02/07/1995	3834				
7	1421020025	Phạm Ngọc	Chung	20/08/1996	3835				
8	1421070017	Nguyễn Văn	Chương	24/02/1996	3836				
9	1521040153	Trịnh Tiến	Cường	21/04/1995	3837				
10	1421070029	Nguyễn Huy	Đạt	02/02/1996	3838				
11	1421060567	Nguyễn Quý	Đạt	02/07/1994	3839				
12	1411030015	Nguyễn Thành	Đạt	18/02/1996	3840				
13	1321020484	Lê Văn	Định	14/11/1995	3841				
14	1421080013	Doãn Văn	Dũng	01/08/1996	3842				
15	1321060094	Trần Trường	Giang	28/08/1995	3843				
16	1421010096	Nguyễn Thanh	Hải	03/11/1996	3844				
17	1421060426	Phạm Văn	Hoàng	11/05/1995	3845				
18	1421030083	Lê Hữu	Huệ	13/09/1996	3846				
19	1424010380	Lê Thị	Hương	19/05/1996	3847				
20	1424010083	Nguyễn Thị Thu	Hương	12/12/1996	3848				
21	1321070535	Trần Văn	Huy	06/10/1994	3849				
22	1424010372	Phạm Thị	Huyền	12/02/1996	3850				
23	1421070068	Nông Hoàng	Lâm	26/08/1996	3851				
24	1421080060	Trần Thị Thùy	Linh	17/05/1996	3852				
25	1421020094	Trần	Long	14/08/1995	3853				
26	1424010122	Trần Thị Tuyết	Mai	10/03/1993	3854				
27	1421070088	Nguyễn Văn	Minh	16/10/1996	3855				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010614 Nhóm: N03 Tổ thi: T002 Tên HP: Tiếng Anh 2

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

9

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421070089	Đỗ Văn	Nam	01/09/1996	3856				
2	1421080077	Nguyễn Thị Thu	Nga	08/02/1996	3857				
3	1421080081	Cao Thị	Ngọc	10/05/1996	3858				
4	1621080003	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	06/10/1998	3859				
5	1421030488	Phạm Hải	Phong	21/10/1996	3860				
6	1321020670	Phạm Văn	Phúc	07/09/1995	3861				
7	1421080094	Nguyễn Thị Thu	Phương	13/06/1996	3862				
8	1424010159	Nguyễn Thị	Phượng	04/09/1996	3863				
9	1424010160	Phạm Thị	Phượng	06/01/1996	3864				
10	1221030397	Đậu Ngọc	Sơn	09/08/1994	3865				
11	1421080345	Trần Ngọc	Sơn	26/12/1996	3866				
12	1321060248	Vũ Tiến	Sỹ	15/08/1994	3867				
13	1321020189	Trương Văn	Tây	25/07/1995	3868				
14	1424010184	Trần Đắc Ngọc	Thắng	30/05/1994	3869				
15	1424010525	Nguyễn Thị	Thanh	04/11/1996	3870				
16	1221030163	Đào Văn	Tín	26/09/1993	3871				
17	1421080115	Nguyễn Tiến	Trọng	20/02/1994	3872				
18	1321080541	Phạm Minh	Tuấn	13/05/1995	3873				
19	1321030255	Phạm Nhật	Tuấn	22/01/1995	3874				
20	1321050217	Lê Xuân	Tùng	10/05/1986	3875				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010614 Nhóm: N04 Tổ thi: T001 Tên HP: Tiếng Anh 2

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

9

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321070405	Lê Tuấn	Anh	11/04/1995	3876				
2	1421030249	Nguyễn Huy	Anh	29/10/1995	3877				
3	1424010008	Trần Ngọc	Anh	10/12/1996	3878				
4	1424010242	Cù Thị	ánh	25/10/1996	3879				
5	1421050279	Phạm Hà	Bắc	12/02/1996	3880				
6	1321030016	Lê Việt	Bách	22/10/1994	3881				
7	1321030442	Ngô Văn	Cánh	16/10/1994	3882				
8	1421050288	Nguyễn Tuấn	Cánh	07/07/1996	3883				
9	1421060349	Nguyễn Đăng	Cường	17/08/1996	3884				
10	1424010277	Hoàng Thị	Đào	21/01/1996	3885				
11	1421070220	Nguyễn Ngọc	Dự	26/12/1996	3886				
12	1421060086	Phạm Minh	Giang	13/01/1996	3887				
13	1511060019	Cao Hoàng	Hà	12/05/1997	3888				
14	1424010304	Đỗ Thị	Hằng	09/01/1996	3889				
15	1321070064	Đỗ Bá	Hạnh	05/05/1995	3890				
16	1424010045	Đỗ Thị	Hiền	01/11/1996	3891				
17	1521060063	Đỗ Văn	Hiếu	12/05/1996	3892				
18	1424010052	Bùi Thị	Hoa	23/03/1996	3893				
19	1621050840	Vũ Nguyên	Hoàng	16/03/1998	3894				
20	1424010074	Trần Thị Ngọc	Huyền	24/09/1996	3895				
21	1524010076	Ngô Ngọc	Lan	16/12/1997	3896				
22	1424010406	Nguyễn Thị	Lan	14/01/1996	3897				
23	1621060783	Trần Tiến	Lộc	29/05/1998	3898				
24	1424010114	Vũ Lê	Long	03/08/1996	3899				
25	1321070120	Lê Vinh	Mạnh	22/02/1994	3900				
26	1421050133	Dương Văn	Nam	26/08/1996	3901				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010614 Nhóm: N04 Tổ thi: T002 Tên HP: Tiếng Anh 2

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

9

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621030192	Hoàng Minh	Ngọc	05/07/1998	3902				
2	1424010464	Phạm Thị Bích	Ngọc	21/09/1996	3903				
3	1424010472	Lê Thị Thúy	Nhài	11/07/1996	3904				
4	1424010479	Dương Thị	Nhung	28/05/1995	3905				
5	1424010480	Hồ Thị	Nhung	10/07/1996	3906				
6	1424010145	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	20/10/1996	3907				
7	1421010236	Trần Văn	Ninh	12/11/1996	3908				
8	1524010584	Hoàng Thúy	Quỳnh	24/12/1997	3909				
9	1621050079	Nguyễn Ngọc	Son	18/07/1998	3910				
10	1321070179	Nguyễn Văn	Thắng	30/10/1994	3911				
11	1424010526	Phạm Thị Mai	Thanh	26/11/1996	3912				
12	1424010178	Lê Phương	Thảo	12/06/1996	3913				
13	1421020583	Ngô Gia	Thê	30/08/1996	3914				
14	1424010192	Hoàng Thị Thanh	Thúy	14/10/1996	3915				
15	1424010558	Mai Thị	Thủy	09/03/1996	3916				
16	1321070191	Vũ Nam	Tiến	13/10/1994	3917				
17	1424010199	Nguyễn Thùy	Trang	23/05/1996	3918				
18	1421040333	Nguyễn Phan Sơn	Tùng	05/10/1996	3919				
19	1421040562	Nguyễn Văn	Tùng	30/07/1996	3920				
20	1521040168	Phạm Hoàng	Vinh	27/02/1995	3921				
21	1421020201	Đinh Thị Hải	Yến	22/05/1996	3922				
22	1424010216	Phạm Thảo	Yến	13/10/1995	3923				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010614 Nhóm: N05 Tổ thi: T001 Tên HP: Tiếng Anh 2

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

9

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421030003	Lưu Ngọc	Anh	22/12/1996	3924				
2	1421040014	Lâm Xuân	Bắc	02/08/1996	3925				
3	1424010253	Phạm Thị	Chinh	29/08/1996	3926				
4	1521050096	Đỗ Văn	Chương	11/08/1996	3927				
5	1421040040	Đỗ Trọng	Dân	17/12/1996	3928				
6	1621020005	Bùi Nguyễn Công	Danh	28/08/1998	3929				
7	1321060440	Đỗ Văn	Dũng	01/03/1994	3930				
8	1421050317	Lê Tiến	Dũng	13/01/1996	3931				
9	1421030038	Nguyễn Đình	Dương	13/05/1995	3932				
10	1424010283	Hoàng Thị	Giang	01/12/1996	3933				
11	1421030349	Nguyễn Hoàng	Hiệp	05/12/1996	3934				
12	1424010054	Đỗ Thị	Hòa	20/09/1996	3935				
13	1321060504	Nguyễn Văn	Hợp	12/11/1995	3936				
14	1424010382	Nguyễn Thị	Hương	15/10/1995	3937				
15	1421050444	Nguyễn Thị Mai	Hương	30/10/1995	3938				
16	1424010085	Võ Thị	Hương	17/03/1996	3939				
17	1424010069	Nguyễn Thị	Huyền	29/10/1995	3940				
18	1424010098	Đinh Mỹ	Linh	21/04/1996	3941				
19	1424010414	Hoàng Hà	Linh	10/07/1996	3942				
20	1421080261	Ngô Mỹ	Linh	02/07/1996	3943				
21	1424010436	Đỗ Thị	Mai	12/12/1996	3944				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4010614 Nhóm: N05 Tổ thi: T002 Tên HP: Tiếng Anh 2

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

9

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421030467	Nguyễn Sơn	Nam	02/11/1995	3945				
2	1424010460	Đỗ Thị Diễm	Ngọc	09/01/1996	3946				
3	1421070418	Nguyễn Văn	Phú	04/09/1995	3947				
4	1421050555	Lê Văn	Quân	13/06/1996	3948				
5	1521050544	Nguyễn Hương	Quỳnh	18/04/1997	3949				
6	1321050682	Nguyễn Doãn	Sáng	09/02/1991	3950				
7	1121020172	Trần Ngọc	Son	29/04/1993	3951				
8	1521060331	Nguyễn Minh	Tân	02/10/1997	3952				
9	1421030555	Đoàn Xuân	Thắng	08/12/1996	3953				
10	1421030559	Nguyễn Duy	Thắng	02/09/1996	3954				
11	1321020715	Đỗ Thu	Thảo	02/06/1995	3955				
12	1421020568	Kim Thị	Thảo	08/02/1996	3956				
13	1424010185	Nguyễn Thị Phương	Thoa	11/09/1996	3957				
14	1321060303	Phạm Văn	Thụy	24/08/1994	3958				
15	1421030205	Phạm Vũ	Tiến	07/10/1994	3959				
16	1321020226	Nguyễn Thị	Trà	11/11/1995	3960				
17	1424010583	Lê Thị	Trang	27/02/1996	3961				
18	1521050083	Trần Danh	Trường	23/06/1996	3962				
19	1621050457	Hoàng Anh	Tuấn	14/01/1998	3963				
20	1424010207	Dương Thị	Tuyền	26/04/1996	3964				
21	1424010212	Nguyễn Thị	Vân	28/08/1995	3965				
22	1421030231	Ngô Khánh	Việt	11/10/1996	3966				
23	1421060320	Bùi Minh	Vương	09/02/1996	3967				
24	1424010635	Phạm Thị Thanh	Xuân	07/10/1996	3968				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020101 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1

Ngày thi: **01/08/2017**Phòng thi: **HNAD401**

Tiết bắt đầu:

9Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421070148	Trịnh Huy	An	15/12/1996	3969				
2	1421040002	Vũ Thanh	An	07/07/1996	3970				
3	1421060003	Bùi Tuấn	Anh	23/03/1996	3971				
4	1421020007	Lưu Thế	Anh	22/11/1995	3972				
5	1621050512	Nguyễn Quang Duy	Anh	08/10/1998	3973				
6	1321060009	Nguyễn Thế	Anh	09/01/1995	3974				
7	1424010227	Nguyễn Thị Kiều	Anh	07/04/1996	3975				
8	1524010363	Nguyễn Thị Vân	Anh	23/10/1997	3976				
9	1321060013	Phạm Tuấn	Anh	22/07/1994	3977				
10	1321030418	Trần Đức	Anh	24/08/1995	3978				
11	1321040014	Đàm Văn Hoàng Tùng	Bách	27/03/1995	3979				
12	1521070147	Nguyễn Văn	Bằng	06/06/1997	3980				
13	1321030429	Nguyễn Văn	Bảy	15/07/1993	3981				
14	1521070121	Lê Duy	Bình	06/05/1997	3982				
15	1321020023	Lê Văn	Cánh	12/09/1995	3983				
16	1521040001L	Bunthahut	Chanthp	30/01/1994	3984				
17	1421030283	Đặng Kim	Chi	10/03/1996	3985				
18	1621040009	Phạm Duy	Chiến	20/10/1998	3986				
19	1621030235	Nguyễn Danh	Chiêu	29/04/1998	3987				
20	1421030017	Nguyễn Văn	Chinh	03/10/1996	3988				
21	1521050134	Ngô Quang	Chính	14/06/1997	3989				
22	1321010043	Lê Thế	Công	20/05/1994	3990				
23	1221070021	Trần Minh	Công	24/08/1994	3991				
24	1521050154	Đỗ Tất	Cường	01/04/1997	3992				
25	1521070133	Hoàng Hải	Đặng	03/01/1997	3993				
26	1521060149	Hoàng Văn	Đạt	16/08/1996	3994				
27	1521070113	Nguyễn Xuân	Đạt	19/10/1997	3995				
28	1421030047	Mai Văn	Đông	03/12/1996	3996				
29	1321030047	Nguyễn Ngọc	Đông	14/06/1995	3997				
30	1521040006	Trần Duy	Duân	16/08/1996	3998				
31	1521050176	Hà Thọ	Đức	09/12/1996	3999				
32	1621070204	Lê Văn	Đức	20/06/1998	4000				
33	1521020029	Nguyễn Văn	Đức	08/01/1997	4001				
34	1521020363	Trần Ngọc	Đức	10/02/1997	4002				
35	1321070034	Đinh Văn	Dũng	10/03/1994	4003				
36	1521020036	Lê Trung	Dũng	21/12/1995	4004				
37	1624010073	Nguyễn Đắc	Dũng	29/10/1998	4005				
38	1321080418	Nguyễn Hoàng	Dũng	05/09/1994	4006				
39	1421060051	Quản Ngọc	Dũng	08/03/1996	4007				
40	1321030032	Trần Tất	Dũng	12/06/1995	4008				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020101 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1

Ngày thi: **01/08/2017**Phòng thi: **HNAD401**

Tiết bắt đầu:

9Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1321020459	Trần Tiến	Dũng	14/05/1995	4009				
42	1421030308	Phan Thùy	Dương	24/11/1995	4010				
43	1421050327	Đình Văn	Duy	28/10/1996	4011				
44	1521050300	Lê Hồng	Giang	17/02/1997	4012				
45	1411050026	Lê Hữu	Giang	10/10/1994	4013				
46	1521030006	Phạm Bá	Giáp	17/12/1995	4014				
47	1521070135	Bùi Việt	Hà	06/03/1997	4015				
48	1421060088	Lê Mạnh	Hà	07/06/1995	4016				
49	1521079002	Vì Văn	Hà	10/11/1995	4017				
50	1421070041	Đào Thanh	Hải	08/08/1996	4018				
51	1621070089	Đỗ Trung	Hải	30/04/1998	4019				
52	1521030002	Phạm Văn	Hải	27/06/1997	4020				
53	1421030064	Nguyễn Đức	Hân	05/11/1996	4021				
54	1321050536	Lê Thị	Hiền	22/05/1995	4022				
55	1321060116	Trần Bá	Hiệp	22/06/1994	4023				
56	1421070047	Nguyễn Minh	Hiếu	03/12/1996	4024				
57	1421060106	Nguyễn Văn	Hiếu	04/05/1996	4025				
58	1521050275	Phạm Mạnh	Hiếu	25/10/1997	4026				
59	1521070159	Đặng Anh	Hòa	26/06/1997	4027				
60	1521060261	Trần Ngọc	Hòa	23/02/1997	4028				
61	1521040108	Trần Văn	Hoàn	04/01/1997	4029				
62	1611060060	Nguyễn Đức	Hoàng	02/05/1998	4030				
63	1321040496	Hoàng Mạnh	Hùng	02/09/1994	4031				
64	1421040125	Nguyễn Hữu	Hùng	05/10/1995	4032				
65	1321060137	Nguyễn Văn	Hùng	22/06/1995	4033				
66	1521060321	Phạm Công	Hùng	09/02/1997	4034				
67	1311030052	Võ Thanh	Hùng	24/09/1995	4035				
68	1321070530	Vũ Huy	Hùng	04/09/1995	4036				
69	1421070058	Chu Hải	Hung	03/03/1996	4037				
70	1321030640	Trần Quang	Hung	08/06/1995	4038				
71	1421060130	Đặng Quang	Huy	23/08/1996	4039				
72	1321070532	Đỗ Đức	Huy	23/02/1995	4040				
73	1421020074	Đỗ Mạnh	Huy	01/05/1996	4041				
74	1521010223	Hoàng Quốc	Huy	03/01/1997	4042				
75	1521010163	Lê Quang	Huy	28/08/1997	4043				
76	1421070063	Vũ Trọng	Khang	27/07/1996	4044				
77	1321010194	Nguyễn Duy	Khánh	11/04/1995	4045				
78	1521010053	Trương Công	Khánh	13/11/1996	4046				
79	1521070287	Nguyễn Văn	Khoa	10/11/1997	4047				
80	1511060017	Nguyễn Hữu	Kiên	23/12/1996	4048				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020101 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1

Ngày thi: **01/08/2017**Phòng thi: **HNAD301**

Tiết bắt đầu:

9Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521030249	Lý Văn	Lâm	08/03/1997	4049				
2	1421050105	Nguyễn Đức	Liêm	20/08/1996	4050				
3	1421060475	Nguyễn Hữu	Linh	06/05/1995	4051				
4	1624010267	Nguyễn Thùy	Linh	10/08/1998	4052				
5	1621060652	Nguyễn Văn	Linh	22/09/1998	4053				
6	1321040155	Tạ Tùng	Linh	21/09/1995	4054				
7	1621060973	Nguyễn Trọng	Lĩnh	21/11/1998	4055				
8	1521060144	Bùi Phi	Long	02/04/1997	4056				
9	1421010185	Hà Minh	Long	12/11/1996	4057				
10	1421060487	Đào Tiến	Lực	17/02/1996	4058				
11	1621020039	Lường Quang	Mạnh	11/11/1998	4059				
12	1421040457	Trần Văn	Mạnh	10/01/1993	4060				
13	1621080136	Đỗ Thị Như	Mây	01/08/1998	4061				
14	1521070304	Đỗ Văn	Minh	22/07/1997	4062				
15	1521010293	Lê Ngọc	Minh	14/02/1997	4063				
16	1524010086	Nguyễn Đăng	Minh	25/02/1996	4064				
17	1521030268	Nguyễn Đức	Minh	27/08/1997	4065				
18	1521050069	Vũ Tiến	Minh	25/07/1996	4066				
19	1421010210	Hà Duy	Nam	03/04/1996	4067				
20	1421070395	Tạ Đình	Nam	13/11/1996	4068				
21	1321050144	Đỗ Thị	Ngọc	01/06/1995	4069				
22	1624010713	Nguyễn Thị Quỳnh	Ngọc	24/02/1998	4070				
23	1321050651	Nguyễn Hữu	Như	25/07/1994	4071				
24	1521060410	Nguyễn Phúc	Núi	16/08/1996	4072				
25	1321010438	Tạ Xuân	Phong	08/06/1994	4073				
26	1421010242	Nguyễn Hoàn	Phú	12/08/1995	4074				
27	1524010272	Nguyễn Thị	Phương	06/03/1997	4075				
28	1521020087	Đặng Văn	Quân	17/10/1997	4076				
29	1421010262	Dương Đình	Quân	06/09/1996	4077				
30	1521010304	Phan Minh	Quân	04/10/1997	4078				
31	1621070197	Trần Minh	Quân	18/09/1998	4079				
32	1421050559	Nguyễn Thị	Quyên	05/02/1994	4080				
33	1521030800	Hoàng Minh	Sang	06/03/1995	4081				
34	1411050060	Lưu Văn	Son	17/05/1996	4082				
35	1521050076	Nguyễn An	Son	04/10/1997	4083				
36	1621061014	Trần Thanh	Son	20/11/1998	4084				
37	1521050219	Vũ Hoàng	Son	30/04/1997	4085				
38	1621070800	Anousone	SORMIXA	12/11/1995	4086				
39	1321070160	Nguyễn Văn	Sỹ	22/07/1995	4087				
40	1321040243	Nguyễn Ngọc	Tân	22/01/1995	4088				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020101 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1

Ngày thi: **01/08/2017**Phòng thi: **HNAD301**

Tiết bắt đầu:

9Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521070346	Dương Hồng	Thái	14/08/1997	4089				
42	1321050716	Chu Đức	Thắng	25/04/1995	4090				
43	1621070138	Nguyễn Đức	Thắng	25/11/1998	4091				
44	1521030308	Nguyễn Hữu	Thắng	11/09/1997	4092				
45	1521060376	Vũ Xuân	Thắng	02/08/1997	4093				
46	1621070040	Lê Gia	Thanh	25/02/1996	4094				
47	1521060039	Phạm Duy	Thanh	08/01/1997	4095				
48	1521040305	Cao Văn	Thành	07/01/1997	4096				
49	1321010321	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	17/01/1993	4097				
50	1321010325	Tào Thị Phương	Thảo	10/10/1995	4098				
51	1521010022	Lê Đức	Thiện	13/09/1997	4099				
52	1421010315	Vũ Văn	Thiệp	22/06/1996	4100				
53	1521080017	Chu Tiến	Thịnh	11/09/1997	4101				
54	1621080062	Phí Thu	Thủy	10/07/1998	4102				
55	1321030887	Đỗ Quyết	Tiến	29/10/1995	4103				
56	1521070137	Vũ Đình	Tiến	07/12/1997	4104				
57	1321070194	Trần Trung	Toàn	01/10/1992	4105				
58	1521050081	Đào Minh	Toàn	26/12/1997	4106				
59	1321070195	Nguyễn Hà	Toàn	16/02/1995	4107				
60	1624010113	Đỗ Huyền	Trang	20/11/1998	4108				
61	1421030581	Ngô Thị Hà	Trang	17/06/1996	4109				
62	1521050148	Phùng Quang	Trí	27/08/1997	4110				
63	1511070005	Trần Văn	Trình	06/09/1997	4111				
64	1421030586	Nguyễn Văn	Trọng	05/09/1995	4112				
65	1521060387	Phạm Minh	Trọng	13/08/1997	4113				
66	1521060438	Phạm Vũ	Trọng	06/10/1997	4114				
67	1321030931	Đỗ Đức	Tú	17/02/1995	4115				
68	1521020011	Bùi Văn	Tuấn	13/01/1997	4116				
69	1421010368	Nguyễn Ngọc	Tuấn	06/12/1995	4117				
70	1321080111	Nguyễn Quốc	Tuấn	05/01/1995	4118				
71	1321010398	Nguyễn Văn	Tuấn	08/07/1995	4119				
72	1621060706	Phương Anh	Tuấn	27/12/1997	4120				
73	1521050033	Trần Văn	Tuấn	01/02/1997	4121				
74	1321070207	Đặng Ngọc	Tùng	13/03/1995	4122				
75	1321060337	Đỗ Tiến	Tùng	02/11/1994	4123				
76	1421040331	Hoàng Việt	Tùng	19/09/1996	4124				
77	1421060637	Nguyễn Mạnh	Tuyên	03/01/1996	4125				
78	1421060643	Đặng Tuấn	Việt	10/09/1996	4126				
79	1521070028	Nguyễn Duy	Việt	05/12/1997	4127				
80	1421050240	Cảnh Chi	Vũ	17/09/1996	4128				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020102 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2

Ngày thi: **01/08/2017**Phòng thi: **HNAD201**

Tiết bắt đầu:

6Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321060400	Nguyễn Đình	An	15/05/1994	4129				
2	1421060003	Bùi Tuấn	Anh	23/03/1996	4130				
3	1421070004	Lê Tiến	Anh	07/01/1996	4131				
4	1521040336	Lê Tuấn	Anh	26/12/1997	4132				
5	1524010362	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	02/02/1997	4133				
6	1321030416	Phương Tuấn	Anh	30/10/1995	4134				
7	1424010008	Trần Ngọc	Anh	10/12/1996	4135				
8	1521060206	Trần Tuấn	Anh	15/06/1997	4136				
9	1524010367	Vũ Hồng Quốc	Anh	29/07/1997	4137				
10	1621010045	Lưu Đức	Ba	06/06/1998	4138				
11	1521030003	Bùi Ngọc	Bảo	20/08/1996	4139				
12	1421050016	Thái Quốc	Bảo	16/12/1996	4140				
13	1621020032	Trần Thái	Bảo	01/11/1998	4141				
14	1624010338	Phạm Đức	Cánh	28/12/1993	4142				
15	1521040001L	Bunthahut	Chanthp	30/01/1994	4143				
16	1524010350	Phạm Thị Tuyết	Chinh	12/10/1997	4144				
17	1321060422	Bùi Trọng	Chính	27/06/1995	4145				
18	1321060038	Bùi Khánh	Cường	28/06/1995	4146				
19	1524010199	Lê Công	Cường	10/02/1996	4147				
20	1521030183	Mạnh Lộc	Cường	02/01/1996	4148				
21	1521040097	Nguyễn Mạnh	Cường	15/08/1996	4149				
22	1421060375	Vũ Ngọc	Đam	04/05/1996	4150				
23	1321080012	Phan Đức	Dân	29/08/1994	4151				
24	1421060071	Nguyễn Văn	Đang	06/04/1996	4152				
25	1321040460	Lê Đức	Đạt	28/02/1995	4153				
26	1621070120	Phí Minh	Điện	13/09/1998	4154				
27	1521070214	Nguyễn Công	Đoàn	12/05/1997	4155				
28	1621060596	Nguyễn Thành	Đoàn	20/02/1998	4156				
29	1521040080	Phạm Văn	Đồng	16/01/1996	4157				
30	1521070031	Lương Huy	Du	31/07/1997	4158				
31	1421030049	Bùi Đình	Đức	18/01/1996	4159				
32	1421070254	Trịnh Quang	Đức	28/10/1996	4160				
33	1321020043	Nguyễn Bá	Dũng	08/10/1995	4161				
34	1624010073	Nguyễn Đắc	Dũng	29/10/1998	4162				
35	1321020459	Trần Tiến	Dũng	14/05/1995	4163				
36	1321010091	Phạm Minh	Dương	27/10/1995	4164				
37	1521010168	Vũ Tuấn	Dương	06/11/1997	4165				
38	1521010412	Bùi Đức	Duy	10/05/1997	4166				
39	1621060006	Tạ Đức	Duy	13/12/1998	4167				
40	1321030051	Dương Thị	Giang	18/09/1994	4168				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020102 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2

Ngày thi: **01/08/2017**Phòng thi: **HNAD201**

Tiết bắt đầu:

6Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1611070008	Nguyễn Hoàng	Giang	25/09/1998	4169				
42	1321040078	Nguyễn Văn	Giang	03/09/1995	4170				
43	1321060100	Nguyễn Thanh	Hải	17/10/1995	4171				
44	1521070241	Nghiêm Hữu	Hậu	19/08/1996	4172				
45	1321050535	Trần Đức	Hậu	10/10/1995	4173				
46	1121040364	Đào Văn	Hiền	28/10/1992	4174				
47	1321040095	Nguyễn Ngọc	Hiệp	14/04/1995	4175				
48	1321060120	Nguyễn Mạnh	Hiếu	20/08/1995	4176				
49	1321050549	Trần Hữu	Hiệu	26/05/1995	4177				
50	0921010066	Lê Văn	Hòa	21/07/1991	4178				
51	1321060492	Nguyễn Văn	Hòa	30/03/1995	4179				
52	1521050098	Nguyễn Trần Đan	Hoàn	21/12/1997	4180				
53	1321020545	Nguyễn Văn	Hoàn	06/02/1995	4181				
54	1321030600	Bùi Mạnh	Hồng	23/03/1995	4182				
55	1321030095	Trần Việt	Hùng	05/09/1995	4183				
56	1321060520	Trần Phúc	Hung	19/09/1995	4184				
57	1624010391	Nguyễn Thị	Hương	31/10/1998	4185				
58	1421050448	Vũ Văn	Hữu	23/06/1996	4186				
59	1521050216	Nguyễn Quang	Huy	21/10/1997	4187				
60	1621070704	Đặng Thị Thanh	Huyền	10/11/1998	4188				
61	1521011008	Đào Duy	Khánh	15/03/1997	4189				
62	1521050037	Trương Quốc	Khánh	25/09/1997	4190				
63	1521020079	Đông Đăng	Khoa	18/01/1993	4191				
64	1521080182	Hoàng Tùng	Lâm	25/11/1997	4192				
65	1621010707	Trần Tùng	Lâm	31/07/1997	4193				
66	1524010456	Phạm Văn	Lâm	06/07/1997	4194				
67	1524010248	Trần Thị	Lan	21/05/1997	4195				
68	1521060404	Lê Văn	Lập	19/10/1997	4196				
69	1314010114	Đoàn Ngọc	Linh	13/09/1995	4197				
70	1421080274	Nguyễn Hồng	Lĩnh	05/10/1996	4198				
71	1521040174	Nguyễn Phi	Long	13/11/1996	4199				
72	1421020451	Trần Hiếu	Long	10/10/1996	4200				
73	1521030076	Nguyễn Mạnh	Lực	07/02/1997	4201				
74	1521020368	Nguyễn Đức	Lương	04/01/1997	4202				
75	1524010133	Lê Thị	Mai	12/06/1997	4203				
76	1521050149	Nguyễn Đức	Mạnh	04/09/1997	4204				
77	1321050127	Nguyễn Duy	Mạnh	11/12/1995	4205				
78	1521040096	Nguyễn Tiến	Mạnh	09/09/1997	4206				
79	1421030129	Nguyễn Văn	Mạnh	07/08/1996	4207				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020102 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2

Ngày thi: **01/08/2017**Phòng thi: **HNAD101**

Tiết bắt đầu:

6Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321060183	Phạm Văn	Mạnh	26/11/1994	4208				
2	1521070044	Phạm Văn	Mạnh	01/10/1996	4209				
3	1521010293	Lê Ngọc	Minh	14/02/1997	4210				
4	1521050084	Phùng Quang	Minh	17/12/1997	4211				
5	1621060221	Nghiêm Hải	Nam	15/01/1998	4212				
6	1521030049	Võ Hoài	Nam	07/01/1997	4213				
7	1321060570	Vương Hải	Nam	05/02/1995	4214				
8	1521060338	Hà Văn	Nghĩa	16/06/1997	4215				
9	1321040193	Đinh Quang	Ngọc	17/05/1994	4216				
10	1521090055	Nguyễn Bá	Ngọc	24/02/1997	4217				
11	1624010649	Lê Ánh	Nguyệt	21/10/1998	4218				
12	1624010754	Nguyễn Thị Thanh	Nhã	07/10/1998	4219				
13	1424010139	Bùi Thị	Nhâm	22/02/1996	4220				
14	1521070094	Nguyễn Thiện	Nhân	07/02/1997	4221				
15	1521080044	Phương Thị	Như	01/11/1997	4222				
16	1621010900	Lornn	Odm	04/05/1995	4223				
17	1421010239	Đỗ Văn	Phong	11/04/1996	4224				
18	1521050051	Hoàng Đình	Quân	20/12/1997	4225				
19	1621010313	Vương Đình	Quang	14/09/1998	4226				
20	1421050559	Nguyễn Thị	Quyên	05/02/1994	4227				
21	1321040222	Đỗ Bảo	Quyết	09/07/1995	4228				
22	1524010144	Dương Ngọc	Quyết	17/08/1997	4229				
23	1521030800	Hoàng Minh	Sang	06/03/1995	4230				
24	1321040228	Đỗ Hoàng	Sơn	17/04/1995	4231				
25	1421080343	Lâm Phước	Sơn	14/05/1996	4232				
26	1321030816	Đinh Văn	Sỹ	02/03/1995	4233				
27	1621060710	Hà Văn	Tân	25/08/1997	4234				
28	1321060256	Nguyễn Quang	Tân	05/10/1995	4235				
29	1524010249	Nguyễn Thị	Tân	28/01/1997	4236				
30	1521060054	Nguyễn Trọng	Tấn	21/10/1997	4237				
31	1321050716	Chu Đức	Thắng	25/04/1995	4238				
32	1524010506	Chu Phương	Thắng	26/11/1997	4239				
33	1121040248	Đặng Trọng	Thắng	31/05/1993	4240				
34	1521060032	Đỗ Chiến	Thắng	27/10/1997	4241				
35	1621050440	Đoàn Đức	Thắng	06/04/1998	4242				
36	1321050717	Hoàng Mạnh	Thắng	23/07/1994	4243				
37	1421030561	Vũ Ngọc	Thắng	16/07/1996	4244				
38	1411030055	Nguyễn Đình	Thanh	18/09/1996	4245				
39	1624010741	Nguyễn Thị Phương	Thanh	03/11/1998	4246				
40	1521070364	Nguyễn Xuân	Thảo	01/08/1997	4247				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020102 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2

Ngày thi: **01/08/2017**Phòng thi: **HNAD101**

Tiết bắt đầu:

6Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521010022	Lê Đức	Thiện	13/09/1997	4248				
42	1421060264	Lê Đức	Thịnh	09/05/1996	4249				
43	1421060593	Mê Quang	Thương	30/10/1994	4250				
44	1421010330	Nguyễn Hữu	Thường	05/10/1996	4251				
45	1521050126	Trương Thị	Thủy	03/11/1997	4252				
46	1521080032	Phạm Ngọc	Tiến	13/12/1997	4253				
47	1421040529	Đoàn Mạnh	Tiếp	27/09/1996	4254				
48	1521020317	Lê Ngọc	Tĩnh	10/09/1994	4255				
49	1321060314	Đào Văn	Tĩnh	14/10/1994	4256				
50	1521050013	Nguyễn Thành	Tôn	26/08/1997	4257				
51	1521040141	Chu Thị Thu	Trang	19/02/1997	4258				
52	1524010050	Lê Thị	Trang	21/11/1995	4259				
53	1511070005	Trần Văn	Trình	06/09/1997	4260				
54	1624010116	Lương Văn	Triều	08/06/1998	4261				
55	1221020159	Phạm Đức	Trọng	09/09/1994	4262				
56	1421020628	Vũ Văn	Trọng	15/12/1996	4263				
57	1521039001	Đàm Quang	Trung	21/10/1996	4264				
58	1621010160	Vũ Thành	Trung	27/10/1994	4265				
59	1621010735	Bùi Thanh	Trường	14/05/1998	4266				
60	1411040062	Bùi Văn	Trường	01/03/1996	4267				
61	1521070386	Bùi Văn	Tú	21/02/1996	4268				
62	1624010547	Nguyễn Thanh	Tú	22/03/1998	4269				
63	1624010211	Phạm Văn	Tú	06/11/1998	4270				
64	1521050113	Huỳnh Anh	Tuấn	19/12/1997	4271				
65	1421011400	Nguyễn Anh	Tuấn	11/10/1994	4272				
66	1321050213	Nguyễn Hữu	Tuấn	04/09/1995	4273				
67	1321060333	Nguyễn Minh	Tuấn	09/11/1995	4274				
68	1621060511	Phạm Châu	Tuấn	24/10/1998	4275				
69	1411060196	Phan Đình	Tuấn	16/02/1996	4276				
70	1521050063	Nguyễn Công	Tuyền	27/02/1997	4277				
71	1421070540	Vũ Văn	Ước	02/03/1996	4278				
72	1521060187	Nguyễn Anh	Văn	12/09/1997	4279				
73	1521080287	Phùng Đình	Văn	02/12/1997	4280				
74	1521060385	Phùng Duy	Việt	17/09/1996	4281				
75	1521050118	Vũ Tiến	Vinh	14/07/1997	4282				
76	1321010427	Lê Tuấn	Vũ	08/04/1995	4283				
77	1621040078	Nguyễn Thuần	Vũ	20/12/1998	4284				
78	1621030038	Phạm Công Lê	Vũ	07/04/1998	4285				
79	1321040618	Nguyễn Thị	Yến	02/02/1995	4286				
80	1424010216	Phạm Thảo	Yến	13/10/1995	4287				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020103 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Pháp luật đại cương

Ngày thi: **03/08/2017**Phòng thi: **HNAD201**

Tiết bắt đầu:

9Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621060299	Nguyễn Thanh	An	04/10/1996	4288				
2	1421020004	Đặng Đức	Anh	15/09/1996	4289				
3	1521070108	Hà Thế	Anh	10/09/1996	4290				
4	1524010311	Lê Thục	Anh	09/10/1997	4291				
5	1321070405	Lê Tuấn	Anh	11/04/1995	4292				
6	1421020007	Lưu Thế	Anh	22/11/1995	4293				
7	1624010219	Nguyễn Đức	Anh	08/12/1994	4294				
8	1521010130	Nguyễn Hoàng	Anh	13/03/1997	4295				
9	1621030037	Nguyễn Thị Vân	Anh	19/10/1997	4296				
10	1621030018	Phạm Thị Vân	Anh	05/05/1998	4297				
11	1421050010	Quách Nguyễn Tuấn	Anh	27/01/1996	4298				
12	1621060293	Trần Tuấn	Anh	02/03/1998	4299				
13	1524010290	Nông Ngọc	ánh	29/08/1997	4300				
14	1421070172	Trần Xuân	Bách	07/06/1994	4301				
15	1521030351	Trần Xuân	Bách	07/08/1997	4302				
16	1524010126	Đỗ Văn	Bằng	23/06/1996	4303				
17	1321040338	Nguyễn Thành	Biên	09/05/1994	4304				
18	1321020023	Lê Văn	Cảnh	12/09/1995	4305				
19	1421050288	Nguyễn Tuấn	Cảnh	07/07/1996	4306				
20	1624010338	Phạm Đức	Cảnh	28/12/1993	4307				
21	1521040001L	Bunthahut	Chanthp	30/01/1994	4308				
22	1521060098	Lê Minh	Châu	18/12/1997	4309				
23	1621040009	Phạm Duy	Chiến	20/10/1998	4310				
24	1421040026	Lương Đại	Chiều	12/02/1996	4311				
25	1524010186	Lê Đức	Chính	06/12/1997	4312				
26	1521050134	Ngô Quang	Chính	14/06/1997	4313				
27	1621010011	Hoàng Văn	Cư	01/07/1998	4314				
28	1521040211	Mai Văn	Đại	01/03/1996	4315				
29	1621050729	Đoàn Thành	Đạt	24/12/1998	4316				
30	1621050798	Hoàng Văn	Đạt	09/10/1998	4317				
31	1521050058	Ngô Văn	Đạt	16/07/1997	4318				
32	1421040068	Phạm Xuân	Đạt	13/12/1996	4319				
33	1521070210	Trần Tiến	Đạt	21/09/1997	4320				
34	1321060356	Trần Văn	Đến	17/07/1994	4321				
35	1421070024	Phạm Văn	Diện	17/06/1996	4322				
36	1621050004	Nguyễn Duy	Điệp	08/04/1998	4323				
37	1421070032	Mai Văn	Đình	10/10/1995	4324				
38	1421020038	Phạm Văn	Đình	06/05/1996	4325				
39	1524010123	Nguyễn Anh	Đức	23/09/1997	4326				
40	1624010074	Vũ Minh	Đức	28/06/1998	4327				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020103 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Pháp luật đại cương

Ngày thi: **03/08/2017**Phòng thi: **HNAD201**

Tiết bắt đầu:

9Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1121030247	Hoàng Đức	Dũng	28/08/1993	4328				
42	1521060205	Lưu Quang	Dũng	30/07/1997	4329				
43	1621060452	Nguyễn Huy	Dũng	23/05/1998	4330				
44	1521020168	Phí Văn	Dũng	20/10/1997	4331				
45	1421040053	Trịnh Quang	Dũng	08/12/1996	4332				
46	1521060093	Vũ Văn	Dũng	17/02/1997	4333				
47	1521020023	Phạm Công	Dương	30/11/1997	4334				
48	1521010168	Vũ Tuấn	Dương	06/11/1997	4335				
49	1521010221	Trần Văn	Duy	16/07/1994	4336				
50	1621030900	Đào Minh	Giang	05/07/1998	4337				
51	1321040477	Lã Hải	Hà	16/08/1995	4338				
52	1521060363	Nguyễn Thanh	Hà	01/01/1997	4339				
53	1521080128	Nguyễn Thị Kim	Hà	19/03/1997	4340				
54	1521079002	Vì Văn	Hà	10/11/1995	4341				
55	1621070089	Đỗ Trung	Hải	30/04/1998	4342				
56	1631020069	Trần Đình	Hải	06/11/1994	4343				
57	1321040095	Nguyễn Ngọc	Hiệp	14/04/1995	4344				
58	1634010095	Trần Đức	Hiệp	01/05/1991	4345				
59	1321020097	Vũ Đức	Hiệp	14/03/1995	4346				
60	1624010666	Lâm Dương Minh	Hiếu	07/10/1998	4347				
61	1321050075	Nguyễn Trung	Hiếu	24/10/1994	4348				
62	1521060003	Nguyễn Văn	Hiếu	20/07/1997	4349				
63	1521070254	Hoàng Văn	Hiệu	14/12/1997	4350				
64	1621050574	Nguyễn Thị	Hòa	28/01/1998	4351				
65	1521060375	Phạm Thị Kim	Hòa	17/03/1997	4352				
66	1611060027	Lường Hữu	Hoàng	21/07/1998	4353				
67	1621050763	Nguyễn Huy	Hoàng	27/11/1998	4354				
68	1521030128	Vũ Thị Thanh Kim	Huệ	20/03/1997	4355				
69	1624010226	Đậu Văn	Hùng	30/11/1997	4356				
70	1321030607	Đồng Văn	Hùng	29/10/1995	4357				
71	1421070058	Chu Hải	Hưng	03/03/1996	4358				
72	1424010080	Lương Thị	Hương	04/10/1996	4359				
73	1521080064	Nguyễn Thị Thu	Hương	07/01/1996	4360				
74	1421070315	Đào Minh	Huy	19/10/1996	4361				
75	1521010163	Lê Quang	Huy	28/08/1997	4362				
76	1621050720	Nguyễn Duy	Huy	25/07/1998	4363				
77	1621050217	Trịnh Thị Thanh	Huyền	27/08/1998	4364				
78	1521060370	Lê Văn	Huỳnh	12/05/1997	4365				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020103 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Pháp luật đại cương

Ngày thi: **03/08/2017**Phòng thi: **HNAD101**

Tiết bắt đầu:

9Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1624010127	Hoàng Thị	Hường	26/05/1998	4366				
2	1621050446	Đình Duy	Khánh	15/10/1998	4367				
3	1321010194	Nguyễn Duy	Khánh	11/04/1995	4368				
4	1321060529	Vũ Duy	Khánh	16/11/1995	4369				
5	1521080182	Hoàng Tùng	Lâm	25/11/1997	4370				
6	1321060165	Quách Văn	Lâm	22/03/1994	4371				
7	1424010093	Phạm Thị Nhật	Lê	17/11/1996	4372				
8	1634010099	Đình Thị Hồng	Linh	03/09/1991	4373				
9	1321060167	Lê Thạc	Linh	17/03/1995	4374				
10	1524010018	Mai Xuân	Linh	20/09/1995	4375				
11	1621060331	Nguyễn Văn	Linh	26/01/1996	4376				
12	1621060652	Nguyễn Văn	Linh	22/09/1998	4377				
13	1621060980	Trịnh Văn	Lợi	27/08/1998	4378				
14	1521060110	Mạc Văn	Long	16/06/1995	4379				
15	1521040174	Nguyễn Phi	Long	13/11/1996	4380				
16	1521070106	Vũ Thanh	Long	08/07/1997	4381				
17	1524010133	Lê Thị	Mai	12/06/1997	4382				
18	1621050835	Nguyễn Văn	Mẫn	26/10/1998	4383				
19	1421040454	Bùi Duy	Mạnh	09/07/1996	4384				
20	1521060312	Đỗ Quang	Minh	20/07/1997	4385				
21	1521050250	Vũ Quang	Minh	16/04/1996	4386				
22	1521080208	Lê Hoài	Nam	21/07/1997	4387				
23	1521060422	Nguyễn Anh	Nam	30/04/1996	4388				
24	1621050115	Nguyễn Bá	Nam	06/02/1998	4389				
25	1521060338	Hà Văn	Nghĩa	16/06/1997	4390				
26	1621060462	Lưu Trọng	Nghĩa	19/10/1998	4391				
27	1521020104	Lâm Duy	Phan	30/11/1997	4392				
28	1321030175	Bạch Hồng	Phi	05/06/1995	4393				
29	1421040471	Nguyễn Thế	Phong	13/09/1996	4394				
30	1421030489	Phạm Hồng	Phong	16/10/1995	4395				
31	1421030500	Vũ Minh	Phương	01/10/1996	4396				
32	1421050559	Nguyễn Thị	Quyên	05/02/1994	4397				
33	1621050803	Phạm Thị Hương	Quỳnh	11/11/1998	4398				
34	1121010268	Vũ Mạnh	Quỳnh	02/05/1993	4399				
35	1521060328	Vũ Xuân	Sắc	07/08/1997	4400				
36	1621050169	Trịnh Thị	Sen	24/04/1998	4401				
37	1321040228	Đỗ Hoàng	Sơn	17/04/1995	4402				
38	1421030527	Nguyễn Hoàng	Sơn	11/06/1996	4403				
39	1321020702	Vũ Thái	Sơn	21/09/1995	4404				
40	1521040010	Vương Văn	Sơn	06/10/1997	4405				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020103 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Pháp luật đại cương

Ngày thi: **03/08/2017**Phòng thi: **HNAD101**

Tiết bắt đầu:

9Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1321030200	Đỗ Duy	Tân	19/08/1995	4406				
42	1524010506	Chu Phương	Thắng	26/11/1997	4407				
43	1621050341	Kiều Văn	Thắng	13/12/1997	4408				
44	1421070118	Phùng Quang	Thắng	01/12/1996	4409				
45	1521070131	Bùi Văn	Thanh	03/01/1996	4410				
46	1411030055	Nguyễn Đình	Thanh	18/09/1996	4411				
47	1524010128	Bùi Công	Thành	04/08/1997	4412				
48	1421040254	Nguyễn Minh	Thành	03/07/1996	4413				
49	1421060251	Nguyễn Tiến	Thành	04/10/1996	4414				
50	1621010115	Nguyễn Thị Liên	Thảo	04/03/1998	4415				
51	1321020724	Dương Văn	Thê	01/10/1995	4416				
52	1421040801	Dương Đức	Thiện		4417				
53	1421070121	Nguyễn Đức	Thiện	25/08/1996	4418				
54	1521070033	Nghiêm Đình	Thuần	20/12/1996	4419				
55	1624010353	Trần Thị	Thương	17/12/1998	4420				
56	1621050756	Đặng Thị Ngọc	Thùy	25/01/1998	4421				
57	1521050049	Phạm Xuân	Thụy	31/03/1997	4422				
58	1621050705	Nguyễn Đình	Tiến	15/05/1998	4423				
59	1521020317	Lê Ngọc	Tĩnh	10/09/1994	4424				
60	1321070195	Nguyễn Hà	Toán	16/02/1995	4425				
61	1421030586	Nguyễn Văn	Trọng	05/09/1995	4426				
62	1521060438	Phạm Vũ	Trọng	06/10/1997	4427				
63	1521040086	Nguyễn Thành	Trung	22/02/1997	4428				
64	1221070160	Nông Việt	Trung	27/11/1994	4429				
65	1621010252	Cao Thế	Trường	09/10/1998	4430				
66	1531060402	Nguyễn Thanh	Trường	22/0/192/	4431				
67	1521070386	Bùi Văn	Tú	21/02/1996	4432				
68	1624010211	Phạm Văn	Tú	06/11/1998	4433				
69	1321020239	Hòa Quý	Tuấn	10/05/1994	4434				
70	1421040317	Lê Văn	Tuấn	08/07/1996	4435				
71	1621060511	Phạm Châu	Tuấn	24/10/1998	4436				
72	1421010370	Phạm Năng	Tuấn	25/05/1996	4437				
73	1124010457	Lê Thanh	Tùng	11/10/1993	4438				
74	1521060181	Lê Thanh	Tùng	25/10/1997	4439				
75	1421070532	Ngô Thanh	Tùng	19/05/1994	4440				
76	1621010076	Nguyễn Xuân	Tùng	25/01/1998	4441				
77	1421060637	Nguyễn Mạnh	Tuyên	03/01/1996	4442				
78	1621010120	Phạm Thị Thanh	Xuân	02/01/1998	4443				
79	1621010031	Đỗ Văn	Yến	20/10/1998	4444				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020201 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Ngày thi: 05/08/2017

Phòng thi: HNAD401

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321060002	Trần Văn	An	27/02/1995	4445				
2	1521040035	Đỗ Quang	Anh	16/08/1997	4446				
3	1521041005	Đỗ Tuấn	Anh	25/09/1997	4447				
4	1321030002	Đỗ Việt	Anh	11/12/1995	4448				
5	1321050004	Nguyễn Bảo	Anh	21/05/1995	4449				
6	1521050017	Nguyễn Duy	Anh	13/12/1997	4450				
7	1521050231	Phạm Thế	Anh	06/06/1997	4451				
8	1621030018	Phạm Thị Vân	Anh	05/05/1998	4452				
9	1521070423	Trần Hoàng	Anh	03/04/1997	4453				
10	1211060012	Đồng Việt	ánh	15/02/1994	4454				
11	1524010290	Nông Ngọc	ánh	29/08/1997	4455				
12	1321030016	Lê Việt	Bách	22/10/1994	4456				
13	1421020017	Đặng Văn	Bằng	05/12/1996	4457				
14	1524010126	Đỗ Văn	Bằng	23/06/1996	4458				
15	1421060016	Bùi Văn	Bảo	27/09/1995	4459				
16	1621060703	Đinh Quốc	Bảo	03/09/1998	4460				
17	1521030054	Đồng Xuân	Bình	26/06/1997	4461				
18	1624010338	Phạm Đức	Cảnh	28/12/1993	4462				
19	1634010006	Trần Thị Kim	Chi	08/12/1994	4463				
20	1621050281	Trần Minh	Chiến	02/03/1998	4464				
21	1621060645	Vũ Quang	Chiến	26/03/1998	4465				
22	1621050579	Nguyễn Trí	Chung	20/11/1998	4466				
23	1621060795	Nguyễn Thành	Công	22/09/1998	4467				
24	1421060039	Trần Văn	Công	13/01/1996	4468				
25	1321060040	Đỗ Quang	Cường	19/12/1995	4469				
26	1321030462	Lê Đăng	Cường	11/12/1994	4470				
27	1521040097	Nguyễn Mạnh	Cường	15/08/1996	4471				
28	1321010056	Nguyễn Văn	Cường	02/04/1986	4472				
29	1521050178	Nguyễn Xuân	Cường	10/12/1997	4473				
30	1621060023	Trần Xuân	Cường	07/09/1998	4474				
31	1421010074	Lê Quang	Đại	10/12/1996	4475				
32	1521030031	Nguyễn Tiến	Đạt	01/11/1997	4476				
33	1621060695	Nguyễn Văn	Đạt	12/08/1998	4477				
34	1321040069	Lưu Văn	Đoàn	11/09/1995	4478				
35	1321030047	Nguyễn Ngọc	Đông	14/06/1995	4479				
36	1221060209	Vũ Xuân	Đức	02/09/1994	4480				
37	1621010299	Lê Văn	Dũng	10/09/1998	4481				
38	1621060452	Nguyễn Huy	Dũng	23/05/1998	4482				
39	1521060093	Vũ Văn	Dũng	17/02/1997	4483				
40	1621040020	Nguyễn Hoàng	Dương	18/05/1998	4484				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020201 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Ngày thi: 05/08/2017

Phòng thi: HNAD401

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621050522	Đỗ Trung	Duy	02/09/1998	4485				
42	1621060324	Ngô Văn	Duy	18/09/1998	4486				
43	1621060006	Tạ Đức	Duy	13/12/1998	4487				
44	1121040046	Vi Văn	Duy	27/01/1992	4488				
45	1321010087	Đỗ Văn	Duyên	02/11/1995	4489				
46	1621030900	Đào Minh	Giang	05/07/1998	4490				
47	1521080128	Nguyễn Thị Kim	Hà	19/03/1997	4491				
48	1521079002	Vi Văn	Hà	10/11/1995	4492				
49	1621070089	Đỗ Trung	Hải	30/04/1998	4493				
50	1521070239	Lại Ngọc	Hải	29/03/1997	4494				
51	1621060112	Trần Đức	Hải	30/06/1998	4495				
52	1524010079	Nguyễn Thị Diễm	Hằng	15/10/1997	4496				
53	1321060112	Phạm Thế	Hiển	30/03/1995	4497				
54	1621070081	Trần Gia	Hiệp	20/11/1998	4498				
55	1521060081	Trần Tiến	Hiệp	15/03/1997	4499				
56	1521060142	Nguyễn Hữu	Hiếu	29/08/1997	4500				
57	1521010025	Nguyễn Việt	Hiếu	09/09/1997	4501				
58	1321060121	Nguyễn Thị Phương	Hoa	04/03/1995	4502				
59	1624010988	Nguyễn Minh	Hoà	08/08/1998	4503				
60	1521060286	Hồ Trọng	Hoàng	10/01/1996	4504				
61	1611060060	Nguyễn Đức	Hoàng	02/05/1998	4505				
62	1621050763	Nguyễn Huy	Hoàng	27/11/1998	4506				
63	1521010410	Vũ Đình	Hoàng	12/07/1996	4507				
64	1321060129	Nguyễn Đức	Hoạt	26/12/1995	4508				
65	1521010415	Đỗ Văn	Hùng	10/10/1997	4509				
66	1421070307	Nguyễn Mạnh	Hùng	05/09/1996	4510				
67	1521040164	Nguyễn Mạnh	Hùng	18/02/1996	4511				
68	1321010173	Nguyễn Việt	Hùng	20/12/1995	4512				
69	1521070269	Vũ Đức	Hùng	07/06/1997	4513				
70	1421070058	Chu Hải	Hưng	03/03/1996	4514				
71	1621030153	Đinh Thị Thu	Hương	16/09/1998	4515				
72	1621080141	Phan Lan	Hương	16/02/1998	4516				
73	1634010097	Hoàng Thị	Hường	02/09/1989	4517				
74	1321010174	Đoàn Văn	Huy	26/08/1995	4518				
75	1521040251	Nguyễn Đình	Huy	15/05/1997	4519				
76	1621050349	Trần Quốc	Huy	02/06/1998	4520				
77	1621050314	Lê Duy	Khánh	18/08/1998	4521				
78	1321030110	Tạ Duy	Khánh	22/04/1994	4522				
79	1321020130	Nguyễn Đăng	Khoa	08/11/1995	4523				
80	1621050206	Bùi Minh	Khuê	10/11/1998	4524				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020201 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Ngày thi: 05/08/2017

Phòng thi: HNAD401

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1521070157	Cung Đức	Lâm	02/06/1997	4525				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020201 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Ngày thi: **05/08/2017**Phòng thi: **HNAD301**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521030039	Nguyễn Xuân	Lâm	19/04/1997	4526				
2	1621010106	Lê Hữu	Linh	03/02/1998	4527				
3	1621070124	Hồ Văn	Lộc	02/05/1997	4528				
4	1634010014	Phạm Đức	Long	03/11/1994	4529				
5	1321060171	Phan Việt	Long	26/09/1995	4530				
6	1321070113	Nguyễn Gia	Lư	16/03/1995	4531				
7	1421030450	Lê Văn	Mạnh	07/11/1996	4532				
8	1421030454	Võ Hồng	Mạnh	12/05/1996	4533				
9	1621010034	Trần Quang	Minh	13/08/1998	4534				
10	1621060979	Nguyễn Anh	Mười	06/04/1998	4535				
11	1621050378	Hoàng Phương	Nam	22/06/1998	4536				
12	1621050126	Khương Xuân	Nam	02/07/1998	4537				
13	1421010212	Lã Văn	Nam	05/10/1996	4538				
14	1621050115	Nguyễn Bá	Nam	06/02/1998	4539				
15	1521050199	Nguyễn Hữu	Nam	06/12/1997	4540				
16	1621020056	Lê Thị Thúy	Nga	02/07/1998	4541				
17	1524010354	Trần Thị Quỳnh	Nga	10/10/1997	4542				
18	1621030252	Nguyễn Thị Thu	Ngân	06/01/1998	4543				
19	1621060322	Nguyễn Bình Minh	Nghĩa	26/03/1998	4544				
20	1621030192	Hoàng Minh	Ngọc	05/07/1998	4545				
21	1321040194	Phạm Văn	Ngọc	17/03/1995	4546				
22	1521060045	Nguyễn Đức	Nhật	15/08/1997	4547				
23	1621060387	Nguyễn Tuấn	Phong	09/09/1998	4548				
24	1321060217	Đình Xuân	Phúc	02/01/1995	4549				
25	1621050266	Đỗ Thanh	Phương	13/10/1998	4550				
26	1321050660	Nguyễn Thị	Phương	08/04/1995	4551				
27	1221030124	Nguyễn Anh	Quân	24/11/1993	4552				
28	1421070097	Nguyễn Hồng	Quang	02/02/1995	4553				
29	1621060282	Nguyễn Vinh	Quang	12/02/1998	4554				
30	1621010339	Nguyễn Đỗ	Quyết	04/06/1998	4555				
31	1621050789	Vũ Văn	Quyết	18/03/1998	4556				
32	1121011053	Nguyễn Ngọc	Sơn	03/12/1993	4557				
33	1321040234	Nguyễn Ngọc	Sơn	20/05/1995	4558				
34	1611030006	Hồ Bá	Sỹ	08/08/1997	4559				
35	1321070165	Phạm Ngọc	Thạch	23/07/1995	4560				
36	1631020074	Nguyễn Đức	Thái	20/02/1995	4561				
37	1621050341	Kiều Văn	Thắng	13/12/1997	4562				
38	1524010117	Đào Thị	Thành	16/11/1997	4563				
39	1421040251	Mai Hiền	Thành	19/04/1996	4564				
40	1421040254	Nguyễn Minh	Thành	03/07/1996	4565				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020201 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Ngày thi: 05/08/2017

Phòng thi: HNAD301

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1624010623	Nguyễn Trí	Thành	06/11/1998	4566				
42	1521070364	Nguyễn Xuân	Thảo	01/08/1997	4567				
43	1321060277	Phạm Thị	Thảo	31/01/1994	4568				
44	1621010040	Trần Thị Phương	Thảo	08/02/1998	4569				
45	1421040801	Dương Đức	Thiện		4570				
46	1321040271	Nguyễn Văn	Thiện	03/10/1994	4571				
47	1421070123	Hoàng Văn	Thống	17/05/1994	4572				
48	1321050744	Vũ Thị	Thường	19/09/1995	4573				
49	1421010330	Nguyễn Hữu	Thường	05/10/1996	4574				
50	1421030571	Nguyễn Văn	Thùy	02/10/1996	4575				
51	1321040285	Vũ Văn	Thùy	15/06/1995	4576				
52	1321060303	Phạm Văn	Thụy	24/08/1994	4577				
53	1521080032	Phạm Ngọc	Tiến	13/12/1997	4578				
54	1621060142	Bùi Đồng Đình	Tôn	14/01/1997	4579				
55	1621020016	Đỗ Thu	Trang	19/08/1998	4580				
56	1621060342	Nguyễn Phương	Trang	16/10/1998	4581				
57	1524010541	Nguyễn Văn	Trí	10/07/1997	4582				
58	1521050249	Lại Hữu	Triều	21/01/1997	4583				
59	1621010058	Lê Thị Kiều	Trình	27/04/1998	4584				
60	1511070005	Trần Văn	Trình	06/09/1997	4585				
61	1521040077	Bùi Đức	Trọng	13/04/1997	4586				
62	1321040592	Phạm Tiến	Trung	16/08/1995	4587				
63	1621010190	Trương Trọng	Trung	18/08/1998	4588				
64	1521060068	Vũ Văn	Trung	01/08/1997	4589				
65	1521070386	Bùi Văn	Tú	21/02/1996	4590				
66	1411060192	Nguyễn Hữu	Tú	01/11/1995	4591				
67	1221030179	Đinh Quang	Tuấn	13/01/1994	4592				
68	1621050457	Hoàng Anh	Tuấn	14/01/1998	4593				
69	1521070393	Lê Công Anh	Tuấn	05/06/1997	4594				
70	1621060297	Triệu Văn	Tuấn	06/10/1998	4595				
71	1524010211	Đào Thanh	Tùng	08/12/1997	4596				
72	1321060339	Nguyễn Thanh	Tùng	01/08/1993	4597				
73	1521010090	Nguyễn Thanh	Tùng	08/10/1997	4598				
74	1521010095	Nguyễn Thanh	Tùng	20/02/1997	4599				
75	1621060991	Trần Thanh	Tùng	02/09/1998	4600				
76	1634010024	Đỗ Thị Hồng	Tươi	08/08/1990	4601				
77	1634010033	Phạm Thị	Tuyển	02/10/1989	4602				
78	1621060180	Ngô Quốc	Việt	25/11/1997	4603				
79	1521060382	Nguyễn Văn	Việt	02/04/1997	4604				
80	1321040330	Đoàn Đức	Vinh	21/11/1995	4605				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020201 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Ngày thi: **05/08/2017**Phòng thi: **HNAD301**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1621070131	Phạm Đăng	Vĩnh	06/09/1998	4606				
82	1321010427	Lê Tuấn	Vũ	08/04/1995	4607				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020301 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421010007	Đỗ Thị Ngọc	Anh	13/09/1996	4608				
2	1621030007	Nguy Thị Quỳnh	Anh	11/10/1998	4609				
3	1421030006	Nguyễn Việt	Anh	12/09/1996	4610				
4	1521050231	Phạm Thế	Anh	06/06/1997	4611				
5	1321020012	Trần Nam	Anh	04/08/1995	4612				
6	1321020014	Trương Việt Năm	Anh	11/10/1995	4613				
7	1321010031	Hà Xuân	Bách	08/03/1995	4614				
8	1521030351	Trần Xuân	Bách	07/08/1997	4615				
9	1421010026	Ngô Xuân	Bằng	23/06/1996	4616				
10	1621060703	Đinh Quốc	Bảo	03/09/1998	4617				
11	1521080097	Nguyễn Ngọc	Bảo	05/05/1997	4618				
12	1421070008	Lê Khắc	Bình	20/03/1996	4619				
13	1521030057	Lê Thanh	Bình	20/12/1997	4620				
14	1421070009	Nguyễn Ninh	Bình	25/12/1996	4621				
15	1624010338	Phạm Đức	Cảnh	28/12/1993	4622				
16	1634010006	Trần Thị Kim	Chi	08/12/1994	4623				
17	1421040026	Lương Đại	Chiều	12/02/1996	4624				
18	1521080079	Hoàng Minh	Chính	01/11/1996	4625				
19	1321020029	Phan Thanh	Chuyển	26/02/1995	4626				
20	1321060428	Phạm Văn	Công	24/04/1992	4627				
21	1321060034	Đoàn Ngọc	Cuông	10/03/1995	4628				
22	1421070020	Đào Quốc	Cường	12/05/1996	4629				
23	1521010203	Phan Thế	Cường	25/03/1997	4630				
24	1321010092	Cao Đức	Đại	20/01/1995	4631				
25	1321070465	Nguyễn Hải	Đăng	12/10/1995	4632				
26	1521030031	Nguyễn Tiến	Đạt	01/11/1997	4633				
27	1121010079	Phạm Đức	Đạt	02/01/1992	4634				
28	1421070201	Phùng Bá	Diện	26/02/1996	4635				
29	1421070032	Mai Văn	Đình	10/10/1995	4636				
30	1221060209	Vũ Xuân	Đức	02/09/1994	4637				
31	1624010891	Đỗ Thị Thuý	Dung	20/04/1998	4638				
32	1521010251	Nguyễn Như	Dũng	25/02/1997	4639				
33	1321030487	Hoàng Đại	Dương	29/11/1995	4640				
34	1321020058	Trần Khánh	Dương	06/11/1995	4641				
35	1521060290	Nguyễn Ngọc	Duy	16/06/1997	4642				
36	1421010061	Nguyễn Phương	Duy	28/07/1996	4643				
37	1321010087	Đỗ Văn	Duyên	02/11/1995	4644				
38	1521080030	Trịnh Thị Hương	Giang	08/10/1997	4645				
39	1221040078	Ngô Hồng	Hải	26/11/1994	4646				
40	1621060112	Trần Đức	Hải	30/06/1998	4647				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020301 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1321020088	Trần Hoàng	Hải	04/12/1994	4648				
42	1524010085	Nguyễn Thị Thu	Hằng	12/08/1997	4649				
43	1521050056	Cồ Thị	Hạnh	04/08/1997	4650				
44	1624010785	Ngô Thị	Hạnh	07/07/1998	4651				
45	1421040096	Vũ Đức	Hạnh	17/08/1996	4652				
46	1521010004	Bùi Thị Thu	Hiền	10/04/1997	4653				
47	1421010116	Đoàn Ngọc	Hiếu	25/03/1996	4654				
48	1321030592	Phạm Hữu	Hoàn	20/01/1991	4655				
49	1621060143	Đỗ Đức	Hoàng	21/12/1998	4656				
50	1321030085	Ngô Huy	Hoàng	07/08/1995	4657				
51	1611060060	Nguyễn Đức	Hoàng	02/05/1998	4658				
52	1621060003	Nguyễn Huy	Hoàng	14/10/1995	4659				
53	1421030080	Nguyễn Minh	Hoàng	06/12/1996	4660				
54	1421040117	Nguyễn Văn	Hoàng	07/03/1996	4661				
55	1411060066	Nguyễn Vũ	Hoàng	14/07/1996	4662				
56	1321010164	Nguyễn Văn	Học	28/11/1995	4663				
57	1321040116	Nguyễn Viết	Hùng	25/04/1995	4664				
58	1521060349	Tạ Việt	Hùng	26/11/1997	4665				
59	1321030095	Trần Việt	Hùng	05/09/1995	4666				
60	1521080020	Vũ Thanh	Hùng	03/07/1995	4667				
61	1321020121	Hà Văn	Hưng	27/11/1995	4668				
62	1521060307	Nguyễn Quốc	Hưng	05/11/1997	4669				
63	1421010153	Trần Văn	Hưng	01/10/1996	4670				
64	1624010867	Phí Thị Lan	Hương	23/10/1998	4671				
65	1624010127	Hoàng Thị	Hường	26/05/1998	4672				
66	1634010097	Hoàng Thị	Hường	02/09/1989	4673				
67	1621050349	Trần Quốc	Huy	02/06/1998	4674				
68	1424010071	Nguyễn Thị Thu	Huyền	31/12/1996	4675				
69	1321020571	Trần Thị	Huyền	20/12/1995	4676				
70	1321060150	Ngô Huy	Huỳnh	21/08/1995	4677				
71	1621050318	Giang Văn	Khánh	21/11/1996	4678				
72	1421010165	Nguyễn Văn	Khánh	21/06/1996	4679				
73	1321060529	Vũ Duy	Khánh	16/11/1995	4680				
74	1321010198	Phùng Duy	Khương	28/03/1995	4681				
75	1321030666	Nguyễn Duy	Kiên	16/05/1995	4682				
76	1411060099	Phạm Trung	Kiên	24/03/1996	4683				
77	1411030035	Nguyễn Thị Thanh	Lam	27/03/1996	4684				
78	1621010309	Đàm Ngọc	Lâm	16/07/1997	4685				
79	1521010335	Đỗ Văn	Lâm	29/08/1997	4686				
80	1521030039	Nguyễn Xuân	Lâm	19/04/1997	4687				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020301 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1221010203	Đàm Tuấn	Linh	16/12/1994	4688				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020301 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621080713	Đinh Thị Thùy	Linh	21/03/1998	4689				
2	1624010313	Hồ Thuỳ	Linh	17/11/1998	4690				
3	1624010880	Mai Nguyễn Bảo	Linh	03/01/1998	4691				
4	1321010212	Nguyễn Nhật	Linh	29/05/1995	4692				
5	1521080352	Trịnh Thị	Loan	08/08/1997	4693				
6	1634010014	Phạm Đức	Long	03/11/1994	4694				
7	1524010084	Trần Đức	Lương	27/10/1997	4695				
8	1421010188	Tăng Văn	Luyện	18/08/1996	4696				
9	1521020089	Đỗ Quang	Mạnh	14/06/1996	4697				
10	1421011229	Đỗ Ngọc	Minh	07/11/1996	4698				
11	1621050126	Khuong Xuân	Nam	02/07/1998	4699				
12	1421030137	Nguyễn Phương	Nam	05/12/1996	4700				
13	1624010716	Bùi Thị Quỳnh	Nga	26/12/1998	4701				
14	1321080065	Phạm Trọng	Nghĩa	15/02/1995	4702				
15	1421010219	Đặng Thị	Ngọc	08/08/1996	4703				
16	1524010192	Nguyễn Thủy	Ngọc	27/10/1996	4704				
17	1521030111	Lương Khánh	Nhật	08/11/1996	4705				
18	1421010233	Trần Thị	Nhuận	16/10/1996	4706				
19	1624010525	Đỗ Thị	Nhung	09/11/1998	4707				
20	1621060782	Phan Thanh	Phong	20/07/1998	4708				
21	1421030491	Cao Xuân	Phúc	14/09/1996	4709				
22	1441030012	Trương Thị Thu	Phương		4710				
23	1321020680	Bùi Minh	Quân	31/05/1995	4711				
24	1521020120	Vũ Hồng	Quân	09/06/1997	4712				
25	1621060587	Vũ Huy	Quý	12/01/1998	4713				
26	1521030298	Bùi Ngọc	Quyền	20/07/1997	4714				
27	1421010277	Trần Phong	Quyền	25/06/1996	4715				
28	1621010339	Nguyễn Đỗ	Quyết	04/06/1998	4716				
29	1521010064	Phạm Thị Như	Quỳnh	30/05/1997	4717				
30	1121010268	Vũ Mạnh	Quỳnh	02/05/1993	4718				
31	1321040230	Lô Quang	Son	08/10/1995	4719				
32	1421040234	Nguyễn Văn	Sỹ	21/01/1995	4720				
33	1521040152	Lương Duy	Tân	28/01/1997	4721				
34	1321040243	Nguyễn Ngọc	Tân	22/01/1995	4722				
35	1321070167	Dương Văn	Thái	20/02/1995	4723				
36	1221010309	Trần Tiên	Thái	23/08/1994	4724				
37	1421030559	Nguyễn Duy	Thắng	02/09/1996	4725				
38	1221070142	Trần Ngọc	Thanh	13/10/1994	4726				
39	1524010128	Bùi Công	Thành	04/08/1997	4727				
40	1421080354	Nguyễn Tiến	Thành	19/07/1996	4728				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020301 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1421010299	Phạm Vũ Tiến	Thành	19/05/1996	4729				
42	1321020715	Đỗ Thu	Thảo	02/06/1995	4730				
43	1521070088	Hoàng Chí	Thảo	14/11/1997	4731				
44	1421020570	Nguyễn Thị Phương	Thảo	18/11/1996	4732				
45	1621010040	Trần Thị Phương	Thảo	08/02/1998	4733				
46	1521010022	Lê Đức	Thiện	13/09/1997	4734				
47	1421070121	Nguyễn Đức	Thiện	25/08/1996	4735				
48	1321030864	Trần Xuân	Thiệu	15/09/1995	4736				
49	1411030059	Giang Sơn	Thịnh	20/05/1996	4737				
50	1321020738	Lê Đình	Thuật	21/02/1994	4738				
51	1624010353	Trần Thị	Thương	17/12/1998	4739				
52	1621060970	Nguyễn Văn	Thường	26/08/1998	4740				
53	1321050744	Vũ Thị	Thường	19/09/1995	4741				
54	1521020070	Tổng Thị Thanh	Thủy	26/01/1997	4742				
55	1624010906	Vũ Thị	Thủy	22/12/1998	4743				
56	1221050100	Vũ Xuân	Thủy	07/10/1994	4744				
57	1421010339	Vũ Đức	Tính	17/10/1996	4745				
58	1621060529	Phùng Văn	Toàn	03/01/1998	4746				
59	1521050081	Đào Minh	Toàn	26/12/1997	4747				
60	1321010365	Nguyễn Văn	Toàn	14/05/1995	4748				
61	1321060642	Dương Văn	Ton	05/05/1994	4749				
62	1521030392	Nguyễn Thị Huyền	Trang	08/03/1997	4750				
63	1621010058	Lê Thị Kiều	Trình	27/04/1998	4751				
64	1421010347	Phạm Đức	Trọng	16/10/1996	4752				
65	1521060387	Phạm Minh	Trọng	13/08/1997	4753				
66	1511080001	Nguyễn Tuấn	Tú	04/06/1997	4754				
67	1321010392	Đào Minh	Tuấn	19/02/1995	4755				
68	1521010370	Hoàng Anh	Tuấn	30/08/1997	4756				
69	1421070136	Nguyễn Anh	Tuấn	23/04/1996	4757				
70	1421030223	Nguyễn Mạnh	Tuấn	01/11/1996	4758				
71	1621060161	Nguyễn Sỹ	Tuấn	17/05/1998	4759				
72	1321080540	Nguyễn Văn	Tuấn	12/11/1995	4760				
73	1621060297	Triệu Văn	Tuấn	06/10/1998	4761				
74	1321060667	Đoàn Minh	Tùng	06/08/1994	4762				
75	1521010090	Nguyễn Thanh	Tùng	08/10/1997	4763				
76	1521010095	Nguyễn Thanh	Tùng	20/02/1997	4764				
77	1521080365	Phạm Thanh	Tùng	04/02/1997	4765				
78	1521080283	Vũ Thanh	Tùng	20/07/1996	4766				
79	1634010024	Đỗ Thị Hồng	Tươi	08/08/1990	4767				
80	1634010033	Phạm Thị	Tuyền	02/10/1989	4768				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4020301 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1521050162	Nguyễn Thị Tô	Uyên	31/03/1997	4769				
82	1621060661	Nguyễn Đình	Văn	19/05/1998	4770				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4030114 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ sở khai thác lộ thiên

Ngày thi: **01/08/2017**Phòng thi: **HNAD401**

Tiết bắt đầu:

6Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321030004	Lê Thị Vân	Anh	30/01/1994	4771				
2	1421070005	Nguyễn Dũng	Anh	16/12/1996	4772				
3	1321040010	Trần Đức	Anh	05/09/1995	4773				
4	1321010036	Phạm Bá	Biên	15/04/1995	4774				
5	1321070022	Nguyễn Thiện	Công	13/07/1995	4775				
6	1421070029	Nguyễn Huy	Đạt	02/02/1996	4776				
7	1321030512	Bùi Văn	Độ	08/12/1995	4777				
8	1321070051	Phạm Văn	Đông	22/09/1995	4778				
9	1321030518	Cô Như	Đức	30/06/1992	4779				
10	1421030318	Hoàng Trọng	Đức	26/02/1996	4780				
11	1321070055	Nguyễn Quý	Đức	08/10/1994	4781				
12	1321060085	Phạm Văn	Đức	19/09/1995	4782				
13	1321060051	Nguyễn Anh	Dũng	01/01/1995	4783				
14	0821020147	Nguyễn Văn	Dũng	13/04/1991	4784				
15	1421030303	Đỗ Thế	Duy	17/01/1996	4785				
16	1421040055	Nguyễn Lê	Duy	01/05/1993	4786				
17	1321010135	Bùi Thái	Hải	04/05/1995	4787				
18	1221030054	Đào Phan	Hiền	28/09/1994	4788				
19	1421030073	Vũ Quang	Hiếu	16/08/1996	4789				
20	1321030592	Phạm Hữu	Hoàn	20/01/1991	4790				
21	1421030087	Lưu Doãn	Hùng	18/08/1996	4791				
22	1421010142	Nguyễn Việt	Hùng	02/10/1996	4792				
23	1421030378	Trần Ngọc	Hùng	15/09/1996	4793				
24	1421060141	Nguyễn Ngọc	Hưng	24/01/1993	4794				
25	1421010156	Lê Thị	Hường	27/09/1996	4795				
26	1521030236	Đoàn Ngọc	Huy	03/07/1997	4796				
27	1321020116	Hoàng Văn	Huy	13/08/1995	4797				
28	1424010066	Lê Gia	Huy	09/08/1996	4798				
29	1421030097	Nguyễn Văn	Huỳnh	02/11/1996	4799				
30	1221010178	Nguyễn Đỗ	Khiêm	08/11/1994	4800				
31	1321020133	Ngô Ngọc	Lam	09/10/1995	4801				
32	1421070068	Nông Hoàng	Lâm	26/08/1996	4802				
33	1321030130	Nguyễn Việt	Long	17/11/1994	4803				
34	1524010084	Trần Đức	Lương	27/10/1997	4804				
35	1321030704	Bùi Vũ	Lượng	22/10/1995	4805				
36	1421060172	Phạm Đức	Mạnh	29/07/1995	4806				
37	1321030713	Trần Duy	Mạnh	02/02/1995	4807				
38	1321020261	Đào Nhật	Minh	09/12/1995	4808				
39	1321020147	Lê Văn	Minh	20/01/1995	4809				
40	1321030724	Trần Công	Minh	11/12/1995	4810				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4030114 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ sở khai thác lộ thiên

Ngày thi: **01/08/2017**Phòng thi: **HNAD401**

Tiết bắt đầu:

6Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1421030134	Đào Hồng	Nam	22/01/1996	4811				
42	1421070089	Đỗ Văn	Nam	01/09/1996	4812				
43	1321040180	Nguyễn Đình	Nam	19/07/1995	4813				
44	1321020155	Nguyễn Giang	Nam	12/05/1995	4814				
45	1421030145	Đoàn Đắc	Nhất	30/12/1996	4815				
46	1424010481	Nguyễn Thị	Nhung	21/09/1996	4816				
47	1321060214	Nguyễn Văn	Phú	16/01/1995	4817				
48	1321020671	Trần Văn	Phúc	04/11/1994	4818				
49	1424010155	Trịnh Hà	Phượng	06/08/1996	4819				
50	1424010159	Nguyễn Thị	Phượng	04/09/1996	4820				
51	1421010263	Đào Tiến	Quân	14/09/1996	4821				
52	1421030154	Bùi Duy	Quang	16/01/1996	4822				
53	1421030162	Lê Thị	Sinh	13/08/1996	4823				
54	1321060282	Lê Quang	Thắng	20/04/1995	4824				
55	1321060268	Lê Văn	Thành	07/03/1995	4825				
56	1421030201	Đặng Văn	Thực	26/11/1995	4826				
57	1424010192	Hoàng Thị Thanh	Thúy	14/10/1996	4827				
58	1321030246	Nguyễn Xuân	Trường	24/08/1994	4828				
59	1321010386	Ngô Văn	Tú	11/12/1995	4829				
60	1321020242	Nguyễn Việt	Tuấn	17/08/1995	4830				
61	1321060337	Đỗ Tiến	Tùng	02/11/1994	4831				
62	1321030985	Nguyễn Văn	Vinh	11/03/1995	4832				
63	1321060349	Nguyễn Hoài	Vũ	02/04/1995	4833				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4030114 Nhóm: N02 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ sở khai thác lộ thiên

Ngày thi: **01/08/2017**Phòng thi: **HNAD401**

Tiết bắt đầu:

6Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1524010108	Phạm Việt	An	20/04/1997	4834				
2	1524010113	Đinh Thị Kim	Anh	27/11/1997	4835				
3	1521041005	Đỗ Tuấn	Anh	25/09/1997	4836				
4	1524010044	Trần Thị Lan	Anh	31/12/1997	4837				
5	1321060024	Nguyễn Thái	Bình	04/08/1995	4838				
6	1524010082	Ngô Thị Minh	Châu	28/04/1997	4839				
7	1421030044	Phạm Tiến	Đạt	14/01/1996	4840				
8	1421030320	Nguyễn Anh	Đức	12/02/1996	4841				
9	1324010050	Lê Quốc	Dũng	30/03/1995	4842				
10	1321070037	Trần Đức	Duy	18/03/1995	4843				
11	1524010112	Đinh Thị Hương	Giang	15/11/1997	4844				
12	1524010022	Nguyễn Thu	Hà	21/02/1997	4845				
13	1524010079	Nguyễn Thị Diễm	Hằng	15/10/1997	4846				
14	1524010114	Vũ Quý	Hoàn	09/03/1997	4847				
15	1524010059	Đoàn Văn	Hùng	12/04/1996	4848				
16	1321030613	Nguyễn Việt	Hùng	10/06/1994	4849				
17	1524010032	Nguyễn Thanh	Hương	01/01/1997	4850				
18	1524010440	Nguyễn Thị	Hương	17/03/1997	4851				
19	1524010446	Phạm Doãn	Huy	10/11/1996	4852				
20	1524010089	Nguyễn Thị Thu	Huyền	06/11/1997	4853				
21	1421030118	Đoàn Văn	Linh	28/10/1996	4854				
22	1524010091	Nguyễn Thị Diệu	Linh	10/12/1997	4855				
23	1524010006	Nguyễn Phú	Lợi	20/10/1997	4856				
24	1524010088	Đỗ Quang	Minh	21/12/1997	4857				
25	1421030132	Nguyễn Tuấn	Minh	01/12/1996	4858				
26	1524010048	Nguyễn Hải	Nam	20/11/1997	4859				
27	1524010060	Phạm Hồng	Nam	02/06/1997	4860				
28	1524010023	Nguyễn Thị	Ngân	24/05/1996	4861				
29	1424010134	Ngô Thị	Ngọc	14/10/1996	4862				
30	1524010098	Nguyễn Xuân	Phúc	15/12/1997	4863				
31	1524010109	Nguyễn Thị Hồng	Phước	17/06/1997	4864				
32	1421040217	Trần Thu	Phương	03/10/1996	4865				
33	1424010503	Trịnh Thị	Phương	06/09/1996	4866				
34	1524010063	Nguyễn Thị	Soan	02/04/1997	4867				
35	1524010014	Vương Đức	Thành	17/10/1997	4868				
36	1421030183	Lưu Thị Thu	Thảo	28/07/1996	4869				
37	1524010007	Nguyễn Thị	Thu	10/04/1997	4870				
38	1524010087	Lê Thị	Trang	02/10/1997	4871				
39	1524010080	Nguyễn Thu	Trang	07/09/1997	4872				
40	1524010013	Ngô Việt	Trung	03/02/1996	4873				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4030114 Nhóm: N02 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ sở khai thác lộ thiên

Ngày thi: **01/08/2017**Phòng thi: **HNAD401**

Tiết bắt đầu:

6Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1524010010	Nguyễn Thanh	Truyền	22/01/1997	4874				
42	1524010026	Nguyễn Anh	Tuấn	28/10/1996	4875				
43	1524010015	Nguyễn Tuấn	Vũ	03/05/1997	4876				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4030208 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Kỹ thuật môi trường mỏ hầm lò

Ngày thi: **04/08/2017**Phòng thi: **HNAA305**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421040355	Nguyễn Trường	An	04/03/1996	4877				
2	1321040004	Nguyễn Hoàng	Anh	15/03/1995	4878				
3	1421040014	Lâm Xuân	Bắc	02/08/1996	4879				
4	1021040013	Hoàng Trọng	Bách	17/07/1990	4880				
5	1421040377	Nguyễn Văn	Cần	14/07/1996	4881				
6	1221040336	Nguyễn Việt	Đa	27/09/1994	4882				
7	1521040211	Mai Văn	Đại	01/03/1996	4883				
8	1321040459	Trần Ngọc	Đại	14/09/1995	4884				
9	1421040040	Đỗ Trọng	Dân	17/12/1996	4885				
10	1421040070	Đào Vũ	Đăng	26/03/1996	4886				
11	1321040060	Hoàng Thành	Đạt	09/08/1995	4887				
12	1321040066	Trần Văn	Đạt	11/08/1995	4888				
13	1521040055	Nguyễn Văn	Điệp	11/06/1995	4889				
14	1321040441	Nguyễn Cảnh	Dinh	01/08/1995	4890				
15	1321040072	Bùi Minh	Đức	01/08/1995	4891				
16	1421040060	Lê Huy	Dương	01/11/1996	4892				
17	1321040054	Nguyễn Thanh	Dương	06/11/1995	4893				
18	1321040451	Lê Trương	Duy	19/05/1994	4894				
19	1521040001	Bùi Thị Thu	Hà	28/08/1997	4895				
20	1321040086	Phạm Thanh	Hai	09/03/1996	4896				
21	1421040409	Đào Quang	Hải	07/02/1996	4897				
22	1421040105	Hoàng Văn	Hiệp	30/10/1996	4898				
23	1321040098	Trần Trung	Hiếu	05/02/1995	4899				
24	1421040119	Quách Duy	Hoàng	18/09/1996	4900				
25	1321040107	Vũ Minh	Hoàng	13/11/1994	4901				
26	1421040123	Hoàng Huy	Hùng	12/09/1996	4902				
27	1321040137	Đinh Văn	Hường	26/11/1994	4903				
28	1421040132	Nguyễn Quốc	Huy	29/07/1996	4904				
29	1321040127	Bùi Thị	Huyền	30/04/1995	4905				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4030208 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Kỹ thuật môi trường mỏ hầm lò

Ngày thi: **04/08/2017**Phòng thi: **HNAB305**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421040150	Nguyễn Duy	Khánh	25/08/1996	4906				
2	1421040439	Cao Ngọc	Lê	16/08/1996	4907				
3	1421040441	Nguyễn Thị Kim	Liên	20/01/1996	4908				
4	1421040164	Mai Nguyễn Nhật	Linh	23/02/1996	4909				
5	1421040170	Phạm Đức	Long	12/06/1996	4910				
6	1321050123	Vũ Đức	Long	20/01/1995	4911				
7	1421040181	Nguyễn Đức	Mạnh	20/11/1996	4912				
8	1421040182	Phương Tiến	Mạnh	30/10/1996	4913				
9	1421040184	Võ Hồng	Mạnh	28/10/1996	4914				
10	1421040187	Mai Ngọc	Minh	02/08/1995	4915				
11	1321040548	Phạm Hồng	Phong	01/11/1995	4916				
12	1421040001L	Tiphathai	POMMALA	01/03/1993	4917				
13	1321040215	Bùi Nhật	Quang	19/08/1995	4918				
14	1321040245	Trịnh Minh	Tấn	29/11/1995	4919				
15	1421040255	Nguyễn Tiến	Thành	28/06/1996	4920				
16	1421040263	Phạm Thị Thanh	Thảo	05/04/1996	4921				
17	1321040268	Nguyễn Vũ	Thi	16/06/1995	4922				
18	1521040165	Đỗ Văn	Thiện	30/06/1997	4923				
19	1321040277	Đinh Công	Thịnh	24/10/1995	4924				
20	1321040281	Nguyễn Đức	Thọ	03/11/1994	4925				
21	1321040288	Trịnh Văn	Thư	25/11/1995	4926				
22	1421040524	Lê Xuân	Thuần	10/03/1995	4927				
23	1321040285	Vũ Văn	Thủy	15/06/1995	4928				
24	1321040314	Nguyễn Văn	Tú	18/01/1995	4929				
25	1421040323	Nguyễn Quý	Tuấn	30/07/1996	4930				
26	1321040319	Phạm Minh	Tuấn	12/02/1995	4931				
27	1421040339	Hoàng Văn	Tuyên	24/03/1996	4932				
28	1321040325	Phạm Văn	Tuyển	20/11/1995	4933				
29	1321040328	Đào Duy	Việt	22/05/1995	4934				
30	1321040618	Nguyễn Thị	Yến	02/02/1995	4935				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4030222 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ sở khai thác hầm lò

Ngày thi: **02/08/2017**Phòng thi: **HNAD401**

Tiết bắt đầu:

9Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1524010108	Phạm Việt	An	20/04/1997	4936				
2	1524010113	Đinh Thị Kim	Anh	27/11/1997	4937				
3	1521041005	Đỗ Tuấn	Anh	25/09/1997	4938				
4	1421020006	Lê Tuấn	Anh	18/03/1996	4939				
5	1421070005	Nguyễn Dũng	Anh	16/12/1996	4940				
6	1321060012	Nguyễn Tuấn	Anh	24/02/1994	4941				
7	1524010044	Trần Thị Lan	Anh	31/12/1997	4942				
8	1521030003	Bùi Ngọc	Bảo	20/08/1996	4943				
9	1321030428	Vương Quốc	Bảo	15/07/1995	4944				
10	1524010082	Ngô Thị Minh	Châu	28/04/1997	4945				
11	1321040022	Phùng Lê	Chi	09/05/1995	4946				
12	1521060373	Trần Đức	Công	21/06/1997	4947				
13	1321080011	Nguyễn Kim	Cường	30/07/1995	4948				
14	1321050033	Nguyễn Mạnh	Cường	26/10/1992	4949				
15	1321030467	Vũ Mạnh	Cường	14/09/1995	4950				
16	1321080425	Lê Thúy	Đạt	03/04/1995	4951				
17	1421070029	Nguyễn Huy	Đạt	02/02/1996	4952				
18	1321050055	Nguyễn Tiến	Đạt	14/05/1995	4953				
19	1421060069	Phạm Quốc	Đạt	15/02/1996	4954				
20	1421010085	Lê Xuân	Đức	03/10/1996	4955				
21	1321060085	Phạm Văn	Đức	19/09/1995	4956				
22	1321060049	Lưu Anh	Dũng	18/01/1995	4957				
23	1321020504	Trần Đại	Đường	07/10/1995	4958				
24	1524010112	Đinh Thị Hương	Giang	15/11/1997	4959				
25	1321030529	Đào Đức	Hà	03/01/1994	4960				
26	1524010022	Nguyễn Thu	Hà	21/02/1997	4961				
27	1321010135	Bùi Thái	Hải	04/05/1995	4962				
28	1521030213	Nguyễn Văn	Hải	27/06/1997	4963				
29	1321030550	Phạm Văn	Hải	07/01/1995	4964				
30	1321020088	Trần Hoàng	Hải	04/12/1994	4965				
31	1321060103	Trần Văn	Hải	16/11/1995	4966				
32	1524010269	Vũ Ngọc	Hân	05/01/1996	4967				
33	1524010079	Nguyễn Thị Diễm	Hằng	15/10/1997	4968				
34	1521030223	Phạm Minh	Hiếu	23/06/1997	4969				
35	1321030076	Trần Văn	Hiếu	23/06/1995	4970				
36	1424010344	Nguyễn Thị Lệ	Hòa	01/06/1996	4971				
37	1424010056	Nguyễn Thị	Hoài	07/03/1995	4972				
38	1524010114	Vũ Quý	Hoàn	09/03/1997	4973				
39	1321060499	Hồ Văn	Hoàng	08/03/1995	4974				
40	1321060131	Nguyễn Thị	Huệ	20/06/1995	4975				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4030222 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ sở khai thác hầm lò

Ngày thi: **02/08/2017**Phòng thi: **HNAD401**

Tiết bắt đầu:

9Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1421040143	Nguyễn Mai	Hương	31/12/1996	4976				
42	1524010032	Nguyễn Thanh	Hương	01/01/1997	4977				
43	1524010440	Nguyễn Thị	Hương	17/03/1997	4978				
44	1421010395D	Quách Thị	Hương	15/06/1994	4979				
45	1521030236	Đoàn Ngọc	Huy	03/07/1997	4980				
46	1521030047	Hồ Trọng	Huy	21/05/1997	4981				
47	1524010446	Phạm Doãn	Huy	10/11/1996	4982				
48	1524010089	Nguyễn Thị Thu	Huyền	06/11/1997	4983				
49	1321020129	Nguyễn Đức	Khiêm	16/04/1994	4984				
50	1321070547	Phạm Minh	Khôi	01/10/1995	4985				
51	1321080048	Vũ Ngọc	Khôi	12/10/1995	4986				
52	1321020605	Đỗ Thị Thùy	Linh	18/02/1995	4987				
53	1524010091	Nguyễn Thị Diệu	Linh	10/12/1997	4988				
54	1524010006	Nguyễn Phú	Lợi	20/10/1997	4989				
55	1321030130	Nguyễn Việt	Long	17/11/1994	4990				
56	1521030076	Nguyễn Mạnh	Lực	07/02/1997	4991				
57	1524010084	Trần Đức	Lương	27/10/1997	4992				
58	1321030704	Bùi Vũ	Lượng	22/10/1995	4993				
59	1321020622	Phạm Thị Trà	Mai	19/01/1995	4994				
60	1321020146	Nguyễn Văn	Mạnh	15/10/1995	4995				
61	1524010088	Đỗ Quang	Minh	21/12/1997	4996				
62	1321010233	Nguyễn Việt	Minh	04/11/1995	4997				
63	1321020638	Nguyễn Kiều	My	24/12/1995	4998				
64	1321020155	Nguyễn Giang	Nam	12/05/1995	4999				
65	1524010048	Nguyễn Hải	Nam	20/11/1997	5000				
66	1524010060	Phạm Hồng	Nam	02/06/1997	5001				
67	1521030049	Võ Hoài	Nam	07/01/1997	5002				
68	1524010023	Nguyễn Thị	Ngân	24/05/1996	5003				
69	1424010131	Đinh Thị	Ngọc	12/03/1996	5004				
70	1421040200	Hoàng Thị Bảo	Ngọc	28/09/1996	5005				
71	1524010098	Nguyễn Xuân	Phúc	15/12/1997	5006				
72	1524010109	Nguyễn Thị Hồng	Phước	17/06/1997	5007				
73	1321020685	Nguyễn Trọng	Quân	28/04/1995	5008				
74	1521030295	Lê Duy	Quý	16/05/1997	5009				
75	1321040222	Đỗ Bảo	Quyết	09/07/1995	5010				
76	1321020178	Trần Văn	Quỳnh	07/10/1995	5011				
77	1524010063	Nguyễn Thị	Soan	02/04/1997	5012				
78	1321060246	Phan Hữu	Sơn	03/10/1995	5013				
79	1121020174	Nguyễn Văn	Sỹ	23/03/1993	5014				
80	1321020185	Vũ Văn	Tài	20/02/1994	5015				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4030222 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ sở khai thác hầm lò

Ngày thi: **02/08/2017**Phòng thi: **HNAD401**

Tiết bắt đầu:

9Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1321060282	Lê Quang	Thắng	20/04/1995	5016				
82	1321060289	Vũ Minh	Thắng	24/12/1995	5017				
83	1524010014	Vương Đức	Thành	17/10/1997	5018				
84	1321010341	Lê Ngọc	Thịnh	21/09/1994	5019				
85	1321020729	Nguyễn Văn	Thịnh	01/01/1995	5020				
86	1524010007	Nguyễn Thị	Thu	10/04/1997	5021				
87	1421030203	Phạm Hữu	Thường	11/08/1995	5022				
88	1524010050	Lê Thị	Trang	21/11/1995	5023				
89	1524010080	Nguyễn Thu	Trang	07/09/1997	5024				
90	1221020159	Phạm Đức	Trọng	09/09/1994	5025				
91	1524010013	Ngô Việt	Trung	03/02/1996	5026				
92	1321030919	Viên Văn	Trung	22/01/1995	5027				
93	1321030246	Nguyễn Xuân	Trường	24/08/1994	5028				
94	1524010010	Nguyễn Thanh	Truyền	22/01/1997	5029				
95	1524010026	Nguyễn Anh	Tuấn	28/10/1996	5030				
96	1631060007	Trần Minh	Tuấn	24/01/1992	5031				
97	1321040322	Đỗ Xuân	Tùng	17/10/1994	5032				
98	1321010403	Hoàng	Tùng	02/02/1995	5033				
99	1421060303	Phạm Đức	Tùng	14/08/1996	5034				
100	1321020805	Bùi Quốc	Văn	12/04/1993	5035				
101	1321030985	Nguyễn Văn	Vinh	11/03/1995	5036				
102	1524010015	Nguyễn Tuấn	Vũ	03/05/1997	5037				
103	1321040617	Bùi Hải	Yến	12/06/1995	5038				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4030422 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ sở tuyển khoáng

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAA305

Tiết bắt đầu:

1

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1524010362	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	02/02/1997	5039				
2	1521040191	Nguyễn Trọng Việt	Anh	06/02/1997	5040				
3	1421010014	Nguyễn Tuấn	Anh	01/01/1996	5041				
4	1321010018	Phạm Tuấn	Anh	26/10/1995	5042				
5	1524010371	Trần Thị Ngọc	ánh	06/10/1997	5043				
6	1321040015	Đỗ Xuân	Bách	24/09/1995	5044				
7	1421060025	Phạm Văn	Cảnh	22/01/1996	5045				
8	1521040072	Nguyễn Hữu	Chiến	16/05/1997	5046				
9	1321040030	Phạm Văn	Công	16/01/1994	5047				
10	1321050053	Chu Công	Đạt	24/01/1995	5048				
11	1321040068	Tạ Trung	Định	17/10/1995	5049				
12	1321020077	Đặng Xuân	Giang	12/08/1995	5050				
13	1321030064	Nguyễn Quang	Hải	27/09/1995	5051				
14	1421040094	Phạm Xuân	Hải	26/09/1996	5052				
15	1321070490	Hoàng Chiến	Hào	16/09/1994	5053				
16	1321070495	Trần Công	Hậu	07/04/1995	5054				
17	1521060080	Phạm Nam	Hiền	06/04/1995	5055				
18	1321070512	Đào Huy	Hoàng	31/01/1995	5056				
19	1321060137	Nguyễn Văn	Hùng	22/06/1995	5057				
20	1521040254	Nguyễn Xuân	Khải	06/12/1997	5058				
21	1321030107	Lê Quốc	Khánh	02/09/1995	5059				
22	1421050453	Nguyễn Văn	Khiêm	10/09/1995	5060				
23	1321070547	Phạm Minh	Khôi	01/10/1995	5061				
24	1421030423	Nguyễn Tùng	Lân	24/07/1996	5062				
25	1521040059	Đào Thị	Lệ	15/12/1997	5063				
26	1421050483	Vũ Diệu	Linh	27/08/1996	5064				
27	1521040004	Nguyễn Duy	Long	22/02/1997	5065				
28	1321060186	Lê Trần Quang	Minh	05/07/1995	5066				
29	1521040266	Nguyễn Văn	Minh	16/05/1997	5067				
30	1321070602	Nguyễn Đoàn	Nam	19/04/1994	5068				
31	1321030168	Đào Thiện	Nguyên	17/07/1995	5069				
32	1421010231	Đinh Văn	Nhân	27/09/1996	5070				
33	1321030773	Nguyễn Trọng	Pháp	17/07/1995	5071				
34	1321030775	Phan Thanh	Phong	19/12/1995	5072				
35	1521040025	Từ Bá	Phúc	08/02/1997	5073				
36	1221030124	Nguyễn Anh	Quân	24/11/1993	5074				
37	1524010154	Đặng Thị Thúy	Quỳnh	09/11/1997	5075				
38	1021020542	Nguyễn Xuân	Quỳnh	08/01/1991	5076				
39	1321050688	Phạm Văn	Sử	03/02/1994	5077				
40	1321070161	Vũ Mạnh	Tài	20/07/1995	5078				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4030422 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Cơ sở tuyển khoáng

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAB305

Tiết bắt đầu:

1

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321030200	Đỗ Duy	Tân	19/08/1995	5079				
2	1521040301	Trần Văn	Thái	21/02/1997	5080				
3	1421030555	Đoàn Xuân	Thắng	08/12/1996	5081				
4	1521040031	Nguyễn Quang	Thành	25/10/1997	5082				
5	1321070187	Nguyễn Bá	Thương	08/05/1995	5083				
6	1221070154	Trần Xuân	Tín	16/07/1993	5084				
7	1321030895	Nguyễn Ngọc Thanh	Toàn	24/11/1993	5085				
8	1321040294	Trương Văn	Toàn	25/05/1995	5086				
9	1521040081	Nguyễn Thị Thùy	Trang	09/09/1997	5087				
10	1521040319	Đặng Quang	Trung	01/09/1997	5088				
11	1521040086	Nguyễn Thành	Trung	22/02/1997	5089				
12	1321060321	Dương Đức	Trương	27/10/1995	5090				
13	1321010393	Hoàng Phan	Tuấn	26/11/1995	5091				
14	1521040033	Nguyễn Minh	Tuấn	08/09/1997	5092				
15	1321020790	Trần Quốc	Tuấn	16/02/1995	5093				
16	1421080420	Khuất Việt	Tùng	03/09/1995	5094				
17	1421040337	Trần Anh	Tùng	01/11/1996	5095				
18	1421020190	Trần Văn	Tùng	02/04/1995	5096				
19	1321060351	Nguyễn Văn	Vượng	04/01/1994	5097				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4030502 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Sức bền vật liệu 2 + BTL2

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAB501

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421070169	Nguyễn Bá	Ân	17/06/1995	5098				
2	1421070151	Chu Xuân	Anh	10/06/1994	5099				
3	1421070173	Nguyễn Hiếu	Bình	21/04/1996	5100				
4	1321070422	Hoàng Văn	Chi	09/12/1995	5101				
5	1421070182	Giáp Văn	Chinh	25/07/1996	5102				
6	1321070431	Cao Văn	Công	15/04/1995	5103				
7	1421070191	Đỗ Mạnh	Cường	01/01/1996	5104				
8	1421070021	Lương Quốc	Cường	23/09/1996	5105				
9	1421070230	Phạm Đức	Đại	23/01/1996	5106				
10	1321070046	Hàn Viết	Đạt	09/10/1995	5107				
11	1421070144	Lê Tiến	Đạt	16/05/1996	5108				
12	1321070051	Phạm Văn	Đông	22/09/1995	5109				
13	1421070039	Trần Công	Đức	20/11/1996	5110				
14	1321070041	Trần Hải	Dương	27/05/1995	5111				
15	1321070062	Nguyễn Mạnh	Hải	15/05/1995	5112				
16	1421070042	Phùng Vũ	Hải	15/03/1996	5113				
17	1421070045	Phạm Văn	Hào	05/02/1994	5114				
18	1421070291	Nguyễn Cao	Hóa	28/01/1996	5115				
19	1321070079	Trần Văn	Hoàng	25/01/1994	5116				
20	1421070307	Nguyễn Mạnh	Hùng	05/09/1996	5117				
21	1421070319	Phạm Quang	Huy	16/10/1996	5118				
22	1421070345	Trần Văn	Lâm	30/07/1996	5119				
23	1421070070	Dương Lê	Linh	30/04/1996	5120				
24	1421070073	Hà Đức	Long	23/11/1996	5121				
25	1421070365	Lê Văn	Long	10/06/1996	5122				
26	1321070113	Nguyễn Gia	Lư	16/03/1995	5123				
27	1321070583	Nguyễn Thế	Lượng	10/07/1995	5124				
28	1321070147	Bùi Ngọc	Phương	04/09/1995	5125				
29	1421070431	Phạm Văn	Quân	24/04/1996	5126				
30	1421070098	Phạm Văn	Quang	26/12/1996	5127				
31	1421070448	Đỗ Duy	Tài	12/11/1996	5128				
32	1321070165	Phạm Ngọc	Thạch	23/07/1995	5129				
33	1321070168	Đỗ Duy	Thái	29/09/1995	5130				
34	1421070457	Vũ Đình	Thái	27/05/1996	5131				
35	1421070459	Lê Văn	Thanh	02/10/1995	5132				
36	1321070172	Bùi Tiến	Thành	07/09/1995	5133				
37	1421070476	Nguyễn Đức	Thuận	11/12/1995	5134				
38	1421070490	Nguyễn Thành	Tông	07/06/1996	5135				
39	1421070495	Lâm Văn	Trình	19/02/1996	5136				
40	1421040306	Hoàng Văn	Trung	10/03/1996	5137				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4030502 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Sức bền vật liệu 2 + BTL2

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAB501

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1421070500	Lê Minh	Trung	10/06/1996	5138				
42	1221070174	Phạm Mạnh	Tường	25/03/1994	5139				
43	1421070142	Nguyễn Đức	Việt	12/12/1996	5140				
44	1221070178	Nguyễn Hoàng	Xuyên	22/08/1994	5141				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4030503 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Sức bền vật liệu A + BTL1,2 +TN

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAB205

Tiết bắt đầu:

9

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321040001	Đỗ Tuấn	Anh	10/10/1995	5142				
2	1321060015	Trịnh Hoàng	Anh	13/03/1995	5143				
3	1321060034	Đoàn Ngọc	Công	10/03/1995	5144				
4	1321040459	Trần Ngọc	Đại	14/09/1995	5145				
5	1421040075	Đoàn Trung	Đông	25/07/1996	5146				
6	1421040059	Đặng Văn	Dương	28/10/1996	5147				
7	1421020276	Đinh Xuân	Dương	25/08/1996	5148				
8	1421040409	Đào Quang	Hải	07/02/1996	5149				
9	1321040098	Trần Trung	Hiếu	05/02/1995	5150				
10	1421040115	Bùi Văn	Hoàn	15/02/1996	5151				
11	1521010119	Nguyễn Lương	Hoàng	19/09/1997	5152				
12	1321040107	Vũ Minh	Hoàng	13/11/1994	5153				
13	1321040113	Hoàng Việt	Hùng	11/12/1995	5154				
14	1221011110	Nguyễn Hữu	Hưng	23/08/1994	5155				
15	1521010172	Phạm Văn	Linh	29/09/1997	5156				
16	1421060477	Bùi Ngọc	Long	17/03/1996	5157				
17	1421011213	Vũ Thành	Long	29/10/1996	5158				
18	1421010189	Vũ Đức	Luyện	10/05/1996	5159				
19	1521040262	Nguyễn Văn	Mạnh	22/01/1997	5160				
20	1321040174	Bùi Đức	Minh	04/08/1995	5161				
21	1321040175	Mai Sỹ	Minh	06/11/1993	5162				
22	1421040189	Nguyễn Ngọc	Minh	26/11/1995	5163				
23	1521040266	Nguyễn Văn	Minh	16/05/1997	5164				
24	1321040197	Hoàng Văn	Nhất	12/12/1995	5165				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4030503 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Sức bền vật liệu A + BTL1,2 +TN

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAD303

Tiết bắt đầu:

9

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321040204	Đỗ Văn	Phi	29/04/1995	5166				
2	1421040473	Lê Trọng	Phú	30/04/1996	5167				
3	1421040211	Phạm Hồng	Phúc	24/10/1996	5168				
4	1421040479	Mai Văn	Phùng	10/10/1995	5169				
5	1421040221	Phạm Đình	Quảng	18/11/1996	5170				
6	1421060322D	Lý Láo	San	03/07/1995	5171				
7	1321040230	Lô Quang	Son	08/10/1995	5172				
8	1421060553	Nguyễn Văn	Son	23/02/1996	5173				
9	1321040245	Trịnh Minh	Tấn	29/11/1995	5174				
10	1421040236	Nguyễn Trọng	Tạo	24/01/1996	5175				
11	1321040246	Bùi Hồng	Thái	24/11/1995	5176				
12	1421040507	Hoàng Gia	Thái	19/08/1995	5177				
13	1421040245	Nguyễn Hữu	Thanh	02/02/1996	5178				
14	1321040566	Khuong Minh	Thành	02/09/1995	5179				
15	1321040276	Bùi Văn	Thịnh	10/12/1995	5180				
16	1421040278	Chu Xuân	Thoại	08/11/1995	5181				
17	1421060267	Dương Hồng	Thứ	10/02/1996	5182				
18	1421040284	Nguyễn Bá	Tiến	08/03/1995	5183				
19	1421040309	Lê Đức	Trường	28/12/1996	5184				
20	1421045010	Nguyễn Doãn	Trường	10/01/1996	5185				
21	1421060298	Trịnh Văn	Tuấn	15/06/1996	5186				
22	1321010402	Đào Thanh	Tùng	20/02/1995	5187				
23	1321040325	Phạm Văn	Tuyển	20/11/1995	5188				
24	1621060578	Lò Sênh	Vàng	08/06/1997	5189				
25	1321040328	Đào Duy	Việt	22/05/1995	5190				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4030504 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Sức bền vật liệu B

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAA303

Tiết bắt đầu:

9

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421050005	Hà Tiến	Anh	24/10/1996	5191				
2	1321011003	Nguyễn Lâm	Anh	19/04/1995	5192				
3	1521010213	Trịnh Quốc	Bảo	05/01/1998	5193				
4	1421010025	Vũ Văn	Bảo	08/09/1994	5194				
5	1421010033	Nguyễn Ngọc	Chiến	01/02/1996	5195				
6	1521010187	Nguyễn Việt	Chiến	23/10/1997	5196				
7	1221010043	Nguyễn Vũ Thành	Chung	26/12/1994	5197				
8	1421010039	Đặng Chiến	Công	15/07/1996	5198				
9	1421040035	Hà Văn	Cường	26/02/1996	5199				
10	1421010079	Nguyễn Tuấn	Đạt	05/01/1996	5200				
11	1521010245	Dương Hoàng	Diệp	06/05/1997	5201				
12	1521019010	Quách Văn	Đông	17/06/1996	5202				
13	1421010070	Lê Đại	Dương	24/05/1996	5203				
14	1521010357	Đỗ Ngọc	Giang	28/11/1997	5204				
15	1521010030	Trần Thành	Giang	12/11/1996	5205				
16	1221020054	Lộ Chí	Giàu	01/11/1994	5206				
17	1421010093	Bùi Sỹ	Hải	12/10/1996	5207				
18	1421020334	Phạm Sơn	Hải	17/12/1996	5208				
19	1421010100	Đặng Văn	Hào	05/10/1996	5209				
20	1321020093	Phạm Duy	Hiền	04/03/1995	5210				
21	1421020065	Phạm Văn	Hình	23/04/1996	5211				
22	1421010122	Nguyễn Dụng	Hòa	21/07/1996	5212				
23	1521040108	Trần Văn	Hoàn	04/01/1997	5213				
24	1521019001	Bùi Đức	Hoàng	/ /19 3	5214				
25	1221010145	Phạm Công	Hoàng	22/06/1994	5215				
26	1421020376	Trịnh Đình	Học	23/08/1996	5216				
27	1321030640	Trần Quang	Hưng	08/06/1995	5217				
28	1521040251	Nguyễn Đình	Huy	15/05/1997	5218				
29	1421050097	Phan Anh	Khánh	02/08/1996	5219				
30	1421040157	Đỗ Thị Hà	Lê	29/07/1996	5220				
31	1421040448	Trần Đức	Lợi	09/05/1996	5221				
32	0921010310	Trương Bích	Mạnh	04/11/1991	5222				
33	1421020110	Phạm Văn	Minh	09/12/1995	5223				
34	1321020157	Tạ Minh	Ngọc	04/08/1995	5224				
35	1421010397D	Ngân Văn	Nhã	27/08/1994	5225				
36	1521020032	Đình Văn	Phúc	24/05/1997	5226				
37	1421020125	Mai Lan	Phương	13/04/1996	5227				
38	1421010262	Dương Đình	Quân	06/09/1996	5228				
39	1421030155	Hoàng Tài	Quang	15/08/1996	5229				
40	1421020517	Nguyễn Văn	Quảng	20/10/1993	5230				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4030504 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Sức bền vật liệu B

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAA308

Tiết bắt đầu:

9

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1121010276	Lương Ngọc	Son	08/08/1993	5231				
2	1221020459	Nguyễn Bá	Thành	18/08/1994	5232				
3	1221020143	Trần Đức	Thiên	16/09/1991	5233				
4	1421020587	Nguyễn Đăng	Thọ	17/10/1996	5234				
5	1521010371	Trần Văn	Thuận	13/07/1997	5235				
6	1421010330	Nguyễn Hữu	Thường	05/10/1996	5236				
7	1421040282	Vũ Đình	Thuyết	07/10/1996	5237				
8	1421020611	Lê Minh	Tiến	09/11/1996	5238				
9	1421010400D	Nguyễn Văn	Tiếp	02/01/1994	5239				
10	1421020164	Lê Đức	Tấn	14/01/1995	5240				
11	1321010372	Trịnh Sơn	Trang	10/11/1995	5241				
12	1521010342	Vũ Thị	Trang	12/09/1997	5242				
13	1521020325	Nguyễn Quang	Trường	06/12/1997	5243				
14	1421010359	Đình Tuấn	Tú	17/09/1996	5244				
15	1521020003	Bùi Minh	Tuấn	03/06/1997	5245				
16	1421010368	Nguyễn Ngọc	Tuấn	06/12/1995	5246				
17	1321020791	Trương Sinh	Tuấn	13/09/1995	5247				
18	1421020673	Nguyễn Thanh	Tùng	04/05/1994	5248				
19	1521010090	Nguyễn Thanh	Tùng	08/10/1997	5249				
20	1421020698	Ngô Tuấn	Vũ	30/10/1996	5250				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4030507 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ học kết cấu 1 + BTL1

Ngày thi: **05/08/2017**Phòng thi: **HNAA303**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421070151	Chu Xuân	Anh	10/06/1994	5251				
2	1321070413	Đỗ Đình	Bắc	29/10/1995	5252				
3	1421070009	Nguyễn Ninh	Bình	25/12/1996	5253				
4	1421070020	Đào Quốc	Cường	12/05/1996	5254				
5	1421070191	Đỗ Mạnh	Cường	01/01/1996	5255				
6	1421070033	Đình Văn	Định	10/01/1996	5256				
7	1421070034	Nguyễn Văn	Đoàn	06/09/1996	5257				
8	1321070052	Võ Trọng	Đồng	16/11/1994	5258				
9	1421070245	Hán Minh	Đức	20/02/1996	5259				
10	1321070035	Trần Anh	Dũng	25/10/1995	5260				
11	1321070037	Trần Đức	Duy	18/03/1995	5261				
12	1511070003	Nguyễn Việt	Hán	25/05/1997	5262				
13	1631070012	Nguyễn Tiến	Hiệp	25/08/1994	5263				
14	1321070073	Lê Đức	Hòa	02/09/1994	5264				
15	1321070083	Vũ Quốc	Huân	29/05/1995	5265				
16	1421070325	Lê Văn	Hưng	15/01/1995	5266				
17	1321070093	Nguyễn Cao	Hưng	29/11/1995	5267				
18	1221070074	Nguyễn Xuân	Hướng	13/02/1994	5268				
19	1321070104	Vũ Hoàng	Khoa	28/07/1994	5269				
20	1521070119	Phạm Trung	Kiên	02/02/1996	5270				
21	1421070081	Nguyễn Thế	Mạnh	09/01/1996	5271				
22	1521070044	Phạm Văn	Mạnh	01/10/1996	5272				
23	1511070002	Bùi Mạnh	Quân	04/11/1997	5273				
24	1421070448	Đỗ Duy	Tài	12/11/1996	5274				
25	1321070168	Đỗ Duy	Thái	29/09/1995	5275				
26	1421070458	Đậu Viết	Thám	06/07/1995	5276				
27	1421070459	Lê Văn	Thanh	02/10/1995	5277				
28	1321070187	Nguyễn Bá	Thương	08/05/1995	5278				
29	1321070191	Vũ Nam	Tiến	13/10/1994	5279				
30	1421070131	Nguyễn Văn	Trường	13/07/1996	5280				
31	1321070200	Nguyễn Danh	Tú	05/04/1995	5281				
32	1631070024	Phạm Minh	Tuấn	01/10/1995	5282				
33	1421070139	Đỗ Mạnh	Tùng	20/06/1996	5283				
34	1421070544	Hoàng Quốc	Việt	07/06/1995	5284				
35	1321070721	Vũ Quang	Vinh	15/12/1995	5285				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4040101 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Địa chất đại cương

Ngày thi: **05/08/2017**Phòng thi: **HNAA405**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321030437	Phạm Quang	Bình	28/02/1995	5286				
2	1521030063	Nguyễn Văn	Đình	05/07/1997	5287				
3	1321020455	Bùi Thế	Dũng	28/07/1995	5288				
4	1521020009	Trần Đức	Dương	12/04/1997	5289				
5	1221010075	Vũ Đức	Dương	12/08/1994	5290				
6	1521010408	Nguyễn Xuân	Hiếu	03/12/1997	5291				
7	1421010128	Doãn Huy	Hoàng	10/08/1996	5292				
8	1621050625	Dương Thanh	Huân	23/04/1998	5293				
9	1521060297	Nguyễn Đức	Huy	16/06/1997	5294				
10	1421010163	Đào Văn	Khánh	27/03/1996	5295				
11	1421020448	Nguyễn Thế	Long	05/01/1994	5296				
12	1321060550	Phạm Văn	Long	01/04/1995	5297				
13	1421020451	Trần Hiếu	Long	10/10/1996	5298				
14	1521020114	Nguyễn Danh	Lưu	08/10/1997	5299				
15	1321070120	Lê Vinh	Mạnh	22/02/1994	5300				
16	1521010293	Lê Ngọc	Minh	14/02/1997	5301				
17	1421060177	Lê Văn	Minh	04/07/1994	5302				
18	1521030272	Phùng Đức	Nam	03/01/1997	5303				
19	1321030166	Phạm Văn	Ngọc	12/06/1995	5304				
20	1621050805	Bùi Văn	Quân	24/02/1998	5305				
21	1521030053	Nguyễn Tiến	Sĩ	10/10/1997	5306				
22	1421070119	Vũ Việt	Thắng	03/08/1996	5307				
23	1321030860	Tô Bá	Thế	15/08/1995	5308				
24	1521020044	Chu Khắc	Tiếp	01/06/1997	5309				
25	1321020224	Đậu Quý Công	Tổ	26/06/1995	5310				
26	1621020035	Phạm Văn	Trà	16/11/1998	5311				
27	1321060319	Phan Văn	Trung	21/11/1995	5312				
28	1521020334	Nguyễn Anh	Tuấn	13/12/1995	5313				
29	1311020094	Nguyễn Văn	Tuấn	09/10/1995	5314				
30	1521010212	Kiều Văn	Vệ	12/09/1997	5315				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4040102 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Địa chất cơ sở

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAA303

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521010321	Đỗ Văn	Bách	30/01/1997	5316				
2	1521010120	Vũ Văn	Cường	26/09/1997	5317				
3	1511040011	Ninh Quang	Dự	15/10/1997	5318				
4	1521080025	Nguyễn Phương	Duy	06/05/1997	5319				
5	1511040010	Vũ Mạnh	Hà	22/05/1997	5320				
6	1621080046	Nguyễn Hoàng	Hải	18/03/1998	5321				
7	1521040114	Nguyễn Văn	Hải	21/02/1997	5322				
8	1521019001	Bùi Đức	Hoàng	/ /19 3	5323				
9	1521040164	Nguyễn Mạnh	Hùng	18/02/1996	5324				
10	1421011161	Hà Thanh	Hưng	22/08/1996	5325				
11	1521040154	Nguyễn Trung	Huy	22/10/1997	5326				
12	1411040029	Phạm Trần Quang	Huy	31/08/1995	5327				
13	1521010056	Vũ Hồng	Kông	30/09/1997	5328				
14	1421040456	Phạm Duy	Mạnh	24/03/1995	5329				
15	1421040278	Chu Xuân	Thoại	08/11/1995	5330				
16	1321040295	Đoàn Thị	Trang	08/11/1995	5331				
17	1421040309	Lê Đức	Trường	28/12/1996	5332				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4040207 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Địa chất mỏ

Ngày thi: **03/08/2017**Phòng thi: **HNAB501**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421040001	Đồng Bá	An	29/08/1996	5333				
2	1421040009	Trương Ngọc Tuấn	Anh	01/05/1996	5334				
3	1421040029	Đặng Ngọc	Chung	09/11/1996	5335				
4	1421040066	Nguyễn Trung	Đạt	11/06/1995	5336				
5	1521040214	Phạm Tiến	Đạt	10/05/1995	5337				
6	1611020006	Trần Thị Thanh	Hà	31/08/1996	5338				
7	1421040107	Lê Văn	Hiệp	20/10/1996	5339				
8	1521010228	Quách Minh	Hiếu	29/02/1996	5340				
9	1321040107	Vũ Minh	Hoàng	13/11/1994	5341				
10	1421040174	Chữ Viết	Luận	12/12/1996	5342				
11	1521040262	Nguyễn Văn	Mạnh	22/01/1997	5343				
12	1321040204	Đỗ Văn	Phi	29/04/1995	5344				
13	1521040121	Lý Việt	Thiên	23/05/1997	5345				
14	1521040018	Nguyễn Ngọc	Thiện	24/02/1997	5346				
15	1521040112	Nguyễn Đức	Trung	29/08/1997	5347				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4040519 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Địa chất công trình

Ngày thi: **03/08/2017**Phòng thi: **HNAA405**

Tiết bắt đầu:

6Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421040027	Phạm Đức	Chính	20/01/1996	5348				
2	1321040029	Phạm Chí	Công	15/06/1995	5349				
3	1421070021	Lương Quốc	Cường	23/09/1996	5350				
4	1411070008	Đinh Văn Thành	Đạt	03/07/1993	5351				
5	1221020215	Doãn Văn	Đức	18/10/1994	5352				
6	1421070036	Nguyễn Anh	Đức	01/02/1996	5353				
7	1321070444	Nguyễn Tiến	Dũng	08/06/1995	5354				
8	1221040078	Ngô Hồng	Hải	26/11/1994	5355				
9	1321070062	Nguyễn Mạnh	Hải	15/05/1995	5356				
10	1321070512	Đào Huy	Hoàng	31/01/1995	5357				
11	1421040117	Nguyễn Văn	Hoàng	07/03/1996	5358				
12	1321070519	Lê Cao	Hội	11/08/1994	5359				
13	1321040137	Đinh Văn	Hương	26/11/1994	5360				
14	1521040138	Trịnh Xuân	Khánh	09/07/1997	5361				
15	1521040098	Trần Trung	Kiên	05/07/1997	5362				
16	1421070069	Trần Tùng	Lâm	09/09/1996	5363				
17	1321040340	Nguyễn Hoàng	Lương	11/03/1995	5364				
18	1421070088	Nguyễn Văn	Minh	16/10/1996	5365				
19	1421040462	Đỗ Hồng	Nam	30/08/1996	5366				
20	1421070092	Vũ Quang	Nghĩa	02/08/1994	5367				
21	1421070413	Nguyễn Lê	Phi	03/11/1996	5368				
22	1321070167	Dương Văn	Thái	20/02/1995	5369				
23	1421070455	Hoàng Quang	Thái	18/04/1996	5370				
24	1321070177	Cao Xuân	Thắng	12/02/1995	5371				
25	1421070114	Phan Ngọc	Thành	29/08/1992	5372				
26	1421070124	Đỗ Minh	Thuận	14/12/1996	5373				
27	1421070129	Trần Hoàng	Trung	31/12/1996	5374				
28	1421040315	Lê Anh	Tuấn	04/10/1996	5375				
29	1421040331	Hoàng Việt	Tùng	19/09/1996	5376				
30	1521070408	Nguyễn Đình	Tùng	21/02/1997	5377				
31	1221070174	Phạm Mạnh	Tường	25/03/1994	5378				
32	1421070142	Nguyễn Đức	Việt	12/12/1996	5379				
33	1521070468	Phạm Quốc	Việt	25/03/1997	5380				
34	1421040349	Phạm Khắc	Vững	07/05/1996	5381				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4050526 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Trắc địa đại cương

Ngày thi: **03/08/2017**Phòng thi: **HNAA305**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521010157	Vũ Văn	An	04/02/1997	5382				
2	1521010129	Đinh Hải	Anh	20/08/1996	5383				
3	1321030003	Lã Đức	Anh	25/06/1995	5384				
4	1321040010	Trần Đức	Anh	05/09/1995	5385				
5	1321030018	Phạm Ngọc	Bảo	08/10/1994	5386				
6	1321020445	Đỗ Mạnh	Cường	01/05/1995	5387				
7	1421070230	Phạm Đức	Đại	23/01/1996	5388				
8	1421060063	Nguyễn Văn	Đàm	01/01/1996	5389				
9	1321030040	Phạm Văn	Đang	28/02/1994	5390				
10	1321020065	Phạm Đình	Đạt	21/01/1995	5391				
11	1424010021	Nguyễn Thị	Diễm	01/05/1996	5392				
12	1321050057	Phạm Văn	Điệp	20/07/1995	5393				
13	1421030045	Trương Công	Đoàn	14/01/1996	5394				
14	1321030519	Lê Anh	Đức	14/11/1995	5395				
15	1521010236	Mạc Việt	Đức	24/06/1997	5396				
16	1521020162	Phạm Minh	Đức	28/10/1997	5397				
17	1321060087	Phùng Văn	Đức	30/09/1995	5398				
18	1321060054	Nguyễn Việt	Dũng	22/01/1995	5399				
19	1521010326	Trần Thái	Dương	05/01/1997	5400				
20	1321030064	Nguyễn Quang	Hải	27/09/1995	5401				
21	1421020055	Trần Đức	Hải	10/08/1996	5402				
22	1321060115	Nguyễn Hữu	Hiệp	03/10/1995	5403				
23	1421030075	Trần Quang	Hoan	04/11/1995	5404				
24	1321040106	Đỗ Huy	Hoàng	24/04/1995	5405				
25	1521020049	Trần Ngọc	Huân	29/08/1997	5406				
26	1621061077	Ngô Gia	Huy	04/10/1997	5407				
27	1421030097	Nguyễn Văn	Huỳnh	02/11/1996	5408				
28	1321060167	Lê Thạc	Linh	17/03/1995	5409				
29	1321060547	Trần Văn	Linh	13/07/1994	5410				
30	1321030697	Hoàng Trọng	Lợi	17/09/1995	5411				
31	1321060555	Dương Minh	Lượng	10/09/1994	5412				
32	1321040174	Bùi Đức	Minh	04/08/1995	5413				
33	1321030152	Nguyễn Xuân	Minh	11/09/1995	5414				
34	1421010214	Nguyễn Thế	Nam	25/10/1996	5415				
35	1321030166	Phạm Văn	Ngọc	12/06/1995	5416				
36	1211070083	Phu Ly	Pò	01/07/1993	5417				
37	1421010265	Lê Duy	Quân	25/06/1996	5418				
38	1421030154	Bùi Duy	Quang	16/01/1996	5419				
39	1421070098	Phạm Văn	Quang	26/12/1996	5420				
40	1421010261	Voòng Duy	Quang	11/11/1996	5421				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4050526 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Trắc địa đại cương

Ngày thi: **03/08/2017**Phòng thi: **HNAB305**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1221030124	Nguyễn Anh	Quân	24/11/1993	5422				
2	1321040222	Đỗ Bảo	Quyết	09/07/1995	5423				
3	1521070056	Lương Xuân	Quỳnh	16/05/1997	5424				
4	1321030817	Phạm Tiến	Sỹ	03/05/1994	5425				
5	1321070161	Vũ Mạnh	Tài	20/07/1995	5426				
6	1321070656	Lê Sỹ	Thắng	10/08/1995	5427				
7	1321020722	Vũ Ngọc	Thắng	01/09/1995	5428				
8	1321070171	Phạm Văn	Thanh	18/09/1995	5429				
9	1321070172	Bùi Tiến	Thành	07/09/1995	5430				
10	1111070096	Bùi Văn	Thao	08/04/1993	5431				
11	1321060685	Nguyễn Trọng	Thế	01/08/1994	5432				
12	1321060621	Hồ Trọng	Thịnh	20/10/1995	5433				
13	1421020585	Nguyễn Văn	Thịnh	07/06/1996	5434				
14	1321060298	Đỗ Văn	Thuận	26/11/1995	5435				
15	1321040291	Đỗ Văn	Tiến	08/05/1995	5436				
16	1621020035	Phạm Văn	Trà	16/11/1998	5437				
17	1424010197	Nguyễn Thị Hiền	Trang	05/12/1995	5438				
18	1421030209	Nguyễn Văn	Triển	12/07/1993	5439				
19	1421020643	Phạm Ngọc	Trường	23/06/1996	5440				
20	1321030938	Đoàn Mạnh	Tuấn	17/02/1995	5441				
21	1321080541	Phạm Minh	Tuấn	13/05/1995	5442				
22	1211070135	Phạm Mạnh	Tuyển	23/03/1994	5443				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4050526 Nhóm: N02 Tổ thi: T001 Tên HP: Trắc địa đại cương

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAA409

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1441020002	Nguyễn Tuấn	Anh		5444				
2	1541020001	Vũ Ngọc	Bách		5445				
3	1541020002	Lê Hùng	Dũng		5446				
4	1641020002	Ngô Anh	Dũng	23/10/1992	5447				
5	1441020003	Nguyễn Hữu	Dũng		5448				
6	1541020003	Ngô Quang	Hải		5449				
7	1641020001	Đào Quang	Hưng	07/09/1978	5450				
8	1541020004	Nguyễn Hoàng Lâm	Khang		5451				
9	1541020005	Nguyễn Xuân	Lam		5452				
10	1541020006	Cao Tiến	Lợi		5453				
11	1541020007	Lê Duy	Phúc		5454				
12	1641020003	Ngô Viết	Phương	09/08/1986	5455				
13	1541020008	Hồ Trung	Thành		5456				
14	1641020005	Vũ Tiến	Thành		5457				
15	1541020009	Nguyễn Quốc	Thìn		5458				
16	1641020004	Nguyễn Văn	Thuấn		5459				
17	1641020006	Nguyễn Văn	Tới		5460				
18	1541020010	Trần Đình	Trung		5461				
19	1541020011	Nguyễn Xuân	Tuân		5462				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4060303 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Hoá hữu cơ 2 + TN

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAA405

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321010034	Cao Văn	Bảo	07/11/1994	5463				
2	1321010037	Đặng Thanh	Bình	22/02/1995	5464				
3	1321010053	Nguyễn Danh	Cường	06/11/1995	5465				
4	1321010058	Phạm Minh	Cường	27/09/1995	5466				
5	1421010054	Nguyễn Đắc	Dũng	22/06/1996	5467				
6	1321010079	Nguyễn Hữu	Dụng	23/09/1995	5468				
7	1321010151	Nguyễn Ngọc	Hiếu	04/03/1995	5469				
8	1321010182	Hà Văn	Huỳnh	27/07/1994	5470				
9	1321010196	Bùi Văn	Khôi	26/12/1995	5471				
10	1324010572	Nguyễn Bảo	Long	06/04/1994	5472				
11	1321060559	Nguyễn Duy	Mạnh	25/08/1995	5473				
12	1321010235	Võ Anh	Mười	17/02/1995	5474				
13	1321020690	Vũ Tiến	Quyền	01/02/1995	5475				
14	1321010325	Tào Thị Phương	Thảo	10/10/1995	5476				
15	1221010800	Đỗ Vũ	Thư	07/03/1991	5477				
16	1321010360	Phí Văn	Tiến	29/09/1995	5478				
17	1321010385	Trần Văn	Trường	09/01/1995	5479				
18	1321010427	Lê Tuấn	Vũ	08/04/1995	5480				
19	1421010800	Trần Anh	Vũ	25/07/1993	5481				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4060402 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Kỹ thuật dầu khí đại cương

Ngày thi: 02/08/2017

Phòng thi: HNAA305

Tiết bắt đầu:

9

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321050004	Nguyễn Bảo	Anh	21/05/1995	5482				
2	1421010024	Võ Quốc	Bảo	14/09/1996	5483				
3	1421010028	Vì Thị	Bích	02/06/1996	5484				
4	1524010376	Lê Quang	Cường	22/12/1997	5485				
5	1521010382	Phạm Viết	Cường	06/11/1991	5486				
6	1221040336	Nguyễn Viết	Đa	27/09/1994	5487				
7	1321010062	Phạm Văn	Dân	23/06/1995	5488				
8	1421010079	Nguyễn Tuấn	Đạt	05/01/1996	5489				
9	1524010028	Nguyễn Xuân	Đạt	03/06/1997	5490				
10	1321010106	Lâm Quý	Đoàn	12/11/1995	5491				
11	1421010084	Lê Văn	Đông	12/08/1996	5492				
12	1524010599	Nguyễn Trung	Đức	24/05/1996	5493				
13	1421010059	Cao Đức	Duy	13/05/1996	5494				
14	1321050045	Nguyễn Xuân	Duy	06/04/1995	5495				
15	1321020514	Đặng Hoàng	Hải	21/07/1995	5496				
16	1421010096	Nguyễn Thanh	Hải	03/11/1996	5497				
17	1421010110	Nguyễn Quang	Hiền	06/10/1996	5498				
18	1421010114	Thái Tuấn	Hiệp	12/03/1996	5499				
19	1421080222	Vũ Văn	Hòa	01/07/1996	5500				
20	1421030075	Trần Quang	Hoan	04/11/1995	5501				
21	1321010159	Đình Xuân	Hoàng	27/07/1994	5502				
22	1321060512	Trịnh Quang	Huy	28/09/1994	5503				
23	1321040147	Nguyễn Đình	Khôe	05/04/1993	5504				
24	1421011189	Dương Ngọc	Lam	09/06/1994	5505				
25	1421080257	Phạm Thu	Liên	27/07/1995	5506				
26	1421080264	Nguyễn Nhật	Linh	10/04/1996	5507				
27	1321060548	Hoàng Văn	Lĩnh	12/01/1995	5508				
28	1321010216	Đỗ Thành	Long	03/04/1995	5509				
29	1421010194	Phạm Thị	Mai	01/11/1996	5510				
30	1321060182	Phạm Văn	Mạnh	03/02/1995	5511				
31	1421010214	Nguyễn Thế	Nam	25/10/1996	5512				
32	1321030157	Phạm Hồng	Nam	28/05/1991	5513				
33	1421010221	Lê Minh	Ngọc	14/05/1996	5514				
34	1524010615	Phạm Thị Bảo	Ngọc	24/07/1997	5515				
35	1421010226	Cần Văn	Nguyên	21/03/1996	5516				
36	1321050647	Lê Xuân	Nguyên	10/08/1994	5517				
37	1421010229	Bùi Thị	Nhài	14/03/1996	5518				
38	1321010254	Nguyễn Thị	Nhài	31/01/1995	5519				
39	1321030758	Lê Xuân	Nhật	01/12/1993	5520				
40	1521080010	Hoàng Thị Thu	Phương	28/06/1996	5521				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4060402 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Kỹ thuật dầu khí đại cương

Ngày thi: **02/08/2017**Phòng thi: **HNAB305**

Tiết bắt đầu:

9Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421080331	Hoàng Thị Kim	Phượng	05/03/1996	5522				
2	1421010265	Lê Duy	Quân	25/06/1996	5523				
3	1421060217	Trần Đoàn Anh	Quân	16/07/1996	5524				
4	1524010101	Phan Cao	Sang	26/01/1997	5525				
5	1121010290	Nguyễn Hồng Ngọc	Thạch	31/05/1993	5526				
6	1421010306	Phạm Đình	Thảo	07/08/1996	5527				
7	1421010316	Nguyễn Huy	Thiệt	04/04/1996	5528				
8	1221010800	Đỗ Vũ	Thư	07/03/1991	5529				
9	1321040288	Trịnh Văn	Thư	25/11/1995	5530				
10	1321060297	Đặng Văn	Thuận	26/08/1995	5531				
11	1424010187	Tạ Văn	Thuận	27/04/1996	5532				
12	1421010327	Nguyễn Thị	Thúy	31/07/1996	5533				
13	1524010035	Nguyễn Thị Phương	Thùy	23/11/1997	5534				
14	1421010400D	Nguyễn Văn	Tiếp	02/01/1994	5535				
15	1321030895	Nguyễn Ngọc Thanh	Toàn	24/11/1993	5536				
16	1421010342	Nguyễn Huyền	Trang	05/01/1996	5537				
17	1421010356	Trần Hoàng	Trung	20/08/1996	5538				
18	1321080109	Bế Anh	Tuấn	01/06/1995	5539				
19	1421010362	Đặng Anh	Tuấn	21/08/1996	5540				
20	1421010367	Nguyễn Anh	Tuấn	07/06/1996	5541				
21	1521010127	Lê Văn	Tuyên	18/05/1995	5542				
22	1321060671	Trần Văn	Tuyền	17/10/1995	5543				
23	1521080290	Vũ Thị	Yên	14/01/1997	5544				
24	1524010029	Phạm Thị	Yên	21/06/1997	5545				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4060412 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Thu gom, xử lý và vận chuyển chất lưu

Ngày thi: **05/08/2017**Phòng thi: **HNAA305**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421010003	Trần Văn	An	02/09/1996	5546				
2	1421010392D	Dùng Thế	Anh	04/08/1995	5547				
3	1421010014	Nguyễn Tuấn	Anh	01/01/1996	5548				
4	1421010015	Trịnh Tuấn	Anh	10/11/1996	5549				
5	1421010024	Võ Quốc	Bảo	14/09/1996	5550				
6	1421010038	Dương Tiến	Công	23/08/1996	5551				
7	1321010048	Nhữ Linh	Cương	04/07/1995	5552				
8	1421010041	Cù Quốc	Cường	07/11/1996	5553				
9	1421010048	Trần Quốc	Cường	21/05/1996	5554				
10	1321010095	Lê Văn	Đại	21/10/1995	5555				
11	1421010049	Trần Văn	Diễn	11/03/1996	5556				
12	1421010050	Nguyễn Xuân	Diệu	16/01/1996	5557				
13	1421010066	Phạm Văn	Dự	03/02/1996	5558				
14	1321010119	Vũ Đình	Đức	23/06/1995	5559				
15	1321010072	Lê Trọng	Dũng	12/03/1995	5560				
16	1321010078	Vũ Duy	Dũng	02/09/1995	5561				
17	1421020032	Nguyễn Đức	Duyệt	29/10/1996	5562				
18	1321010128	Nguyễn Hoàng	Hà	04/03/1995	5563				
19	1321010137	Ngô Sỹ	Hải	10/01/1995	5564				
20	1321010156	Nguyễn Thị Diệu	Hoa	14/08/1995	5565				
21	0921010066	Lê Văn	Hòa	21/07/1991	5566				
22	1321010159	Đinh Xuân	Hoàng	27/07/1994	5567				
23	1421010136	Hoàng Văn	Huân	03/06/1996	5568				
24	1321040496	Hoàng Mạnh	Hùng	02/09/1994	5569				
25	1421020399	Phạm Duy	Huỳnh	16/01/1996	5570				
26	1321010198	Phùng Duy	Khương	28/03/1995	5571				
27	1221010188	Vũ Trung	Kiên	20/03/1994	5572				
28	1421011189	Dương Ngọc	Lam	09/06/1994	5573				
29	1421010181	Trịnh Văn	Linh	03/07/1996	5574				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4060412 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Thu gom, xử lý và vận chuyển chất lưu

Ngày thi: **05/08/2017**Phòng thi: **HNAB305**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421010190	Lê Văn	Lực	09/05/1996	5575				
2	1421010195	Bùi Văn	Mạnh	04/12/1996	5576				
3	1421010210	Hà Duy	Nam	03/04/1996	5577				
4	1321010243	Nguyễn Văn	Nam	21/03/1995	5578				
5	1421020505	Nguyễn Hữu	Phát	01/08/1995	5579				
6	1421010238	Nguyễn Đức	Phi	08/03/1996	5580				
7	1421010267	Lê Văn Hải	Quân	06/02/1996	5581				
8	1321060261	Nguyễn Hữu	Thái	21/09/1994	5582				
9	1421010292	Đỗ Phương	Thanh	30/11/1996	5583				
10	1321010309	Nguyễn Văn	Thanh	01/02/1995	5584				
11	1421020146	Khiếu Trung	Thành	17/04/1996	5585				
12	1421010294	Lê Hữu	Thành	20/07/1996	5586				
13	1221010318	Nguyễn Tuấn	Thành	08/11/1993	5587				
14	1421010306	Phạm Đình	Thảo	07/08/1996	5588				
15	1221010800	Đỗ Vũ	Thư	07/03/1991	5589				
16	1421010332	Lường Hữu	Tiến	05/09/1996	5590				
17	1421010337	Đặng Văn	Tĩnh	18/03/1996	5591				
18	1421010344	Nguyễn Thị	Trang	21/01/1996	5592				
19	1421010356	Trần Hoàng	Trung	20/08/1996	5593				
20	1421010362	Đặng Anh	Tuấn	21/08/1996	5594				
21	1321010393	Hoàng Phan	Tuấn	26/11/1995	5595				
22	1321010396	Nguyễn Anh	Tuấn	21/11/1995	5596				
23	1421010367	Nguyễn Anh	Tuấn	07/06/1996	5597				
24	1321010399	Phạm Hoàng	Tuấn	13/01/1995	5598				
25	1421010373	Trịnh Huy	Tuấn	03/02/1996	5599				
26	1521010127	Lê Văn	Tuyên	18/05/1995	5600				
27	1321020805	Bùi Quốc	Văn	12/04/1993	5601				
28	1421010384	Trần Đình	Việt	09/05/1996	5602				
29	1321010422	Lê Văn	Vinh	07/04/1995	5603				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4060419 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Kỹ thuật Khai thác khí thiên nhiên

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAB501

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421020006	Lê Tuấn	Anh	18/03/1996	5604				
2	1321010018	Phạm Tuấn	Anh	26/10/1995	5605				
3	1321010019	Phạm Việt	Anh	29/06/1995	5606				
4	1321010026	Trần Ngọc	ánh	29/12/1995	5607				
5	1321010040	Hoàng Thị Thảo	Chi	07/05/1995	5608				
6	1321010055	Nguyễn Văn	Cường	21/05/1994	5609				
7	1421060069	Phạm Quốc	Đạt	15/02/1996	5610				
8	1321010106	Lâm Quý	Đoàn	12/11/1995	5611				
9	1321010113	Vũ Quang	Đông	08/01/1995	5612				
10	1221010110	Vũ Văn	Đức	19/04/1994	5613				
11	1321010072	Lê Trọng	Dũng	12/03/1995	5614				
12	1321010075	Nguyễn Tiến	Dũng	14/02/1995	5615				
13	1321010090	Hồ Xuân Hoàng	Dương	04/03/1994	5616				
14	1521010221	Trần Văn	Duy	16/07/1994	5617				
15	1321010150	Nguyễn Tuấn	Hiệp	07/01/1995	5618				
16	1421040416	Nguyễn Quang	Hòa	01/11/1996	5619				
17	1321010161	Nguyễn Văn	Hoàng	12/09/1995	5620				
18	1421010136	Hoàng Văn	Huân	03/06/1996	5621				
19	1421010139	Lâm Viết	Hùng	13/08/1996	5622				
20	1421010152	Trần Trọng	Hung	11/03/1996	5623				
21	1321020117	Lê Minh	Huy	31/03/1995	5624				
22	1321010190	Phạm Công	Khái	30/10/1995	5625				
23	1321011053	Lê Văn	Khang	26/01/1995	5626				
24	1321010193	Hoàng Nam	Khánh	12/08/1995	5627				
25	1221010178	Nguyễn Đỗ	Khiêm	08/11/1994	5628				
26	1324010572	Nguyễn Bảo	Long	06/04/1994	5629				
27	1321030700	Đỗ Văn	Luân	04/09/1995	5630				
28	1321010228	Hoàng Văn	Mạo	06/04/1993	5631				
29	1321010232	Nguyễn Duy	Minh	10/10/1995	5632				
30	1321010243	Nguyễn Văn	Nam	21/03/1995	5633				
31	1321010248	Lê Tuấn	Nghĩa	01/02/1995	5634				
32	1321050155	Vũ Tuấn	Phong	15/02/1995	5635				
33	1421010242	Nguyễn Hoàn	Phú	12/08/1995	5636				
34	1321010284	Nguyễn Văn	Quân	09/11/1995	5637				
35	1421060217	Trần Đoàn Anh	Quân	16/07/1996	5638				
36	1321010279	Đỗ Ngọc	Quang	06/10/1994	5639				
37	1521010254	Phạm Bảo	Quý	21/08/1997	5640				
38	1321020711	Phạm Văn	Thái	03/02/1995	5641				
39	1321030833	Nguyễn Văn	Thanh	07/01/1995	5642				
40	1321010314	Nguyễn Trọng	Thành	12/05/1995	5643				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4060419 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Kỹ thuật Khai thác khí thiên nhiên

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAA405

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421010308	Nguyễn Đình	Thăng	10/01/1996	5644				
2	1321060284	Lê Xuân	Thắng	20/06/1995	5645				
3	1321010321	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	17/01/1993	5646				
4	1321010324	Phan Văn	Thảo	16/08/1995	5647				
5	1321010341	Lê Ngọc	Thịnh	21/09/1994	5648				
6	1421010327	Nguyễn Thị	Thúy	31/07/1996	5649				
7	1321010351	Hoàng Thu	Thúy	01/06/1995	5650				
8	1421020164	Lê Đức	Tín	14/01/1995	5651				
9	1421010336	Lê Thiên	Tình	22/01/1996	5652				
10	1421010337	Đặng Văn	Tĩnh	18/03/1996	5653				
11	1421010402D	Hứa Văn	Trung	25/10/1995	5654				
12	1421010354	Nguyễn Khánh	Trung	21/08/1996	5655				
13	1321010379	Phạm Bảo	Trung	14/04/1995	5656				
14	1321010380	Phạm Văn	Trung	28/10/1995	5657				
15	1421010361	Nguyễn Ngọc	Tú	01/12/1996	5658				
16	1321010398	Nguyễn Văn	Tuấn	08/07/1995	5659				
17	1321010408	Nguyễn Thanh	Tùng	29/03/1995	5660				
18	1421010376	Nguyễn Thanh	Tùng	18/05/1995	5661				
19	1421060303	Phạm Đức	Tùng	14/08/1996	5662				
20	1321010422	Lê Văn	Vinh	07/04/1995	5663				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4060428 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Kỹ thuật bảo hộ lao động và bảo vệ môi trường

Ngày thi: **01/08/2017**Phòng thi: **HNAB501**

Tiết bắt đầu:

9Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421010014	Nguyễn Tuấn	Anh	01/01/1996	5664				
2	1321010019	Phạm Việt	Anh	29/06/1995	5665				
3	1421010015	Trịnh Tuấn	Anh	10/11/1996	5666				
4	1321010040	Hoàng Thị Thảo	Chi	07/05/1995	5667				
5	1321010042	Nguyễn Thành	Chung	27/09/1995	5668				
6	1421010038	Dương Tiến	Công	23/08/1996	5669				
7	1421010041	Cù Quốc	Cường	07/11/1996	5670				
8	1521010382	Phạm Viết	Cường	06/11/1991	5671				
9	1321010095	Lê Văn	Đại	21/10/1995	5672				
10	1421010050	Nguyễn Xuân	Diệu	16/01/1996	5673				
11	1421010066	Phạm Văn	Dự	03/02/1996	5674				
12	1321010069	Lê Xuân	Duẩn	16/11/1995	5675				
13	1321010119	Vũ Đình	Đức	23/06/1995	5676				
14	1321010078	Vũ Duy	Dũng	02/09/1995	5677				
15	1421020032	Nguyễn Đức	Duyệt	29/10/1996	5678				
16	1521010363	Nguyễn Thị Trà	Giang	27/07/1997	5679				
17	1421010094	Lê Đồng	Hải	20/04/1996	5680				
18	1321011032	Hoàng Văn	Hiền	18/02/1995	5681				
19	1421010110	Nguyễn Quang	Hiển	06/10/1996	5682				
20	1421010125	Bùi Thị	Hoài	05/06/1996	5683				
21	1421010136	Hoàng Văn	Huân	03/06/1996	5684				
22	1421011189	Dương Ngọc	Lam	09/06/1994	5685				
23	1521010335	Đỗ Văn	Lâm	29/08/1997	5686				
24	1521010340	Hoàng Sơn	Lâm	23/05/1997	5687				
25	1321010200	Phạm Văn	Lâm	17/05/1995	5688				
26	1321010204	Cao Hoàng Nhật	Lân	20/01/1995	5689				
27	1321010205	Trần Thị	Liên	24/10/1995	5690				
28	1421010181	Trịnh Văn	Linh	03/07/1996	5691				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4060428 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Kỹ thuật bảo hộ lao động và bảo vệ môi trường

Ngày thi: **01/08/2017**Phòng thi: **HNAA405**

Tiết bắt đầu:

9Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421010194	Phạm Thị	Mai	01/11/1996	5692				
2	1421010197	Nguyễn Xuân	Mạnh	27/02/1996	5693				
3	1421010229	Bùi Thị	Nhài	14/03/1996	5694				
4	1421020505	Nguyễn Hữu	Phát	01/08/1995	5695				
5	1321050155	Vũ Tuấn	Phong	15/02/1995	5696				
6	1321010272	Bùi Văn	Phương	11/03/1995	5697				
7	1421010251	Trịnh Thị	Phương	05/02/1996	5698				
8	1421010252	Mai Thị	Phượng	09/11/1996	5699				
9	1421060217	Trần Đoàn Anh	Quân	16/07/1996	5700				
10	1421010272	Nguyễn Thị	Quyên	17/11/1995	5701				
11	1421060547	Nguyễn Xuân	Sang	18/11/1996	5702				
12	1221010296	Đỗ Văn	Sơn	08/01/1993	5703				
13	1321010294	Nguyễn Văn	Sơn	08/08/1995	5704				
14	1321030197	Phạm Văn	Sơn	21/10/1995	5705				
15	1521010418	Phạm Văn	Sự	06/08/1997	5706				
16	1321020711	Phạm Văn	Thái	03/02/1995	5707				
17	1321060284	Lê Xuân	Thắng	20/06/1995	5708				
18	1421010292	Đỗ Phương	Thanh	30/11/1996	5709				
19	1321030833	Nguyễn Văn	Thanh	07/01/1995	5710				
20	1421020146	Khiếu Trung	Thành	17/04/1996	5711				
21	1421010301	Lê Thị Phương	Thảo	25/02/1996	5712				
22	1421010327	Nguyễn Thị	Thúy	31/07/1996	5713				
23	1421010402D	Hứa Văn	Trung	25/10/1995	5714				
24	1321010386	Ngô Văn	Tú	11/12/1995	5715				
25	1421020185	Nguyễn Hoàng	Tuấn	05/04/1996	5716				
26	1321010399	Phạm Hoàng	Tuấn	13/01/1995	5717				
27	1421010373	Trịnh Huy	Tuấn	03/02/1996	5718				
28	1321010408	Nguyễn Thanh	Tùng	29/03/1995	5719				
29	1321020805	Bùi Quốc	Văn	12/04/1993	5720				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4070101 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Kinh tế vi mô

Ngày thi: **01/08/2017**Phòng thi: **HNAA303**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1624010544	Dương Văn	Anh	04/05/1998	5721				
2	1621030238	Lê Thị Thanh	Bình	26/09/1998	5722				
3	1421050038	Nguyễn Trung	Dũng	11/12/1996	5723				
4	1624010826	Bùi Văn	Dương	28/12/1998	5724				
5	1624010099	Trần Thị Huyền	Giang	08/03/1998	5725				
6	1524010608	Vũ Thị Thanh	Hương	07/09/1997	5726				
7	1624010680	Dương Thị	Lệ	16/10/1998	5727				
8	1624010313	Hồ Thuỳ	Linh	17/11/1998	5728				
9	1624010928	Nguyễn Thị Kim	Lương	18/10/1998	5729				
10	1521030125	Nguyễn Trọng	Nghĩa	02/08/1997	5730				
11	1624010713	Nguyễn Thị Quỳnh	Ngọc	24/02/1998	5731				
12	1624010630	Lộ Thị	Nhàn	06/08/1998	5732				
13	1624010741	Nguyễn Thị Phương	Thanh	03/11/1998	5733				
14	1524010181	Vũ Thị Anh	Thi	05/11/1997	5734				
15	1524010516	Trương Lập	Thu	15/09/1997	5735				
16	1624010955	Dương Thị	Thủy	24/09/1998	5736				
17	1421050203	Bùi Quang	Tiến	27/12/1996	5737				
18	1624010561	Lương Minh	Tú	07/06/1998	5738				
19	1624010023	Phạm Thị Tổ	Uyên	05/09/1998	5739				
20	1624010551	Vương Thị	Xuân	26/05/1998	5740				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4070102 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Kinh tế vĩ mô

Ngày thi: **05/08/2017**Phòng thi: **HNAB501**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1624010070	Lê Thị Ngọc	Anh	27/11/1998	5741				
2	1524010367	Vũ Hồng Quốc	Anh	29/07/1997	5742				
3	1624010825	Vũ Thị Lan	Anh	09/07/1998	5743				
4	1524010194	Lý Thị	ánh	14/09/1997	5744				
5	1624010104	Lương Thị Quỳnh	Châu	13/07/1998	5745				
6	1524010199	Lê Công	Cường	10/02/1996	5746				
7	1524010031	Đặng Huỳnh	Đức	12/03/1997	5747				
8	1324010050	Lê Quốc	Dũng	30/03/1995	5748				
9	1424010274	Luyên Ngọc	Dương	03/10/1994	5749				
10	1521059001	Dương Tuấn	Duy	/ /19 3	5750				
11	1624010560	Nguyễn Thị Lệ	Hằng	20/04/1998	5751				
12	1624010352	Bùi Thị	Hậu	20/02/1998	5752				
13	1424010046	Lê Thị Thu	Hiền	18/10/1996	5753				
14	1524010421	Ninh Thị	Hoa	12/01/1997	5754				
15	1514010009	Nguyễn Huy	Hoàng	11/08/1997	5755				
16	1521020219	Đinh Quang	Hưng	03/02/1997	5756				
17	1624010618	Bùi Thu	Huyền	23/02/1998	5757				
18	1624010249	Đàm Hoàng	Khải	20/02/1998	5758				
19	1624010680	Dương Thị	Lê	16/10/1998	5759				
20	1421050104	Lê Thị	Lê	18/04/1995	5760				
21	1624010928	Nguyễn Thị Kim	Lương	18/10/1998	5761				
22	1614010705	Phạm Thị	Mai	14/03/1998	5762				
23	1421050126	Nguyễn Tiến	Mạnh	12/12/1996	5763				
24	1624010714	Hoàng Yên	Nga	10/10/1998	5764				
25	1624010291	Hà Thị Bích	Nhàn	12/04/1998	5765				
26	1624010348	Lê Thị Yên	Oanh	20/06/1998	5766				
27	1624010797	Đỗ Văn	Quyên	24/12/1998	5767				
28	1321050168	Nguyễn Mai Diệu	Quỳnh	17/06/1995	5768				
29	1521040303	Đỗ Văn	Thanh	24/12/1997	5769				
30	1524010181	Vũ Thị Anh	Thi	05/11/1997	5770				
31	1624010112	Phạm Thị Tích	Thiện	31/05/1998	5771				
32	1524010252	Vũ Trung	Thông	06/03/1997	5772				
33	1524010516	Trương Lập	Thu	15/09/1997	5773				
34	1524010173	Trần Minh	Thư	25/02/1997	5774				
35	1624010955	Dương Thị	Thủy	24/09/1998	5775				
36	1524010121	Nguyễn Thị	Trang	17/10/1997	5776				
37	1524010261	Trần Anh	Tú	13/05/1996	5777				
38	1624010023	Phạm Thị Tố	Uyên	05/09/1998	5778				
39	1524010142	Trần Thị	Yên	12/06/1997	5779				
40	1624010328	Nguyễn Thị Hải	Yến	17/06/1998	5780				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4070103 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Kinh tế lượng

Ngày thi: **04/08/2017**Phòng thi: **HNAA303**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1424010006	Nguyễn Văn	Anh	30/07/1996	5781				
2	1524010364	Phạm Đức	Anh	24/06/1997	5782				
3	1524010369	Vũ Thị Vân	Anh	17/09/1997	5783				
4	1524010188	Nguyễn Ngọc	ánh	01/12/1997	5784				
5	1421050275	Trần Đình	Bách	21/09/1996	5785				
6	1421050017	Trần Thị	Bích	27/07/1996	5786				
7	1424010020	Lê Văn	Công	08/11/1995	5787				
8	1624011004	Trần Duy	Đạt	20/09/1998	5788				
9	1524010197	Chu Thị Ngọc	Diệp	03/11/1997	5789				
10	1324010452	Nguyễn Minh	Đức	21/01/1995	5790				
11	1321050047	Nguyễn Duy	Dương	15/06/1995	5791				
12	1424010038	Nguyễn Thiện	Hải	18/05/1996	5792				
13	1624010560	Nguyễn Thị Lê	Hằng	20/04/1998	5793				
14	1624010785	Ngô Thị	Hạnh	07/07/1998	5794				
15	1624010510	Nguyễn Thị	Hạnh	20/06/1998	5795				
16	1424010046	Lê Thị Thu	Hiền	18/10/1996	5796				
17	1524010574	Võ Xuân	Hiền	17/12/1997	5797				
18	1424010080	Lương Thị	Hương	04/10/1996	5798				
19	1624010867	Phí Thị Lan	Hương	23/10/1998	5799				
20	1324010136	Lưu Thu	Hường	05/09/1995	5800				
21	1524010445	Nguyễn Tiến Quang	Huy	25/08/1997	5801				
22	1624010618	Bùi Thu	Huyền	23/02/1998	5802				
23	1524010219	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	09/05/1997	5803				
24	1424010071	Nguyễn Thị Thu	Huyền	31/12/1996	5804				
25	1424010075	Trần Trọng	Huỳnh	08/03/1996	5805				
26	1524010226	Đặng Thị	Kiều	11/08/1997	5806				
27	1421030423	Nguyễn Tùng	Lân	24/07/1996	5807				
28	1624010680	Dương Thị	Lệ	16/10/1998	5808				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4070103 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Kinh tế lượng

Ngày thi: **04/08/2017**Phòng thi: **HNAA308**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1424010095	Phạm Thị	Liên	19/09/1996	5809				
2	1524010018	Mai Xuân	Linh	20/09/1995	5810				
3	1624010576	Nguyễn Thị Thùy	Linh	17/05/1997	5811				
4	1624010736	Trần Thùy	Linh	08/02/1998	5812				
5	1524010084	Trần Đức	Lương	27/10/1997	5813				
6	1424010124	Lê Ngọc	Minh	28/12/1995	5814				
7	1524010579	Vũ Quang	Nam	02/09/1997	5815				
8	1524010115	Lại Hồng	Ngọc	25/07/1997	5816				
9	1524010192	Nguyễn Thùy	Ngọc	27/10/1996	5817				
10	1524010286	Nguyễn Thị Mai	Phương	07/09/1997	5818				
11	1321050168	Nguyễn Mai Diệu	Quỳnh	17/06/1995	5819				
12	1524010180	Vũ Tuấn	Sơn	20/02/1997	5820				
13	1611060026	Đỗ Minh	Sỹ	01/02/1998	5821				
14	1524010072	Nguyễn Đức	Tấn	20/04/1997	5822				
15	1321050187	Nguyễn Văn	Thắng	23/12/1994	5823				
16	1524010014	Vương Đức	Thành	17/10/1997	5824				
17	1524010303	Lương Thu	Thảo	07/10/1997	5825				
18	1524010007	Nguyễn Thị	Thu	10/04/1997	5826				
19	1524010214	Trần Anh	Thư	13/02/1997	5827				
20	1624010955	Dương Thị	Thủy	24/09/1998	5828				
21	1624010458	Nguyễn Minh	Thủy	21/02/1998	5829				
22	1624010503	Trần Thị Thu	Thủy	14/12/1998	5830				
23	1624010906	Vũ Thị	Thủy	22/12/1998	5831				
24	1424010205	Đặng Đình	Trung	09/04/1996	5832				
25	1524010010	Nguyễn Thanh	Truyền	22/01/1997	5833				
26	1421050230	Cát Huy	Tùng	24/02/1996	5834				
27	1524010554	Nguyễn Đăng	Tùng	23/03/1997	5835				
28	1524010019	Phạm Việt	Việt	23/05/1996	5836				
29	1624010328	Nguyễn Thị Hải	Yến	17/06/1998	5837				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4070215 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Tâm lý học quản trị kinh doanh

Ngày thi: **01/08/2017**Phòng thi: **HNAB501**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1524010001L	Soudsaychai Homdouang	.	26/01/1997	5838				
2	1524010311	Lê Thục	Anh	09/10/1997	5839				
3	1221040005	Lê Việt	Anh	31/07/1994	5840				
4	1524010194	Lý Thị	ánh	14/09/1997	5841				
5	1524010290	Nông Ngọc	ánh	29/08/1997	5842				
6	1524010373	Lê Thị	Cầm	05/06/1995	5843				
7	1524010376	Lê Quang	Cường	22/12/1997	5844				
8	1424010267	Nguyễn Thị	Dung	20/11/1996	5845				
9	1524010022	Nguyễn Thu	Hà	21/02/1997	5846				
10	1524010402	Phạm Thị	Hà	20/10/1997	5847				
11	1324010469	Mạnh Ngọc	Hải	07/01/1995	5848				
12	1524010269	Vũ Ngọc	Hân	05/01/1996	5849				
13	1424010302	Nguyễn Thị	Hào	09/02/1996	5850				
14	1424010056	Nguyễn Thị	Hoài	07/03/1995	5851				
15	1424010350	Hoàng Hữu	Hoan	03/11/1996	5852				
16	1521041004	Hoàng Thị	Hồng	03/12/1997	5853				
17	1524010432	Đỗ Thị	Huệ	27/04/1997	5854				
18	1524010435	Trịnh Việt	Hùng	05/06/1991	5855				
19	1521020219	Đinh Quang	Hưng	03/02/1997	5856				
20	1524010440	Nguyễn Thị	Hương	17/03/1997	5857				
21	1524010447	Phạm Quang	Huy	29/06/1997	5858				
22	1524010449	Nguyễn Thị	Huyền	05/03/1997	5859				
23	1221040409	Nguyễn Hoài	Lam	18/05/1994	5860				
24	1524010076	Ngô Ngọc	Lan	16/12/1997	5861				
25	1524010047	Phạm Hải	Nam	02/09/1997	5862				
26	1524010479	Đinh Bảo	Ngọc	12/06/1997	5863				
27	1524010615	Phạm Thị Bảo	Ngọc	24/07/1997	5864				
28	1524010278	Lương Thị Nhâm	Oanh	26/09/1997	5865				
29	1524010098	Nguyễn Xuân	Phúc	15/12/1997	5866				
30	1524010272	Nguyễn Thị	Phương	06/03/1997	5867				
31	1524010584	Hoàng Thúy	Quỳnh	24/12/1997	5868				
32	1524010341	Vũ Như	Thọ	17/01/1997	5869				
33	1524010200	Cao Thương	Thương	17/03/1997	5870				
34	1524010628	Dương Thị Thanh	Thúy	14/10/1996	5871				
35	1524010283	Hoàng Thu	Thủy	16/10/1996	5872				
36	1524010255	Nguyễn Thị	Thủy	27/01/1997	5873				
37	1524010166	Lê Hà	Trang	07/06/1997	5874				
38	1524010087	Lê Thị	Trang	02/10/1997	5875				
39	1424010601	Đào Mạnh	Trí	29/09/1996	5876				
40	1524010013	Ngô Việt	Trung	03/02/1996	5877				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4070215 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Tâm lý học quản trị kinh doanh

Ngày thi: **01/08/2017**Phòng thi: **HNAB501**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1524010244	Nguyễn Hoàng	Trung	17/01/1997	5878				
42	1524010261	Trần Anh	Tú	13/05/1996	5879				
43	1524010053	Lê Huy	Vũ	17/09/1997	5880				
44	1524010565	Trần Ngọc Thảo	Vy	27/06/1997	5881				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4070309 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Phân tích kinh tế hoạt động kinh doanh

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAA308

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1424010003	Đông Thị Ngọc	Anh	24/10/1996	5882				
2	1324010416	Quách Thị Ngọc	Anh	13/07/1995	5883				
3	1424010028	Nguyễn Thị	Duyên	08/09/1996	5884				
4	1424010039	Cao Thị	Hào	30/09/1996	5885				
5	1424010336	Lê Thị	Hoa	20/03/1996	5886				
6	1424010643	Phạm Thị Phương	Hoàn	01/12/1996	5887				
7	1424010068	Nguyễn Khánh	Huyền	17/11/1996	5888				
8	1324010550	Nguyễn Thị	Len	09/08/1995	5889				
9	1424010437	Nguyễn Ngọc	Mai	02/10/1996	5890				
10	1324010582	Trần Nhật	Mạnh	23/09/1995	5891				
11	1424010129	Nguyễn Thị	Nga	20/01/1996	5892				
12	1424010642	Hà Thị	Ngân	06/04/1996	5893				
13	1424010197	Nguyễn Thị Hiền	Trang	05/12/1995	5894				
14	1424010622	Vương Thị Tố	Uyên	17/08/1996	5895				
15	1634010105	Chu Hà	Vi	03/09/1995	5896				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4070401 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Nguyên lý kế toán

Ngày thi: **03/08/2017**Phòng thi: **HNAA303**

Tiết bắt đầu:

6Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1524010308	Đỗ Thị Ngọc	Anh	06/09/1997	5897				
2	1624010659	Vũ Tuấn	Anh	03/04/1998	5898				
3	1321070028	Hoàng Trọng	Cường	08/09/1990	5899				
4	1321050054	Hoàng Thành	Đạt	27/06/1994	5900				
5	1321060453	Nguyễn Tiến	Đạt	11/11/1995	5901				
6	1321050044	Nguyễn Văn	Dũng	15/11/1995	5902				
7	1314010009	Nguyễn Thị	Duyên	09/09/1994	5903				
8	1421050366	Lê Thị Thu	Giang	11/09/1996	5904				
9	1424010046	Lê Thị Thu	Hiền	18/10/1996	5905				
10	1321050073	Nguyễn Đức	Hiển	10/12/1995	5906				
11	1321050548	Trần Đức	Hiếu	01/05/1994	5907				
12	1321030613	Nguyễn Việt	Hùng	10/06/1994	5908				
13	1221010177	Nguyễn Văn	Khánh	10/06/1994	5909				
14	1321050615	Nguyễn Đức	Linh	10/01/1995	5910				
15	1321060192	Lương Thành	Nam	13/05/1995	5911				
16	1321070141	Nguyễn Hoàng	Phi	21/09/1995	5912				
17	1321030774	Bùi Nam	Phong	28/05/1995	5913				
18	1321050662	Nguyễn Văn	Phượng	21/11/1994	5914				
19	1321050165	Lý Hồng	Quân	20/07/1995	5915				
20	1321050163	Nguyễn Văn	Quang	27/10/1995	5916				
21	1321030800	Trần Xuân	Quý	27/02/1991	5917				
22	1421070102	Chào Láo	San	28/10/1995	5918				
23	1321050187	Nguyễn Văn	Thắng	23/12/1994	5919				
24	1321070175	Nguyễn Thu	Thảo	02/11/1995	5920				
25	1524010252	Vũ Trung	Thông	06/03/1997	5921				
26	1421070125	Giáp Lương	Thuận	29/07/1996	5922				
27	1321030885	Trần Văn	Thường	20/03/1994	5923				
28	1524010301	Bùi Thị Thu	Trang	09/05/1997	5924				
29	1524010536	Nguyễn Quỳnh	Trang	18/05/1997	5925				
30	1421040301	Vũ Thị	Trang	13/09/1996	5926				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4080201 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321060400	Nguyễn Đình	An	15/05/1994	5927				
2	1521010011	Đào Hoàng	Anh	11/12/1997	5928				
3	1521010130	Nguyễn Hoàng	Anh	13/03/1997	5929				
4	1521060189	Nguyễn Quốc	Anh	25/06/1996	5930				
5	1621060293	Trần Tuấn	Anh	02/03/1998	5931				
6	1321050425	Lê Hải	Bằng	24/09/1994	5932				
7	1421010025	Vũ Văn	Bảo	08/09/1994	5933				
8	1321040338	Nguyễn Thành	Biên	09/05/1994	5934				
9	1521060433	Nguyễn Đức	Chính	28/06/1997	5935				
10	1521050334	Cao Văn	Chung	15/06/1997	5936				
11	1321040028	Mai Chiến	Công	18/01/1991	5937				
12	1321020032	Nguyễn Thành	Công	10/10/1995	5938				
13	1321040029	Phạm Chí	Công	15/06/1995	5939				
14	1321060431	Phạm Ngọc	Cương	08/09/1994	5940				
15	1321060037	Bùi Cao	Cường	06/09/1995	5941				
16	1521030183	Mạnh Lộc	Cường	02/01/1996	5942				
17	1521060090	Nguyễn Đình	Cường	12/05/1994	5943				
18	1321050033	Nguyễn Mạnh	Cường	26/10/1992	5944				
19	1511060018	Trần Đức	Cường	25/01/1997	5945				
20	1521050014	Đỗ Văn	Đà	10/11/1997	5946				
21	1521070112	Đỗ Đình	Đoàn	18/08/1997	5947				
22	1321060075	Đào Văn	Đông	06/02/1995	5948				
23	1321060080	Đinh Bảo	Đức	14/11/1995	5949				
24	1321020499	Nguyễn Văn	Đức	22/08/1995	5950				
25	1411030022	Phạm Minh	Đức	22/08/1996	5951				
26	1321060085	Phạm Văn	Đức	19/09/1995	5952				
27	1521020040	Trần Trung	Đức	07/10/1996	5953				
28	1321010072	Lê Trọng	Dũng	12/03/1995	5954				
29	1321060445	Phan Quốc	Dũng	10/10/1995	5955				
30	1321060058	Nguyễn Đình	Dương	16/07/1995	5956				
31	1521010168	Vũ Tuấn	Dương	06/11/1997	5957				
32	1321040051	Lê Ba	Duy	05/05/1995	5958				
33	1521070236	Đặng Quang	Giang	03/01/1997	5959				
34	1421010091	Trần Thu	Hà	11/09/1996	5960				
35	1321020514	Đặng Hoàng	Hải	21/07/1995	5961				
36	1521060414	Nguyễn Tiên	Hải	19/01/1997	5962				
37	1521060247	Nguyễn Xuân	Hải	09/08/1997	5963				
38	1321060106	Nguyễn Bá	Hậu	02/08/1995	5964				
39	1321040485	Nguyễn Đức	Hậu	03/02/1994	5965				
40	1321060109	Phan Thanh	Hậu	22/12/1995	5966				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4080201 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521040061	Nguyễn Văn	Hiên	23/10/1997	5967				
42	1521050153	Phạm Thị	Hiên	10/04/1997	5968				
43	1521060006	Phạm Hoàng	Hiệp	14/05/1997	5969				
44	1321020097	Vũ Đức	Hiệp	14/03/1995	5970				
45	1521060172	Đinh Quý	Hiếu	28/11/1997	5971				
46	1321060118	Đinh Văn	Hiếu	10/11/1994	5972				
47	1521060447	Mai Xuân	Hiếu	01/12/1997	5973				
48	1621060010	Nguyễn Minh	Hiếu	11/04/1998	5974				
49	1521010208	Nguyễn Trung	Hiếu	21/10/1996	5975				
50	1521060003	Nguyễn Văn	Hiếu	20/07/1997	5976				
51	1321050548	Trần Đức	Hiếu	01/05/1994	5977				
52	1521010149	Trần Minh	Hiếu	11/10/1997	5978				
53	1521050112	Nguyễn Doãn	Hoan	20/01/1997	5979				
54	1421030075	Trần Quang	Hoan	04/11/1995	5980				
55	1121060214	Nguyễn Huy	Hoàng	16/03/1993	5981				
56	1321010161	Nguyễn Văn	Hoàng	12/09/1995	5982				
57	1421020371	Trần Đình	Hoàng	20/04/1996	5983				
58	1521040067	Nguyễn Thị	Hồng	02/03/1997	5984				
59	1521010186	Hồ Sỹ	Hùng	04/02/1997	5985				
60	1321060132	Hoàng Thế	Hùng	05/03/1994	5986				
61	1321060134	Lê Văn	Hùng	26/01/1995	5987				
62	1321030092	Nguyễn Văn	Hùng	24/10/1995	5988				
63	1521060087	Đặng Văn	Huy	26/04/1997	5989				
64	1321020117	Lê Minh	Huy	31/03/1995	5990				
65	1321030622	Nguyễn Quang	Huy	30/07/1995	5991				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4080201 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321070537	Lê Văn	Hưng	10/07/1995	5992				
2	1321040132	Ngô Quang	Hưng	24/07/1994	5993				
3	1321070093	Nguyễn Cao	Hưng	29/11/1995	5994				
4	1321030098	Nguyễn Quốc	Huy	09/06/1995	5995				
5	1321060512	Trịnh Quang	Huy	28/09/1994	5996				
6	1521050201	Bùi Văn	Huyền	10/12/1997	5997				
7	1321080043	Nguyễn Thị Diệu	Huyền	11/10/1995	5998				
8	1621050231	Đinh Duy	Khánh	16/09/1998	5999				
9	1621070161	Trần Vũ Minh	Khôi	10/08/1998	6000				
10	1321080463	Nguyễn Thị	Khuyên	05/05/1995	6001				
11	1321060536	Nguyễn Trung	Kiên	31/12/1995	6002				
12	1321070560	Phan Tùng	Lâm	12/04/1995	6003				
13	1321080465	Nguyễn Thị	Lan	01/09/1995	6004				
14	1521040045	Vũ Thị Thu	Lan	12/09/1997	6005				
15	1321040515	Trần Đăng	Linh	21/09/1995	6006				
16	1321060547	Trần Văn	Linh	13/07/1994	6007				
17	1321050622	Nguyễn Văn	Lộc	11/01/1995	6008				
18	1321030130	Nguyễn Việt	Long	17/11/1994	6009				
19	1511060013	Phạm Văn	Luân	15/10/1997	6010				
20	1411030039	Lê Văn	Luận	03/04/1996	6011				
21	1321070118	Đinh Thế	Mạnh	13/10/1995	6012				
22	1421030450	Lê Văn	Mạnh	07/11/1996	6013				
23	1521050149	Nguyễn Đức	Mạnh	04/09/1997	6014				
24	1521040106	Nguyễn Văn	Minh	03/10/1997	6015				
25	1321080061	Hoàng Thị	Mong	10/01/1995	6016				
26	1421010212	Lã Văn	Nam	05/10/1996	6017				
27	1621050115	Nguyễn Bá	Nam	06/02/1998	6018				
28	1321040180	Nguyễn Đình	Nam	19/07/1995	6019				
29	1321060198	Nguyễn Văn	Nam	29/10/1994	6020				
30	1321030162	Trần Thị Nguyệt	Nga	10/04/1995	6021				
31	1621060050	Vũ Xuân	Nghiêm	18/04/1998	6022				
32	1521030471	Phạm Cao	Nghiên	12/01/1995	6023				
33	1421060194	Đỗ Thanh	Ngọc	03/06/1996	6024				
34	1321020157	Tạ Minh	Ngọc	04/08/1995	6025				
35	1321080069	Vũ Thị	Ngọc	10/04/1995	6026				
36	1321060207	Nguyễn Trọng	Nguyên	05/10/1994	6027				
37	1421010397D	Ngân Văn	Nhã	27/08/1994	6028				
38	1521060045	Nguyễn Đức	Nhật	15/08/1997	6029				
39	1521030028	Lê Quang	Oai	22/04/1997	6030				
40	1321060211	Phạm Thị Kiều	Oanh	09/05/1995	6031				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4080201 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621010900	Lornn	Odm	04/05/1995	6032				
42	1621050280	Trần Dư	Phan	03/08/1998	6033				
43	1621050608	Vũ Tấn	Phát	30/08/1998	6034				
44	1321070141	Nguyễn Hoàng	Phi	21/09/1995	6035				
45	1421070413	Nguyễn Lê	Phi	03/11/1996	6036				
46	1421030490	Trọng Hồng	Phong	14/07/1996	6037				
47	1321070145	Vũ Hồng	Phong	28/11/1995	6038				
48	1521050203	Tô Văn	Phú	17/07/1997	6039				
49	1321030780	Nguyễn Hồng	Phúc	03/03/1995	6040				
50	1521060396	Hoàng Đức	Phương	09/07/1997	6041				
51	1321010282	Đỗ Hoàng Hải	Quân	31/03/1994	6042				
52	1421010270	Thiều Minh	Quân	17/09/1996	6043				
53	1321060228	Trần Văn	Quân	17/06/1995	6044				
54	1421070097	Nguyễn Hồng	Quang	02/02/1995	6045				
55	1321070150	Vũ Ngọc	Quang	21/05/1995	6046				
56	1511060001	Lê Công	Sinh	07/06/1997	6047				
57	1321060593	Trần Đức	Sinh	06/04/1995	6048				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4080201 Nhóm: N01 Tổ thi: T003 Tên HP: Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAD401

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321040229	Lê Ngọc	Son	15/12/1995	6049				
2	1321060594	Nguyễn Bá	Son	03/01/1995	6050				
3	1321040233	Nguyễn Hữu	Son	18/11/1995	6051				
4	1321020703	Hoàng Xuân	Sỹ	02/08/1995	6052				
5	1521060075	Đỗ Thế	Tài	13/11/1997	6053				
6	1321020709	Ngô Văn	Thái	04/08/1995	6054				
7	1421060566	Nguyễn Hữu	Thái	07/09/1988	6055				
8	1621050057	Phạm Văn	Thắng	12/11/1998	6056				
9	1321010336	Trần Văn	Thắng	19/10/1995	6057				
10	1221060424	Hồ	Thanh	17/02/1992	6058				
11	1321020193	Nguyễn Chí	Thanh	08/09/1995	6059				
12	1321070171	Phạm Văn	Thanh	18/09/1995	6060				
13	1521060434	Phạm Tiến	Thành	02/03/1997	6061				
14	1521060388	Trần Quang	Thành	03/08/1997	6062				
15	1321010323	Nguyễn Thu	Thảo	01/11/1995	6063				
16	1321070175	Nguyễn Thu	Thảo	02/11/1995	6064				
17	1621050866	Chu Minh Ngọc	Thi	21/12/1998	6065				
18	1521070367	Lê Văn	Thiện	02/09/1996	6066				
19	1321020726	Trần Văn	Thiệu	01/10/1994	6067				
20	1511050007	Phạm Anh	Thư	21/09/1995	6068				
21	1521060201	Phạm Văn	Thuận	03/02/1997	6069				
22	1621060460	Trần Ngọc	Thuận	18/09/1998	6070				
23	1521010371	Trần Văn	Thuận	13/07/1997	6071				
24	1321060628	Nguyễn Cao	Thủy	21/01/1995	6072				
25	1321030234	Nguyễn Văn	Tiến	25/12/1993	6073				
26	1321030236	Đỗ Mạnh	Toàn	16/04/1994	6074				
27	1421030207	Lê Văn	Toàn	15/11/1996	6075				
28	1321020757	Phạm Công	Toàn	02/05/1995	6076				
29	1321020758	Trần Minh	Toàn	19/05/1995	6077				
30	1621060999	Nguyễn Đức	Toàn	15/09/1996	6078				
31	1421060600	Đinh Văn	Trọng	13/01/1995	6079				
32	1521010147	Vũ Văn	Trọng	21/11/1997	6080				
33	1321030244	Bùi Đức	Trung	04/11/1995	6081				
34	1421060602	Dương Thành	Trung	07/08/1995	6082				
35	1421060605	Nguyễn Ngọc	Trung	18/01/1995	6083				
36	1421050218	Đàm Quang	Trường	18/01/1993	6084				
37	1521050002	Nguyễn Đăng	Trường	30/03/1997	6085				
38	1311030131	Nguyễn Xuân	Trường	14/11/1994	6086				
39	1421030600	Nguyễn Văn	Tú	16/09/1995	6087				
40	1521050131	Nguyễn Anh	Tuấn	05/06/1995	6088				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4080201 Nhóm: N01 Tổ thi: T003 Tên HP: Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAD401

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1221030478	Nguyễn Mạnh	Tuấn	28/02/1994	6089				
42	1321030949	Nguyễn Văn	Tuấn	07/07/1995	6090				
43	1321010400	Trần Anh	Tuấn	18/12/1995	6091				
44	1521060246	Nguyễn Thanh	Tùng	30/01/1997	6092				
45	1321060341	Phạm Đức	Tùng	11/05/1995	6093				
46	1521050137	Lương Văn	Vĩ	20/06/1995	6094				
47	1521010026	Đoàn Văn	Viện	07/10/1997	6095				
48	1321010422	Lê Văn	Vinh	07/04/1995	6096				
49	1321030985	Nguyễn Văn	Vinh	11/03/1995	6097				
50	1621040078	Nguyễn Thuần	Vũ	20/12/1998	6098				
51	1321080546	Nguyễn Thị	Xuyên	28/08/1995	6099				
52	1321080118	Nguyễn Thị	Xuyên	11/06/1995	6100				
53	1321060354	Đỗ Thị	Yến	14/11/1994	6101				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4080201 Nhóm: N02 Tổ thi: T001 Tên HP: Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521070143	Đỗ Hoàng	Anh	20/07/1997	6102				
2	1421010392D	Dùng Thế	Anh	04/08/1995	6103				
3	1521060136	Mai Đắc	Anh	10/12/1997	6104				
4	1621060026	Ngô Thị Hoàng	Anh	02/01/1999	6105				
5	1511060027	Nguyễn Duy	Anh	12/12/1997	6106				
6	1521050183	Nguyễn Thị Lan	Anh	12/04/1997	6107				
7	1521010179	Nguyễn Việt	Anh	10/02/1997	6108				
8	1521050286	Phạm Tuấn	Anh	05/12/1997	6109				
9	1521060206	Trần Tuấn	Anh	15/06/1997	6110				
10	1521060078	Lưu Xuân	Bách	08/10/1997	6111				
11	1521060098	Lê Minh	Châu	18/12/1997	6112				
12	1521040072	Nguyễn Hữu	Chiến	16/05/1997	6113				
13	1521040017	Đặng Đình	Chương	08/04/1995	6114				
14	1321020443	Nguyễn Ngọc	Công	09/06/1995	6115				
15	1521020151	Phan Thế	Của	09/10/1997	6116				
16	1621050113	Trần Văn	Cương	19/06/1998	6117				
17	1321080010	Đặng Hồng	Cường	29/08/1989	6118				
18	1521050070	Lù Mạnh	Cường	17/08/1996	6119				
19	1521080040	Nguyễn Mạnh	Cường	15/07/1996	6120				
20	1421010046	Thiều Viết	Cường	17/02/1996	6121				
21	1521020052	Dương Công	Đàng	29/04/1997	6122				
22	1521020154	Đinh Văn	Đạt	09/11/1997	6123				
23	1621050798	Hoàng Văn	Đạt	09/10/1998	6124				
24	1521060036	Nguyễn Tiến	Đạt	08/12/1997	6125				
25	1321040068	Tạ Trung	Định	17/10/1995	6126				
26	1621060596	Nguyễn Thành	Đoàn	20/02/1998	6127				
27	1521050255	Đoàn Văn	Duẩn	04/12/1994	6128				
28	1621060413	Hoàng Bá	Duẩn	14/10/1998	6129				
29	1521050295	Hoàng Anh	Đức	09/01/1997	6130				
30	1621060133	Vũ Mạnh	Đức	12/02/1996	6131				
31	1521010384	Hoàng Kim	Dung	26/01/1997	6132				
32	1621060755	Nguyễn Tiến	Dũng	26/07/1998	6133				
33	1521060276	Nguyễn Xuân	Dũng	05/07/1997	6134				
34	1521040034	Phạm Lê Quang	Dương	14/02/1997	6135				
35	1521040053	Nguyễn Cảnh	Duy	29/09/1997	6136				
36	1521060131	Nguyễn Văn	Duy	06/03/1997	6137				
37	1521050005	Bạch Quang	Hà	27/03/1997	6138				
38	1321020083	Trần Mạnh	Hà	15/01/1995	6139				
39	1621050470	Nguyễn Thanh	Hải	01/10/1997	6140				
40	1611070004	Nguyễn Văn	Hào	30/07/1998	6141				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4080201 Nhóm: N02 Tổ thi: T001 Tên HP: Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621050381	Nguyễn Ngọc	Hiệp	18/05/1998	6142				
42	1521080146	Đặng Hoàng	Hiếu	23/10/1997	6143				
43	1621060294	Hoàng Bá	Hiếu	20/01/1998	6144				
44	1621070733	Nguyễn Trung	Hiếu	13/10/1998	6145				
45	1521010408	Nguyễn Xuân	Hiếu	03/12/1997	6146				
46	1521060186	Vũ Đình	Hiếu	18/01/1997	6147				
47	1521020048	Nguyễn Văn	Hiếu	03/08/1997	6148				
48	1521080152	Nguyễn Thị	Hoa	08/02/1997	6149				
49	1521011147	Nguyễn Thanh	Hòa	25/06/1997	6150				
50	1621060585	Lại Văn	Hồng	01/06/1998	6151				
51	1621050625	Dương Thanh	Huân	23/04/1998	6152				
52	1521060321	Phạm Công	Hùng	09/02/1997	6153				
53	1321070532	Đỗ Đức	Huy	23/02/1995	6154				
54	1521050216	Nguyễn Quang	Huy	21/10/1997	6155				
55	1621050033	Nguyễn Quang	Huy	02/10/1998	6156				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4080201 Nhóm: N02 Tổ thi: T002 Tên HP: Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521070445	Trịnh Quang	Huy	22/07/1995	6157				
2	1621060301	Trương Văn	Huy	30/09/1997	6158				
3	1321010194	Nguyễn Duy	Khánh	11/04/1995	6159				
4	1521050242	Trần Hoàng	Khánh	11/10/1996	6160				
5	1521050037	Trương Quốc	Khánh	25/09/1997	6161				
6	1511060017	Nguyễn Hữu	Kiên	23/12/1996	6162				
7	1521060040	Nguyễn Trung	Kiên	23/09/1997	6163				
8	1521050312	Phạm Trung	Kiên	06/03/1997	6164				
9	1621030098	Trần Trung	Kiên	30/04/1998	6165				
10	1621060137	Nguyễn Bảo	Lâm	05/11/1998	6166				
11	1321040151	Vũ Duy	Lâm	04/12/1995	6167				
12	1521050206	Hà Văn	Linh	11/11/1996	6168				
13	1521030256	Nguyễn Bá	Linh	20/04/1997	6169				
14	1321030123	Nguyễn Thị Thùy	Linh	04/01/1994	6170				
15	1621060652	Nguyễn Văn	Linh	22/09/1998	6171				
16	1524010090	Vũ Thùy	Linh	05/06/1997	6172				
17	1521070297	Vũ Thị	Loan	12/11/1997	6173				
18	1521080353	Hồ Công	Lộc	01/10/1997	6174				
19	1521050214	Tạ Tấn	Lộc	21/02/1997	6175				
20	1511060015	Lê Văn	Lợi	10/04/1997	6176				
21	1311030073	Trần Thanh	Long	13/12/1995	6177				
22	1621050611	Bùi Đức	Lương	10/05/1998	6178				
23	1521080354	Nguyễn Thị	Mận	16/06/1997	6179				
24	1221060089	Hoàng Văn	Mạnh	06/12/1994	6180				
25	1321070589	Phạm Đức	Mạnh	20/01/1995	6181				
26	1521050257	Vũ Văn	Mạnh	06/09/1997	6182				
27	1421010201	Hoàng	Minh	28/02/1995	6183				
28	1321010233	Nguyễn Việt	Minh	04/11/1995	6184				
29	1311040075	Vũ Văn	Minh	17/12/1994	6185				
30	1421010210	Hà Duy	Nam	03/04/1996	6186				
31	1621050532	Nguyễn Quang	Nam	18/05/1998	6187				
32	1521060120	Nguyễn Văn	Nam	04/02/1997	6188				
33	1621060017	Nguyễn Xuân	Nam	08/10/1998	6189				
34	1521010199	Phạm Văn	Nam	02/07/1997	6190				
35	1321010245	Triệu Đức	Nam	11/11/1995	6191				
36	1321011079	Nguyễn Thị Kim	Ngân	13/03/1994	6192				
37	1521010173	Đặng Văn	Nghĩa	10/01/1996	6193				
38	1621010084	Nguyễn Hữu	Nghĩa	28/09/1998	6194				
39	1321030168	Đào Thiện	Nguyên	17/07/1995	6195				
40	1521060061	Lê Văn	Nhân	22/08/1997	6196				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4080201 Nhóm: N02 Tổ thi: T002 Tên HP: Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1421030476	Dương Văn	Nhất	23/11/1996	6197				
42	1321070616	Trần Hùng	Phi	07/05/1993	6198				
43	1521060101	Lê Hữu	Phong	02/12/1997	6199				
44	1521070079	Đỗ Đức	Phú	05/03/1997	6200				
45	1521040025	Từ Bá	Phúc	08/02/1997	6201				
46	1421060208	Vũ Hồng	Phúc	30/12/1995	6202				
47	1521070327	Vũ Trọng	Phúc	11/05/1997	6203				
48	1521060064	Mạc Duy	Phương	06/10/1997	6204				
49	1521060300	Trần Minh	Phương	24/10/1997	6205				
50	1521030289	Nguyễn Hồng	Phượng	20/02/1997	6206				
51	1321020173	Nguyễn Hùng	Quân	06/03/1995	6207				
52	1521060350	Nguyễn Văn	Quang	04/11/1997	6208				
53	1421010259	Phạm Đình	Quang	21/10/1996	6209				
54	1321060224	Phạm Duy	Quang	12/06/1994	6210				
55	1621070042	Vũ Ngọc	Quang	19/05/1998	6211				
56	1521040163	Lương Hoàng	Quốc	02/06/1997	6212				
57	1521040046	Nhữ Ngọc	Quý	30/05/1994	6213				
58	1521080048	Nguyễn Thế	Quyền	24/08/1997	6214				
59	1621050068	Nguyễn Thị	Quỳnh	20/11/1998	6215				
60	1621050719	Đinh Văn	Sang	30/03/1998	6216				
61	1521010087	Lê Văn	Sang	16/10/1997	6217				
62	1621050274	Phạm Tài	Sang	04/05/1997	6218				
63	1621010272	Lê Hữu	Sáng	25/05/1998	6219				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4080201 Nhóm: N02 Tổ thi: T003 Tên HP: Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAD401

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521060330	Đặng Đình	Son	10/01/1997	6220				
2	1321020702	Vũ Thái	Son	21/09/1995	6221				
3	1621070800	Anousone	SORMIXA	12/11/1995	6222				
4	1321010299	Lê Khắc	Sỹ	10/01/1995	6223				
5	1521060054	Nguyễn Trọng	Tấn	21/10/1997	6224				
6	1521060032	Đỗ Chiến	Thắng	27/10/1997	6225				
7	1521060125	Hoàng Hữu	Thắng	23/10/1997	6226				
8	1621070138	Nguyễn Đức	Thắng	25/11/1998	6227				
9	1521060140	Phạm Hữu	Thắng	03/02/1997	6228				
10	1421030561	Vũ Ngọc	Thắng	16/07/1996	6229				
11	1321080085	Đàm Duy	Thanh	14/10/1995	6230				
12	1521060423	Nguyễn Duy	Thanh	17/10/1997	6231				
13	1521060039	Phạm Duy	Thanh	08/01/1997	6232				
14	1621061006	Nguyễn Văn	Thế	29/09/1998	6233				
15	1521010121	Lại Văn	Thiểm	17/01/1997	6234				
16	1311020073	Đỗ Hữu	Thiện	14/02/1995	6235				
17	1421050193	Hoàng Trọng	Thiện	15/03/1996	6236				
18	1421010315	Vũ Văn	Thiệp	22/06/1996	6237				
19	1521080265	Bùi Công	Tiến	26/10/1997	6238				
20	1521060296	Đỗ Minh	Tiến	19/11/1997	6239				
21	1521060023	Hoàng Hữu	Tiến	24/03/1997	6240				
22	1521040175	Bùi Duy	Tĩnh	19/11/1996	6241				
23	1321060312	Nguyễn Xuân	Tĩnh	24/09/1995	6242				
24	1321080103	Bùi Thị Mai	Trang	05/05/1995	6243				
25	1321040302	Vũ Nhật	Trang	01/09/1995	6244				
26	1521060391	Vũ Văn	Triển	17/11/1996	6245				
27	1521050163	Đỗ Đức	Trọng	17/02/1995	6246				
28	1521060257	Đoàn Thế	Trung	18/01/1997	6247				
29	1321020769	Nguyễn Đức	Trung	12/02/1995	6248				
30	1521040112	Nguyễn Đức	Trung	29/08/1997	6249				
31	1521060420	Nguyễn Hà	Trung	16/01/1997	6250				
32	1321060320	Phùng Hữu	Trung	14/09/1995	6251				
33	1621010252	Cao Thế	Trường	09/10/1998	6252				
34	1521070387	Mạc Văn	Tú	27/11/1997	6253				
35	1221020529	Trần Minh	Tuân	02/07/1994	6254				
36	1521080278	Nguyễn Anh	Tuấn	02/11/1997	6255				
37	1521060232	Nguyễn Minh	Tuấn	03/03/1997	6256				
38	1521060444	Nguyễn Văn	Tuấn	01/07/1997	6257				
39	1421050227	Trịnh Anh	Tuấn	22/02/1996	6258				
40	1321010407	Nguyễn Ngọc	Tùng	20/02/1995	6259				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4080201 Nhóm: N02 Tổ thi: T003 Tên HP: Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAD401

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521050063	Nguyễn Công	Tuyền	27/02/1997	6260				
42	1521010212	Kiều Văn	Vệ	12/09/1997	6261				
43	1321020252	Nguyễn Lương	Viên	09/12/1995	6262				
44	1521060385	Phùng Duy	Việt	17/09/1996	6263				
45	1521050046	Tổng Xuân	Vinh	19/05/1997	6264				
46	1521040185	Trần Quang	Vinh	01/09/1997	6265				
47	1521030109	Lê Quang	Vũ	01/02/1996	6266				
48	1621060631	Nguyễn An	Vũ	21/11/1998	6267				
49	1521050020	Tạ Đức	Vượng	25/06/1997	6268				
50	1521050082	Hồ Thị	Yến	25/03/1997	6269				
51	1521050116	Nguyễn Thị	Yến	19/07/1997	6270				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4080202 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Tin học đại cương +TH (dùng cho Kinh tế)

Ngày thi: **04/08/2017**Phòng thi: **HNAB505**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1221040005	Lê Việt	Anh	31/07/1994	6271				
2	1421030268	Nguyễn Xuân	ánh	07/06/1995	6272				
3	1524010186	Lê Đức	Chính	06/12/1997	6273				
4	1324010062	Mai Tất	Đắc	06/12/1995	6274				
5	1521020037	Trương Thị	Dung	19/06/1994	6275				
6	1624010826	Bùi Văn	Dương	28/12/1998	6276				
7	1311050015	Nguyễn Hồng	Duyên	22/09/1995	6277				
8	1524010112	Đinh Thị Hương	Giang	15/11/1997	6278				
9	1524010398	Nguyễn Thị	Giang	12/05/1997	6279				
10	1624010099	Trần Thị Huyền	Giang	08/03/1998	6280				
11	1521030067	Nguyễn Thanh	Hải	04/11/1997	6281				
12	1524010165	Phạm Thị Minh	Hằng	05/02/1997	6282				
13	1424010308	Phùng Thanh	Hằng	11/03/1996	6283				
14	1624010352	Bùi Thị	Hậu	20/02/1998	6284				
15	1624010666	Lâm Dương Minh	Hiếu	07/10/1998	6285				
16	1521070258	Nguyễn Huy	Hoàn	22/10/1996	6286				
17	1624010425	Mai Thị	Huế	10/05/1998	6287				
18	1421030398	Nguyễn Tuấn	Hung	24/08/1996	6288				
19	1524010172	Lê Thị	Hương	16/06/1997	6289				
20	1624010032	Lê Thị Lan	Hương	23/08/1998	6290				
21	1421030392	Nguyễn Thanh	Huyền	02/03/1996	6291				
22	1624010249	Đàm Hoàng	Khải	20/02/1998	6292				
23	1421050466	Trần Trung	Kiên	14/07/1996	6293				
24	1421080272	Trương Mỹ	Linh	15/06/1996	6294				
25	1624010928	Nguyễn Thị Kim	Lương	18/10/1998	6295				
26	1624010913	Nguyễn Thị	Mai	01/05/1998	6296				
27	1624010493	Phạm Văn	Mạnh	01/12/1997	6297				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4080202 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Tin học đại cương +TH (dùng cho Kinh tế)

Ngày thi: **04/08/2017**Phòng thi: **HNAB504**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1524010191	Lê Thị Thanh	Mỹ	05/09/1996	6298				
2	1624010716	Bùi Thị Quỳnh	Nga	26/12/1998	6299				
3	1524010193	Đoàn Thị Thúy	Nga	01/06/1997	6300				
4	1624010653	Phạm Thị	Nga	11/12/1998	6301				
5	1624010713	Nguyễn Thị Quỳnh	Ngọc	24/02/1998	6302				
6	1624010291	Hà Thị Bích	Nhàn	12/04/1998	6303				
7	1624010723	Hoàng Kim	Oanh	07/10/1998	6304				
8	1624010477	Nguyễn Hồng	Quý	10/07/1998	6305				
9	1521020005	Nguyễn Mai	Quỳnh	02/07/1997	6306				
10	1524010145	Nguyễn Thanh	Tâm	18/07/1997	6307				
11	1514010001	Trương Thị	Tâm	23/09/1997	6308				
12	1624010295	Nguyễn Thị	Thanh	16/06/1998	6309				
13	1421020566	Phạm Thị	Thao	23/09/1996	6310				
14	1421020568	Kim Thị	Thảo	08/02/1996	6311				
15	1524010129	Mai Thị	Thảo	06/01/1997	6312				
16	1521040314	Phạm Thanh	Thúy	19/05/1996	6313				
17	1521080263	Lưu Thị Thu	Thủy	30/10/1997	6314				
18	1624010930	Lê Quang	Trung	27/10/1998	6315				
19	1521030336	Lại Đức	Trường	24/05/1997	6316				
20	1421020177	Ứng Minh	Trường	27/08/1996	6317				
21	1421040552	Lý Anh	Tú	09/07/1996	6318				
22	1624010750	Trần Minh	Tuấn	05/10/1998	6319				
23	1624010302	Hoàng Quốc	Việt	09/01/1998	6320				
24	1624010314	Vũ Đức	Việt	28/01/1998	6321				
25	1524010564	Trần Thị	Vui	04/07/1996	6322				
26	1524010142	Trần Thị	Yên	12/06/1997	6323				
27	1624010451	Phạm Thị	Yến	21/01/1998	6324				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4080217 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Tin học B + TH (khối kinh tế)

Ngày thi: 02/08/2017

Phòng thi: HNAA305

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521030117	Nguyễn Mai Trường	An	16/06/1997	6325				
2	1521030138	Hồ Phạm Hải	Anh	24/09/1996	6326				
3	1624010825	Vũ Thị Lan	Anh	09/07/1998	6327				
4	1621030217	Trần Tiến	Đức	29/04/1998	6328				
5	1624010980	Đỗ Thị	Hà	16/06/1998	6329				
6	1624010844	Nguyễn Thị	Hải	28/01/1998	6330				
7	1521030103	Lô Văn	Hằng	20/03/1997	6331				
8	1624010988	Nguyễn Minh	Hoà	08/08/1998	6332				
9	1624010139	Nguyễn Huy	Hoàng	13/09/1998	6333				
10	1624010226	Đậu Văn	Hùng	30/11/1997	6334				
11	1624010280	Đặng Thị	Huyền	25/11/1998	6335				
12	1624010950	Đỗ Thị Thu	Huyền	01/12/1998	6336				
13	1521030387	Phạm Hoàng	Linh	06/02/1997	6337				
14	1624010209	Tạ Văn	Long	30/11/1998	6338				
15	1614010026	Phạm Thị	Nga	20/10/1998	6339				
16	1521030390	Nguyễn Ngọc	Thắng	11/10/1994	6340				
17	1521030315	Lê Đức	Thọ	18/12/1997	6341				
18	1624010137	Lê Thị	Thủy	26/02/1998	6342				
19	1624010116	Lương Văn	Trìu	08/06/1998	6343				
20	1624010211	Phạm Văn	Tú	06/11/1998	6344				
21	1534010400	Hoàng Huy	Tùng	30//0/198/	6345				
22	1534010401	Hoàng Quốc	Vũ	03//0/194/	6346				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4080709 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Kiến trúc máy tính

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAB505

Tiết bắt đầu:

3

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621050603	Nguyễn Nam	Anh	25/08/1998	6347				
2	1621050523	Vũ Ngọc Chí	Hoàng	19/09/1998	6348				
3	1521050199	Nguyễn Hữu	Nam	06/12/1997	6349				
4	1621050124	Phan Quý	Nhân	19/10/1998	6350				
5	1621050139	Nguyễn Văn	Thắng	06/11/1998	6351				
6	1521050211	Đỗ Trí	Thức	08/11/1997	6352				
7	1521050100	Vũ Ngọc	Tú	02/03/1997	6353				
8	1621050034	Hà Anh	Tuấn	30/08/1998	6354				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090107 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: An toàn điện

Ngày thi: **04/08/2017**Phòng thi: **HNAA305**

Tiết bắt đầu:

9Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321060402	Đỗ Việt	Anh	14/09/1995	6355				
2	1521060228	Phương Tuấn	Anh	21/10/1995	6356				
3	1521060143	Nguyễn Văn	Bắc	04/12/1997	6357				
4	1421060021	Phùng Văn	Bằng	13/08/1996	6358				
5	1521060092	Nguyễn Quyết	Chiến	02/07/1995	6359				
6	1421060034	Vũ Đức	Chính	21/08/1995	6360				
7	1321060426	Phạm Công	Chung	20/09/1995	6361				
8	1521060190	Nguyễn Việt	Cường	10/11/1997	6362				
9	1521060237	Lê Quý	Đại	14/04/1997	6363				
10	1421060378	Mai Tiến	Đạt	11/09/1996	6364				
11	1421030046	Vũ Đình	Đoàn	12/02/1996	6365				
12	1521060147	Đỗ Duy	Đông	23/12/1997	6366				
13	1321060445	Phan Quốc	Dũng	10/10/1995	6367				
14	1421060086	Phạm Minh	Giang	13/01/1996	6368				
15	1321060094	Trần Trường	Giang	28/08/1995	6369				
16	1421060402	Hoàng Văn	Hải	26/07/1995	6370				
17	1321060099	Nguyễn Huy	Hải	05/01/1995	6371				
18	1421060094	Nguyễn Đức	Hanh	26/04/1996	6372				
19	1321060109	Phan Thanh	Hậu	22/12/1995	6373				
20	1521060011	Ngô Sách	Hiệp	16/01/1997	6374				
21	1521060310	Nguyễn Đức	Hiệp	08/10/1997	6375				
22	1421060100	Dương Trung	Hiếu	27/05/1995	6376				
23	1421060112	Đỗ Lê	Hoàng	26/01/1996	6377				
24	1521060269	Nguyễn Đình	Hoàng	06/12/1997	6378				
25	1621060003	Nguyễn Huy	Hoàng	14/10/1995	6379				
26	1421060459	Nguyễn Văn	Hường	26/08/1996	6380				
27	1421060133	Nguyễn Văn	Huy	10/03/1996	6381				
28	1421060137	Lê Thạc	Huỳnh	20/04/1996	6382				
29	1321060155	Nguyễn Việt	Khang	06/12/1994	6383				
30	1321060540	Vũ Văn	Lâm	24/02/1993	6384				
31	1421060160	Vũ Trọng	Linh	20/06/1996	6385				
32	1421060481	Hoàng Đức	Lộc	01/03/1996	6386				
33	1521060110	Mạc Văn	Long	16/06/1995	6387				
34	1521060214	Nguyễn Danh	Long	01/05/1997	6388				
35	1521060175	Bùi Văn	Luân	11/04/1997	6389				
36	1521060439	Đình Văn	Lực	17/12/1997	6390				
37	1321060178	Bùi Nhật	Lương	01/10/1995	6391				
38	1321060182	Phạm Văn	Mạnh	03/02/1995	6392				
39	1521040264	Vũ Đặng Đức	Mạnh	10/06/1997	6393				
40	1421060500	Nguyễn Phương	Nam	28/08/1996	6394				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090107 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: An toàn điện

Ngày thi: **04/08/2017**Phòng thi: **HNAB305**

Tiết bắt đầu:

9Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421060193	Nguyễn Văn	Nghĩa	22/05/1993	6395				
2	1221060096	Bùi Sĩ	Nguyên	18/01/1994	6396				
3	1321060213	Nguyễn Anh	Phong	22/10/1995	6397				
4	1521060165	Bùi Đức	Phương	23/06/1997	6398				
5	1521060198	Nguyễn Trọng	Quý	23/03/1997	6399				
6	1421060229	Ngô Văn	Sơn	12/10/1995	6400				
7	1521060170	Nguyễn Bảo	Sơn	11/11/1996	6401				
8	1321060246	Phan Hữu	Sơn	03/10/1995	6402				
9	1521060075	Đỗ Thế	Tài	13/11/1997	6403				
10	1521060279	Nguyễn Hữu	Tài	21/11/1997	6404				
11	1421060566	Nguyễn Hữu	Thái	07/09/1988	6405				
12	1321060262	Phạm Quang	Thái	06/08/1995	6406				
13	1321060288	Phạm Đức	Thắng	01/05/1995	6407				
14	1421060267	Dương Hồng	Thứ	10/02/1996	6408				
15	1321060321	Dương Đức	Trương	27/10/1995	6409				
16	1421020642	Nguyễn Nhật	Trường	01/01/1996	6410				
17	1521060195	Lê Văn	Tuấn	25/09/1997	6411				
18	1621060161	Nguyễn Sỹ	Tuấn	17/05/1998	6412				
19	1321060341	Phạm Đức	Tùng	11/05/1995	6413				
20	1521060164	Nguyễn Thế Tuấn	Việt	25/09/1997	6414				
21	1521060194	Đỗ Ngọc	Xuân	01/04/1997	6415				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090126 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ sở cung cấp điện

Ngày thi: **03/08/2017**Phòng thi: **HNAB501**

Tiết bắt đầu:

6Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321040001	Đỗ Tuấn	Anh	10/10/1995	6416				
2	1321060422	Bùi Trọng	Chính	27/06/1995	6417				
3	1321060042	Lương Minh	Cường	30/06/1995	6418				
4	1421060071	Nguyễn Văn	Đăng	06/04/1996	6419				
5	1621061058	Trần Quốc	Đạt	22/11/1997	6420				
6	1421060045	Đinh Trung	Dũng	16/04/1996	6421				
7	1421040047	Nghiêm Xuân	Dũng	10/05/1996	6422				
8	1421060362	Nguyễn Xuân	Dũng	07/01/1996	6423				
9	1421040052	Trần Văn	Dũng	09/07/1996	6424				
10	1421060370	Nguyễn Xuân	Dương	02/10/1996	6425				
11	1521060381	Đinh Hữu	Duy	21/03/1997	6426				
12	1321040482	Trần Văn	Hải	05/06/1995	6427				
13	1521060063	Đỗ Văn	Hiếu	12/05/1996	6428				
14	1621060003	Nguyễn Huy	Hoàng	14/10/1995	6429				
15	1321060508	Nguyễn Văn	Hùng	21/11/1994	6430				
16	1421060459	Nguyễn Văn	Hương	26/08/1996	6431				
17	1421040434	Mai Khắc	Khải	20/02/1996	6432				
18	1411060099	Phạm Trung	Kiên	24/03/1996	6433				
19	1421060158	Hoàng Văn	Linh	09/03/1996	6434				
20	1421040446	Phan Thanh	Long	13/04/1996	6435				
21	1321060555	Dương Minh	Lượng	10/09/1994	6436				
22	1421040457	Trần Văn	Mạnh	10/01/1993	6437				
23	1421040184	Võ Hồng	Mạnh	28/10/1996	6438				
24	1421060211	Phạm Thái	Phương	25/02/1996	6439				
25	1321060582	Phùng Đình	Phương	04/12/1994	6440				
26	1421060322D	Lý Lão	San	03/07/1995	6441				
27	1421060553	Nguyễn Văn	Son	23/02/1996	6442				
28	1221060424	Hồ	Thanh	17/02/1992	6443				
29	1421040509	Nguyễn Hải	Thanh	27/12/1995	6444				
30	1521060434	Phạm Tiến	Thành	02/03/1997	6445				
31	1521060388	Trần Quang	Thành	03/08/1997	6446				
32	1521060020	Phạm Đăng	Thiện	16/04/1997	6447				
33	1321060298	Đỗ Văn	Thuận	26/11/1995	6448				
34	1621060188	Vũ Văn	Toàn	04/06/1997	6449				
35	1421060280	Nguyễn Đức	Trung	26/07/1996	6450				
36	1621060824	Nguyễn Quang	Trung	19/09/1998	6451				
37	1421020642	Nguyễn Nhật	Trường	01/01/1996	6452				
38	1521060043	Lê Minh	Tuấn	14/09/1997	6453				
39	1521060195	Lê Văn	Tuấn	25/09/1997	6454				
40	1521060259	Nguyễn Minh	Tuấn	10/02/1997	6455				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090126 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ sở cung cấp điện

Ngày thi: **03/08/2017**Phòng thi: **HNAB501**

Tiết bắt đầu:

6Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621060161	Nguyễn Sỹ	Tuấn	17/05/1998	6456				
42	1411060196	Phan Đình	Tuấn	16/02/1996	6457				
43	1321060352	Võ Đình	Yên	24/01/1995	6458				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090152 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Vận hành hệ thống điện

Ngày thi: 05/08/2017

Phòng thi: HNAA305

Tiết bắt đầu:

9

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321060001	Bùi Long	An	18/05/1995	6459				
2	1321060010	Nguyễn Tiến	Anh	10/08/1995	6460				
3	1521060323	Phan Ngọc	Anh	10/12/1997	6461				
4	1321060427	Phạm Lê	Công	21/12/1995	6462				
5	1521060004	Vũ Chí	Công	06/01/1997	6463				
6	1321060038	Bùi Khánh	Cường	28/06/1995	6464				
7	1321060039	Đặng Ngọc	Cường	03/02/1995	6465				
8	1421060063	Nguyễn Văn	Đàm	01/01/1996	6466				
9	1321060437	Hoàng Trọng	Danh	06/10/1995	6467				
10	1321060065	Lại Vi	Đạt	11/04/1995	6468				
11	1421060073	Đinh Quang	Điêu	01/01/1996	6469				
12	1421030046	Vũ Đình	Đoàn	12/02/1996	6470				
13	1321060462	Ngô Đức	Đông	15/02/1995	6471				
14	1321060464	Đoàn Mạnh	Đồng	01/07/1995	6472				
15	1421060078	Nguyễn Văn	Đồng	03/03/1995	6473				
16	1321060467	Cao Xuân	Đức	25/10/1995	6474				
17	1321030519	Lê Anh	Đức	14/11/1995	6475				
18	1221040068	Lê Trung	Đức	26/03/1994	6476				
19	1521060066	Ngô Xuân	Đức	03/04/1997	6477				
20	1321060052	Nguyễn Thọ	Dũng	13/10/1995	6478				
21	1421030329	Nguyễn Hoàng	Giang	13/02/1994	6479				
22	1421060402	Hoàng Văn	Hải	26/07/1995	6480				
23	1321060117	Bùi Thanh	Hiếu	07/09/1994	6481				
24	1521060261	Trần Ngọc	Hòa	23/02/1997	6482				
25	1321060129	Nguyễn Đức	Hoạt	26/12/1995	6483				
26	1321060132	Hoàng Thế	Hùng	05/03/1994	6484				
27	1321060153	Trần Văn	Hữu	05/10/1995	6485				
28	1321060548	Hoàng Văn	Lĩnh	12/01/1995	6486				
29	1321060174	Bùi Văn	Luân	15/12/1995	6487				
30	1521060175	Bùi Văn	Luân	11/04/1997	6488				
31	1321060182	Phạm Văn	Mạnh	03/02/1995	6489				
32	1321060566	Lê Xuân	Nam	08/02/1995	6490				
33	1321060567	Nguyễn Hoài	Nam	28/04/1995	6491				
34	1321060197	Nguyễn Ngọc	Nam	26/01/1995	6492				
35	1321060198	Nguyễn Văn	Nam	29/10/1994	6493				
36	1421060229	Ngô Văn	Sơn	12/10/1995	6494				
37	1321060246	Phan Hữu	Sơn	03/10/1995	6495				
38	1321060599	Hạ Duy	Tài	25/02/1995	6496				
39	1521060279	Nguyễn Hữu	Tài	21/11/1997	6497				
40	1321060259	Đỗ Văn	Thạch	12/04/1995	6498				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090152 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Vận hành hệ thống điện

Ngày thi: 05/08/2017

Phòng thi: HNAB305

Tiết bắt đầu:

9

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421060254	Đào Văn	Thắng	30/09/1996	6499				
2	1321060280	Dương Thế	Thắng	09/05/1995	6500				
3	1321060289	Vũ Minh	Thắng	24/12/1995	6501				
4	1321060271	Phạm Xuân	Thành	23/05/1994	6502				
5	1321060272	Trần Ngọc	Thành	16/05/1995	6503				
6	1321060297	Đặng Văn	Thuận	26/08/1995	6504				
7	1321060628	Nguyễn Cao	Thùy	21/01/1995	6505				
8	1321060631	Lê Văn	Tiến	22/02/1994	6506				
9	1421060273	Trần Văn	Tiến	24/02/1996	6507				
10	1321060313	Phạm Văn	Tĩnh	19/07/1995	6508				
11	1321060314	Đào Văn	Tĩnh	14/10/1994	6509				
12	1621060188	Vũ Văn	Toàn	04/06/1997	6510				
13	1321060321	Dương Đức	Trương	27/10/1995	6511				
14	1321060673	Lê Hữu	Tư	04/08/1995	6512				
15	1321060333	Nguyễn Minh	Tuấn	09/11/1995	6513				
16	1321060336	Phạm Minh	Tuấn	21/09/1995	6514				
17	1321060346	Đoàn Văn	Tường	10/04/1995	6515				
18	1421060306	Hoàng Văn	Tuyên	09/12/1993	6516				
19	1421060308	Trương Ngọc	Tuyền	13/12/1996	6517				
20	1521060138	Đinh Quang	Vũ	22/10/1997	6518				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090206 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Kỹ thuật đo lường + TH

Ngày thi: **02/08/2017**Phòng thi: **HNAB305**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521060016	Nguyễn Tuấn	Anh	23/06/1997	6519				
2	1311060043	Phạm Văn	Đáng	10/12/1995	6520				
3	1321060484	Hà Minh	Hiếu	22/04/1995	6521				
4	1421040109	Lê Khánh	Hiếu	07/06/1996	6522				
5	1621060967	Nguyễn Đình	Huỳnh	29/10/1998	6523				
6	1421060487	Đào Tiến	Lực	17/02/1996	6524				
7	1421060218	Trần Minh	Quý	20/11/1996	6525				
8	1611060026	Đỗ Minh	Sỹ	01/02/1998	6526				
9	1321060333	Nguyễn Minh	Tuấn	09/11/1995	6527				
10	1521060270	Nguyễn Văn	Tường	07/07/1997	6528				
11	1521060314	Nguyễn Văn	Tuyên	18/08/1997	6529				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090224 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Phương pháp lập trình CNC

Ngày thi: **01/08/2017**Phòng thi: **HNAA405**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321060427	Phạm Lê	Công	21/12/1995	6530				
2	1421060354	Trịnh Văn	Cường	14/02/1996	6531				
3	1321060065	Lại Vi	Đạt	11/04/1995	6532				
4	1321060074	Hoàng Trung	Đô	01/01/1995	6533				
5	1221040068	Lê Trung	Đức	26/03/1994	6534				
6	1421060060	Lê Thị Thùy	Dương	25/07/1996	6535				
7	1321060103	Trần Văn	Hải	16/11/1995	6536				
8	1521060080	Phạm Nam	Hiền	06/04/1995	6537				
9	1321060113	Ngô Minh	Hiệp	09/03/1994	6538				
10	1321060120	Nguyễn Mạnh	Hiếu	20/08/1995	6539				
11	1321060122	Nguyễn Quang	Hòa	24/09/1994	6540				
12	1321060151	Ngô Duy	Hung	12/01/1995	6541				
13	1421060148	Đàm Dương	Khánh	15/12/1996	6542				
14	1631060011	Nguyễn Đăng	Khoa	10/09/1994	6543				
15	1321060547	Trần Văn	Linh	13/07/1994	6544				
16	1421060502	Phạm Văn	Năm	07/01/1995	6545				
17	1221060379	Nguyễn Hà	Quảng	08/06/1994	6546				
18	1321060237	Hoàng Văn	Quynh	19/12/1995	6547				
19	1321060249	Hoàng Văn	Tá	04/04/1995	6548				
20	1321060272	Trần Ngọc	Thành	16/05/1995	6549				
21	1421060273	Trần Văn	Tiến	24/02/1996	6550				
22	1531060401	Lương Văn	Trung	02//0/194/	6551				
23	1321060332	Nguyễn Anh	Tuấn	26/08/1995	6552				
24	1321060335	Phạm Công	Tuấn	03/08/1995	6553				
25	1631060007	Trần Minh	Tuấn	24/01/1992	6554				
26	1221060182	Lê Quang	Vũ	19/07/1994	6555				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090301 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Kỹ thuật điện +TN

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAA303

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521040002L	Khounserk Sirisombath	.	28/03/1992	6556				
2	1421040001	Đồng Bá	An	29/08/1996	6557				
3	1521040035	Đỗ Quang	Anh	16/08/1997	6558				
4	1321011002	Nguyễn Đức	Anh	25/03/1995	6559				
5	1321011003	Nguyễn Lâm	Anh	19/04/1995	6560				
6	1221010019	Phan Tuấn	Anh	02/08/1993	6561				
7	1421040009	Trương Ngọc Tuấn	Anh	01/05/1996	6562				
8	1421040029	Đặng Ngọc	Chung	09/11/1996	6563				
9	1321060437	Hoàng Trọng	Danh	06/10/1995	6564				
10	1621010228	Vũ Thạch Công	Danh	14/08/1998	6565				
11	1321050057	Phạm Văn	Điệp	20/07/1995	6566				
12	1421040073	Nguyễn Văn	Đô	30/09/1996	6567				
13	1621061032	Lê Đăng	Doanh	23/02/1998	6568				
14	1421040078	Đoàn Lộc	Đức	27/01/1996	6569				
15	1521020162	Phạm Minh	Đức	28/10/1997	6570				
16	1521010800	Đinh Tùng	Dương	06/06/1995	6571				
17	1521040053	Nguyễn Cảnh	Duy	29/09/1997	6572				
18	1621060016	Phạm Văn	Duy	12/08/1998	6573				
19	1421060085	Nguyễn Trường	Giăng	01/04/1996	6574				
20	1621010267	Hồ Sỹ	Hiền	20/10/1997	6575				
21	1321010186	Trần Thanh	Hưng	07/02/1992	6576				
22	1421040132	Nguyễn Quốc	Huy	29/07/1996	6577				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090301 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Kỹ thuật điện +TN

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAA308

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321040137	Đình Văn	Hường	26/11/1994	6578				
2	1221050262	Vũ Quốc	Khánh	02/09/1994	6579				
3	1321070568	Trần Quý	Linh	09/08/1993	6580				
4	1421040174	Chữ Viết	Luận	12/12/1996	6581				
5	1521040270	Ngô Trí	Nam	20/10/1996	6582				
6	1421010259	Phạm Đình	Quang	21/10/1996	6583				
7	1621010313	Vương Đình	Quang	14/09/1998	6584				
8	1321030800	Trần Xuân	Quý	27/02/1991	6585				
9	1521040104	Đỗ Mạnh	Quỳnh	12/10/1996	6586				
10	1421070107	Nguyễn Duy	Son	13/06/1996	6587				
11	1631070056	Vũ Hồng	Son	27/08/1994	6588				
12	1521011037	Trương Bảo	Sỹ	09/09/1997	6589				
13	1621010732	Trương Văn	Thành	17/03/1996	6590				
14	1521040121	Lý Việt	Thiên	23/05/1997	6591				
15	1521040018	Nguyễn Ngọc	Thiện	24/02/1997	6592				
16	1421040524	Lê Xuân	Thuấn	10/03/1995	6593				
17	1221040467	Hoàng Phúc	Toàn	13/07/1994	6594				
18	1621060824	Nguyễn Quang	Trung	19/09/1998	6595				
19	1321030938	Đoàn Mạnh	Tuấn	17/02/1995	6596				
20	1421010366	Nguyễn Anh	Tuấn	01/02/1996	6597				
21	1621060991	Trần Thanh	Tùng	02/09/1998	6598				
22	1521020346	Lê Đình	Tường	10/07/1997	6599				
23	1321060346	Đoàn Văn	Tường	10/04/1995	6600				
24	1621060578	Lò Sênh	Vàng	08/06/1997	6601				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090302 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Kỹ thuật điện tử +TN

Ngày thi: **01/08/2017**Phòng thi: **HNAB504**

Tiết bắt đầu:

6Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521040131	Phạm Đức	Diệp	28/08/1997	6602				
2	1421010096	Nguyễn Thanh	Hải	03/11/1996	6603				
3	1321050076	Bùi Việt	Hòa	27/08/1995	6604				
4	1121040141	Vũ Duy	Kha	21/09/1993	6605				
5	1421010162	Lê Văn	Khanh	22/11/1996	6606				
6	1521010339	Nguyễn Như	Long	21/04/1997	6607				
7	1321060174	Bùi Văn	Luân	15/12/1995	6608				
8	1521020346	Lê Đình	Tường	10/07/1997	6609				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090403 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Cơ học máy

Ngày thi: **02/08/2017**Phòng thi: **HNAA305**

Tiết bắt đầu:

6Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1411040004	Phạm Tuấn	Anh	09/02/1996	6610				
2	1321040015	Đỗ Xuân	Bách	24/09/1995	6611				
3	1521040126	Tổng Văn	Cường	12/02/1997	6612				
4	1421040062	Lê Tất	Đạt	13/01/1995	6613				
5	1511040011	Ninh Quang	Dự	15/10/1997	6614				
6	1511040010	Vũ Mạnh	Hà	22/05/1997	6615				
7	1421040409	Đào Quang	Hải	07/02/1996	6616				
8	1421040093	Phạm Ngọc	Hải	16/06/1996	6617				
9	1321040485	Nguyễn Đức	Hậu	03/02/1994	6618				
10	1521040240	Lý Như	Hoa	13/11/1996	6619				
11	1321040132	Ngô Quang	Hung	24/07/1994	6620				
12	1631040003	Vũ Chí	Khánh	30/06/1991	6621				
13	1411040036	Nguyễn Văn	Lâm	30/12/1995	6622				
14	1311040147	Nguyễn Thị	Lan	28/03/1995	6623				
15	1421040164	Mai Nguyễn Nhật	Linh	23/02/1996	6624				
16	1521040004	Nguyễn Duy	Long	22/02/1997	6625				
17	1421011213	Vũ Thành	Long	29/10/1996	6626				
18	1321040175	Mai Sỹ	Minh	06/11/1993	6627				
19	1421040217	Trần Thu	Phương	03/10/1996	6628				
20	1321040266	Vũ Đức	Thắng	12/12/1994	6629				
21	1421040253	Nguyễn Doãn	Thành	10/11/1996	6630				
22	1421045010	Nguyễn Doãn	Trường	10/01/1996	6631				
23	1421040323	Nguyễn Quý	Tuấn	30/07/1996	6632				
24	1321040323	Hoàng Thanh	Tùng	08/05/1993	6633				
25	1321040325	Phạm Văn	Tuyến	20/11/1995	6634				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090415 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Kỹ thuật nhiệt B

Ngày thi: **01/08/2017**Phòng thi: **HNAA303**

Tiết bắt đầu:

6Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321060402	Đỗ Việt	Anh	14/09/1995	6635				
2	1221011012	Phạm Tuấn	Anh	12/08/1993	6636				
3	1221060009	Ninh Văn	Bắc	01/07/1994	6637				
4	1521010321	Đỗ Văn	Bách	30/01/1997	6638				
5	1321050018	Lê Nguyễn Thanh	Bình	19/03/1994	6639				
6	1521060386	Nguyễn Văn	Chiều	02/03/1997	6640				
7	1221010043	Nguyễn Vũ Thành	Chung	26/12/1994	6641				
8	1421060035	Nguyễn Chí	Công	30/05/1994	6642				
9	1321060031	Nguyễn Văn	Công	12/03/1995	6643				
10	1421060039	Trần Văn	Công	13/01/1996	6644				
11	1321060037	Bùi Cao	Cường	06/09/1995	6645				
12	1521010120	Vũ Văn	Cường	26/09/1997	6646				
13	1521060097	Lê Hữu	Đạt	15/06/1997	6647				
14	1621061032	Lê Đăng	Doanh	23/02/1998	6648				
15	1521019010	Quách Văn	Đông	17/06/1996	6649				
16	1321060467	Cao Xuân	Đức	25/10/1995	6650				
17	1521010236	Mạc Việt	Đức	24/06/1997	6651				
18	1521060130	Nguyễn Đình	Đức	20/01/1996	6652				
19	1521010251	Nguyễn Như	Dũng	25/02/1997	6653				
20	1521060326	Trần Quốc	Dược	13/08/1997	6654				
21	1621010162	Hà Kim	Giang	03/01/1997	6655				
22	1321060098	Nguyễn Hoài	Hải	23/02/1995	6656				
23	1521010228	Quách Minh	Hiếu	29/02/1996	6657				
24	1621010007	Cao Văn	Hoan	19/10/1998	6658				
25	1521060299	Bùi Văn	Hội	20/03/1997	6659				
26	1321060132	Hoàng Thế	Hùng	05/03/1994	6660				
27	1421050097	Phan Anh	Khánh	02/08/1996	6661				
28	1321060535	Lý Huy	Kiên	30/06/1995	6662				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090415 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Kỹ thuật nhiệt B

Ngày thi: **01/08/2017**Phòng thi: **HNAA308**

Tiết bắt đầu:

6Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321060185	Chu Công	Minh	19/12/1995	6663				
2	1521060312	Đỗ Quang	Minh	20/07/1997	6664				
3	1321060187	Nguyễn Văn	Minh	20/02/1995	6665				
4	1421060183	Đặng Hoài	Nam	23/10/1995	6666				
5	1521010160	Đào Văn	Nam	10/11/1997	6667				
6	1321060201	Trịnh Hồng	Nghĩa	26/09/1995	6668				
7	1221060096	Bùi Sĩ	Nguyên	18/01/1994	6669				
8	1521060008	Nguyễn Thanh Hải	Ninh	27/04/1997	6670				
9	1421060212	Phùng Thế	Phương	13/10/1996	6671				
10	1221060104	Lê Hồng	Quân	24/01/1993	6672				
11	1521010088	Nguyễn Thành	Sang	24/05/1997	6673				
12	1421060234	Lê Thế	Sự	23/08/1996	6674				
13	1521010054	Trần Văn	Tam	08/08/1996	6675				
14	1321060285	Nguyễn Đức	Thắng	13/11/1995	6676				
15	1421060247	Nguyễn Đăng	Thanh	07/12/1996	6677				
16	1321060267	Lại Tiến	Thành	05/02/1995	6678				
17	1521060352	Nguyễn Tiến	Thành	06/09/1997	6679				
18	1221060144	Trần Văn	Tĩnh	03/05/1994	6680				
19	1521060277	Hoàng Đức	Tôn	15/01/1997	6681				
20	1521060460	Chu Quang	Tuấn	04/07/1997	6682				
21	1321060667	Đoàn Minh	Tùng	06/08/1994	6683				
22	1521060145	Tôn Thế	Tùng	07/03/1997	6684				
23	1621060991	Trần Thanh	Tùng	02/09/1998	6685				
24	1521060314	Nguyễn Văn	Tuyên	18/08/1997	6686				
25	1521060152	Đỗ Doãn	Việt	28/09/1997	6687				
26	1521060138	Đinh Quang	Vũ	22/10/1997	6688				
27	1221060182	Lê Quang	Vũ	19/07/1994	6689				
28	1521060171	Phạm Quốc	Vương	27/09/1997	6690				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090418 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Kỹ thuật thủy khí C

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAA305

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421060003	Bùi Tuấn	Anh	23/03/1996	6691				
2	1321060402	Đỗ Việt	Anh	14/09/1995	6692				
3	1421010010	Lê Minh	Anh	13/09/1996	6693				
4	1321010007	Ngô Công Tuấn	Anh	02/07/1995	6694				
5	1321060010	Nguyễn Tiến	Anh	10/08/1995	6695				
6	1421010014	Nguyễn Tuấn	Anh	01/01/1996	6696				
7	1521060100	Hoàng Tiến	Bảo	29/11/1997	6697				
8	1421060341	Lương Quang	Chiến	19/01/1995	6698				
9	1521010187	Nguyễn Việt	Chiến	23/10/1997	6699				
10	1521010289	Nguyễn Công	Cường	09/01/1997	6700				
11	1521060236	Nguyễn Đức	Cường	27/05/1997	6701				
12	1521080040	Nguyễn Mạnh	Cường	15/07/1996	6702				
13	1521010120	Vũ Văn	Cường	26/09/1997	6703				
14	1521060133	Hồ Mậu	Đại	13/06/1997	6704				
15	1521060149	Hoàng Văn	Đạt	16/08/1996	6705				
16	1421010079	Nguyễn Tuấn	Đạt	05/01/1996	6706				
17	1521060093	Vũ Văn	Dũng	17/02/1997	6707				
18	1421010073	Nguyễn Tùng	Dương	15/12/1996	6708				
19	1221010075	Vũ Đức	Dương	12/08/1994	6709				
20	1521060310	Nguyễn Đức	Hiệp	08/10/1997	6710				
21	1521060081	Trần Tiến	Hiệp	15/03/1997	6711				
22	1321060118	Đinh Văn	Hiếu	10/11/1994	6712				
23	1521060063	Đỗ Văn	Hiếu	12/05/1996	6713				
24	1521060142	Nguyễn Hữu	Hiếu	29/08/1997	6714				
25	1421060107	Trịnh Trung	Hiếu	24/11/1996	6715				
26	1321040104	Cao Xuân	Hoàng	23/05/1995	6716				
27	1321040106	Đỗ Huy	Hoàng	24/04/1995	6717				
28	1321040108	Vũ Văn	Hoàng	09/06/1995	6718				
29	1521060218	Nguyễn Minh	Hùng	13/02/1997	6719				
30	1421010148	Cảnh Chi	Hưng	18/04/1996	6720				
31	1421060130	Đặng Quang	Huy	23/08/1996	6721				
32	1621060107	Hồ Diên	Kế	20/07/1998	6722				
33	1421010198	Trịnh Văn	Mạnh	15/02/1994	6723				
34	1321060185	Chu Công	Minh	19/12/1995	6724				
35	1421060186	Hoàng Văn	Nam	25/10/1996	6725				
36	1521060099	Lê Trọng	Nghĩa	14/05/1996	6726				
37	1521060155	Bùi Đức	Nguyễn	06/08/1997	6727				
38	1521060062	Nguyễn Đình	Nhân	08/03/1997	6728				
39	1321010268	Nguyễn Văn	Phúc	09/10/1995	6729				
40	1421060208	Vũ Hồng	Phúc	30/12/1995	6730				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090418 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Kỹ thuật thủy khí C

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAB305

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521060300	Trần Minh	Phương	24/10/1997	6731				
2	1421060214	Vũ Việt	Phương	22/10/1996	6732				
3	1421030155	Hoàng Tài	Quang	15/08/1996	6733				
4	1521060350	Nguyễn Văn	Quang	04/11/1997	6734				
5	1421010273	Hoàng Văn	Quyên	06/08/1996	6735				
6	1421060225	Trần Danh	Sang	16/10/1995	6736				
7	1521060075	Đỗ Thế	Tài	13/11/1997	6737				
8	1321060599	Hạ Duy	Tài	25/02/1995	6738				
9	1321060259	Đỗ Văn	Thạch	12/04/1995	6739				
10	1421040242	Nguyễn Duy	Thái	12/06/1996	6740				
11	1121040248	Đặng Trọng	Thắng	31/05/1993	6741				
12	1321040253	Đào Trọng	Thành	03/10/1995	6742				
13	1411060161	Nguyễn Tuấn	Thành	29/08/1996	6743				
14	1221060410	Trần Đình	Thành	01/09/1993	6744				
15	1421040801	Dương Đức	Thiện		6745				
16	1511060006	Nguyễn Duy	Thiệu	06/03/1997	6746				
17	1321010340	Lê Đôn	Thịnh	10/07/1994	6747				
18	1421010330	Nguyễn Hữu	Thường	05/10/1996	6748				
19	1521060068	Vũ Văn	Trung	01/08/1997	6749				
20	1421060612	Phạm Quang	Trường	28/11/1996	6750				
21	1321010387	Nguyễn Anh	Tú	01/02/1995	6751				
22	1521060460	Chu Quang	Tuấn	04/07/1997	6752				
23	1321060332	Nguyễn Anh	Tuấn	26/08/1995	6753				
24	1421010368	Nguyễn Ngọc	Tuấn	06/12/1995	6754				
25	1631060007	Trần Minh	Tuấn	24/01/1992	6755				
26	1421060312	Trần Mạnh	Tường	14/06/1996	6756				
27	1521060086	Dương Xuân	Việt	04/12/1997	6757				
28	1521060164	Nguyễn Thế Tuấn	Việt	25/09/1997	6758				
29	1321060352	Võ Đình	Yên	24/01/1995	6759				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4090421 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Nguyên lý máy

Ngày thi: **05/08/2017**Phòng thi: **HNAA308**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521010164	Trần Mạnh	Đức	19/02/1997	6760				
2	1521010251	Nguyễn Như	Dũng	25/02/1997	6761				
3	1521010005	Vũ Xuân	Hùng	01/08/1994	6762				
4	1421011161	Hà Thanh	Hưng	22/08/1996	6763				
5	1521010015	Nguyễn Thành	Hưng	14/08/1996	6764				
6	1321010268	Nguyễn Văn	Phúc	09/10/1995	6765				
7	1521010073	Vũ Công	Tài	05/03/1997	6766				
8	1321010336	Trần Văn	Thắng	19/10/1995	6767				
9	1521010079	Trần Mạnh	Tính	30/09/1997	6768				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4110114 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Môi trường và phát triển bền vững

Ngày thi: **01/08/2017**Phòng thi: **HNAA305**

Tiết bắt đầu:

9Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321080401	Bùi Thị Trang	Anh	04/12/1995	6769				
2	1321060404	Lê Đức	Anh	13/09/1995	6770				
3	1321030008	Phạm Việt	Anh	10/08/1995	6771				
4	1421010026	Ngô Xuân	Bằng	23/06/1996	6772				
5	1321050019	Vũ Đức	Bình	14/04/1995	6773				
6	1421030013	Nguyễn	Chiến	02/05/1995	6774				
7	1321060041	Đỗ Văn	Cường	08/07/1995	6775				
8	1321080412	Nguyễn Đình	Cường	25/09/1995	6776				
9	1321050034	Nguyễn Mạnh	Cường	16/02/1995	6777				
10	1521060190	Nguyễn Việt	Cường	10/11/1997	6778				
11	1321080012	Phan Đức	Dân	29/08/1994	6779				
12	1321040063	Phạm Quốc	Đạt	27/05/1995	6780				
13	1221050029	Phạm Tiến	Đạt	20/10/1993	6781				
14	1321080414	Đào Thị Thùy	Dung	21/10/1995	6782				
15	1321080416	Trịnh Thị	Dung	08/08/1995	6783				
16	1421020276	Đinh Xuân	Dương	25/08/1996	6784				
17	1321040053	Nguyễn Hữu	Dương	02/03/1994	6785				
18	1421040056	Nguyễn Mạnh	Duy	17/02/1996	6786				
19	1424010283	Hoàng Thị	Giăng	01/12/1996	6787				
20	1524010410	Tạ Thị	Hằng	26/08/1997	6788				
21	1321010149	Nguyễn Tiến	Hiền	22/07/1995	6789				
22	1321060115	Nguyễn Hữu	Hiệp	03/10/1995	6790				
23	1321030080	Tạ Quang	Hiếu	10/09/1995	6791				
24	1521080052	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	17/11/1997	6792				
25	1521080068	Trương Thị Phương	Hoa	19/12/1997	6793				
26	1221030314	Đào Văn	Hoàn	04/08/1993	6794				
27	1421030367	Vũ Việt	Hoàng	14/09/1996	6795				
28	1321020114	Bùi Ngọc	Hùng	19/07/1995	6796				
29	1421020073	Nguyễn Mạnh	Hùng	17/03/1996	6797				
30	1424010078	Khúc Thị Thanh	Hương	19/10/1996	6798				
31	1424010380	Lê Thị	Hương	19/05/1996	6799				
32	1524010608	Vũ Thị Thanh	Hương	07/09/1997	6800				
33	1421040434	Mai Khắc	Khải	20/02/1996	6801				
34	1321080465	Nguyễn Thị	Lan	01/09/1995	6802				
35	1424010102	Nguyễn Thị Hạnh	Linh	24/04/1996	6803				
36	1524010465	Phạm Thị	Linh	03/10/1997	6804				
37	1421050124	Nguyễn Thị Sao	Mai	28/10/1996	6805				
38	1421030460	Vũ Công	Minh	30/09/1996	6806				
39	1421060188	Lê Thế	Nam	17/04/1996	6807				
40	1321080063	Đỗ Thị	Nga	21/08/1994	6808				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4110114 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Môi trường và phát triển bền vững

Ngày thi: **01/08/2017**Phòng thi: **HNAB305**

Tiết bắt đầu:

9Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321080069	Vũ Thị	Ngọc	10/04/1995	6809				
2	1524010619	Phí Thị Kiều	Oanh	20/01/1997	6810				
3	1421040471	Nguyễn Thế	Phong	13/09/1996	6811				
4	1521060165	Bùi Đức	Phương	23/06/1997	6812				
5	1321060239	Đào Đức	Sơn	08/01/1995	6813				
6	1321050174	Phạm Minh	Sơn	15/01/1994	6814				
7	1421020138	Phạm Thành	Sơn	04/11/1996	6815				
8	1321080507	Đào Thị Thanh	Tâm	27/12/1994	6816				
9	1421030561	Vũ Ngọc	Thắng	16/07/1996	6817				
10	1424010527	Trần Thị Thanh	Thanh	21/03/1996	6818				
11	1421060249	Dương Văn	Thành	13/01/1996	6819				
12	1321060268	Lê Văn	Thành	07/03/1995	6820				
13	1321060685	Nguyễn Trọng	Thế	01/08/1994	6821				
14	1424010542	Phạm Văn	Thoại	21/08/1996	6822				
15	1321030868	Nguyễn Duy	Thông	03/12/1995	6823				
16	1421070125	Giáp Lương	Thuận	29/07/1996	6824				
17	1524010520	Nguyễn Thị	Thúy	26/08/1997	6825				
18	1421040279	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	25/07/1996	6826				
19	1421040577	Phạm Xuân	Toàn	03/06/1996	6827				
20	1424010598	Trần Thị	Trang	16/03/1996	6828				
21	1321080532	Đinh Đức	Trung	24/04/1995	6829				
22	1424010613	Phạm Hữu	Tuấn	27/07/1996	6830				
23	1421080417	Bùi Đỗ	Tùng	16/11/1994	6831				
24	1321060342	Trần Thanh	Tùng	29/08/1995	6832				
25	1321010420	Phạm Anh	Việt	15/08/1995	6833				
26	1521060194	Đỗ Ngọc	Xuân	01/04/1997	6834				
27	1424010634	Nguyễn Thị	Xuân	12/01/1996	6835				
28	1321080546	Nguyễn Thị	Xuyên	28/08/1995	6836				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4110114 Nhóm: N02 Tổ thi: T001 Tên HP: Môi trường và phát triển bền vững

Ngày thi: **04/08/2017**Phòng thi: **HNAB501**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321050402	Phạm Duy	An	10/02/1993	6837				
2	1421030245	Lê Đức	Anh	29/04/1996	6838				
3	1321070406	Lê Tuấn	Anh	01/03/1994	6839				
4	1321060012	Nguyễn Tuấn	Anh	24/02/1994	6840				
5	1321040015	Đỗ Xuân	Bách	24/09/1995	6841				
6	1321080408	Đỗ Văn	Cành	20/06/1994	6842				
7	1321050027	Đỗ Văn	Chuyên	31/10/1995	6843				
8	1321040032	Phạm Đức	Cương	24/12/1995	6844				
9	1321080010	Đặng Hồng	Cường	29/08/1989	6845				
10	1321030467	Vũ Mạnh	Cường	14/09/1995	6846				
11	1321010092	Cao Đức	Đại	20/01/1995	6847				
12	1421030313	Vũ Hữu	Đạt	28/01/1995	6848				
13	1321050057	Phạm Văn	Điệp	20/07/1995	6849				
14	1321040339	Nguyễn Việt	Dũng	04/05/1995	6850				
15	1321010078	Vũ Duy	Dũng	02/09/1995	6851				
16	1321020503	Hoàng Văn	Được	11/06/1995	6852				
17	1321020058	Trần Khánh	Dương	06/11/1995	6853				
18	1321020084	Bùi Thanh	Hải	23/11/1993	6854				
19	1321070062	Nguyễn Mạnh	Hải	15/05/1995	6855				
20	1321020088	Trần Hoàng	Hải	04/12/1994	6856				
21	1524010070	Nguyễn Hoàng	Hiệp	04/11/1997	6857				
22	1321040101	Nguyễn Duy	Hòa	09/08/1995	6858				
23	1321030592	Phạm Hữu	Hoàn	20/01/1991	6859				
24	1321020108	Vũ Ngọc	Hoàng	14/06/1995	6860				
25	1321080036	Vũ Bích	Hồng	07/05/1995	6861				
26	1321020121	Hà Văn	Hung	27/11/1995	6862				
27	1321020116	Hoàng Văn	Huy	13/08/1995	6863				
28	1421080264	Nguyễn Nhật	Linh	10/04/1996	6864				
29	1321020138	Nguyễn Thùy	Linh	25/10/1995	6865				
30	1321040164	Phạm Văn	Lộc	13/06/1994	6866				
31	1321050630	Phạm Thị Lưu	Ly	29/03/1995	6867				
32	1321040173	Vũ Đức	Mạnh	01/08/1995	6868				
33	1321010227	Vũ Xuân	Mạnh	13/01/1995	6869				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4110114 Nhóm: N02 Tổ thi: T002 Tên HP: Môi trường và phát triển bền vững

Ngày thi: **04/08/2017**Phòng thi: **HNAA405**

Tiết bắt đầu:

3Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321070126	Hoàng Nhật	Minh	22/10/1995	6870				
2	1321030723	Phạm Xuân	Minh	09/05/1994	6871				
3	1321030157	Phạm Hồng	Nam	28/05/1991	6872				
4	1321060570	Vương Hải	Nam	05/02/1995	6873				
5	1421010226	Cần Văn	Nguyên	21/03/1996	6874				
6	1321010254	Nguyễn Thị	Nhài	31/01/1995	6875				
7	1321030758	Lê Xuân	Nhật	01/12/1993	6876				
8	1321060215	Nguyễn Văn	Phú	07/02/1995	6877				
9	1321060216	Đặng Đình	Phúc	28/03/1995	6878				
10	1321060217	Đinh Xuân	Phúc	02/01/1995	6879				
11	1321060228	Trần Văn	Quân	17/06/1995	6880				
12	1321060248	Vũ Tiến	Sỹ	15/08/1994	6881				
13	1321040261	Đặng Vũ	Thắng	07/04/1994	6882				
14	1321010333	Ngô Văn	Thắng	05/07/1994	6883				
15	1321060289	Vũ Minh	Thắng	24/12/1995	6884				
16	1421030175	Nguyễn Ngọc	Thanh	26/02/1995	6885				
17	1321040253	Đào Trọng	Thành	03/10/1995	6886				
18	1321060271	Phạm Xuân	Thành	23/05/1994	6887				
19	1221040237	Trần Kim	Thành	22/06/1994	6888				
20	1421020583	Ngô Gia	Thế	30/08/1996	6889				
21	1521040132	Hoàng Văn	Thiện	02/04/1997	6890				
22	1321060300	Vũ Văn	Thuận	23/10/1994	6891				
23	1321060629	Nguyễn Văn	Thủy	25/08/1995	6892				
24	1321060307	Đặng Ngọc	Tiến	06/12/1995	6893				
25	1421030207	Lê Văn	Toàn	15/11/1996	6894				
26	1321070194	Trần Trung	Toàn	01/10/1992	6895				
27	1321020230	Nguyễn Thị Thảo	Trang	27/05/1995	6896				
28	1321010380	Phạm Văn	Trung	28/10/1995	6897				
29	1421030219	Hoàng Văn	Tuấn	23/06/1996	6898				
30	1321010403	Hoàng	Tùng	02/02/1995	6899				
31	1321030261	Hoàng Mạnh	Tùng	19/10/1994	6900				
32	1321010406	Nguyễn Mạnh	Tùng	15/03/1995	6901				
33	1321070209	Nguyễn Đức	Tường	21/04/1995	6902				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4110236 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Môi trường và con người

Ngày thi: **02/08/2017**Phòng thi: **HNAD201**

Tiết bắt đầu:

6Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421050248	Trần Xuân	ái	16/11/1996	6903				
2	1321060002	Trần Văn	An	27/02/1995	6904				
3	1421010003	Trần Văn	An	02/09/1996	6905				
4	1321080401	Bùi Thị Trang	Anh	04/12/1995	6906				
5	1421030002	Đỗ Thị Lan	Anh	10/07/1996	6907				
6	1421010392D	Dùng Thế	Anh	04/08/1995	6908				
7	1421070002	Hồ Công	Anh	16/07/1996	6909				
8	1421030245	Lê Đức	Anh	29/04/1996	6910				
9	1321050409	Lê Tuấn	Anh	16/10/1995	6911				
10	1321070406	Lê Tuấn	Anh	01/03/1994	6912				
11	1621030052	Lý Minh	Anh	02/05/1998	6913				
12	1524010106	Nguyễn Thị Phương	Anh	11/09/1997	6914				
13	1321060012	Nguyễn Tuấn	Anh	24/02/1994	6915				
14	1321030008	Phạm Việt	Anh	10/08/1995	6916				
15	1321030416	Phương Tuấn	Anh	30/10/1995	6917				
16	1321060021	Nguyễn Thái	Bảo	06/06/1994	6918				
17	1321050427	Đường Văn	Bình	30/04/1995	6919				
18	1321070417	Lê Văn	Bình	13/08/1995	6920				
19	1321060024	Nguyễn Thái	Bình	04/08/1995	6921				
20	1321030437	Phạm Quang	Bình	28/02/1995	6922				
21	1421060025	Phạm Văn	Cảnh	22/01/1996	6923				
22	1321020436	Lê Xuân	Chiến	03/02/1995	6924				
23	1421030013	Nguyễn	Chiến	02/05/1995	6925				
24	1421030017	Nguyễn Văn	Chinh	03/10/1996	6926				
25	1421080156	Bùi Đức	Chính	31/10/1996	6927				
26	1321050026	Phạm Văn	Chung	30/09/1995	6928				
27	1321030023	Đàm Như	Cương	12/01/1995	6929				
28	1321070026	Nguyễn Văn	Cương	19/09/1995	6930				
29	1321070028	Hoàng Trọng	Cường	08/09/1990	6931				
30	1321060042	Lương Minh	Cường	30/06/1995	6932				
31	1321080412	Nguyễn Đình	Cường	25/09/1995	6933				
32	1321050038	Vũ Mạnh	Cường	29/02/1995	6934				
33	1321040040	Vũ Văn	Cường	25/09/1995	6935				
34	1321010094	Lê Chu Hoàng	Đại	09/08/1995	6936				
35	1321010096	Nguyễn Thế	Đàn	26/02/1995	6937				
36	1321040063	Phạm Quốc	Đạt	27/05/1995	6938				
37	1221050029	Phạm Tiến	Đạt	20/10/1993	6939				
38	1321070462	Tạ Minh	Đạt	05/02/1995	6940				
39	1321020039	Phạm Quý	Dậu	22/09/1993	6941				
40	1321080013	Phạm Thị	Diễm	04/10/1995	6942				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4110236 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Môi trường và con người

Ngày thi: **02/08/2017**Phòng thi: **HNAD201**

Tiết bắt đầu:

6Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1321010111	Phạm Văn	Đông	30/09/1995	6943				
42	1321020494	Nguyễn Văn	Đông	07/06/1994	6944				
43	1321060045	Hoàng Duy	Duẩn	24/07/1993	6945				
44	1321060080	Đinh Bảo	Đức	14/11/1995	6946				
45	1321020074	Hoàng Văn	Đức	29/09/1995	6947				
46	1321010118	Trần Văn	Đức	06/09/1995	6948				
47	1321050457	Phạm Thị	Dung	21/02/1994	6949				
48	1524010385	Trần Thị Quỳnh	Dung	30/11/1997	6950				
49	1421080015	Nguyễn Đức	Dũng	24/09/1996	6951				
50	1321080418	Nguyễn Hoàng	Dũng	05/09/1994	6952				
51	1321040048	Nguyễn Văn	Dũng	16/03/1995	6953				
52	1321040339	Nguyễn Việt	Dũng	04/05/1995	6954				
53	1321060054	Nguyễn Việt	Dũng	22/01/1995	6955				
54	1421080172	Phạm Tiến	Dũng	16/01/1996	6956				
55	1321020046	Phạm Văn	Dũng	13/08/1995	6957				
56	1321060445	Phan Quốc	Dũng	10/10/1995	6958				
57	1421080173	Phan Tiến	Dũng	14/11/1996	6959				
58	1321040049	Phùng Văn	Dũng	25/09/1995	6960				
59	1321050051	Vũ Bảo	Dương	15/09/1995	6961				
60	1321030038	Vũ Đình	Dương	17/01/1995	6962				
61	1421040056	Nguyễn Mạnh	Duy	17/02/1996	6963				
62	1321020053	Phạm Ngọc	Duy	21/11/1995	6964				
63	1321060093	Lương Ngọc	Giang	22/03/1995	6965				
64	1321030529	Đào Đức	Hà	03/01/1994	6966				
65	1321080022	Đỗ Thị	Hải	01/09/1995	6967				
66	1321080437	Hoàng Thị	Hân	26/08/1994	6968				
67	1321010144	Phạm Thị	Hằng	30/09/1995	6969				
68	1524010410	Tạ Thị	Hằng	26/08/1997	6970				
69	1421060094	Nguyễn Đức	Hanh	26/04/1996	6971				
70	1321060110	Đỗ Ngọc	Hiên	22/03/1995	6972				
71	1321011032	Hoàng Văn	Hiển	18/02/1995	6973				
72	1421030348	Bùi Quang	Hiệp	11/09/1996	6974				
73	1321060114	Ngô Văn	Hiệp	12/05/1995	6975				
74	1321060119	Đỗ Hữu Mạnh	Hiếu	26/04/1995	6976				
75	1421060100	Dương Trung	Hiếu	27/05/1995	6977				
76	1421020062	Nguyễn Đình	Hiếu	26/05/1996	6978				
77	1424010054	Đỗ Thị	Hòa	20/09/1996	6979				
78	1321060491	Lê Văn	Hòa	16/11/1995	6980				
79	1321030081	Lê Việt	Hòa	06/11/1995	6981				
80	1321030588	Trần Thị	Hoài	02/06/1995	6982				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4110236 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Môi trường và con người

Ngày thi: **02/08/2017**Phòng thi: **HNAD201**

Tiết bắt đầu:

6Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1321030592	Phạm Hữu	Hoàn	20/01/1991	6983				
82	1524010114	Vũ Quý	Hoàn	09/03/1997	6984				
83	1321060499	Hồ Văn	Hoàng	08/03/1995	6985				
84	1321020108	Vũ Ngọc	Hoàng	14/06/1995	6986				
85	1321060504	Nguyễn Văn	Hợp	12/11/1995	6987				
86	1321060131	Nguyễn Thị	Huệ	20/06/1995	6988				
87	1321070092	Lê Quang	Hưng	02/12/1995	6989				
88	1221050190	Bùi Thị	Hương	05/08/1994	6990				
89	1524010262	Bùi Thị Mai	Hương	12/10/1997	6991				
90	1424010078	Khúc Thị Thanh	Hương	19/10/1996	6992				
91	1424010081	Nguyễn Thị	Hương	24/04/1996	6993				
92	1424010084	Tô Thị	Hương	28/01/1996	6994				
93	1524010608	Vũ Thị Thanh	Hương	07/09/1997	6995				
94	1321010174	Đoàn Văn	Huy	26/08/1995	6996				
95	1321020116	Hoàng Văn	Huy	13/08/1995	6997				
96	1421080237	Nguyễn Quang	Huy	01/07/1996	6998				
97	1421060133	Nguyễn Văn	Huy	10/03/1996	6999				
98	1424010069	Nguyễn Thị	Huyền	29/10/1995	7000				
99	1524010449	Nguyễn Thị	Huyền	05/03/1997	7001				
100	1321060150	Ngô Huy	Huỳnh	21/08/1995	7002				
101	1421040152	Nguyễn Nam	Khánh	30/07/1995	7003				
102	1421060461	Nguyễn Văn	Khánh	06/12/1995	7004				
103	1321050107	Lê Minh	Khôi	18/04/1995	7005				
104	1321080048	Vũ Ngọc	Khôi	12/10/1995	7006				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4110236 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Môi trường và con người

Ngày thi: **02/08/2017**Phòng thi: **HNAD101**

Tiết bắt đầu:

6Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421030415	Mai Trung	Kiên	28/11/1996	7007				
2	1321080465	Nguyễn Thị	Lan	01/09/1995	7008				
3	1321010210	Đỗ Thị Thùy	Linh	07/01/1995	7009				
4	1424010414	Hoàng Hà	Linh	10/07/1996	7010				
5	1321030124	Nguyễn Trọng	Linh	27/12/1994	7011				
6	1421080270	Trần Tú	Linh	03/06/1996	7012				
7	1321030136	Bùi Quang	Luật	27/08/1995	7013				
8	1421010190	Lê Văn	Lực	09/05/1996	7014				
9	1321070117	Nguyễn Ngọc	Mai	28/06/1995	7015				
10	1421040182	Phương Tiến	Mạnh	30/10/1996	7016				
11	1321060187	Nguyễn Văn	Minh	20/02/1995	7017				
12	1421030133	Nguyễn Văn	Mong	14/03/1995	7018				
13	1524010099	Nguyễn Trà	My	24/12/1997	7019				
14	1421080433	Dương Hoàng	Nam	31/08/1996	7020				
15	1321030731	Lê Văn	Nam	27/10/1994	7021				
16	1321020155	Nguyễn Giang	Nam	12/05/1995	7022				
17	1621060296	Nguyễn Thế	Nam	12/09/1998	7023				
18	1321040184	Phạm Duy	Nam	14/08/1995	7024				
19	1321080063	Đỗ Thị	Nga	21/08/1994	7025				
20	1321050642	Nguyễn Thị	Ngát	09/08/1995	7026				
21	1321080065	Phạm Trọng	Nghĩa	15/02/1995	7027				
22	1524010615	Phạm Thị Bảo	Ngọc	24/07/1997	7028				
23	1321080069	Vũ Thị	Ngọc	10/04/1995	7029				
24	1421010226	Cần Văn	Nguyên	21/03/1996	7030				
25	1421010229	Bùi Thị	Nhài	14/03/1996	7031				
26	1321070612	Trần Văn	Nhật	14/03/1995	7032				
27	1524010198	Đặng Tuyết	Nhung	29/05/1997	7033				
28	1424010481	Nguyễn Thị	Nhung	21/09/1996	7034				
29	1321040544	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	03/06/1995	7035				
30	1321070613	Phạm Thị	Nhung	20/08/1995	7036				
31	1621070803	Olonumen	Olonbayar	13/02/1998	7037				
32	1421030151	Lê Minh	Phong	30/10/1996	7038				
33	1521040060	Trần Đăng	Phong	07/11/1997	7039				
34	1421080319	Vũ	Phong	20/04/1996	7040				
35	1321060214	Nguyễn Văn	Phú	16/01/1995	7041				
36	1321050158	Mai Đức	Phúc	01/06/1995	7042				
37	1321020671	Trần Văn	Phúc	04/11/1994	7043				
38	1521080010	Hoàng Thị Thu	Phương	28/06/1996	7044				
39	1421040001L	Tiphathai	POMMALA	01/03/1993	7045				
40	1421010265	Lê Duy	Quân	25/06/1996	7046				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4110236 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Môi trường và con người

Ngày thi: **02/08/2017**Phòng thi: **HNAD101**

Tiết bắt đầu:

6Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1321020683	Lê Hữu	Quân	22/11/1995	7047				
42	1321060222	Nguyễn Huy	Quang	04/11/1994	7048				
43	1321060224	Phạm Duy	Quang	12/06/1994	7049				
44	1321060225	Phạm Ngọc	Quang	11/01/1995	7050				
45	1321060231	Cao Văn	Quý	01/07/1995	7051				
46	1321060233	Đoàn Ngọc	Quyền	04/01/1994	7052				
47	1321060587	Lê Vinh	Quyền	16/06/1995	7053				
48	1321060235	Nguyễn Văn	Quyết	20/11/1995	7054				
49	1321060237	Hoàng Văn	Quỳnh	19/12/1995	7055				
50	1321020178	Trần Văn	Quỳnh	07/10/1995	7056				
51	1421080100	Nghiêm Minh	Sang	28/11/1996	7057				
52	1321050684	Lương Thế	Sơn	23/05/1995	7058				
53	1321050888	Phạm Hồng	Sơn	10/10/1995	7059				
54	1321050174	Phạm Minh	Sơn	15/01/1994	7060				
55	1321080507	Đào Thị Thanh	Tâm	27/12/1994	7061				
56	1524010072	Nguyễn Đức	Tấn	20/04/1997	7062				
57	1421030555	Đoàn Xuân	Thắng	08/12/1996	7063				
58	1421070468	Lê Hữu	Thắng	09/08/1995	7064				
59	1424010527	Trần Thị Thanh	Thanh	21/03/1996	7065				
60	1421070463	Nguyễn Văn	Thành	15/02/1996	7066				
61	1421030182	Đoàn Thị	Thảo	15/04/1996	7067				
62	1421030562	Lê Thanh	Thiem	08/07/1996	7068				
63	1321060292	Nguyễn Thuận	Thiên	05/04/1995	7069				
64	1424010185	Nguyễn Thị Phương	Thoa	11/09/1996	7070				
65	1424010542	Phạm Văn	Thoại	21/08/1996	7071				
66	1524010514	Hoàng Hà	Thu	14/01/1995	7072				
67	1321060300	Vũ Văn	Thuận	23/10/1994	7073				
68	1624010458	Nguyễn Minh	Thủy	21/02/1998	7074				
69	1421040279	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	25/07/1996	7075				
70	1321060629	Nguyễn Văn	Thủy	25/08/1995	7076				
71	1321060307	Đặng Ngọc	Tiến	06/12/1995	7077				
72	1321020750	Nguyễn Trần	Tiến	18/10/1994	7078				
73	1421040288	Hà Long	Tin	21/05/1996	7079				
74	1421040577	Phạm Xuân	Toàn	03/06/1996	7080				
75	1321040294	Trương Văn	Toán	25/05/1995	7081				
76	1321070679	Phạm Hải	Triều	06/02/1995	7082				
77	1424010204	Phạm Thị Ngọc	Trình	30/10/1996	7083				
78	1321030909	Nguyễn Minh	Trình	24/12/1995	7084				
79	1421080402	Phạm Huy	Trịnh	16/02/1995	7085				
80	1221020159	Phạm Đức	Trọng	09/09/1994	7086				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4110236 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Môi trường và con người

Ngày thi: **02/08/2017**Phòng thi: **HNAD101**

Tiết bắt đầu:

6Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
81	1321080532	Đinh Đức	Trung	24/04/1995	7087				
82	1321040306	Hoàng Việt	Trung	21/11/1995	7088				
83	1321040309	Phạm Minh	Trung	25/01/1995	7089				
84	1321080535	Nguyễn Kim	Trường	21/01/1993	7090				
85	1521050083	Trần Danh	Trường	23/06/1996	7091				
86	1421030214	Ninh Văn	Trường	09/04/1996	7092				
87	1321030931	Đỗ Đức	Tú	17/02/1995	7093				
88	1421030218	Đào Văn	Tuân	14/02/1995	7094				
89	1321080109	Bế Anh	Tuấn	01/06/1995	7095				
90	1121050328	Đào Anh	Tuấn	10/06/1993	7096				
91	1321030939	Đỗ Thanh	Tuấn	02/06/1995	7097				
92	1321020242	Nguyễn Việt	Tuấn	17/08/1995	7098				
93	1321040320	Trịnh Văn	Tuấn	15/07/1995	7099				
94	1321050779	Vũ Anh	Tuấn	21/08/1995	7100				
95	1421080417	Bùi Đỗ	Tùng	16/11/1994	7101				
96	1321010403	Hoàng	Tùng	02/02/1995	7102				
97	1321030261	Hoàng Mạnh	Tùng	19/10/1994	7103				
98	1421080420	Khuất Việt	Tùng	03/09/1995	7104				
99	1524010134	Hoàng Thị Ngọc	Tuyết	03/08/1997	7105				
100	1321020252	Nguyễn Lương	Viên	09/12/1995	7106				
101	1321030979	Phạm Hoàng	Việt	31/10/1995	7107				
102	1321020809	Nguyễn Thế	Vinh	11/11/1995	7108				
103	1524010053	Lê Huy	Vũ	17/09/1997	7109				
104	1321080546	Nguyễn Thị	Xuyên	28/08/1995	7110				
105	1521080290	Vũ Thị	Yên	14/01/1997	7111				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4300111 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Đường lối quân sự của Đảng

Ngày thi: 05/08/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1624010305	Đinh Thị Lan	Anh	18/03/1998	7112				
2	1621010733	Đoàn Phan Tuấn	Anh	06/09/1998	7113				
3	1621040054	Kiều Việt	Anh	10/02/1998	7114				
4	1121020005	Nguyễn Tuấn	Anh	02/08/1993	7115				
5	1621060657	Trần Hải	Anh	01/01/1998	7116				
6	1321030419	Trần Thế	Anh	19/09/1995	7117				
7	1621020032	Trần Thái	Bảo	01/11/1998	7118				
8	1621070168	Trần Ngọc	Bích	09/12/1998	7119				
9	1624010608	Nguyễn Thị Thanh	Bình	02/09/1998	7120				
10	1421040021	Nguyễn Thanh	Cao	06/01/1996	7121				
11	1421060033	Phùng Văn	Chính	29/11/1996	7122				
12	1321050437	Nguyễn Hữu	Chung	07/08/1989	7123				
13	1321050027	Đỗ Văn	Chuyên	31/10/1995	7124				
14	1421080158	Nguyễn Thị	Cúc	16/08/1996	7125				
15	1621080111	Trương Thị	Cúc	16/04/1998	7126				
16	1221010057	Nguyễn Thế	Cường	16/08/1993	7127				
17	1121070059	Vũ Văn	Cường	19/03/1992	7128				
18	1321060437	Hoàng Trọng	Danh	06/10/1995	7129				
19	1621050729	Đoàn Thành	Đạt	24/12/1998	7130				
20	1621010258	Lê Xuân	Đạt	01/12/1998	7131				
21	1411030015	Nguyễn Thành	Đạt	18/02/1996	7132				
22	1621050721	Phan Tuấn	Đạt	27/08/1998	7133				
23	1621070120	Phí Minh	Điện	13/09/1998	7134				
24	1121070006	Nguyễn Văn	Đồng	10/12/1993	7135				
25	1621070204	Lê Văn	Đức	20/06/1998	7136				
26	1324010452	Nguyễn Minh	Đức	21/01/1995	7137				
27	1621060960	Trần Văn	Đức	05/04/1998	7138				
28	1624010891	Đỗ Thị Thuý	Dung	20/04/1998	7139				
29	1621070024	Lê Việt	Dũng	01/07/1998	7140				
30	1321030487	Hoàng Đại	Dương	29/11/1995	7141				
31	1621060773	Nguyễn Từ Thành	Dương	01/05/1998	7142				
32	1621060239	Nguyễn Khương	Duy	23/10/1998	7143				
33	1621010153	Nguyễn Quang	Duy	01/10/1998	7144				
34	1621050873	Nguyễn Văn	Duy	14/08/1998	7145				
35	1421050331	Tôn Lương Hoàng	Duy	25/07/1996	7146				
36	1321030486	Vũ Đình	Duy	28/11/1995	7147				
37	1621040075	Nguyễn Thị	Giang	03/10/1998	7148				
38	1621030019	Hoàng Văn	Hải	19/07/1998	7149				
39	1621060392	Nguyễn Xuân	Hải	15/01/1998	7150				
40	1221020057	Thái Khắc	Hải	24/01/1993	7151				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4300111 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Đường lối quân sự của Đảng

Ngày thi: 05/08/2017

Phòng thi: HNAD201

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1624010602	Trần Thị	Hằng	01/12/1998	7152				
42	1621080705	Đoàn Thị	Hạnh	13/12/1998	7153				
43	1624010785	Ngô Thị	Hạnh	07/07/1998	7154				
44	1421060095	Lương Văn	Hậu	20/12/1996	7155				
45	1421020347	Đỗ Thị	Hiền	13/01/1996	7156				
46	1621010716	Đỗ Đức	Hiếu	22/03/1998	7157				
47	1621040035	Trương Minh	Hiếu	24/12/1998	7158				
48	1621010265	Nguyễn Doãn	Hòa	23/05/1998	7159				
49	1621070094	Nguyễn Xuân	Hoan	21/05/1997	7160				
50	1221030314	Đào Văn	Hoàn	04/08/1993	7161				
51	1621030004	Nguyễn Huy	Hoàng	18/09/1998	7162				
52	1621050493	Phạm Thị	Hồng	04/02/1998	7163				
53	1621040027	Lê Mạnh	Hùng	19/09/1998	7164				
54	1621040073	Nguyễn Mạnh	Hùng	12/11/1998	7165				
55	1321050097	Bùi Quang	Hưng	26/12/1993	7166				
56	1621050429	Vũ Thị	Hương	20/06/1998	7167				
57	1411050090	Nguyễn Quang	Huy	30/09/1996	7168				
58	1621070704	Đặng Thị Thanh	Huyền	10/11/1998	7169				
59	1621080107	Nguyễn Thị	Huyền	07/02/1998	7170				
60	1624010536	Nguyễn Thị	Huyền	04/11/1998	7171				
61	1624010177	Nguyễn Thị Thu	Huyền	25/03/1998	7172				
62	1221020332	Vũ Xong	Hý	22/04/1994	7173				
63	1621070115	Hoàng Đình	Khải	04/10/1998	7174				
64	1621040062	Lạc Văn	Khánh	26/10/1998	7175				
65	1621010714	Đặng Văn	Khiêm	28/08/1998	7176				
66	1621060077	Mai Ngọc	Kiên	08/01/1998	7177				
67	1621070062	Trần Trung	Kiên	10/10/1998	7178				
68	1621050175	Đào Tương	Lai	01/03/1998	7179				
69	1621010309	Đàm Ngọc	Lâm	16/07/1997	7180				
70	1621050088	Nguyễn Văn	Lâm	18/04/1998	7181				
71	1621030068	Nguyễn Thị Mai	Lan	12/12/1998	7182				
72	1624010298	Phạm Thị	Lan	06/06/1998	7183				
73	1621060202	Mai Ngọc	Linh	02/04/1998	7184				
74	1621080721	Nguyễn Thuý	Linh	19/03/1998	7185				
75	1624010651	Nguyễn Thùy	Linh	17/11/1998	7186				
76	1521030387	Phạm Hoàng	Linh	06/02/1997	7187				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4300111 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Đường lối quân sự của Đảng

Ngày thi: 05/08/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621050335	Nguyễn Tất	Lộc	21/05/1998	7188				
2	1321040524	Dương Mạnh	Luân	13/06/1994	7189				
3	1421070377	Dương Đức	Lượng	05/12/1996	7190				
4	1624010234	Trần Thị Hương	Ly	29/05/1998	7191				
5	1624010161	Vũ Thị Khánh	Ly	02/08/1998	7192				
6	1621070068	Nguyễn Thị Hồng	Mai	14/12/1998	7193				
7	1621050835	Nguyễn Văn	Mẫn	26/10/1998	7194				
8	1421040457	Trần Văn	Mạnh	10/01/1993	7195				
9	1421030457	Đới Công	Minh	10/08/1996	7196				
10	1221060352	Phạm Xuân	Minh	19/05/1994	7197				
11	1321030723	Phạm Xuân	Minh	09/05/1994	7198				
12	1621070726	Vũ Công	Minh	21/06/1998	7199				
13	1421040462	Đỗ Hồng	Nam	30/08/1996	7200				
14	1421060190	Nguyễn Hoài	Nam	16/09/1995	7201				
15	1424010130	Nguyễn Thị Thanh	Nga	07/01/1995	7202				
16	1621010092	Hoàng Gia	Nghị	03/02/1998	7203				
17	1521080061	Đỗ Tuấn	Nghĩa	27/03/1994	7204				
18	1621080717	Đặng Thị Bích	Ngọc	13/03/1998	7205				
19	1421060197	Bùi Hữu	Nguyên	19/01/1996	7206				
20	1621050311	Đào Văn	Nhà	06/03/1998	7207				
21	1624010412	Nguyễn Thị	Nhạn	07/01/1998	7208				
22	1624010370	Nguyễn Thị	Nhật	02/02/1999	7209				
23	1624010525	Đỗ Thị	Nhung	09/11/1998	7210				
24	1621010360	Từ Thị Hồng	Nhung	18/07/1998	7211				
25	1624010723	Hoàng Kim	Oanh	07/10/1998	7212				
26	1321070615	Lương Tuấn	Phi	29/05/1995	7213				
27	1321050156	Đặng Bá	Phú	06/03/1995	7214				
28	1624010690	Bùi Thị Thu	Phương	18/04/1998	7215				
29	1624010422	Đặng Lan	Phương	02/10/1998	7216				
30	1624010850	Nguyễn Thị	Phương	16/05/1998	7217				
31	0921060041	Nguyễn Việt	Phương	05/10/1990	7218				
32	1621050356	Tổng Hữu	Quân	07/05/1998	7219				
33	1621070197	Trần Minh	Quân	18/09/1998	7220				
34	1321040215	Bùi Nhật	Quang	19/08/1995	7221				
35	1321030799	Trần Đình	Quý	25/02/1995	7222				
36	1211030130	Trần Văn	Quý	13/10/1991	7223				
37	1421050559	Nguyễn Thị	Quyên	05/02/1994	7224				
38	1621060076	Đặng Chí	Sơn	20/02/1998	7225				
39	1221030397	Đậu Ngọc	Sơn	09/08/1994	7226				
40	1611060026	Đỗ Minh	Sỹ	01/02/1998	7227				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4300111 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Đường lối quân sự của Đảng

Ngày thi: 05/08/2017

Phòng thi: HNAD101

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621010171	Phạm Ngọc	Tài	05/11/1998	7228				
42	1421030537	Nguyễn Thị	Tâm	14/03/1996	7229				
43	1421060561	Nguyễn Trọng	Tân	03/04/1996	7230				
44	1621070091	Nguyễn Minh	Thắng	29/01/1998	7231				
45	1621050879	Trần Mạnh	Thắng	27/09/1998	7232				
46	1621070040	Lê Gia	Thanh	25/02/1996	7233				
47	1621010715	Nguyễn Văn	Thành	07/12/1998	7234				
48	1621050109	Phạm Phương	Thảo	30/10/1998	7235				
49	1621040716	Cao Sỹ	Thiện	23/09/1998	7236				
50	1621050566	Nguyễn Hữu	Thịnh	22/06/1998	7237				
51	1621060961	Tăng Văn	Thịnh	08/09/1998	7238				
52	1624010570	Hoàng Thị Diệu	Thu	18/08/1998	7239				
53	1624010629	Nguyễn Thị	Thư	12/03/1998	7240				
54	1621060460	Trần Ngọc	Thuận	18/09/1998	7241				
55	1221020152	Phan Văn	Thường	27/11/1994	7242				
56	1621060032	Nguyễn Thanh	Thùy	19/03/1998	7243				
57	1624010365	Lê Thị	Thủy	18/10/1998	7244				
58	1421050633	Nguyễn Thị Ngọc	Thủy	18/11/1996	7245				
59	1621030231	Nguyễn Thị	Trâm	11/08/1998	7246				
60	1624010113	Đỗ Huyền	Trang	20/11/1998	7247				
61	1424010196	Nguyễn Thị Hà	Trang	01/06/1996	7248				
62	1621050232	Nguyễn Thu	Trang	28/05/1998	7249				
63	1624010337	Phạm Thị Kiều	Trang	26/09/1998	7250				
64	1624010346	Trương Thị	Trang	28/10/1998	7251				
65	1421080115	Nguyễn Tiến	Trọng	20/02/1994	7252				
66	1421030586	Nguyễn Văn	Trọng	05/09/1995	7253				
67	1621050776	Từ Bá	Trọng	13/06/1998	7254				
68	1421020628	Vũ Văn	Trọng	15/12/1996	7255				
69	1321020770	Nguyễn Thành	Trung	13/03/1994	7256				
70	1621030214	Lê Ngọc	Tú	28/06/1998	7257				
71	1624010211	Phạm Văn	Tú	06/11/1998	7258				
72	1621070117	Lê Kim	Tuấn	18/07/1998	7259				
73	1621050544	Trịnh Duy	Tùng	01/11/1998	7260				
74	1121060317	Trịnh Duy	Tuyên	25/09/1993	7261				
75	1421060644	Đỗ Trung	Việt	17/12/1996	7262				
76	1621050225	Nguyễn Quang	Việt	23/10/1998	7263				
77	1621060024	Bì Quốc	Vương	23/08/1997	7264				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4300112 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Công tác quốc phòng - an ninh

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAD401

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1624010963	Đặng Thu	Anh	24/01/1998	7265				
2	1624010305	Đinh Thị Lan	Anh	18/03/1998	7266				
3	1621040054	Kiều Việt	Anh	10/02/1998	7267				
4	1621060633	Nguyễn Tuấn	Anh	23/11/1998	7268				
5	1411040004	Phạm Tuấn	Anh	09/02/1996	7269				
6	1624010878	Trần Thị Kim	Anh	25/11/1998	7270				
7	1321030420	Trần Tuấn	Anh	29/10/1995	7271				
8	1621070702	Trịnh Đức	Anh	13/03/1998	7272				
9	1521020030	Vũ Hoài	Anh	23/10/1997	7273				
10	1424010013	Vũ Việt	Anh	18/02/1996	7274				
11	1621020032	Trần Thái	Bảo	01/11/1998	7275				
12	1621070168	Trần Ngọc	Bích	09/12/1998	7276				
13	1624010608	Nguyễn Thị Thanh	Bình	02/09/1998	7277				
14	1621050422	Phạm Tiến	Cánh	20/03/1998	7278				
15	1521020357	Chu Thị Thùy	Châm	24/04/1997	7279				
16	1621040039	Nguyễn Đình	Chí	01/04/1998	7280				
17	1621010011	Hoàng Văn	Cư	01/07/1998	7281				
18	1621080111	Trương Thị	Cúc	16/04/1998	7282				
19	1324010432	Bùi Đức	Cường	02/06/1995	7283				
20	1221010057	Nguyễn Thế	Cường	16/08/1993	7284				
21	1121070059	Vũ Văn	Cường	19/03/1992	7285				
22	1421010074	Lê Quang	Đại	10/12/1996	7286				
23	1421040067	Phạm Tiến	Đạt	08/09/1996	7287				
24	1621050721	Phan Tuấn	Đạt	27/08/1998	7288				
25	1421060381	Phùng Tiến	Đạt	03/11/1996	7289				
26	1621050315	Đỗ Văn	Đông	07/08/1998	7290				
27	1421030317	Bùi Anh	Đức	12/09/1995	7291				
28	1621070730	Đinh Xuân	Đức	05/08/1998	7292				
29	1624010296	Hà Minh	Đức	07/12/1998	7293				
30	1621060960	Trần Văn	Đức	05/04/1998	7294				
31	1624010074	Vũ Minh	Đức	28/06/1998	7295				
32	1221080097	Lưu Thế	Dũng	16/10/1992	7296				
33	1424010274	Luyên Ngọc	Dương	03/10/1994	7297				
34	1321030483	Nguyễn Đức	Duy	27/05/1995	7298				
35	1621010153	Nguyễn Quang	Duy	01/10/1998	7299				
36	1621050873	Nguyễn Văn	Duy	14/08/1998	7300				
37	1421050331	Tôn Lương Hoàng	Duy	25/07/1996	7301				
38	1621040075	Nguyễn Thị	Giang	03/10/1998	7302				
39	1624010633	Bùi Thị	Hà	06/08/1998	7303				
40	1621050106	Bùi Văn	Hà	04/11/1998	7304				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4300112 Nhóm: N01 Tổ thi: T001 Tên HP: Công tác quốc phòng - an ninh

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAD401

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621060195	Ngô Quang	Hải	12/02/1998	7305				
42	1621060392	Nguyễn Xuân	Hải	15/01/1998	7306				
43	1221020057	Thái Khắc	Hải	24/01/1993	7307				
44	1624010602	Trần Thị	Hằng	01/12/1998	7308				
45	1321030554	Lưu Công	Hạnh	08/10/1995	7309				
46	1621060675	Trương Việt	Hào	30/10/1998	7310				
47	1221020060	Nguyễn Việt	Hiệp	27/02/1994	7311				
48	1621070041	Hoàng Mạnh	Hiếu	04/09/1998	7312				
49	1421040109	Lê Khánh	Hiếu	07/06/1996	7313				
50	1621010374	Trịnh Minh	Hiếu	24/08/1998	7314				
51	1621040035	Trương Minh	Hiếu	24/12/1998	7315				
52	1621010265	Nguyễn Doãn	Hòa	23/05/1998	7316				
53	1221030314	Đào Văn	Hoàn	04/08/1993	7317				
54	1621050404	Lê Việt	Hoàng	27/12/1998	7318				
55	1621050386	Lê Thạc	Học	01/01/1998	7319				
56	1411060076	Nguyễn Đăng	Hùng	06/10/1996	7320				
57	1624010392	Nguyễn Thế	Hùng	12/10/1997	7321				
58	1621010711	Phạm Sĩ	Hùng	12/10/1998	7322				
59	1321020579	Vũ Văn	Hưng	18/03/1995	7323				
60	1424010080	Lương Thị	Hương	04/10/1996	7324				
61	1624010391	Nguyễn Thị	Hương	31/10/1998	7325				
62	1321060147	Trần Đức	Huy	20/07/1995	7326				
63	1621050795	Mai Thị	Huyền	29/12/1998	7327				
64	1621050217	Trịnh Thị Thanh	Huyền	27/08/1998	7328				
65	1221020332	Vũ Xong	Hý	22/04/1994	7329				
66	1624010249	Đàm Hoàng	Khải	20/02/1998	7330				
67	1621070115	Hoàng Đình	Khải	04/10/1998	7331				
68	1621040062	Lạc Văn	Khánh	26/10/1998	7332				
69	1621010714	Đặng Văn	Khiêm	28/08/1998	7333				
70	1621060426	Nguyễn Hữu	Khoa	01/10/1998	7334				
71	1621050206	Bùi Minh	Khuê	10/11/1998	7335				
72	1621060077	Mai Ngọc	Kiên	08/01/1998	7336				
73	1621050088	Nguyễn Văn	Lâm	18/04/1998	7337				
74	1621050094	Hồ Thị Bích	Lệ	18/06/1998	7338				
75	1314010114	Đoàn Ngọc	Linh	13/09/1995	7339				
76	1421050477	Lê Doãn	Linh	04/11/1996	7340				
77	1621060202	Mai Ngọc	Linh	02/04/1998	7341				
78	1624010941	Ngô Thị Khánh	Linh	02/09/1998	7342				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4300112 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Công tác quốc phòng - an ninh

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAD301

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1624010651	Nguyễn Thùy	Linh	17/11/1998	7343				
2	1421080270	Trần Tú	Linh	03/06/1996	7344				
3	1621050335	Nguyễn Tất	Lọc	21/05/1998	7345				
4	1421060477	Bùi Ngọc	Long	17/03/1996	7346				
5	1421040168	Nguyễn Hoàng	Long	11/10/1996	7347				
6	1621060096	Nguyễn Thành	Luân	25/11/1998	7348				
7	1421070377	Dương Đức	Lượng	05/12/1996	7349				
8	1621050091	Vũ Đức	Lượng	06/02/1998	7350				
9	1624010234	Trần Thị Hương	Ly	29/05/1998	7351				
10	1421070078	Ngô Văn	Lý	12/09/1996	7352				
11	1421040182	Phương Tiến	Mạnh	30/10/1996	7353				
12	1624010417	Phạm Thị	Mên	19/08/1998	7354				
13	1421030457	Đới Công	Minh	10/08/1996	7355				
14	1621060155	Nguyễn Thanh	Minh	24/02/1998	7356				
15	1321020149	Phạm Nguyên	Minh	25/06/1995	7357				
16	1321030723	Phạm Xuân	Minh	09/05/1994	7358				
17	1421040462	Đỗ Hồng	Nam	30/08/1996	7359				
18	1621050378	Hoàng Phương	Nam	22/06/1998	7360				
19	1621060074	Vũ Tú	Nam	09/01/1998	7361				
20	1621060156	Vũ Văn	Nam	18/03/1998	7362				
21	1321060570	Vương Hải	Nam	05/02/1995	7363				
22	1621050825	Nguyễn Tuấn	Ngọc	10/07/1998	7364				
23	1421060197	Bùi Hữu	Nguyên	19/01/1996	7365				
24	1621050311	Đào Văn	Nhạ	06/03/1998	7366				
25	1621010310	Lê Văn	Nhân	15/10/1998	7367				
26	1624010370	Nguyễn Thị	Nhật	02/02/1999	7368				
27	1621010360	Từ Thị Hồng	Nhung	18/07/1998	7369				
28	1624010257	Vũ Cẩm	Nhung	27/09/1998	7370				
29	1321070615	Lương Tuấn	Phi	29/05/1995	7371				
30	1321030774	Bùi Nam	Phong	28/05/1995	7372				
31	1421080319	Vũ	Phong	20/04/1996	7373				
32	1321030778	Phạm Gia	Phú	04/11/1995	7374				
33	1624010690	Bùi Thị Thu	Phương	18/04/1998	7375				
34	0921060041	Nguyễn Việt	Phương	05/10/1990	7376				
35	1621011022	Đỗ Anh	Quốc	01/11/1998	7377				
36	1321020176	Lưu Xuân	Quý	12/09/1993	7378				
37	1321030799	Trần Đình	Quý	25/02/1995	7379				
38	1621060780	Nguyễn Thái	Quyền	17/10/1998	7380				
39	1421030521	Lê Văn	Sao	30/10/1995	7381				
40	1621050169	Trịnh Thị	Sen	24/04/1998	7382				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (HN)

NĂM HỌC 2016 - 2017

Mã học phần: 4300112 Nhóm: N01 Tổ thi: T002 Tên HP: Công tác quốc phòng - an ninh

Ngày thi: 31/07/2017

Phòng thi: HNAD301

Tiết bắt đầu:

6

Số tiết: 2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621010722	Nguyễn Hải	Son	25/12/1998	7383				
42	1421020548	Trần Thanh	Son	17/10/1996	7384				
43	1621050880	Nguyễn Đình	Tân	27/08/1998	7385				
44	1621050196	Vũ Tiến	Tân	02/11/1998	7386				
45	1621050310	Nguyễn Tất	Tạo	16/07/1998	7387				
46	1621061025	Nguyễn Văn	Thắm	27/09/1998	7388				
47	1411030055	Nguyễn Đình	Thanh	18/09/1996	7389				
48	1621060236	Nguyễn Văn	Thanh	31/07/1998	7390				
49	1621040716	Cao Sỹ	Thiện	23/09/1998	7391				
50	1321020209	Trương Thị Tuyết	Thu	02/11/1994	7392				
51	1624010629	Nguyễn Thị	Thư	12/03/1998	7393				
52	1621060032	Nguyễn Thanh	Thùy	19/03/1998	7394				
53	1421040284	Nguyễn Bá	Tiến	08/03/1995	7395				
54	1421050206	Nguyễn Thế	Tiến	02/03/1996	7396				
55	0921010376	Phạm Thế	Trang	09/02/1991	7397				
56	1624010337	Phạm Thị Kiều	Trang	26/09/1998	7398				
57	1621050776	Từ Bá	Trọng	13/06/1998	7399				
58	1411020041	Bùi Quang	Trung	15/06/1995	7400				
59	1421070131	Nguyễn Văn	Trưởng	13/07/1996	7401				
60	1621070117	Lê Kim	Tuấn	18/07/1998	7402				
61	1424010613	Phạm Hữu	Tuấn	27/07/1996	7403				
62	1321030256	Trần Quang	Tuấn	13/11/1995	7404				
63	1121050123	Vũ Khắc	Tuệ	28/02/1992	7405				
64	1221070168	Đỗ Thanh	Tùng	06/03/1994	7406				
65	1421080419	Hoàng	Tùng	24/11/1996	7407				
66	1621010086	Ngô Xuân	Tùng	13/10/1998	7408				
67	1421040332	Nguyễn Chí	Tùng	19/01/1994	7409				
68	1321020796	Nguyễn Thanh	Tùng	03/02/1995	7410				
69	1521030030	Phạm Thanh	Tùng	31/05/1995	7411				
70	1621050544	Trịnh Duy	Tùng	01/11/1998	7412				
71	1121060317	Trịnh Duy	Tuyên	25/09/1993	7413				
72	1321020805	Bùi Quốc	Văn	12/04/1993	7414				
73	1621060861	Nguyễn Anh	Văn	09/07/1998	7415				
74	1421060644	Đỗ Trung	Việt	17/12/1996	7416				
75	1621050225	Nguyễn Quang	Việt	23/10/1998	7417				
76	1621050382	Nguyễn Xuân	Vinh	25/12/1998	7418				
77	1621050118	Nguyễn Thế	Vương	03/08/1998	7419				
78	1311040146	Lê Văn	Vượng	14/10/1995	7420				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số bài:

Tổng số tờ:

Lưu ý: C = cấm thi; C1 = cấm thi lần 1 (học phí)